

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **297**/QLCL-KTĐGGD

Hà Nội, ngày **27** tháng **02** năm 2026

V/v cung cấp thông tin các cơ sở
giáo dục tham gia khảo sát chính thức
Đánh giá diện rộng lớp 5, lớp 9, lớp 11

Kính gửi: Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Quyết định số 3052/QĐ-BGDĐT ngày 22/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch tổng thể tổ chức triển khai Chương trình đánh giá định kỳ quốc gia kết quả học tập của học sinh lớp 5, lớp 9, lớp 11 giai đoạn 2024-2027 (gọi tắt là Đánh giá diện rộng lớp 5, lớp 9, lớp 11).

Dựa trên Danh sách các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn tham gia (theo Phụ lục 1), để chuẩn bị cho khảo sát chính thức Đánh giá diện rộng lớp 5, lớp 9, lớp 11 vào tháng 4/2026, Cục Quản lý chất lượng đề nghị Quý Sở triển khai các nội dung sau:

1. Rà soát thông tin các cơ sở giáo dục được chọn tham gia khảo sát chính thức (theo Phụ lục 1), điều chỉnh tên và địa chỉ trường nếu có thay đổi.

2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục được lựa chọn cung cấp danh sách học sinh đang học (theo Phụ lục 2) và giáo viên (theo Phụ lục 3) lớp 5/lớp 9/lớp 11.

3. Phổ biến thông tin về Chương trình đánh giá định kỳ quốc gia kết quả học tập của học sinh lớp 5, lớp 9, lớp 11 và chỉ đạo các cơ sở giáo dục được lựa chọn tham gia khảo sát chính thức rà soát, có phương án chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ khảo sát theo Công văn số 224/QLCL-KTĐGQG ngày 06/02/2026 của Cục Quản lý chất lượng.

Đề nghị Quý Sở tập hợp đầy đủ biểu mẫu của các cơ sở giáo dục và gửi file tổng hợp về Cục Quản lý chất lượng trước ngày 06/3/2025 qua hòm thư điện tử: danhgiadienrongquocgia@moet.gov.vn.

Nếu cần thêm thông tin, đề nghị liên hệ với Cục Quản lý chất lượng (qua bà Nguyễn Kim Phượng, Trung tâm Khảo thí quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục, điện thoại: 0943.267.795).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTT. Phạm Ngọc Thương (để b/c);
- CT. Huỳnh Văn Chương (để b/c);
- Lưu: VT, KTĐGQG.





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PHỤ LỤC 1A
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC THAM GIA KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ ĐIỆN RỘNG QUỐC GIA KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH
LỚP 5, LỚP 9, LỚP 11

(Kèm theo Công văn số 297/QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
A. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Bắc				
I. Vùng trung du và miền núi phía Bắc				
1. Tuyên Quang (65 trường)				
1	1	Tuyên Quang	Tân An	Trường Tiểu học Hà Lang
2	2	Tuyên Quang	Tri Phú	Trường PTDTBT TH&THCS Linh Phú
3	3	Tuyên Quang	Tân Mỹ	Trường Tiểu học Tân Mỹ
4	4	Tuyên Quang	Chiêm Hóa	Trường Tiểu học Xuân Quang
5	5	Tuyên Quang	Thái Hòa	Trường Tiểu học Đức Ninh
6	6	Tuyên Quang	Bạch Xa	Trường Tiểu học Minh Khương
7	7	Tuyên Quang	Hàm Yên	Trường Tiểu học Tân Yên
8	8	Tuyên Quang	Thái Sơn	Trường Tiểu học Thành Long
9	9	Tuyên Quang	Minh Quang	Trường Tiểu học Minh Quang
10	10	Tuyên Quang	Lâm Bình	Trường PTDTBT TH&THCS Phúc Yên
11	11	Tuyên Quang	Hồng Thái	Trường PTDTBT TH&THCS Hồng Thái
12	12	Tuyên Quang	Nà Hang	Trường Tiểu học thị trấn Nà Hang
13	13	Tuyên Quang	Hồng Sơn	Trường TH&THCS Chi Thiết
14	14	Tuyên Quang	Đông Thọ	Trường Trường Tiểu học Quyết Thắng
15	15	Tuyên Quang	Trường Sinh	Trường TH&THCS Trường Sinh 1
16	16	Tuyên Quang	Sơn Dương	Trường Tiểu học Phúc Ứng
17	17	Tuyên Quang	Tân Trào	Trường Tiểu học Tân Trào
18	18	Tuyên Quang	Sơn Dương	Trường TH&THCS Tú Thịnh
19	19	Tuyên Quang	An Tường	Trường Tiểu học An Tường
20	20	Tuyên Quang	Nông Tiến	Trường Tiểu học Nông Tiến
21	21	Tuyên Quang	Minh Xuân	Trường Tiểu học Ý La
22	22	Tuyên Quang	Yên Sơn	Trường Tiểu học Chân Sơn
23	23	Tuyên Quang	An Tường	Trường Tiểu học Hoàng Khai
24	24	Tuyên Quang	Lục Hành	Trường Tiểu học Lục Hành
25	25	Tuyên Quang	Xuân Vân	Trường Tiểu học Phúc Ninh
26	26	Tuyên Quang	Thái Bình	Trường Tiểu học Tiến Bộ
27	27	Tuyên Quang	Xuân Vân	Trường Tiểu học Quang Trung
28	28	Tuyên Quang	Hà Giang 1	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi
29	29	Tuyên Quang	Bắc Mê	Trường PTDTBT Tiểu học Lạc Nông
30	30	Tuyên Quang	Bắc Quang	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ
31	31	Tuyên Quang	Bạch Ngọc	Trường PTDTBT Tiểu học Bạch Ngọc
32	32	Tuyên Quang	Băng Hành	Trường TH&THCS Băng Hành
33	33	Tuyên Quang	Cán Tỷ	Trường PTDTBT Tiểu học Cán Tỷ
34	34	Tuyên Quang	Đồng Tâm	Trường Tiểu học Cầu Ham
35	35	Tuyên Quang	Đồng Văn	Trường PTDTBT Tiểu học Đồng Văn B
36	36	Tuyên Quang	Du Già	Trường PTDTBT Tiểu học Du Tiên
37	37	Tuyên Quang	Giáp Trung	Trường PTDTBT Tiểu học Giáp Trung
38	38	Tuyên Quang	Hoàng Su Phì	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Luộc
39	39	Tuyên Quang	Khâu Vai	Trường PTDTBT TH&THCS Lũng Pù
40	40	Tuyên Quang	Lao Chải	Trường PTDTBT TH&THCS Lao Chải
41	41	Tuyên Quang	Linh Hồ	Trường Tiểu học A Ngọc Linh
42	42	Tuyên Quang	Lũng Cú	Trường PTDTBT Tiểu học Lũng Cú

hand

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
43	43	Tuyên Quang	Lùng Tám	Trường PTDTBT Tiểu học Lùng Tám
44	44	Tuyên Quang	Mèo Vạc	Trường PTDTBT Tiểu học Tả Lùng
45	45	Tuyên Quang	Minh Ngọc	Trường Tiểu học Minh Ngọc
46	46	Tuyên Quang	Nám Dần	Trường PTDTBT Tiểu học Nám Dần
47	47	Tuyên Quang	Xã Ngọc Đường	Trường Tiểu học Ngọc Đường
48	48	Tuyên Quang	Pà Vây Sủ	Trường PTDTBT Tiểu học Bản Ngò
49	49	Tuyên Quang	Phú Linh	Trường TH&THCS Kim Thạch
50	50	Tuyên Quang	Quản Bạ	Trường Tiểu học Tam Sơn
51	51	Tuyên Quang	Quảng Nguyên	Trường PTDTBT Tiểu học Quảng Nguyên
52	52	Tuyên Quang	Sơn Vĩ	Trường PTDTBT Tiểu học Sơn Vĩ
53	53	Tuyên Quang	Tân Quang	Trường Tiểu học Tân Quang
54	54	Tuyên Quang	Tân Trịnh	Trường Tiểu học Tân Trịnh
55	55	Tuyên Quang	Thàng Tín	Trường PTDTBT TH&THCS Thèn Chu Phìn
56	56	Tuyên Quang	Thông Nguyên	Trường Tiểu học Thông Nguyên
57	57	Tuyên Quang	Tiên Yên	Trường Tiểu học Vĩ Thượng
58	58	Tuyên Quang	Tùng Bá	Trường Tiểu học A Tùng Bá
59	59	Tuyên Quang	Vị Xuyên	Trường Tiểu học Đạo Đức
60	60	Tuyên Quang	Vĩnh Tuy	Trường Tiểu học Vĩnh Tuy
61	61	Tuyên Quang	Xuân Giang	Trường TH&THCS Xuân Giang
62	62	Tuyên Quang	Yên Minh	Trường Tiểu học Yên Minh
63	63	Tuyên Quang	Tri Phú	Trường PTDTBT Tiểu học Tri Phú
64	64	Tuyên Quang	Bình Xa	Trường Tiểu học Bình Xa
65	65	Tuyên Quang	Bạch Xa	Trường PTDTBT Tiểu học Yên Thuận

2. Cao Bằng (65 trường)

66	1	Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	Trường Tiểu học Lạc Giao
67	2	Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	Trường Tiểu học Quảng Uyên
68	3	Cao Bằng	Phường Tân Giang	Trường Tiểu học Tân Giang
69	4	Cao Bằng	Phường Tân Giang	Trường Tiểu học Lê Chung
70	5	Cao Bằng	Xã Độc Lập	Trường TH&THCS Pò Rẻ
71	6	Cao Bằng	Xã Bảo Lạc	Trường Tiểu học thị trấn Bảo Lạc
72	7	Cao Bằng	Xã Lý Quốc	Trường Tiểu học Lý Quốc
73	8	Cao Bằng	Xã Cốc Pàng	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Cốc Pàng
74	9	Cao Bằng	Xã Yên Thổ	Trường Tiểu học Thái Học
75	10	Cao Bằng	Xã Yên Thổ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Thái Sơn
76	11	Cao Bằng	Xã Phan Thanh	Trường Tiểu học Mai Long
77	12	Cao Bằng	Xã Cản Yên	Trường Tiểu học Lương Thông
78	13	Cao Bằng	Xã Cản Yên	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Cản Nông
79	14	Cao Bằng	Xã Đông Khê	Trường Tiểu học Đông Khê
80	15	Cao Bằng	Xã Quang Long	Trường Tiểu học Thắng Lợi
81	16	Cao Bằng	Xã Kim Đồng	Trường Tiểu học Kim Đồng
82	17	Cao Bằng	Xã Nam Tuấn	Trường Tiểu học Dân Chủ
83	18	Cao Bằng	Xã Tĩnh Túc	Trường Tiểu học Tĩnh Túc
84	19	Cao Bằng	Xã Hòa An	Trường Tiểu học Nước Hai
85	20	Cao Bằng	Xã Hòa An	Trường TH&THCS Bế Triều
86	21	Cao Bằng	Xã Nguyễn Huệ	Trường Tiểu học Ngũ Lão
87	22	Cao Bằng	Xã Nguyễn Huệ	Trường TH&THCS Trưng Vương
88	23	Cao Bằng	Xã Minh Khai	Trường TH&THCS Minh Khai
89	24	Cao Bằng	Xã Hạnh Phúc	Trường Tiểu học Hồng Định
90	25	Cao Bằng	Xã Hạnh Phúc	Trường TH&THCS Đoàn Khôn
91	26	Cao Bằng	Xã Thanh Long	Trường TH&THCS Thanh Long
92	27	Cao Bằng	Xã Hạ Lang	Trường Tiểu học Thị Hoa
93	28	Cao Bằng	Xã Thông Nông	Trường TH&THCS Thị Xuân
94	29	Cao Bằng	Xã Thông Nông	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Dẻ Rào
95	30	Cao Bằng	Xã Lũng Nặm	Trường TH&THCS Vân Đình
96	31	Cao Bằng	Xã Đức Long	Trường TH&THCS Lê Lợi

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
97	32	Cao Bằng	Xã Thạch An	Trường TH&THCS Tiên Hoàng
98	33	Cao Bằng	Xã Thành Công	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Quang Thành
99	34	Cao Bằng	Xã Quang Trung	Trường TH&THCS Xuân Nội
100	35	Cao Bằng	Xã Huy Giáp	Trường Tiểu học Huy Giáp
101	36	Cao Bằng	Xã Trường Hà	Trường Tiểu học Đàm Minh Viễn
102	37	Cao Bằng	Xã Trà Lĩnh	Trường Tiểu học Hùng Quốc
103	38	Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	Trường Tiểu học Trùng Khánh
104	39	Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	Trường Tiểu học Ngọc Chung
105	40	Cao Bằng	Xã Đình Phong	Trường Tiểu học Đình Phong
106	41	Cao Bằng	Xã Phục Hoà	Trường Tiểu học Phục Hoà
107	42	Cao Bằng	Xã Phục Hoà	Trường Tiểu học Nà Quang
108	43	Cao Bằng	Phường Thục Phán	Trường Tiểu học Đề Thám
109	44	Cao Bằng	Xã Hà Quảng	Trường Tiểu học Nà Giảng
110	45	Cao Bằng	Xã Hà Quảng	Trường TH&THCS Sỹ Hai
111	46	Cao Bằng	Xã Cô Ba	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học&THCS Cô Ba
112	47	Cao Bằng	Xã Quảng Lâm	Trường Tiểu học Thạch Lâm
113	48	Cao Bằng	Xã Đoài Dương	Trường Tiểu học Đoài Côn
114	49	Cao Bằng	Xã Đoài Dương	Trường Tiểu học Trung Phúc
115	50	Cao Bằng	Xã Nguyên Bình	Trường Tiểu học Minh Thanh
116	51	Cao Bằng	Xã Tông Cọt	Trường Tiểu học Cải Viên
117	52	Cao Bằng	Xã Đàm Thủy	Trường Tiểu học Chí Viễn
118	53	Cao Bằng	Xã Quang Hán	Trường Tiểu học Lưu Ngọc
119	54	Cao Bằng	Xã Quang Hán	Trường TH&THCS Quang Hán
120	55	Cao Bằng	Xã Khánh Xuân	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Khánh Xuân
121	56	Cao Bằng	Xã Bảo Lâm	Trường Tiểu học Mông Ân
122	57	Cao Bằng	Xã Minh Tâm	Trường Tiểu học Lang Môn
123	58	Cao Bằng	Xã Minh Tâm	Trường Tiểu học Trương Lương
124	59	Cao Bằng	Xã Nam Quang	Trường Tiểu học Pác Rôm
125	60	Cao Bằng	Xã Nam Quang	Trường TH&THCS Nam Quang
126	61	Cao Bằng	Xã Bạch Đằng	Trường Phổ thông cơ sở Thịnh Vượng
127	62	Cao Bằng	Xã Hưng Đạo	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Hưng Thịnh
128	63	Cao Bằng	Phường Nùng Chí Cao	Trường Tiểu học Thị Xuân
129	64	Cao Bằng	Xã Vinh Quý	Trường TH&THCS Kim Loan
130	65	Cao Bằng	Xã Xuân Trường	Trường Phổ thông cơ sở Hồng An

3. Lai Châu (65 trường)

131	1	Lai Châu	Phường Tân Phong	Trường Tiểu học Số 2
132	2	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường Tiểu học Đoàn Kết
133	3	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường Tiểu học Quyết Tiến
134	4	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Lán Nhì Thàng
135	5	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường TH&THCS Sùng Phái
136	6	Lai Châu	Xã Mường Kim	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Tà Mung
137	7	Lai Châu	Xã Mường Kim	Trường TH&THCS Pha Mu
138	8	Lai Châu	Xã Khoen On	Trường Tiểu học Ta Gia
139	9	Lai Châu	Xã Than Uyên	Trường Tiểu học Hua Nà
140	10	Lai Châu	Xã Than Uyên	Trường Tiểu học Mường Than
141	11	Lai Châu	Xã Mường Than	Trường Tiểu học Phúc Than
142	12	Lai Châu	Xã Mường Khoa	Trường Tiểu học Mường Khoa
143	13	Lai Châu	Xã Tân Uyên	Trường Tiểu học số 2 Tân Uyên
144	14	Lai Châu	Xã Tân Uyên	Trường Tiểu học Nậm Cắn
145	15	Lai Châu	Pác Ta	Trường Tiểu học Pác Ta
146	16	Lai Châu	Xã Nậm Sỏ	Trường Tiểu học Nậm Sỏ
147	17	Lai Châu	Xã Bình Lư	Trường Tiểu học Tam Đường
148	18	Lai Châu	Xã Bình Lư	Trường TH&THCS Sơn Bình
149	19	Lai Châu	Xã Bản Bo	Trường TH&THCS Nà Tăm
150	20	Lai Châu	Xã Tả Lèng	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Tả Lèng

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
151	21	Lai Châu	Xã Khun Há	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Khun Há
152	22	Lai Châu	Xã Sin Suối Hồ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Sin Suối Hồ
153	23	Lai Châu	Xã Sin Suối Hồ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Xe
154	24	Lai Châu	Xã Phong Thổ	Trường Tiểu học Mường So
155	25	Lai Châu	Xã Phong Thổ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Huổi Luông
156	26	Lai Châu	Xã Không Lào	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Hoang Thèn
157	27	Lai Châu	Xã Không Lào	Trường PTDTBT TH&THCS số 2 Bản Lang
158	28	Lai Châu	Xã Đào San	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Đào San
159	29	Lai Châu	Xã Sì Lở Lầu	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Sì Lở Lầu
160	30	Lai Châu	Xã Sì Lở Lầu	Trường PTDTBT TH&THCS Pa Vây Sừ
161	31	Lai Châu	Xã Tủa Sín Chải	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Tủa Sín Chải
162	32	Lai Châu	Xã Tủa Sín Chải	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Tả Ngảo
163	33	Lai Châu	Xã Sin Hồ	Trường Tiểu học Sin Hồ
164	34	Lai Châu	Xã Sin Hồ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Phăng Sô Lin
165	35	Lai Châu	Xã Hồng Thu	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Phìn Hồ
166	36	Lai Châu	Xã Nậm Cuối	Trường Tiểu học Nậm Cuối
167	37	Lai Châu	Xã Nậm Mạ	Trường Tiểu học Cấn Co
168	38	Lai Châu	Xã Nậm Tăm	Trường Tiểu học Nậm Tăm
169	39	Lai Châu	Xã Nậm Tăm	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Cha
170	40	Lai Châu	Xã Pu Sam Cáp	Trường Tiểu học Pa Khoá
171	41	Lai Châu	Xã Pa Tần	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Pa Tần
172	42	Lai Châu	Xã Pa Tần	Trường PTDTBT Tiểu học &THCS Nậm Ban
173	43	Lai Châu	Xã Lê Lợi	Trường TH&THCS Lê Lợi
174	44	Lai Châu	Xã Lê Lợi	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Pi
175	45	Lai Châu	Xã Nậm Hàng	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Nậm Manh
176	46	Lai Châu	Xã Mường Mô	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Mường Mô
177	47	Lai Châu	Xã Hua Bum	Trường PTDTBT Tiểu học &THCS Vàng San
178	48	Lai Châu	Xã Bum Nưa	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Pa Vệ Sủ
179	49	Lai Châu	Xã Bum Tở	Trường PTDTBT TH&THCS Bum Tở
180	50	Lai Châu	Xã Bum Tở	Trường PTDTBT Tiểu học &THCS Can Hồ
181	51	Lai Châu	Xã Mường Tè	Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Thọ
182	52	Lai Châu	Xã Thu Lùm	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Ka Lăng
183	53	Lai Châu	Xã Pa Ủ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Pa Ủ
184	54	Lai Châu	Xã Tả Tổng	Trường PTDTBT Tiểu học &THCS Nậm Ngà
185	55	Lai Châu	Phường Tân Phong	Trường Tiểu học Bản Giang
186	56	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường TH&THCS Nậm Loỏng
187	57	Lai Châu	Xã Khoen On	Trường PTDTBT Tiểu học Khoen On
188	58	Lai Châu	Xã Mường Than	Trường Tiểu học Mường Mít
189	59	Lai Châu	Xã Tân Uyên	Trường Tiểu học Thân Thuộc
190	60	Lai Châu	Xã Nậm Sỏ	Trường TH&THCS Tả Mít
191	61	Lai Châu	Xã Tả Lèng	Trường TH&THCS Hồ Thầu
192	62	Lai Châu	Xã Sin Suối Hồ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Thèn Sin
193	63	Lai Châu	Xã Không Lào	Trường Tiểu học Không Lào
194	64	Lai Châu	Xã Đào San	Trường PTDTBT TH&THCS Tung Qua Lin
195	65	Lai Châu	Xã Tủa Sín Chải	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Làng Mỏ

4. Lào Cai (65 trường)

196	1	Lào Cai	Xã Trịnh Tường	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Mỹ
197	2	Lào Cai	Xã A Mú Sung	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc
198	3	Lào Cai	Xã Mường Hum	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Hum
199	4	Lào Cai	Xã Bản Liên	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh
200	5	Lào Cai	Xã Mỏ Vàng	Trường PTDTBT Tiểu học An Lương
201	6	Lào Cai	Xã Mường Hum	Trường PTDTBT TH& THCS Trung Lèng Hồ
202	7	Lào Cai	Xã Lũng Phình	Trường PTDTBT Tiểu học Lũng Phình 2
203	8	Lào Cai	Xã Tả Củ Tỷ	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Củ Tỷ 2
204	9	Lào Cai	Xã Bảo Nhai	Trường Tiểu học Bảo Nhai A

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
205	10	Lào Cai	Xã Trấn Yên	Trường TH&THCS Việt Thành
206	11	Lào Cai	Xã Phong Hải	Trường Tiểu học Bản Cầm
207	12	Lào Cai	Xã Nghĩa Đô	Trường Tiểu học Nghĩa Đô
208	13	Lào Cai	Xã Mù Cang Chải	Trường TH&THCS Mù Cang Chải
209	14	Lào Cai	Xã Mù Cang Chải	Trường PTDTBT TH&THCS Kim Nội
210	15	Lào Cai	Xã Bản Xèo	Trường TH&THCS Mường Vi
211	16	Lào Cai	Xã Khánh Yên	Trường TH&THCS Khánh Yên
212	17	Lào Cai	Xã Trạm Tấu	Trường PTDTBT TH&THCS Pá Lau
213	18	Lào Cai	Xã Trạm Tấu	Trường PTDTBT TH&THCS Túc Đán
214	19	Lào Cai	Xã Bản Xèo	Trường TH&THCS Bản Xèo
215	20	Lào Cai	Xã Tả Phìn	Trường Tiểu học Tả Phìn
216	21	Lào Cai	Phường Văn Phú	Trường TH&THCS Văn Phú
217	22	Lào Cai	Xã Trịnh Tường	Trường PTDTBT Tiểu học Trịnh Tường
218	23	Lào Cai	Xã Yên Bình	Trường TH&THCS Đại Đồng
219	24	Lào Cai	Xã Yên Thành	Trường TH&THCS Phúc An
220	25	Lào Cai	Xã Yên Thành	Trường Tiểu học Yên Thành
221	26	Lào Cai	Phúc Khánh	Trường TH&THCS số 1 Phúc Khánh
222	27	Lào Cai	Phúc Khánh	Trường TH&THCS Việt Tiến
223	28	Lào Cai	Xã Tân Hợp	Trường TH&THCS Tân Hợp
224	29	Lào Cai	Xã Bảo Hà	Trường Tiểu học Tân Thượng
225	30	Lào Cai	Xã Hạnh Phúc	Trường TH&THCS Bản Lừu
226	31	Lào Cai	Xã Tân Hợp	Trường TH&THCS Đại Sơn
227	32	Lào Cai	Xã Thượng Hà	Trường Tiểu học số 1 Điện Quan
228	33	Lào Cai	Xã Thượng Hà	Trường PTDTBT Tiểu học Thượng Hà
229	34	Lào Cai	xã Bảo Thắng	Trường Tiểu học số 2 Phố Lu
230	35	Lào Cai	Xã Bảo Thắng	Trường PTDTBT Tiểu học Thái Niên
231	36	Lào Cai	Xã Bảo Thắng	Trường Tiểu học số 3 Thái Niên
232	37	Lào Cai	Xã Võ Lao	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Dạng
233	38	Lào Cai	Phường Trung Tâm	Trường TH&THCS Hoàng Văn Thụ
234	39	Lào Cai	xã Mường Lai	Trường TH&THCS Vĩnh Lạc
235	40	Lào Cai	Xã Tân Lĩnh	Trường TH&THCS Minh Chuẩn
236	41	Lào Cai	Xã Phúc Lợi	Trường TH&THCS Trúc Lâu
237	42	Lào Cai	xã Khánh Hòa	Trường TH&THCS An Lạc
238	43	Lào Cai	xã Khánh Hòa	Trường Tiểu học Động Quan
239	44	Lào Cai	Xã Bát Xát	Trường Tiểu học Quang Kim
240	45	Lào Cai	Xã Bát Xát	Trường TH&THCS Bản Qua
241	46	Lào Cai	Xã Tăng Loỏng	Trường Tiểu học Tăng Loỏng
242	47	Lào Cai	Xã Tăng Loỏng	Trường Tiểu học số 2 Phú Nhuận
243	48	Lào Cai	Xã Lục Yên	Trường TH&THCS Yên Thắng
244	49	Lào Cai	Xã Bảo Yên	Trường Tiểu học số 2 Phố Ràng
245	50	Lào Cai	Xã Bảo Nhai	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly số 2
246	51	Lào Cai	Phường Trung Tâm	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ
247	52	Lào Cai	Xã Chiềng Ken	Trường PTDTBT Tiểu học Chiềng Ken
248	53	Lào Cai	Xã Bản Hồ	Trường PTDTBT Tiểu học Bản Hồ
249	54	Lào Cai	Xã Bản Hồ	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Phùng
250	55	Lào Cai	Xã Púng Luông	Trường TH&THCS La Pán Tản
251	56	Lào Cai	Xã Văn Chấn	Trường Tiểu học Đồng Khê
252	57	Lào Cai	Xã Cốc San	Trường PTDTBT TH&THCS Tòng Sành
253	58	Lào Cai	Xã Cốc Lầu	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Lầu
254	59	Lào Cai	Xã Cát Thịnh	Trường PTDTBT Tiểu học Cát Thịnh
255	60	Lào Cai	Xã Lương Thịnh	Trường TH&THCS số 2 Lương Thịnh
256	61	Lào Cai	Xã Xuân Ái	Trường TH&THCS Viễn Sơn
257	62	Lào Cai	Xã Mường Bo	Trường PTDTBT Tiểu học Suối Thầu
258	63	Lào Cai	Phường Âu Lâu	Trường TH&THCS Âu Lâu
259	64	Lào Cai	Phường Âu Lâu	Trường TH&THCS Giới Phiên

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
260	65	Lào Cai	Xã Trấn Yên	Trường Tiểu học Báo Đáp
5. Thái Nguyên (65 trường)				
261	1	Thái Nguyên	Xã Ba Bể	Trường Phổ Thông Dân Tộc Bán Trú Tiểu Học Cao
262	2	Thái Nguyên	Xã Nghiên Loan	Trường Phổ Thông Dân Tộc Bán Trú Tiểu Học Nghiên Loan II
263	3	Thái Nguyên	Xã Nà Phặc	Trường Phổ Thông Dân Tộc Bán Trú Tiểu Học Trung Hòa
264	4	Thái Nguyên	Xã Tân Khánh	Trường Tiểu Học Bàn Đạt
265	5	Thái Nguyên	Xã Dân Tiến	Trường Tiểu Học Bình Long II
266	6	Thái Nguyên	Xã Nghĩa Tá	Trường Tiểu Học Bình Trung
267	7	Thái Nguyên	Xã Định Hóa	Trường Tiểu Học Bảo Linh
268	8	Thái Nguyên	Xã Bằng Thành	Trường Tiểu Học Bộc Bó
269	9	Thái Nguyên	Phường Linh Sơn	Trường Tiểu Học Chiến Thắng
270	10	Thái Nguyên	Xã La Hiên	Trường Tiểu Học Cúc Đường
271	11	Thái Nguyên	Xã Dân Tiến	Trường Tiểu Học Dân Tiến I
272	12	Thái Nguyên	Xã Phú Lương	Trường Tiểu Học Giang Tiên
273	13	Thái Nguyên	Phường Linh Sơn	Trường Tiểu Học Huống Thượng
274	14	Thái Nguyên	Xã Đại Phúc	Trường Tiểu Học Hùng Sơn 1
275	15	Thái Nguyên	Xã Hợp Thành	Trường Tiểu Học Hợp Thành
276	16	Thái Nguyên	Xã Đại Từ	Trường Tiểu Học Khôi Kỳ
277	17	Thái Nguyên	Xã La Hiên	Trường Tiểu Học La Hiên
278	18	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	Trường Tiểu Học Lê Văn Tám
279	19	Thái Nguyên	Xã Kha Sơn	Trường Tiểu Học Lương Phú
280	20	Thái Nguyên	Phường Bá Xuyên	Trường Tiểu Học Mỏ Chè
281	21	Thái Nguyên	Xã Diềm Thụy	Trường Tiểu Học Nga My II
282	22	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	Trường Tiểu Học Nguyễn Việt Xuân
283	23	Thái Nguyên	Phường Bách Quang	Trường Tiểu Học Ninh Sơn
284	24	Thái Nguyên	Xã Phú Thịnh	Trường Tiểu Học Phú Cường
285	25	Thái Nguyên	Phường Tích Lương	Trường Tiểu Học Phú Xá
286	26	Thái Nguyên	Phường Phúc Thuận	Trường Tiểu Học Phúc Thuận I
287	27	Thái Nguyên	Xã Dân Tiến	Trường Tiểu Học Phương Giao
288	28	Thái Nguyên	Xã Phú Lương	Trường Tiểu Học Phấn Mễ II
289	29	Thái Nguyên	Xã Kim Phụng	Trường Tiểu Học Quy Kỳ
290	30	Thái Nguyên	Xã Đồng Phúc	Trường Tiểu Học Quảng Khê
291	31	Thái Nguyên	Phường Quan Triều	Trường Tiểu Học Sơn Cẩm 3
292	32	Thái Nguyên	Xã Văn Hán	Trường Tiểu Học Số 1 Văn Hán
293	33	Thái Nguyên	Xã Thanh Mai	Trường Tiểu Học Thanh Vận
294	34	Thái Nguyên	Xã Thành Công	Trường Tiểu Học Thành Công II
295	35	Thái Nguyên	Xã Thần Sa	Trường Tiểu Học Thần Sa
296	36	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	Trường Tiểu Học Thống Nhất
297	37	Thái Nguyên	Xã Bình Yên	Trường Tiểu Học Trung Lương
298	38	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	Trường Tiểu Học Trung Vương
299	39	Thái Nguyên	Xã Tân Thành	Trường Tiểu Học Tân Hòa
300	40	Thái Nguyên	Phường Quan Triều	Trường Tiểu Học Tân Long
301	41	Thái Nguyên	Phường Trung Thành	Trường Tiểu Học Tân Phú
302	42	Thái Nguyên	Xã Phú Thông	Trường Tiểu Học Tân Tiến
303	43	Thái Nguyên	Xã Ngân Sơn	Trường Tiểu Học Vân Tùng
304	44	Thái Nguyên	Xã Yên Bình	Trường Tiểu Học Yên Hân
305	45	Thái Nguyên	Xã Yên Thịnh	Trường Tiểu Học Yên Thượng
306	46	Thái Nguyên	Xã Hợp Thành	Trường Tiểu Học Ôn Lương
307	47	Thái Nguyên	Xã Trảng Xá	Trường Tiểu Học Đông Bo
308	48	Thái Nguyên	Xã Đại Phúc	Trường Tiểu Học Đồng Doãn Khuê
309	49	Thái Nguyên	Phường Vạn Xuân	Trường Tiểu Học Đồng Tiến
310	50	Thái Nguyên	Xã Phú Lương	Trường Tiểu Học Động Đạt I
311	51	Thái Nguyên	Xã Đồng Hỷ	Trường Tiểu Học Số 2 Hoá Thượng
312	52	Thái Nguyên	Xã Phú Bình	Trường Tiểu Học Xuân Phương

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
313	53	Thái Nguyên	Xã Văn Lang	Trường Phổ Thông Dân Tộc Bán Trú Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Kim Hỷ
314	54	Thái Nguyên	Xã Sảng Mộc	Trường PTDTBT TH&THCS Sảng Mộc
315	55	Thái Nguyên	Xã Bình Yên	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Bình Yên
316	56	Thái Nguyên	Xã Trần Phú	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Cư Lễ
317	57	Thái Nguyên	Xã Đồng Hỷ	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Hóa Trung
318	58	Thái Nguyên	Xã Nghĩa Tá	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Lương Bằng
319	59	Thái Nguyên	Xã Cẩm Giàng	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Mỹ Thanh
320	60	Thái Nguyên	Xã Định Hóa	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Phúc Chu
321	61	Thái Nguyên	Xã Bạch Thông	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Quang Thuận
322	62	Thái Nguyên	Xã Sảng Mộc	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Tiên Sơn
323	63	Thái Nguyên	Phường Bá Xuyên	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Vinh Sơn
324	64	Thái Nguyên	Xã Xuân Dương	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Xuân Dương
325	65	Thái Nguyên	Xã Yên Thịnh	Trường Tiểu Học và Trung Học Cơ Sở Yên Thịnh

6. Điện Biên (65 trường)

326	1	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện
327	2	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường Tiểu học Hoàng Văn Nô
328	3	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường TH-THCS Thanh Trường
329	4	Điện Biên	Phường Mường Thanh	Trường Tiểu học Noong Bua
330	5	Điện Biên	Phường Mường Lay	Trường Tiểu học Nậm Cản
331	6	Điện Biên	Phường Mường Lay	Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng
332	7	Điện Biên	Phường Mường Lay	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sá Tổng
333	8	Điện Biên	Mường Nhé	Trường PTDTBT - Tiểu học Trần Văn Thọ
334	9	Điện Biên	Sín Thầu	Trường PTDTBT - Tiểu học Leng Su Sin
335	10	Điện Biên	Mường Toong	Trường PTDTBT - Tiểu học Mường Toong số 1
336	11	Điện Biên	Nậm Kè	Trường PTDTBT - Tiểu học Nậm Kè số 2
337	12	Điện Biên	Quảng Lâm	Trường PTDTBT - Tiểu học Na Cô Sa
338	13	Điện Biên	Mường Phăng	Trường Tiểu học số 1 xã Nà Nhạn
339	14	Điện Biên	Mường Phăng	Trường Tiểu học Võ Nguyên Giáp
340	15	Điện Biên	Nà Tấu	Trường Tiểu học Mường Đàng
341	16	Điện Biên	Mường Ảng	Trường Tiểu học Ảng Càng
342	17	Điện Biên	Búng Lao	Trường PTDTBT - Tiểu học Ảng Tở
343	18	Điện Biên	Búng Lao	Trường PTDTBT - Tiểu học Bình Minh
344	19	Điện Biên	Mường Lạn	Trường Tiểu học Nậm Lịch
345	20	Điện Biên	Mường Chà	Trường Tiểu học Pa Tàn
346	21	Điện Biên	Mường Tùng	Trường PTDTBT - Tiểu học Nậm He
347	22	Điện Biên	Pa Ham	Trường PTDTBT - Tiểu học Mường Anh
348	23	Điện Biên	Na Sang	Trường Tiểu học Thị trấn Mường Chà
349	24	Điện Biên	Na Sang	Trường PTDTBT - Tiểu học Sa Lông
350	25	Điện Biên	Tùa Chùa	Trường PTDTBT - Tiểu học Mường Báng
351	26	Điện Biên	Sáng Nhè	Trường PTDTBT - Tiểu học Mường Đun
352	27	Điện Biên	Sáng Nhè	Trường PTDTBT - Tiểu học Phình Sáng
353	28	Điện Biên	Sín Chải	Trường PTDTBT - TH&THCS Lao Xá Phình
354	29	Điện Biên	Sính Phình	Trường PTDTBT - Tiểu học Trung Thu
355	30	Điện Biên	Tùa Thàng	Trường Tiểu học Tùa Thàng số 2
356	31	Điện Biên	Tuần Giáo	Trường Tiểu học số 2 Tuần Giáo
357	32	Điện Biên	Tuần Giáo	Trường Tiểu học số 1 Quài Nưa
358	33	Điện Biên	Quài Tở	Trường Tiểu học Quài Tở
359	34	Điện Biên	Chiềng Sinh	Trường Tiểu học Chiềng Sinh
360	35	Điện Biên	Chiềng Sinh	Trường TH&THCS Nà Sáy
361	36	Điện Biên	Pú Nhung	Trường Tiểu học Pú Nhung
362	37	Điện Biên	Mường Mùn	Trường Tiểu học Nậm Mức
363	38	Điện Biên	Nà Hỳ	Trường Tiểu học Nà Hỳ
364	39	Điện Biên	Nà Búng	Trường Tiểu học Nà Búng
365	40	Điện Biên	Chà Tở	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
366	41	Điện Biên	Thanh Nưa	Trường Tiểu học xã Hua Thanh
367	42	Điện Biên	Thanh Nưa	Trường Tiểu học xã Thanh Hưng
368	43	Điện Biên	Thanh An	Trường Tiểu học xã Noong Hẹt
369	44	Điện Biên	Thanh An	Trường TH&THCS Thanh An
370	45	Điện Biên	Thanh Yên	Trường TH&THCS xã Pa Thom
371	46	Điện Biên	Núa Ngam	Trường PTDTBT Tiểu học số 2 xã Na Tông
372	47	Điện Biên	Mường Nhà	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Lói
373	48	Điện Biên	Sam Mún	Trường PTDTBT TH&THCS xã Na Ú
374	49	Điện Biên	Mường Pôn	Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn
375	50	Điện Biên	Na Son	Trường PTDTBT - Tiểu học Su Lư
376	51	Điện Biên	Na Son	Trường PTDTBT - TH&THCS Na Son
377	52	Điện Biên	Xa Dung	Trường PTDTBT - Tiểu học Mường Tinh
378	53	Điện Biên	Pu Nhi	Trường PTDTBT - Tiểu học Pu Nhi
379	54	Điện Biên	Mường Luân	Trường PTDTBT - Tiểu học Mường Luân
380	55	Điện Biên	Mường Luân	Trường PTDTBT - TH&THCS Mường Luân
381	56	Điện Biên	Phình Giàng	Trường PTDTBT - Tiểu học Pú Hồng
382	57	Điện Biên	Nà Hỳ	Trường TH&THCS Nậm Nhừ
383	58	Điện Biên	Phường Mường Thanh	Trường Tiểu học số 1 Thanh Xương
384	59	Điện Biên	Mường Nhé	Trường PTDTBT - Tiểu học Nậm Vì
385	60	Điện Biên	Mường Phăng	Trường Tiểu học số 2 xã Nà Nhạn
386	61	Điện Biên	Búng Lao	Trường Tiểu học Búng Lao
387	62	Điện Biên	Nậm Nèn	Trường PTDTBT - Tiểu học Nậm Nèn
388	63	Điện Biên	Sáng Nhè	Trường PTDTBT - Tiểu học Nậm Din
389	64	Điện Biên	Tuần Giáo	Trường Tiểu học Quài Cang
390	65	Điện Biên	Pú Nhung	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Ta Ma

7. Lạng Sơn (65 trường)

391	1	Lạng Sơn	Vũ Lăng	Trường Tiểu học Tân Lập
392	2	Lạng Sơn	Nhất Hòa	Trường Tiểu học Nhất Tiến
393	3	Lạng Sơn	Vũ Lễ	Trường Tiểu học và THCS Chiến Thắng
394	4	Lạng Sơn	Bình Gia	Trường Tiểu học Bình Gia
395	5	Lạng Sơn	Tân Văn	Trường Tiểu học Tân Văn
396	6	Lạng Sơn	Hồng Phong	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Hồng Phong
397	7	Lạng Sơn	Hoa Thám	Trường PTDTBT Tiểu học Hưng Đạo
398	8	Lạng Sơn	Thiện Long	Trường PTDTBT Tiểu học Thiện Long
399	9	Lạng Sơn	Quý Hòa	Trường PTDTBT TH&THCS Quý Hoà
400	10	Lạng Sơn	Công Sơn	Trường PTDTBT TH&THCS Công Sơn
401	11	Lạng Sơn	Ba Sơn	Trường Tiểu học Cao Lâu
402	12	Lạng Sơn	Đồng Đăng	Trường Tiểu học Hồng Phong
403	13	Lạng Sơn	Chi Lăng	Trường Tiểu học Đồng Bành
404	14	Lạng Sơn	Chi Lăng	Trường Tiểu học Lê Lợi
405	15	Lạng Sơn	Quan Sơn	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học 2 Hữu Kiên
406	16	Lạng Sơn	Nhân Lý	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lâm Sơn
407	17	Lạng Sơn	Bằng Mạc	Trường Tiểu học Bằng Mạc
408	18	Lạng Sơn	Chiến Thắng	Trường Tiểu học Vân An
409	19	Lạng Sơn	Đình Lập	Trường Tiểu học I Đình Lập
410	20	Lạng Sơn	Châu Sơn	Trường Tiểu học và THCS Cường Lợi
411	21	Lạng Sơn	Thái Bình	Trường PTDTBT Tiểu học II Thái Bình
412	22	Lạng Sơn	Kiên Mộc	Trường PTDTBT Tiểu học I Kiên Mộc
413	23	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Trường Tiểu học 2 Hữu Lũng
414	24	Lạng Sơn	Tuần Sơn	Trường Tiểu học Hòa Thắng
415	25	Lạng Sơn	Tuần Sơn	Trường Tiểu học 2 Minh Sơn
416	26	Lạng Sơn	Hữu Liên	Trường TH&THCS Hữu Liên
417	27	Lạng Sơn	Vân Nham	Trường Tiểu học Nhật Tiến
418	28	Lạng Sơn	Thiện Tân	Trường TH&THCS Thanh Sơn
419	29	Lạng Sơn	Cai Kinh	Trường Tiểu học và trung học cơ sở Yên Sơn

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
420	30	Lạng Sơn	Lộc Bình	Trường Tiểu học Hoà Bình
421	31	Lạng Sơn	Lộc Bình	Trường Tiểu học Khánh Xuân
422	32	Lạng Sơn	Na Dương	Trường Tiểu học Tú Đoạn
423	33	Lạng Sơn	Mẫu Sơn	Trường Tiểu học Mẫu Sơn
424	34	Lạng Sơn	Lợi Bác	Trường Tiểu học Sần Viên
425	35	Lạng Sơn	Khuất Xá	Trường Tiểu học và THCS Tỉnh Bắc
426	36	Lạng Sơn	Xuân Dương	Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Xuân Dương
427	37	Lạng Sơn	Thống Nhất	Trường Tiểu học và THCS Nhượng Bạ
428	38	Lạng Sơn	P Lương Văn Tri	Trường Tiểu học Quảng Lạc
429	39	Lạng Sơn	P Tam Thanh	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
430	40	Lạng Sơn	P Đông Kinh	Trường Tiểu học Mai Pha
431	41	Lạng Sơn	P Kỳ Lừa	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc
432	42	Lạng Sơn	Thất Khê	Trường Tiểu học Chi Lăng
433	43	Lạng Sơn	Thất Khê	Trường PTDTBT, Tiểu học VÀ THCS Chí Minh
434	44	Lạng Sơn	Tràng Định	Trường Phổ thông DTBT Tiểu học THCS Bắc Ái I
435	45	Lạng Sơn	Quốc Khánh	Trường TH, THCS Đội Cấn
436	46	Lạng Sơn	Kháng Chiến	Trường PTDTBT TH& THCS Trung Thành
437	47	Lạng Sơn	Đoàn Kết	Trường PTDTBT TH, THCS Khánh Long
438	48	Lạng Sơn	Tân Tiến	Trường PTDTBT TH, THCS Tân Yên
439	49	Lạng Sơn	Na Sầm	Trường Tiểu học Bắc Hùng
440	50	Lạng Sơn	Hoàng Văn Thụ	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ
441	51	Lạng Sơn	Thụy Hùng	Trường TH&THCS Trùng Khánh
442	52	Lạng Sơn	Hội Hoan	Trường Tiểu học Gia Miễn
443	53	Lạng Sơn	Văn Lãng	Trường TH&THCS Bắc Việt
444	54	Lạng Sơn	Văn Quan	Trường Phổ thông DTBT Tiểu học và THCS Hòa Bình
445	55	Lạng Sơn	Tri Lễ	Trường PTDTBT TH&THCS Hữu Lễ
446	56	Lạng Sơn	Yên Phúc	Trường Tiểu học & THCS 2 An Sơn
447	57	Lạng Sơn	Tân Đoàn	Trường TH&THCS Tràng Phái
448	58	Lạng Sơn	Điềm He	Trường Phổ thông DTBT Tiểu học và THCS Liên Hội
449	59	Lạng Sơn	Khánh Khê	Trường TH&THCS Tràng Các
450	60	Lạng Sơn	Hung Vũ	Trường Phổ thông DTBT Tiểu học 1 Trấn Yên
451	61	Lạng Sơn	Thiện Hòa	Trường Phổ thông DTBT Tiểu học Tân Tiến
452	62	Lạng Sơn	Nhân Lý	Trường Tiểu học Mai Sao
453	63	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Trường Tiểu học 1 Hữu Lũng
454	64	Lạng Sơn	Lộc Bình	Trường Tiểu học Minh Khai
455	65	Lạng Sơn	P Lương Văn Tri	Trường Tiểu học Chi Lăng

8. Sơn La (65 trường)

456	1	Sơn La	Phường Chiềng Cơi	Trường Tiểu học Hua La
457	2	Sơn La	Phường Chiềng Sinh	Trường Tiểu học Chiềng Sinh
458	3	Sơn La	Phường Mộc Châu	Trường TH&THCS Chiềng Hắc
459	4	Sơn La	Phường Mộc Sơn	Trường TH&THCS Đông Sang
460	5	Sơn La	Phường Tô Hiệu	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn
461	6	Sơn La	Phường Vân Sơn	Trường TH&THCS 14-6
462	7	Sơn La	Xã Bắc Yên	Trường Tiểu học Phiêng Ban
463	8	Sơn La	Xã Bình Thuận	Trường Tiểu học Phổng Lái
464	9	Sơn La	Xã Co Mạ	Trường Tiểu học Co Mạ 1
465	10	Sơn La	Xã Chiềng Hắc	Trường Tiểu học Chiềng Hắc
466	11	Sơn La	Xã Chiềng Hắc	Trường TH&THCS Tà Làng
467	12	Sơn La	Xã Chiềng Khoong	Trường PTDTBT Tiểu học Mường Cai
468	13	Sơn La	Xã Chiềng Khương	Trường Tiểu học Chiềng Khương
469	14	Sơn La	Xã Chiềng La	Trường TH&THCS Nong Lay
470	15	Sơn La	Xã Chiềng Mai	Trường TH&THCS Chiềng Ban
471	16	Sơn La	Xã Chiềng Mai	Trường TH&THCS Chiềng Ve
472	17	Sơn La	Xã Chiềng Mung	Trường TH&THCS Mường Bon
473	18	Sơn La	Xã Chiềng Sơ	Trường Tiểu học Yên Hưng

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
474	19	Son La	Xã Chiềng Sung	Trường TH&THCS Chiềng Sung
475	20	Son La	Xã Đoàn Kết	Trường TH&THCS Tà Lại
476	21	Son La	Xã Gia Phù	Trường TH&THCS Tường Phù
477	22	Son La	Xã Kim Bôn	Trường TH&THCS Đá Đỏ
478	23	Son La	Xã Lóng Phiêng	Trường Tiểu học Lóng Phiêng A
479	24	Son La	Xã Mai Sơn	Trường Tiểu học Cò Nòi
480	25	Son La	Xã Mai Sơn	Trường TH&THCS Nà Ban
481	26	Son La	Xã Muối Nổi	Trường TH&THCS Bôn Phặng
482	27	Son La	Xã Mường Bám	Trường Tiểu học Mường Bám II
483	28	Son La	Xã Mường Bú	Trường Tiểu học Mường Bú
484	29	Son La	Xã Mường Cơi	Trường TH&THCS Mường Thái
485	30	Son La	Xã Mường Chiên	Trường Tiểu học Chiềng Khay
486	31	Son La	Xã Mường Ế	Trường Tiểu học Phông Lập
487	32	Son La	Xã Mường Giôn	Trường TH&THCS Pá Ma Pha Khinh
488	33	Son La	Xã Mường Khiêng	Trường Tiểu học Mường Khiêng I
489	34	Son La	Xã Mường La	Trường PTDTBT TH&THCS Chiềng muôn
490	35	Son La	Xã Mường La	Trường TH&THCS Mường Trai
491	36	Son La	Xã Mường Lằm	Trường TH&THCS Mường Lằm
492	37	Son La	Xã Nậm Lầu	Trường Tiểu học Chiềng Bôm
493	38	Son La	Xã Nậm Ty	Trường TH&THCS Chiềng Phung
494	39	Son La	Xã Púng Bính	Trường PTDTBT TH&THCS Sam Kha
495	40	Son La	Xã Phiêng Cầm	Trường Tiểu học Chiềng Nọi
496	41	Son La	Xã Phiêng Khoài	Trường TH&THCS Liên Chung
497	42	Son La	Xã Phiêng Păn	Trường Tiểu học Phiêng Păn
498	43	Son La	Xã Phù Yên	Trường TH&THCS Huy Bắc
499	44	Son La	Xã Phù Yên	Trường TH&THCS Huy Thượng
500	45	Son La	Xã Quỳnh Nhai	Trường TH&THCS Bình Minh
501	46	Son La	Xã Song Khủa	Trường TH&THCS Mường Tề
502	47	Son La	Xã Sông Mã	Trường Tiểu học Bản Mế
503	48	Son La	Xã Sốp Cộp	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Lạnh
504	49	Son La	Xã Suối Tọ	Trường PTDTBT TH&THCS Suối Tọ
505	50	Son La	Xã Tạ Khoa	Trường Tiểu học Mường Khoa xã Tạ Khoa
506	51	Son La	Xã Tà Xùa	Trường TH&THCS Tà Xùa
507	52	Son La	Xã Tân Yên	Trường PTDTBT TH&THCS Tân Hợp
508	53	Son La	Xã Tô Múa	Trường TH&THCS Suối Bàng
509	54	Son La	Xã Tường Hạ	Trường TH&THCS Tường Tiến
510	55	Son La	Xã Thuận Châu	Trường Tiểu học Tông Lạnh
511	56	Son La	Xã Thuận Châu	Trường TH&THCS Thôm Mòn
512	57	Son La	Xã Vân Hồ	Trường TH&THCS Mường Men
513	58	Son La	Xã Xuân Nha	Trường TH&THCS Xuân Nha
514	59	Son La	Xã Yên Châu	Trường TH&THCS Chiềng Khoi
515	60	Son La	Xã Yên Sơn	Trường Tiểu học Chiềng On
516	61	Son La	Xã Co Mạ	Trường Tiểu học Co Mạ II
517	62	Son La	Xã Chiềng Sơn	Trường TH&THCS Chiềng Xuân
518	63	Son La	Xã Mường Bang	Trường TH&THCS Mường Lang
519	64	Son La	Xã Mường Sại	Trường TH&THCS Nậm Ết
520	65	Son La	Xã Song Khủa	Trường TH&THCS Liên Hòa

9. Phú Thọ (65 trường)

521	1	Phú Thọ	P. Hòa Bình	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng
522	2	Phú Thọ	Bản Nguyên	Trường Tiểu học Bản Nguyên 2
523	3	Phú Thọ	Bình Phú	Trường Tiểu học Tiên Du
524	4	Phú Thọ	Cắm Khê	Trường Tiểu học Sơn Tinh
525	5	Phú Thọ	Chân Mộng	Trường Tiểu học Yên Kịen
526	6	Phú Thọ	Dân Chủ	Trường Tiểu học Trị Quận
527	7	Phú Thọ	Đan Thượng	Trường Tiểu học Hà Lương

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
528	8	Phú Thọ	Đoan Hùng	Trường Tiểu học Sóc Đăng
529	9	Phú Thọ	Hạ Hoà	Trường Tiểu học Gia Điền
530	10	Phú Thọ	xã Hiền Quan	Trường Tiểu học Hương Nha
531	11	Phú Thọ	Hùng Việt	Trường Tiểu học Hùng Việt
532	12	Phú Thọ	Khả Cửu	Trường Tiểu học Thượng Cửu
533	13	Phú Thọ	Liên Minh	Trường Tiểu học Lương Lễ
534	14	Phú Thọ	Minh Hòa	Trường Tiểu học Minh Hoà
535	15	Phú Thọ	P. Phong Châu	Trường Tiểu học Phú Hộ
536	16	Phú Thọ	P. Vân Phú	Trường Tiểu học Hùng Lô
537	17	Phú Thọ	P. Việt Trì	Trường Tiểu học Tân Dân
538	18	Phú Thọ	Phú Mỹ	Trường Tiểu học Liên Hoa
539	19	Phú Thọ	Phùng Nguyên	Trường Tiểu học Tứ Xã 1
540	20	Phú Thọ	Tam Nông	Trường Tiểu học Dậu Dương
541	21	Phú Thọ	Tây Cốc	Trường Tiểu học Tây Cốc
542	22	Phú Thọ	Thanh Sơn	Trường Tiểu học Thạch Khoán
543	23	Phú Thọ	Thọ Văn	Trường Tiểu học Tề Lễ
544	24	Phú Thọ	Tiên Lương	Trường Tiểu học Ngô Xá
545	25	Phú Thọ	Tu Vũ	Trường Tiểu học Tu Vũ
546	26	Phú Thọ	Vân Bán	Trường Tiểu học Tùng Khê
547	27	Phú Thọ	Văn Miếu	Trường Tiểu học Văn Miếu 2
548	28	Phú Thọ	Vĩnh Chân	Trường Tiểu học Yên Luật
549	29	Phú Thọ	Xuân Viên	Trường Tiểu học Xuân Thủy
550	30	Phú Thọ	Yên Lập	Trường Tiểu học Đồng Lạc
551	31	Phú Thọ	Bình Nguyên	Trường Tiểu học Sơn Lôi B
552	32	Phú Thọ	Đại Đình	Trường Tiểu học Đại Đình II
553	33	Phú Thọ	Hải Lựu	Trường Tiểu học Phương Khoan
554	34	Phú Thọ	Hợp Lý	Trường Tiểu Học Ngọc Mỹ
555	35	Phú Thọ	Liên Hòa	Trường Tiểu học Liên Hòa
556	36	Phú Thọ	P. Phúc Yên	Trường Tiểu học Nam Viêm
557	37	Phú Thọ	P. Vĩnh Yên	Trường Tiểu học Đồng Tâm
558	38	Phú Thọ	P. Xuân Hòa	Trường Tiểu học Đồng Xuân
559	39	Phú Thọ	Tam Đảo	Trường Tiểu học Hồ Sơn
560	40	Phú Thọ	Tam Dương Bắc	Trường Tiểu học Tam Quan I
561	41	Phú Thọ	Tề Lễ	Trường Tiểu học Phạm Công Bình
562	42	Phú Thọ	Thổ Tang	Trường Tiểu học Tuân Chính
563	43	Phú Thọ	Vĩnh Hưng	Trường Tiểu học Nghĩa Hưng
564	44	Phú Thọ	Vĩnh Thành	Trường Tiểu học Việt Xuân
565	45	Phú Thọ	Xuân Lãng	Trường Tiểu học Thanh Lãng A
566	46	Phú Thọ	An Bình	Trường TH&THCS An Lạc
567	47	Phú Thọ	Bao La	Trường TH&THCS Xâm Khoè
568	48	Phú Thọ	Cao Phong	Trường TH&THCS Đông Phong
569	49	Phú Thọ	Đại Đồng	Trường TH&THCS Tân Mỹ
570	50	Phú Thọ	Hợp Kim	Trường TH&THCS Hợp Kim
571	51	Phú Thọ	Kim Bôi	Trường TH&THCS Kim Bôi
572	52	Phú Thọ	Xã Lạc Sơn	Trường TH&THCS Bình Chân
573	53	Phú Thọ	Lương Sơn	Trường TH&THCS Lâm Sơn
574	54	Phú Thọ	Mai Hạ	Trường TH&THCS Chiềng Châu
575	55	Phú Thọ	Mường Động	Trường TH&THCS Vĩnh Tiên
576	56	Phú Thọ	Mường Thàng	Trường TH&THCS Dũng Phong
577	57	Phú Thọ	Nật Sơn	Trường TH&THCS Sơn Thủy
578	58	Phú Thọ	Ngọc Sơn	Trường TH&THCS Tự Do
579	59	Phú Thọ	P. Kỳ Sơn	Trường PTDTBT TH&THCS Độc Lập
580	60	Phú Thọ	Phường Thống Nhất	Trường TH&THCS Thái Bình
581	61	Phú Thọ	Quyết Thắng	Trường TH&THCS Chí Đạo
582	62	Phú Thọ	Tân Lạc	Trường TH&THCS Mãn Đức

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
583	63	Phú Thọ	Thịnh Minh	Trường TH&THCS Phú Minh
584	64	Phú Thọ	Xã Toàn Thắng	Trường TH&THCS Do Nhân
585	65	Phú Thọ	Vân Sơn	Trường TH&THCS Bắc Sơn

II. Vùng đồng bằng sông Hồng

10. Bắc Ninh (65 trường)

586	1	Bắc Ninh	Vân Sơn	Trường TH&THCS Trần Quốc Toàn
587	2	Bắc Ninh	Phường Tân An	Trường Tiểu học Nham Biền số 1
588	3	Bắc Ninh	Tiên Lục	Trường Tiểu học Tiên Lục số 5
589	4	Bắc Ninh	phường Tân An	Trường Tiểu học Lăng Sơn
590	5	Bắc Ninh	Tiên Lục	Trường Tiểu học Tiên Thắng
591	6	Bắc Ninh	Phường Quế Võ	Trường Tiểu học Việt Hùng số 2
592	7	Bắc Ninh	xã Hợp Thịnh	Trường Tiểu học Mai Trung số 1
593	8	Bắc Ninh	Ninh Xá	Trường Tiểu học Nguyệt Đức
594	9	Bắc Ninh	Tân Yên	Trường Tiểu học Hùng Sơn
595	10	Bắc Ninh	Nhã Nam	Trường Tiểu học Đồng kỳ 2
596	11	Bắc Ninh	Tân Tiến	Trường Tiểu học Xuân Phú
597	12	Bắc Ninh	xã Hợp Thịnh	Trường Tiểu học Trần Phú
598	13	Bắc Ninh	xã Tiên Du	Trường Tiểu học Phượng Sơn số 2
599	14	Bắc Ninh	Ngọc Thận	Trường Tiểu học Lan Giới
600	15	Bắc Ninh	Kinh Bắc	Trường Tiểu học và THCS Vạn An
601	16	Bắc Ninh	Vân Sơn	Trường TH&THCS Hữu sản
602	17	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Trường Tiểu học Bắc Lý số 2
603	18	Bắc Ninh	Tân Yên	Trường Tiểu học Cao Xá
604	19	Bắc Ninh	Phù Khê	Trường tiểu học Phù Khê
605	20	Bắc Ninh	Xuân Cầm	Trường Tiểu học Mai Đình
606	21	Bắc Ninh	Tiên Du	Trường Tiểu học Nội Duệ
607	22	Bắc Ninh	Cầm Lý	Trường Tiểu học Vũ Xá
608	23	Bắc Ninh	Lâm Thao	Trường Tiểu học Quảng Phú số 2
609	24	Bắc Ninh	Yên Thế	Trường Tiểu học Hoàng Họa Thám
610	25	Bắc Ninh	Quang Trung	Trường Tiểu học Lam Cốt
611	26	Bắc Ninh	Tam Đa	Trường Tiểu học Tam Đa số 1
612	27	Bắc Ninh	Đồng Kỳ	Trường Tiểu học Đồng Kỳ
613	28	Bắc Ninh	Bảo Đài	Trường tiểu học Thanh Lâm
614	29	Bắc Ninh	Liên Bão	Trường Tiểu học Hiên Vân
615	30	Bắc Ninh	phường Đa Mai	Trường Tiểu học Đa Mai
616	31	Bắc Ninh	Phường Vân Hà	Trường Tiểu học Quảng Minh
617	32	Bắc Ninh	Trí Quả	Trường tiểu học Trí Quả
618	33	Bắc Ninh	Trung Chính	Trường Tiểu học Quang Minh
619	34	Bắc Ninh	Yên Thế	Trường TH&THCS Tân Hiệp
620	35	Bắc Ninh	Vũ Ninh	Trường Tiểu học Thị Cầu
621	36	Bắc Ninh	Xuân Cầm	Trường Tiểu học Châu Minh
622	37	Bắc Ninh	Gia Bình	Trường TH&THCS Quỳnh Phú
623	38	Bắc Ninh	Tiền Phong	Trường Tiểu học Nội Hoàng
624	39	Bắc Ninh	Văn Môn	Trường Tiểu học Đông Thọ
625	40	Bắc Ninh	phường Chũ	Trường Tiểu học Chũ số 1
626	41	Bắc Ninh	Phường Vân Hà	Trường Tiểu học Trung Sơn
627	42	Bắc Ninh	Phường Chũ	Trường Tiểu học Hồng Giang
628	43	Bắc Ninh	Việt Yên	Trường Tiểu học Bích Động
629	44	Bắc Ninh	Lục Nam	Trường Tiểu học Phương Sơn
630	45	Bắc Ninh	Tân Sơn	Trường Tiểu học Tân Sơn số 3
631	46	Bắc Ninh	Thuận Thành	Trường Tiểu học Gia Đông số 1
632	47	Bắc Ninh	Hoàng Vân	Trường Tiểu học Thanh Vân
633	48	Bắc Ninh	Vân Hà	Trường Tiểu học Vân Hà
634	49	Bắc Ninh	Phật Tích	Trường TH&THCS Minh Đạo
635	50	Bắc Ninh	phường Từ Sơn	Trường Tiểu học Đình Bảng 2

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
636	51	Bắc Ninh	Mỹ Thái	Trường Tiểu học Mỹ Thái
637	52	Bắc Ninh	Phường Đồng Nguyên	Trường TH&THCS Trang Hạ
638	53	Bắc Ninh	Phật Tích	Trường TH&THCS Phật Tích
639	54	Bắc Ninh	Nam Dương	Trường Tiểu học Nam Dương số 2
640	55	Bắc Ninh	Nénh	Trường Tiểu học Quang Châu
641	56	Bắc Ninh	Lạng Giang	Trường Tiểu học Vôi số 2
642	57	Bắc Ninh	Vân Hà	Trường Tiểu học Tiên sơn
643	58	Bắc Ninh	Lạng Giang	Trường Tiểu học Tân Hưng
644	59	Bắc Ninh	Trương Sơn	Trường Tiểu học Trương Sơn
645	60	Bắc Ninh	Nénh	Trường Tiểu học Hoàng Ninh
646	61	Bắc Ninh	Đông Cứu	Trường TH&THCS Lãng Ngâm
647	62	Bắc Ninh	Đào Viên	Trường Tiểu học và THCS Phù Lương
648	63	Bắc Ninh	Nhân Hòa	Trường Tiểu học và THCS Nhân Hòa
649	64	Bắc Ninh	Sa Lý	Trường TH&THCS Sa Lý
650	65	Bắc Ninh	Trương Sơn	Trường Tiểu học Vô Tranh 1

11. Quảng Ninh (65 trường)

651	1	Quảng Ninh	Đặc khu Cô Tô	Trường Tiểu học và THCS Thanh Lân
652	2	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Trường Tiểu học Hạ Long
653	3	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Trường Tiểu học và THCS Minh Châu
654	4	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Trường Tiểu học và THCS Vạn Yên
655	5	Quảng Ninh	Phường An Sinh	Trường Tiểu học và THCS Việt Dân
656	6	Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy	Trường Tiểu học Bãi Cháy
657	7	Quảng Ninh	Phường Bình Khê	Trường Tiểu học và THCS Trảng An
658	8	Quảng Ninh	Phường Cẩm Phả	Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu
659	9	Quảng Ninh	Phường Cẩm Phả	Trường Tiểu học Cẩm Trung
660	10	Quảng Ninh	Phường Cao Xanh	Trường Tiểu học và THCS Cao Xanh
661	11	Quảng Ninh	Phường Cửa Ông	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
662	12	Quảng Ninh	Phường Đông Mai	Trường Tiểu học và THCS Đông Mai
663	13	Quảng Ninh	Phường Đông Triều	Trường Tiểu học Thủy An
664	14	Quảng Ninh	Phường Đông Triều	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
665	15	Quảng Ninh	Phường Hà An	Trường Tiểu học Hà An
666	16	Quảng Ninh	Phường Hà Lâm	Trường Tiểu học Hà Lâm
667	17	Quảng Ninh	Phường Hạ Long	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản
668	18	Quảng Ninh	Phường Hiệp Hòa	Trường Tiểu học và THCS Hiệp Hòa
669	19	Quảng Ninh	Phường Hoàng Quế	Trường Tiểu học Hoàng Quế
670	20	Quảng Ninh	Phường Hoàn Bò	Trường Tiểu học Trới
671	21	Quảng Ninh	Phường Hồng Gai	Trường Tiểu học Hồng Gai
672	22	Quảng Ninh	Phường Liên Hòa	Trường Tiểu học Liên Hòa
673	23	Quảng Ninh	Phường Liên Hòa	Trường Tiểu học và THCS Tiên Phong
674	24	Quảng Ninh	Phường Mạo Khê	Trường Tiểu học Mạo Khê II
675	25	Quảng Ninh	Phường Mạo Khê	Trường Tiểu học Mạo Khê
676	26	Quảng Ninh	Phường Móng Cái 1	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng
677	27	Quảng Ninh	Phường Móng Cái 1	Trường Tiểu học và THCS Hải Hòa
678	28	Quảng Ninh	Phường Móng Cái 2	Trường Tiểu học Móng Cái 2
679	29	Quảng Ninh	Phường Móng Cái 3	Trường Tiểu học và THCS Hải Đông
680	30	Quảng Ninh	Phường Mông Dương	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi
681	31	Quảng Ninh	Phường Phong Cốc	Trường Tiểu học Phong Cốc I
682	32	Quảng Ninh	Phường Quang Hanh	Trường Tiểu học và THCS Quang Hanh
683	33	Quảng Ninh	Phường Quảng Yên	Trường Tiểu học Ngô Quyền
684	34	Quảng Ninh	Phường Quảng	Trường Tiểu học và THCS Tiên An
685	35	Quảng Ninh	Phường Uông Bí	Trường Tiểu học Quang Trung
686	36	Quảng Ninh	Phường Uông Bí	Trường Tiểu học và THCS Uông Bí
687	37	Quảng Ninh	Phường Vàng Danh	Trường Tiểu học và THCS Bắc Sơn
688	38	Quảng Ninh	Phường Vàng Danh	Trường Tiểu học và THCS Nam Khê
689	39	Quảng Ninh	Phường Việt Hưng	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
690	40	Quảng Ninh	Phường Yên Tử	Trường Tiểu học Phương Đông
691	41	Quảng Ninh	Phường Yên Tử	Trường Tiểu học và THCS Phương Đông
692	42	Quảng Ninh	Xã Ba Chẽ	Trường Tiểu học Ba Chẽ
693	43	Quảng Ninh	Xã Bình Liêu	Trường Tiểu học Tĩnh Húc
694	44	Quảng Ninh	Xã Bình Liêu	Trường Tiểu học và THCS Vô Ngại
695	45	Quảng Ninh	Xã Cái Chiên	Trường Tiểu học và THCS Cái Chiên
696	46	Quảng Ninh	Xã Đầm Hà	Trường Tiểu học Đầm Hà
697	47	Quảng Ninh	Xã Điền Xá	Trường Tiểu học và THCS Hà Lâu
698	48	Quảng Ninh	Xã Đông Ngũ	Trường Tiểu học và THCS Đông Ngũ
699	49	Quảng Ninh	Xã Đường Hoa	Trường PTNT Tiểu học và THCS Quảng Sơn
700	50	Quảng Ninh	Xã Hải Lạng	Trường Tiểu học và THCS Hải Lạng
701	51	Quảng Ninh	Xã Hải Ninh	Trường Tiểu học và THCS Hải Tiến
702	52	Quảng Ninh	Xã Hoành Mô	Trường Tiểu học và THCS Hoành Mô
703	53	Quảng Ninh	Xã Kỳ Thượng	Trường Tiểu học và THCS Thanh Lâm
704	54	Quảng Ninh	Xã Lục Hồn	Trường Tiểu học và THCS Lục Hồn
705	55	Quảng Ninh	Xã Lương Minh	Trường Tiểu học và THCS Lương Mông
706	56	Quảng Ninh	Xã Quảng Đức	Trường Tiểu học và THCS Quảng Đức
707	57	Quảng Ninh	Xã Quảng Hà	Trường Tiểu học Quảng Hà
708	58	Quảng Ninh	Xã Quảng Hà	Trường Tiểu học và THCS Quảng Chính
709	59	Quảng Ninh	Xã Quảng Hà	Trường Tiểu học và THCS Quảng Phong
710	60	Quảng Ninh	Xã Quảng La	Trường Tiểu học và THCS Quảng La
711	61	Quảng Ninh	Xã Quảng Tân	Trường Tiểu học và THCS Quảng An
712	62	Quảng Ninh	Xã Thống Nhất	Trường Tiểu học và THCS Thống Nhất
713	63	Quảng Ninh	Xã Tiên Yên	Trường Tiểu học Tiên Yên
714	64	Quảng Ninh	Xã Tiên Yên	Trường Tiểu học và THCS Phong Dụ
715	65	Quảng Ninh	Xã Vĩnh Thục	Trường Tiểu học và THCS Vĩnh Thục

12. TP. Hà Nội (65 trường)

716	1	TP. Hà Nội	Phường Vĩnh Tuy	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu
717	2	TP. Hà Nội	Phường Ba Đình	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh
718	3	TP. Hà Nội	Phường Giảng Võ	Trường Tiểu học Thành Công A
719	4	TP. Hà Nội	Phường Cửa Nam	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
720	5	TP. Hà Nội	Phường Tây Hồ	Trường Tiểu học Quảng An
721	6	TP. Hà Nội	Phường Việt Hưng	Trường Tiểu học Đức Giang
722	7	TP. Hà Nội	Phường Phúc Lợi	Trường Tiểu học Phúc Lợi
723	8	TP. Hà Nội	Phường Nghĩa Đô	Trường Tiểu học và THCS FPT Cầu Giấy
724	9	TP. Hà Nội	Phường Yên Hòa	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân
725	10	TP. Hà Nội	Phường Văn Miếu	Trường Tiểu học La Thành
726	11	TP. Hà Nội	Phường Đồng Đa	Trường Tiểu học Quang Trung
727	12	TP. Hà Nội	Phường Vĩnh Tuy	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
728	13	TP. Hà Nội	Phường Vĩnh Hưng	Trường Tiểu học Thanh Trì
729	14	TP. Hà Nội	Phường Tương Mai	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ
730	15	TP. Hà Nội	Phường Yên Sở	Trường Tiểu học Pháp Vân
731	16	TP. Hà Nội	Phường Thanh Xuân	Trường Tiểu học Thanh Xuân Trung
732	17	TP. Hà Nội	Xã Sóc Sơn	Trường Tiểu học Thị Trấn
733	18	TP. Hà Nội	Xã Trung Giã	Trường Tiểu học Bắc Sơn C
734	19	TP. Hà Nội	Xã Nội Bài	Trường Tiểu học Quang Tiến
735	20	TP. Hà Nội	Xã Phúc Thịnh	Trường Tiểu học Tiên Dương A
736	21	TP. Hà Nội	Xã Thụ Lâm	Trường Tiểu học Thụy Lâm A
737	22	TP. Hà Nội	Xã Vĩnh Thanh	Trường Tiểu học Tâm Xá
738	23	TP. Hà Nội	Xã Phù Đổng	Trường Tiểu học Quang Trung
739	24	TP. Hà Nội	Xã Gia Lâm	Trường Tiểu học Thị trấn Trâu Quỳ
740	25	TP. Hà Nội	Phường Từ Liêm	Trường Tiểu học Mễ Trì
741	26	TP. Hà Nội	Phường Đông Ngạc	Trường Tiểu học Thụy Phương
742	27	TP. Hà Nội	Phường Phú Diễn	Trường Tiểu học Nguyễn Khả Trạc
743	28	TP. Hà Nội	Phường Tây Mỗ	Trường Tiểu học Tây Mỗ

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
744	29	TP. Hà Nội	Phường Thanh Liệt	Trường Tiểu học Thanh Xuân Nam
745	30	TP. Hà Nội	Xã Ngọc Hồi	Trường Tiểu học Đại Áng
746	31	TP. Hà Nội	Xã Quang Minh	Trường Tiểu Học Chi Đông
747	32	TP. Hà Nội	Xã Yên Lãng	Trường Tiểu học Thạch Đà A
748	33	TP. Hà Nội	Xã Mê Linh	Trường Tiểu Học Tiên Phong B
749	34	TP. Hà Nội	Phường Hà Đông	Trường Tiểu học Nguyễn Du
750	35	TP. Hà Nội	Phường Hà Đông	Trường Tiểu học & THCS Hà Nội - Thăng Long
751	36	TP. Hà Nội	Phường Sơn Tây	Trường Tiểu học Viên Sơn
752	37	TP. Hà Nội	Xã Đoài Phương	Trường Tiểu học Cổ Đông
753	38	TP. Hà Nội	Xã Cổ Đô	Trường Tiểu học Tân Hồng
754	39	TP. Hà Nội	Xã Bất Bạt	Trường Tiểu học Sơn Đà
755	40	TP. Hà Nội	Xã Phúc Thọ	Trường Tiểu học Thọ Lộc
756	41	TP. Hà Nội	Xã Phúc Lộc	Trường Tiểu học Sen Phương
757	42	TP. Hà Nội	Xã Đan Phượng	Trường Tiểu học Song Phượng
758	43	TP. Hà Nội	Xã Ô Diên	Trường Tiểu học Liên Hà
759	44	TP. Hà Nội	Xã Hoài Đức	Trường Tiểu học Lý Nam Đế
760	45	TP. Hà Nội	Xã Sơn Đông	Trường Tiểu học Song Phương
761	46	TP. Hà Nội	Phường Dương Nội	Trường Tiểu học Dương Nội A
762	47	TP. Hà Nội	Xã Quốc Oai	Trường Tiểu học Sài Sơn B
763	48	TP. Hà Nội	Xã Hưng Đạo	Trường Tiểu học Đồng Quang B
764	49	TP. Hà Nội	Xã Thạch Thất	Trường Tiểu học Phú Kim
765	50	TP. Hà Nội	Xã Tây Phương	Trường Tiểu học Dị Nậu
766	51	TP. Hà Nội	Phường Chương Mỹ	Trường Tiểu học Tiên Phương
767	52	TP. Hà Nội	Xã Xuân Mai	Trường Tiểu học Thủy Xuân Tiên
768	53	TP. Hà Nội	Xã Trần Phú	Trường Tiểu học Mỹ Lương
769	54	TP. Hà Nội	Xã Thanh Oai	Trường Tiểu học Kim An
770	55	TP. Hà Nội	Xã Bình Minh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Newton 5
771	56	TP. Hà Nội	Xã Thường Tín	Trường Tiểu học Hoà Bình
772	57	TP. Hà Nội	Xã Hồng Vân	Trường Tiểu học Vân Tảo
773	58	TP. Hà Nội	Xã Phú Xuyên	Trường Tiểu học Minh Cường
774	59	TP. Hà Nội	Xã Phương Dịch	Trường Tiểu học Phú Túc
775	60	TP. Hà Nội	Xã Đại Xuyên	Trường Tiểu học Quang Lãng
776	61	TP. Hà Nội	Xã Ứng Thiên	Trường Tiểu học Viên Nội
777	62	TP. Hà Nội	Xã Ứng Hòa	Trường Tiểu học Đại Hùng
778	63	TP. Hà Nội	Xã Mỹ Đức	Trường Tiểu học Đại Nghĩa
779	64	TP. Hà Nội	Xã Hồng Sơn	Trường Tiểu học An Mỹ
780	65	TP. Hà Nội	Xã Hương Sơn	Trường Tiểu học Hương Sơn C

13. TP. Hải Phòng (65 trường)

781	1	TP. Hải Phòng	Xã Hải Hưng	Trường tiểu học Tân Trào
782	2	TP. Hải Phòng	Xã Mao Điền	Trường Tiểu học Cẩm Phúc
783	3	TP. Hải Phòng	Xã Lạc Phượng	Trường Tiểu học Phượng Kỳ
784	4	TP. Hải Phòng	Xã Mao Điền	Trường Tiểu học Tân Trường II
785	5	TP. Hải Phòng	Xã Khúc Thừa Dụ	Trường Tiểu học Hồng Phúc
786	6	TP. Hải Phòng	Xã Hà Đông	Trường Tiểu học Vĩnh Lập
787	7	TP. Hải Phòng	Phường Bắc An Phụ	Trường Tiểu học Lê Ninh
788	8	TP. Hải Phòng	Trần Hưng Đạo	Trường Tiểu học Hưng Đạo
789	9	TP. Hải Phòng	Xã Lai Khê	Trường Tiểu học Cổ Dũng
790	10	TP. Hải Phòng	Phường Tứ Minh	Trường Tiểu học Cẩm Đoài
791	11	TP. Hải Phòng	Xã Ninh Giang	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa
792	12	TP. Hải Phòng	Xã Hợp Tiến	Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi
793	13	TP. Hải Phòng	Xã Lạc Phượng	Trường Tiểu học Cộng Lạc
794	14	TP. Hải Phòng	Xã Hải Hưng	Trường Tiểu học Đoàn Kết
795	15	TP. Hải Phòng	Chu Văn An	Trường Tiểu học Sao Đỏ
796	16	TP. Hải Phòng	Phạm Sư Mạnh	Trường Tiểu học An Sinh
797	17	TP. Hải Phòng	phường Ái Quốc	Trường Tiểu học Ái Quốc

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
798	18	TP. Hải Phòng	Xã Hà Nam	Trường Tiểu học Thanh An
799	19	TP. Hải Phòng	Xã Hợp Tiến	Trường Tiểu học Hợp Tiến
800	20	TP. Hải Phòng	Phường Chu Văn An	Trường Tiểu học Chí Minh
801	21	TP. Hải Phòng	Xã Vĩnh Lại	Trường Tiểu học Ninh Thành
802	22	TP. Hải Phòng	Xã Trần Phú	Trường Tiểu học Nam Trung
803	23	TP. Hải Phòng	Phường Nhị Chiểu	Trường Tiểu học Hoàn Sơn
804	24	TP. Hải Phòng	Xã Lai Khê	Trường Tiểu học Tuấn Việt
805	25	TP. Hải Phòng	Xã Gia Lộc	Trường Tiểu học Thanh Hà
806	26	TP. Hải Phòng	Xã Bình Giang	Trường Tiểu học Tân Việt
807	27	TP. Hải Phòng	Xã Ninh Giang	Trường Tiểu học Đồng Tâm
808	28	TP. Hải Phòng	Xã Hà Đông	Trường Tiểu học Thanh Quang
809	29	TP. Hải Phòng	Trần Hưng Đạo	Trường Tiểu học Cộng Hòa
810	30	TP. Hải Phòng	Lê Thanh Nghị	Trường Tiểu học Đặng Quốc Chinh
811	31	TP. Hải Phòng	Nam Đồng	Trường Tiểu học Nam Đồng
812	32	TP. Hải Phòng	Thành Đông	Trường Tiểu học Bình Hàn
813	33	TP. Hải Phòng	Nguyễn Đại Năng	Trường Tiểu học Hiến Thành
814	34	TP. Hải Phòng	Xã Tứ Kỳ	Trường Tiểu học Minh Đức
815	35	TP. Hải Phòng	Xã Mao Điền	Trường Tiểu học Tân Trường I
816	36	TP. Hải Phòng	Phường An Dương	Trường Tiểu học Tân Tiến
817	37	TP. Hải Phòng	Phường Hưng Đạo	Trường Tiểu học Đa Phúc
818	38	TP. Hải Phòng	Phường Kiến An	Trường Tiểu học Quán Trữ
819	39	TP. Hải Phòng	Xã Kiến Hưng	Trường Tiểu học Ngũ Đoan
820	40	TP. Hải Phòng	Phường Gia Viên	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
821	41	TP. Hải Phòng	Phường Bạch Đằng	Trường Tiểu học Minh Đức
822	42	TP. Hải Phòng	Xã Quyết Thắng	Trường Tiểu học Đại Thắng
823	43	TP. Hải Phòng	Xã Tiên Lãng	Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng
824	44	TP. Hải Phòng	Xã Vĩnh Am	Trường Tiểu học Cao Minh
825	45	TP. Hải Phòng	Xã Nguyễn Bình Khiêm	Trường Tiểu học Trần Dương
826	46	TP. Hải Phòng	Phường An Phong	Trường Tiểu học Hồng Phong
827	47	TP. Hải Phòng	Phường Đông Hải	Trường Tiểu học Nam Hải
828	48	TP. Hải Phòng	Xã An Lão	Trường Tiểu học Trường Sơn
829	49	TP. Hải Phòng	Phường Thủy Nguyên	Trường Tiểu học Thủy Sơn
830	50	TP. Hải Phòng	Phường Hồng Bàng	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi
831	51	TP. Hải Phòng	Phường Thiên Hương	Trường Tiểu học Hoàng Động
832	52	TP. Hải Phòng	Phường Hồng An	Trường Tiểu học Quán Toan
833	53	TP. Hải Phòng	Phường An Dương	Trường Tiểu học An Dương
834	54	TP. Hải Phòng	Xã An Lão	Trường Tiểu học Tân Dân
835	55	TP. Hải Phòng	Phường Hồng An	Trường Tiểu học An Hưng
836	56	TP. Hải Phòng	Phường Kiến An	Trường Tiểu học Thực Hành
837	57	TP. Hải Phòng	Phường Lê Chân	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố
838	58	TP. Hải Phòng	Xã Lưu Kiếm	Trường Tiểu học Cao Nhân
839	59	TP. Hải Phòng	Phường Lê Ích Mộc	Trường Tiểu học Mỹ Đồng
840	60	TP. Hải Phòng	Phường Thủy Nguyên	Trường Tiểu học Tân Dương
841	61	TP. Hải Phòng	Xã Vĩnh Thuận	Trường Tiểu học Dũng Tiến
842	62	TP. Hải Phòng	Xã Vĩnh Bảo	Trường Tiểu học Vinh Quang
843	63	TP. Hải Phòng	Xã Thanh Hà	Trường Tiểu học Thị trấn Thanh Hà
844	64	TP. Hải Phòng	Phường An Phong	Trường Tiểu học Lê Thiện
845	65	TP. Hải Phòng	Xã Việt Khê	Trường Tiểu học An Sơn

14. Hưng Yên (65 trường)

846	1	Hưng Yên	Xã Tiền Hải	Trường Tiểu học Tây Sơn
847	2	Hưng Yên	Xã Hưng Phú	Trường Tiểu học Nam Trung
848	3	Hưng Yên	Xã Đông Quan	Trường Tiểu học Đông Huy
849	4	Hưng Yên	Xã Tây Tiền Hải	Trường TH&THCS Phương Công
850	5	Hưng Yên	Xã Hồng Minh	Trường Tiểu học Lý Nam Đế
851	6	Hưng Yên	Phường Vũ Phúc	Trường Tiểu học Trung An

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
852	7	Hung Yên	Xã Yên Mỹ	Trường Tiểu học TT Yên Mỹ II
853	8	Hung Yên	Xã Hiệp Cường	Trường TH&THCS Hiệp Cường 2
854	9	Hung Yên	Xã Phạm Ngũ Lão	Trường Tiểu học Đào Dương
855	10	Hung Yên	Xã Ngọc Lâm	Trường Tiểu học Quỳnh Ngọc
856	11	Hung Yên	Xã Đông Tiền Hải	Trường TH&THCS Đông Trung
857	12	Hung Yên	Xã Nam Cường	Trường Tiểu học Nam Chính
858	13	Hung Yên	Phường Phố Hiến	Trường TH&THCS Quang Trung
859	14	Hung Yên	Xã A Sào	Trường Tiểu học An Đông
860	15	Hung Yên	Phường Đường Hào	Trường Tiểu học Dị Sử
861	16	Hung Yên	Xã Thần Khê	Trường Tiểu học Chi Lăng
862	17	Hung Yên	Xã Lê Lợi	Trường Tiểu học Nam Cao
863	18	Hung Yên	Xã Hưng Hà	Trường Tiểu học & THCS Hồng Lĩnh
864	19	Hung Yên	Phường Thái Bình	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
865	20	Hung Yên	xã Phụ Dục	Trường Tiểu học An Mỹ
866	21	Hung Yên	Phường Mỹ Hào	Trường Tiểu học và THCS Bản Yên Nhân
867	22	Hung Yên	Xã Việt Yên	Trường Tiểu học Yên Phú
868	23	Hung Yên	Phường Hồng Châu	Trường TH&THCS Hoàng Hanh
869	24	Hung Yên	xã Việt Tiến	Trường TH&THCS Đồng Tiến
870	25	Hung Yên	Xã Tiên Lữ	Trường Tiểu học Thụy Lôi
871	26	Hung Yên	Xã Hồng Quang	Trường TH&THCS Tiên Phong
872	27	Hung Yên	Xã Nam Đông Hưng	Trường TH&THCS Đông Động
873	28	Hung Yên	Xã Tiên Hoa	Trường Tiểu học Lê Xá
874	29	Hung Yên	Xã Thái Ninh	Trường TH&THCS Thái Hưng
875	30	Hung Yên	Xã Phụng Công	Trường TH, THCS và THPT Edison
876	31	Hung Yên	Xã Bắc Thái Ninh	Trường TH&THCS Thái Hồng
877	32	Hung Yên	Xã Bắc Thụy Anh	Trường TH&THCS Thụy Văn
878	33	Hung Yên	Phường Sơn Nam	Trường TH&THCS Hùng Cường
879	34	Hung Yên	Xã Như Quỳnh	Trường Tiểu học Lạc Hồng
880	35	Hung Yên	Xã Chí Minh	Trường TH&THCS Chí Tân
881	36	Hung Yên	Xã Lương Bằng	Trường TH&THCS Nhân La
882	37	Hung Yên	Phường Trần Hưng Đạo	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo
883	38	Hung Yên	Xã Nguyễn Trãi	Trường TH&THCS Cẩm Ninh
884	39	Hung Yên	Xã Châu Ninh	Trường TH&THCS Đại Tập
885	40	Hung Yên	Phường Trà Lý	Trường Tiểu học Hoàng Diệu
886	41	Hung Yên	Xã Tây Thái Ninh	Trường TH&THCS Thái Giang
887	42	Hung Yên	xã Quỳnh Phụ	Trường Tiểu học Quỳnh Hồng
888	43	Hung Yên	Xã Diên Hà	Trường Tiểu học Duyên Hải
889	44	Hung Yên	Phường Thượng Hồng	Trường Tiểu học và THCS Minh Đức
890	45	Hung Yên	Xã Vạn Xuân	Trường TH&THCS Việt Hùng
891	46	Hung Yên	Xã Ngự Thiên	Trường Tiểu học Cộng Hòa
892	47	Hung Yên	Xã Đông Thái Ninh	Trường TH&THCS Thái Tân
893	48	Hung Yên	xã Hoàng Hoa Thám	Trường Tiểu học Dị Chế
894	49	Hung Yên	Xã Khoái Châu	Trường TH&THCS Bình Kiều
895	50	Hung Yên	xã Nam Tiền Hải	Trường Tiểu học Nam Hồng
896	51	Hung Yên	Xã Tiên Hưng	Trường Tiểu học Bạch Đằng
897	52	Hung Yên	Xã Thụy Anh	Trường TH&THCS Thụy Dương
898	53	Hung Yên	xã Hồng Vũ	Trường TH&THCS Vũ Thắng
899	54	Hung Yên	xã Nghĩa Dân	Trường Tiểu học Vĩnh Xá
900	55	Hung Yên	Xã Đức Hợp	Trường TH&THCS Thọ Vinh
901	56	Hung Yên	Xã Bình Định	Trường TH&THCS Nam Bình
902	57	Hung Yên	Xã Vũ Thư	Trường Tiểu học Vũ Thư
903	58	Hung Yên	Xã Đông Bằng	Trường TH&THCS An Quý
904	59	Hung Yên	Xã Tiên La	Trường TH&THCS Tân Tiến
905	60	Hung Yên	Xã Đông Thụy Anh	Trường TH&THCS Thụy Tân
906	61	Hung Yên	Xã Nguyễn Du	Trường Tiểu học và THCS Quỳnh Khê

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
907	62	Hung Yên	Xã Nam Tiên Hưng	Trường Tiểu học Trọng Quan
908	63	Hung Yên	Xã Đông Châu	Trường TH&THCS Đông Lâm
909	64	Hung Yên	Xã Thái Thụy	Trường TH&THCS Thụy Bình
910	65	Hung Yên	Phường Phố Hiến	Trường TH&THCS Hưng Yên
15. Ninh Bình (65 trường)				
911	1	Ninh Bình	Xã Hải Anh	Trường Tiểu học Hải Anh
912	2	Ninh Bình	Xuân Hồng	Trường Tiểu học Xuân Thành
913	3	Ninh Bình	Duy Hà	Trường Tiểu học Hoàng Đông
914	4	Ninh Bình	Đông Thịnh	Trường Tiểu học Nghĩa Đồng
915	5	Ninh Bình	Duy Tiên	Trường Tiểu học Trác Văn
916	6	Ninh Bình	Nho Quan	Trường TH&THCS Lạng Phong
917	7	Ninh Bình	Yên Mô	Trường Tiểu học Yên Thịnh
918	8	Ninh Bình	Phát Diệm	Trường TH&THCS Kim Chính
919	9	Ninh Bình	Hiển Khánh	Trường Tiểu học Hợp Hưng
920	10	Ninh Bình	Xã Bình Sơn	Trường Tiểu học Tiêu Động
921	11	Ninh Bình	Xã Hải Hưng	Trường Tiểu học Hải Lộc
922	12	Ninh Bình	Xã Ý Yên	Trường Tiểu học Ý Yên
923	13	Ninh Bình	Xã Ý Yên	Trường Tiểu học Yên Xá
924	14	Ninh Bình	Xã Nam Ninh	Trường Tiểu học Nam Hải
925	15	Ninh Bình	Xã Thanh Bình	Trường Tiểu học Liêm Túc
926	16	Ninh Bình	Xã Nam Lý	Trường Tiểu học Nhân Hòa
927	17	Ninh Bình	Xã Quang Thiện	Trường Tiểu học Quang Thiện
928	18	Ninh Bình	Xã Bình Giang	Trường Tiểu học Bồ Đề
929	19	Ninh Bình	Xã Giao Hưng	Trường tiểu học Giao Long
930	20	Ninh Bình	Xã Liên Minh	Trường Tiểu học Vĩnh Hào
931	21	Ninh Bình	Xã Chát Bình	Trường TH&THCS Chính Tâm
932	22	Ninh Bình	Xã Yên Khánh	Trường Tiểu học Khánh Cư
933	23	Ninh Bình	Xã Ninh Cường	Trường Tiểu học Trục Cường
934	24	Ninh Bình	Xã Cát Thành	Trường tiểu học Việt Hùng.
935	25	Ninh Bình	Phường Kim Thanh	Trường Tiểu học Nhật Tựu
936	26	Ninh Bình	Xã Nam Minh	Trường Tiểu học Nam Dương
937	27	Ninh Bình	phường Trường Thi	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi
938	28	Ninh Bình	Xã Vụ Bản	Trường Tiểu học Tam Thanh
939	29	Ninh Bình	Xã Quỳnh Lưu	Trường Tiểu học Quỳnh Lưu
940	30	Ninh Bình	Phường Kim Bảng	Trường Tiểu học Chu Văn An
941	31	Ninh Bình	Phường Phù Vân	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
942	32	Ninh Bình	Xã Chát Bình	Trường TH&THCS Xuân Thiện
943	33	Ninh Bình	Xã Bình Minh	Trường tiểu học B Kim Mỹ
944	34	Ninh Bình	Phường Yên Thắng	Trường tiểu học Khánh Thượng
945	35	Ninh Bình	xã Xuân Hưng	Trường Tiểu học Thọ Nghiệp
946	36	Ninh Bình	Xã Hải Hậu	Trường Tiểu học Hải Long
947	37	Ninh Bình	Phường Nam Hoa Lư	Trường Tiểu học Ninh Sơn
948	38	Ninh Bình	Xã Thanh Bình	Trường Tiểu học Liêm Sơn
949	39	Ninh Bình	xã Minh Tân	Trường Tiểu học Tân Khánh
950	40	Ninh Bình	Phường Hoa Lư	Trường Tiểu học Ninh Tiến
951	41	Ninh Bình	Xã Xuân Giang	Trường Tiểu học Xuân Đài
952	42	Ninh Bình	Phường Mỹ Lộc	Trường Tiểu học Mỹ Hưng
953	43	Ninh Bình	Phường Hoa Lư	Trường tiê học Ninh Khánh
954	44	Ninh Bình	Phường Vị Khê	Trường Tiểu học Nam Mỹ
955	45	Ninh Bình	Xã Quang Hưng	Trường Tiểu học Trục Thuận
956	46	Ninh Bình	Hải Tiến	Trường Tiểu học Côn
957	47	Ninh Bình	Xã Bình Mỹ	Trường Tiểu học A Bình Mỹ
958	48	Ninh Bình	Bình An	Trường Tiểu học Ngọc Lũ
959	49	Ninh Bình	Xã Bình An	Trường Tiểu học Trung Lương
960	50	Ninh Bình	Xã Nghĩa Hưng	Trường Tiểu học Nghĩa Trung

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
961	51	Ninh Bình	Phường Hoa Lư	Trường Tiểu học Đông Thành
962	52	Ninh Bình	Phường Nam Định	Trường Tiểu học Kim Đồng
963	53	Ninh Bình	Phường Nam Định	Trường Tiểu học Trần Phú
964	54	Ninh Bình	Phường Tam Điệp	Trường Tiểu học Quang Sơn
965	55	Ninh Bình	Xã Minh Thái	Trường Tiểu học Trục Thăng
966	56	Ninh Bình	Phường Liêm Tuyền	Trường Tiểu học Trịnh Xá
967	57	Ninh Bình	Nam Xang	Trường Tiểu học Đức Lý
968	58	Ninh Bình	Xã Gia Hưng	Trường tiểu học Gia Hưng
969	59	Ninh Bình	Xã Trục Ninh	Trường tiểu học Trục Thanh
970	60	Ninh Bình	Xã Gia viễn	Trường Tiểu học Gia Thịnh A
971	61	Ninh Bình	Xã Gia Lâm	Trường Tiểu học Xích Thổ
972	62	Ninh Bình	Xã Hải Hưng	Trường Tiểu học Hải Phúc
973	63	Ninh Bình	Xã Chất Bình	Trường Tiểu học Hối Ninh
974	64	Ninh Bình	Phường Mỹ Lộc	Trường Tiểu học Mỹ Tiến
975	65	Ninh Bình	Xã Xuân Giang	Trường Tiểu học Xuân Tân

(Tổng số 975 trường của 15 tỉnh/thành phố khu vực miền Bắc)

B. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Trung

III. Vùng Bắc Trung Bộ

16. Thanh Hóa (65 trường)

976	1	Thanh Hóa	Phường Đào Duy Từ	Trường TH&THCS Hải Yến
977	2	Thanh Hóa	Phường Đông Sơn	Trường Tiểu học Đông Ninh
978	3	Thanh Hóa	Phường Đông Tiến	Trường Tiểu học Đông Tiến
979	4	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường Tiểu học Điện Biên 2
980	5	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường Tiểu học Minh Khai 1
981	6	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường TH, THCS&THPT Vinschool Star City
982	7	Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng	Trường Tiểu học Nam Ngạn
983	8	Thanh Hóa	Phường Nghi Sơn	Trường Tiểu học Nghi Sơn
984	9	Thanh Hóa	Phường Quảng Phú	Trường Tiểu học Hermann Gmeiner
985	10	Thanh Hóa	Phường Quang Trung	Trường Tiểu học Ngọc Trạo
986	11	Thanh Hóa	Phường Sầm Sơn	Trường Tiểu học Trung Sơn 1
987	12	Thanh Hóa	Phường Tĩnh Gia	Trường Tiểu học Hải Thanh
988	13	Thanh Hóa	Xã An Nông	Trường Tiểu học Tiến Nông
989	14	Thanh Hóa	Xã Bản Bôn	Trường Tiểu học Yên Khương
990	15	Thanh Hóa	Xã Các Sơn	Trường Tiểu học Các Sơn B
991	16	Thanh Hóa	Xã Cẩm Thạch	Trường Tiểu học Cẩm Bình 3
992	17	Thanh Hóa	Xã Cẩm Vân	Trường TH&THCS Cẩm Tâm
993	18	Thanh Hóa	Xã Điền Lư	Trường Tiểu học Điền Lư
994	19	Thanh Hóa	Xã Định Tân	Trường Tiểu học Định Hưng
995	20	Thanh Hóa	Xã Đông Thành	Trường Tiểu học Thành Lộc
996	21	Thanh Hóa	Xã Hà Trung	Trường Tiểu học Hà Ninh
997	22	Thanh Hóa	Xã Hoa Lộc	Trường Tiểu học Hoa Lộc
998	23	Thanh Hóa	Xã Hoạt Giang	Trường Tiểu học Hà Bình
999	24	Thanh Hóa	Xã Hoằng Giang	Trường Tiểu học Hoằng Quý
1000	25	Thanh Hóa	Xã Hoằng Hóa	Trường TH&THCS Hoằng Đức 2
1001	26	Thanh Hóa	Xã Hoằng Phú	Trường Tiểu học Hoằng Trung
1002	27	Thanh Hóa	Xã Hoằng Tiến	Trường Tiểu học Lê Xuân Lan
1003	28	Thanh Hóa	Xã Hồ Vượng	Trường Tiểu học Nga Thành
1004	29	Thanh Hóa	Xã Kiên Thọ	Trường Tiểu học Kiên Thọ 2
1005	30	Thanh Hóa	Xã Lam Sơn	Trường Tiểu học Lam Sơn
1006	31	Thanh Hóa	Xã Lĩnh Toại	Trường Tiểu học Lĩnh Toại
1007	32	Thanh Hóa	Xã Mậu Lâm	Trường Tiểu học Mậu Lâm 1
1008	33	Thanh Hóa	Xã Mường Lát	Trường TH&THCS Mường Lát
1009	34	Thanh Hóa	Xã Nông Công	Trường Tiểu học Minh Thọ
1010	35	Thanh Hóa	Xã Nga Sơn	Trường Tiểu học Nga Sơn
1011	36	Thanh Hóa	Xã Ngọc Lặc	Trường Tiểu học Mỹ Tân

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1012	37	Thanh Hóa	Xã Ngọc Liên	Trường TH&THCS Lộc Thịnh
1013	38	Thanh Hóa	Xã Nguyệt Ân	Trường Tiểu học Vân Am
1014	39	Thanh Hóa	Xã Pù Luông	Trường Tiểu học Thành Lâm
1015	40	Thanh Hóa	Xã Quan Sơn	Trường TH&THCS Sơn Lư
1016	41	Thanh Hóa	Xã Quảng Chính	Trường Tiểu học Quảng Trường
1017	42	Thanh Hóa	Xã Quảng Yên	Trường Tiểu học Quảng Trạch
1018	43	Thanh Hóa	Xã Sao Vàng	Trường Tiểu học Xuân Phú
1019	44	Thanh Hóa	Xã Tân Ninh	Trường Tiểu học Thái Hòa
1020	45	Thanh Hóa	Xã Tây Đô	Trường Tiểu học Vĩnh Quang
1021	46	Thanh Hóa	Xã Tống Sơn	Trường Tiểu học Hà Tiến
1022	47	Thanh Hóa	Xã Thạch Bình	Trường TH&THCS Thạch Tân
1023	48	Thanh Hóa	Xã Thạch Quảng	Trường Tiểu học Thạch Tượng 2
1024	49	Thanh Hóa	Xã Thành Vinh	Trường Tiểu học Thành Minh 1
1025	50	Thanh Hóa	Xã Thăng Lộc	Trường Tiểu học Xuân Thăng
1026	51	Thanh Hóa	Xã Thiệu Hoá	Trường Tiểu học Vạn Hà
1027	52	Thanh Hóa	Xã Thiệu Tiến	Trường Tiểu học Thiệu Ngọc
1028	53	Thanh Hóa	Xã Thiệu Trung	Trường Tiểu học Thiệu Lý
1029	54	Thanh Hóa	Xã Thọ Long	Trường Tiểu học Bắc Lương
1030	55	Thanh Hóa	Xã Thọ Phú	Trường Tiểu học Thọ Tân
1031	56	Thanh Hóa	Xã Thượng Ninh	Trường Tiểu học Cát Tân
1032	57	Thanh Hóa	Xã Triệu Lộc	Trường Tiểu học Đại Lộc
1033	58	Thanh Hóa	Xã Triệu Sơn	Trường TH&THCS Minh Sơn
1034	59	Thanh Hóa	Xã Trung Lý	Trường Tiểu học Trung Lý 1
1035	60	Thanh Hóa	Xã Trường Văn	Trường Tiểu học Trường Sơn
1036	61	Thanh Hóa	Xã Vạn Xuân	Trường Tiểu học Vạn Xuân
1037	62	Thanh Hóa	Xã Vĩnh Lộc	Trường Tiểu học Vĩnh Hưng
1038	63	Thanh Hóa	Xã Xuân Chinh	Trường Tiểu học Xuân Lệ
1039	64	Thanh Hóa	Xã Xuân Lập	Trường Tiểu học Xuân Lập
1040	65	Thanh Hóa	Xã Yên Định	Trường Tiểu học Quán Lào

17. Nghệ An (65 trường)

1041	1	Nghệ An	Phường Vinh Phú	Trường Tiểu học Hà Huy tập 1
1042	2	Nghệ An	Phường Vinh Phú	Trường Tiểu học Nghi Đức
1043	3	Nghệ An	Xã Nghi Lộc	Trường Tiểu học Nghi Hoa
1044	4	Nghệ An	Quỳnh Thắng	Trường Tiểu học Quỳnh Thắng B
1045	5	Nghệ An	Xã Hữu Khuông	Trường PTDTBT Tiểu học Hữu Khuông
1046	6	Nghệ An	Xã Diễn Châu	Trường Tiểu học Diễn Thành
1047	7	Nghệ An	Xã Đức Châu	Trường Tiểu học Diễn Vạn
1048	8	Nghệ An	Phường Thành Vinh	Trường Tiểu học Hưng Bình
1049	9	Nghệ An	Hưng Nguyên	Trường Tiểu học Hưng Đạo
1050	10	Nghệ An	Minh Châu	Trường Tiểu học Diễn Quảng
1051	11	Nghệ An	Xã Nghĩa Dũng	Trường Tiểu học Nghĩa Dũng
1052	12	Nghệ An	Tiên Đồng	Trường Tiểu học Đồng Văn 3
1053	13	Nghệ An	Xã Hùng Châu	Trường Tiểu học Diễn Lâm 2
1054	14	Nghệ An	Phường Vinh Lộc	Trường Tiểu học Nghi Thái
1055	15	Nghệ An	Xã Đông Lộc	Trường Tiểu học Khánh Hợp
1056	16	Nghệ An	Xã Hưng Nguyên Nam	Trường Tiểu học Hưng Tân
1057	17	Nghệ An	Xã Châu Tiên	Trường Tiểu học Châu Thắng
1058	18	Nghệ An	Xã Bạch Ngọc	Trường tiểu học Giang Sơn Tây
1059	19	Nghệ An	Tân An	Trường Tiểu học Nghĩa Phúc
1060	20	Nghệ An	Xã Châu Tiên	Trường Tiểu học Châu Bình
1061	21	Nghệ An	Xã Văn Tụ	Trường Tiểu học Công Thành 2
1062	22	Nghệ An	xã An Châu	Trường Tiểu học Diễn Tân
1063	23	Nghệ An	Xã Quan Thành	Trường TH&THCS Trung Thành
1064	24	Nghệ An	Xã Con Cuông	Trường Tiểu học 1 Trà Lân
1065	25	Nghệ An	Xã Keng Đu	Trường PTDTBT Tiểu học Keng Đu 2

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1066	26	Nghệ An	Phường Tân Mai	Trường Tiểu học Quỳnh Di
1067	27	Nghệ An	Tân Kỳ	Trường Tiểu học Kỳ Tân
1068	28	Nghệ An	Mường Xén	Trường tiểu học Thị trấn Mường Xén
1069	29	Nghệ An	xã Con Cuông	Trường tiểu học Chi Khê
1070	30	Nghệ An	Phường Vinh Lộc	Trường Tiểu học Nghi Xuân
1071	31	Nghệ An	Nghi Lộc	Trường Tiểu học Nghi Vạn
1072	32	Nghệ An	Quỳnh Văn	Trường Tiểu học Quỳnh Tân B
1073	33	Nghệ An	Xã Hải Châu	Trường Tiểu học Diên Hoàng
1074	34	Nghệ An	Xã Nghĩa Hưng	Trường Tiểu học Nghĩa Hiếu
1075	35	Nghệ An	Phường Hoàng Mai	Trường Tiểu học Quỳnh Trang
1076	36	Nghệ An	Lương Sơn	Trường Tiểu học Trảng Sơn
1077	37	Nghệ An	Phường Quỳnh Mai	Trường Tiểu học Quỳnh Liên
1078	38	Nghệ An	Xã Bắc Lý	Trường PTDTBT Tiểu học Bắc Lý 1
1079	39	Nghệ An	Xã Cát Ngạn	Trường Tiểu học và THCS Phong Thịnh
1080	40	Nghệ An	Xã Quỳnh Châu	Trường Tiểu học Châu Hội 2
1081	41	Nghệ An	Xã Châu Khê	Trường Tiểu học Lạng Khê
1082	42	Nghệ An	Xã Quỳnh Sơn	Trường TH&THCS Ngọc Sơn
1083	43	Nghệ An	Xã Quỳnh Lưu	Trường Tiểu học Quỳnh Giang
1084	44	Nghệ An	Xã Phúc Lộc	Trường Tiểu học Nghi Mỹ
1085	45	Nghệ An	Xã Mường Quảng	Trường Tiểu học Quang Phong 2
1086	46	Nghệ An	Chiêu Lưu	Trường PTDTBT TH&THCS Bảo Thắng
1087	47	Nghệ An	Nậm Cắn	Trường PTDTBT TH&THCS Phà Đánh
1088	48	Nghệ An	Xã Mường Quảng	Trường Tiểu học Cẩm Muộn 1
1089	49	Nghệ An	Xã Nghĩa Hưng	Trường Tiểu học Nghĩa Hưng
1090	50	Nghệ An	Phường Cửa Lò	Trường tiểu học Nghi Hương
1091	51	Nghệ An	Xã Châu Tiên	Trường Tiểu học Châu Thắng
1092	52	Nghệ An	Xã Đông Thành	Trường Tiểu học Phú Thành
1093	53	Nghệ An	Xã Châu Lộc	Trường Tiểu học Châu Lộc
1094	54	Nghệ An	xã Quế Phong	Trường TH&THCS Châu Kim
1095	55	Nghệ An	Xã Đông Hiếu	Trường Tiểu học Nghĩa Thuận C
1096	56	Nghệ An	Xã Tam Đồng	Trường Tiểu học Thanh Tiên
1097	57	Nghệ An	Xã Hữu Kiệm	Trường PTDTBT Tiểu học Bảo Nam 2
1098	58	Nghệ An	Xã Hải Lộc	Trường Tiểu học Nghi Thiết
1099	59	Nghệ An	Cát Ngạn	Trường Tiểu học Nho Hoà
1100	60	Nghệ An	Trường Vinh	Trường PT Hermann Gmeiner Vinh
1101	61	Nghệ An	Xã Châu Hồng	Trường PTDTBT Tiểu học Châu Thành
1102	62	Nghệ An	Xã Mường Xén	Trường PTDTBT TH&THCS Tây Sơn
1103	63	Nghệ An	Xã Nghi Lộc	Trường Tiểu học Quán Hành
1104	64	Nghệ An	Xã Tương Dương	Trường Tiểu học thị trấn Thạch Giám 2
1105	65	Nghệ An	Xã Đông Thành	Trường Tiểu học Hồng Thành

18. Hà Tĩnh (65 trường)

1106	1	Hà Tĩnh	Phường Vũng Áng	Trường Tiểu học Kỳ Thịnh 2
1107	2	Hà Tĩnh	Xã Gia Hanh	Trường Tiểu học Thanh Lộc
1108	3	Hà Tĩnh	Xã Xuân Lộc	Trường Tiểu học Xuân Lộc
1109	4	Hà Tĩnh	Xã Hồng Lộc	Trường Tiểu học Tân Lộc
1110	5	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Thượng	Trường Tiểu học Kỳ Thượng
1111	6	Hà Tĩnh	Phường Bắc Hồng Lĩnh	Trường Tiểu học Xuân Lam
1112	7	Hà Tĩnh	Phường Hải Ninh	Trường TH&THCS Kỳ Hải
1113	8	Hà Tĩnh	Phường Hoành Sơn	Trường TH&THCS Kỳ Nam
1114	9	Hà Tĩnh	Phường Nam Hồng Lĩnh	Trường TH&THCS Đậu Liêu
1115	10	Hà Tĩnh	Phường Sông Trí	Trường Tiểu học Kỳ Lợi
1116	11	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường Tiểu học Văn Yên
1117	12	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường Tiểu học Tân Giang
1118	13	Hà Tĩnh	Phường Trần Phú	Trường Tiểu học Hộ Độ
1119	14	Hà Tĩnh	Phường Vũng Áng	Trường Tiểu học Kỳ Thịnh 1

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1120	15	Hà Tĩnh	Xã Thạch Lạc	Trường Tiểu học Thạch Lạc
1121	16	Hà Tĩnh	Xã Tùng Lộc	Trường Tiểu học Phúc Lộc
1122	17	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Bình	Trường Tiểu học Cẩm Vịnh
1123	18	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Hưng	Trường Tiểu học Cẩm Hưng
1124	19	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Lạc	Trường Tiểu học Cẩm Minh
1125	20	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Trung	Trường Tiểu học Cẩm Trung
1126	21	Hà Tĩnh	Xã Can Lộc	Trường Tiểu học Ngô Đức Kế
1127	22	Hà Tĩnh	Xã Cổ Đạm	Trường Tiểu học Cương Gián 2
1128	23	Hà Tĩnh	Xã Đan Hải	Trường Tiểu học Xuân Phổ
1129	24	Hà Tĩnh	Xã Đông Kinh	Trường Tiểu học Thạch Liên
1130	25	Hà Tĩnh	Xã Đồng Lộc	Trường Tiểu học Đồng Lộc
1131	26	Hà Tĩnh	Xã Đức Minh	Trường Tiểu học Liên Minh
1132	27	Hà Tĩnh	Xã Đức Minh	Trường Tiểu học Trường Sơn
1133	28	Hà Tĩnh	Xã Đức Quang	Trường Tiểu học Quang Vĩnh
1134	29	Hà Tĩnh	Xã Đức Thịnh	Trường Tiểu học Đức Thủy
1135	30	Hà Tĩnh	Xã Đức Thịnh	Trường Tiểu học Thái Yên
1136	31	Hà Tĩnh	Xã Đức Thọ	Trường Tiểu học Đức Lập
1137	32	Hà Tĩnh	Xã Hà Linh	Trường Tiểu học Hà Linh
1138	33	Hà Tĩnh	xã Hương Bình	Trường Tiểu học Hương Bình
1139	34	Hà Tĩnh	Xã Hương Khê	Trường Tiểu học Phú Gia
1140	35	Hà Tĩnh	Xã Hương Phố	Trường Tiểu học Hương Giang
1141	36	Hà Tĩnh	Xã Hương Sơn	Trường Tiểu học thị trấn Phố Châu
1142	37	Hà Tĩnh	Xã Kim Hoa	Trường Tiểu học Kim Hoa
1143	38	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Anh	Trường Tiểu học Kỳ Giang
1144	39	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Khang	Trường Tiểu học Kỳ Khang 2
1145	40	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Lạc	Trường TH&THCS Kỳ Lạc
1146	41	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Văn	Trường TH&THCS Kỳ Văn
1147	42	Hà Tĩnh	Xã Lộc Hà	Trường Tiểu học Thịnh Lộc
1148	43	Hà Tĩnh	Xã Mai Hoa	Trường Tiểu học Đức Giang
1149	44	Hà Tĩnh	Xã Mai Phụ	Trường Tiểu học Mai Phụ
1150	45	Hà Tĩnh	Xã Nghi Xuân	Trường Tiểu học Xuân An
1151	46	Hà Tĩnh	Xã Phúc Trạch	Trường Tiểu học Phúc Trạch
1152	47	Hà Tĩnh	Xã Sơn Giang	Trường Tiểu học Quang Diệm
1153	48	Hà Tĩnh	Xã Sơn Tây	Trường Tiểu học Thị trấn Tây Sơn
1154	49	Hà Tĩnh	Xã Sơn Tiên	Trường Tiểu học Sơn Tiên
1155	50	Hà Tĩnh	Xã Thạch Hà	Trường Tiểu học Thạch Sơn
1156	51	Hà Tĩnh	Xã Thạch Lạc	Trường Tiểu học Tượng Sơn
1157	52	Hà Tĩnh	Xã Thiên Cẩm	Trường Tiểu học Nam Phúc Thăng 2
1158	53	Hà Tĩnh	Xã Thượng Đức	Trường Tiểu học Đức Bông
1159	54	Hà Tĩnh	Xã Tiên Điền	Trường Tiểu học Xuân Thành
1160	55	Hà Tĩnh	Xã Toàn Lưu	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành
1161	56	Hà Tĩnh	Xã Trường Lưu	Trường Tiểu học Nga Lộc.
1162	57	Hà Tĩnh	Xã Tứ Mỹ	Trường Tiểu học Sơn Trà
1163	58	Hà Tĩnh	Xã Vũ Quang	Trường TH&THCS Sơn Thọ
1164	59	Hà Tĩnh	Xã Vũ Quang	Trường Tiểu học Thị Trấn Vũ Quang
1165	60	Hà Tĩnh	Xã Yên Hòa	Trường Tiểu học Yên Hòa
1166	61	Hà Tĩnh	Xã Đồng Lộc	Trường Tiểu học Trung Lộc
1167	62	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường Tiểu học Nguyễn Du
1168	63	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Trung	Trường Tiểu học Cẩm Lĩnh
1169	64	Hà Tĩnh	Xã Đức Thịnh	Trường Tiểu học Đức Lâm
1170	65	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Anh	Trường Tiểu học Kỳ Phú

19. Quảng Trị (65 trường)

1171	1	Quảng Trị	Phường Đồng Hới	Trường Tiểu học số 1 Bảo Ninh
1172	2	Quảng Trị	Phường Đồng Hới	Trường Tiểu học Đồng Phú
1173	3	Quảng Trị	Xã Minh Hóa	Trường Tiểu học Xuân Hóa

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1174	4	Quảng Trị	Xã Tân Thành	Trường Tiểu học Hóa Tiên
1175	5	Quảng Trị	Xã Kim Phú	Trường Tiểu học Tân Hóa
1176	6	Quảng Trị	Xã Đồng Lê	Trường Tiểu học Số 1 Đồng Lê
1177	7	Quảng Trị	Xã Tuyên Sơn	Trường Tiểu học Hương Hóa
1178	8	Quảng Trị	Xã Tuyên Phú	Trường Tiểu học Thiết Sơn
1179	9	Quảng Trị	Xã Tuyên Bình	Trường Tiểu học Liên Sơn
1180	10	Quảng Trị	Xã Tuyên Hóa	Trường Tiểu học Lê Trục
1181	11	Quảng Trị	Xã Trung Thuần	Trường Tiểu học Quảng Lưu
1182	12	Quảng Trị	Xã Tân Gianh	Trường Tiểu học Quảng Thanh
1183	13	Quảng Trị	Xã Tân Gianh	Trường Tiểu học và THCS Quảng Trường
1184	14	Quảng Trị	Xã Quảng Trạch	Trường Tiểu học số 1 Quảng Xuân
1185	15	Quảng Trị	Phường Bắc Gianh	Trường Tiểu học Quảng Thuận
1186	16	Quảng Trị	Xã Nam Gianh	Trường Tiểu học Quảng Lộc
1187	17	Quảng Trị	Xã Nam Gianh	Trường Tiểu học Quảng Văn
1188	18	Quảng Trị	Xã Hoàn Lão	Trường Tiểu học số 1 Đại Trạch
1189	19	Quảng Trị	Xã Hoàn Lão	Trường Tiểu học Tây Trạch
1190	20	Quảng Trị	Xã Bắc Trạch	Trường Tiểu học số 2 Thanh Trạch
1191	21	Quảng Trị	Xã Bồ Trạch	Trường Tiểu học số 4 Hưng Trạch
1192	22	Quảng Trị	Xã Bồ Trạch	Trường Tiểu học số 2 Cự Năm
1193	23	Quảng Trị	Xã Đông Trạch	Trường Tiểu học Đức Trạch
1194	24	Quảng Trị	Xã Nam Trạch	Trường Tiểu học Lý Trạch
1195	25	Quảng Trị	Xã Quảng Ninh	Trường Tiểu học Vĩnh Ninh
1196	26	Quảng Trị	Xã Trường Ninh	Trường Tiểu học Hiền Ninh
1197	27	Quảng Trị	Xã Trường Ninh	Trường TH&THCS Long Đại
1198	28	Quảng Trị	Xã Lệ Thủy	Trường Tiểu học Phong Thủy
1199	29	Quảng Trị	Xã Lệ Thủy	Trường Tiểu học số 1 Kiên Giang
1200	30	Quảng Trị	Xã Cam Hồng	Trường Tiểu học số 2 Hồng Thủy
1201	31	Quảng Trị	Xã Sen Ngư	Trường Tiểu học số 2 Sen Thủy
1202	32	Quảng Trị	Xã Trường Phú	Trường Tiểu học Mai Thủy
1203	33	Quảng Trị	Phường Đông Hà	Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành
1204	34	Quảng Trị	Phường Đông Hà	Trường Tiểu học Đông Giang
1205	35	Quảng Trị	Phường Nam Đông Hà	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
1206	36	Quảng Trị	Phường Quảng Trị	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Tất Thành
1207	37	Quảng Trị	Xã Vĩnh Thủy	Trường Tiểu học Vĩnh Thủy
1208	38	Quảng Trị	Xã Cửa Tùng	Trường Tiểu học Vĩnh Giang
1209	39	Quảng Trị	Xã Khe Sanh	Trường Tiểu học Húc
1210	40	Quảng Trị	Xã Lia	Trường Tiểu học Thuận
1211	41	Quảng Trị	Xã Hướng Hiệp	Trường Tiểu học số 2 Hướng Hiệp
1212	42	Quảng Trị	Xã Đakrông	Trường Tiểu học số 2 Đakrông
1213	43	Quảng Trị	Xã Hiếu Giang	Trường Tiểu học Cam Tuyên
1214	44	Quảng Trị	Xã Nam Cửa Việt	Trường Tiểu Học Triệu Phước
1215	45	Quảng Trị	Phường Đồng Hới	Trường Tiểu học và THCS Phú Hải
1216	46	Quảng Trị	Xã Tân Thành	Trường Tiểu học và THCS Hoá Phúc
1217	47	Quảng Trị	Xã Tuyên Lâm	Trường PT DTBT Tiểu học và THCS Lâm Hoá
1218	48	Quảng Trị	Xã Bắc Trạch	Trường Tiểu học và THCS Mỹ Trạch
1219	49	Quảng Trị	Xã Nam Trạch	Trường Tiểu học và THCS Bắc Dinh
1220	50	Quảng Trị	Xã Trường Sơn	Trường Tiểu học và THCS Trường Xuân
1221	51	Quảng Trị	Xã Trường Phú	Trường Tiểu học và THCS số 1 Trường Thủy
1222	52	Quảng Trị	Phường Đông Hà	Trường Tiểu học và THCS Chu Văn An
1223	53	Quảng Trị	Phường Quảng Trị	Trường Tiểu học và THCS Hải Lệ
1224	54	Quảng Trị	Xã Vĩnh Hoàng	Trường Tiểu học và THCS Trung Nam
1225	55	Quảng Trị	Xã Lao Bảo	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành
1226	56	Quảng Trị	Xã A Dơi	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Ba Tầng
1227	57	Quảng Trị	Xã Cửa Việt	Trường Tiểu học và THCS Gio Việt
1228	58	Quảng Trị	Xã Hướng Hiệp	Trường Tiểu học và THCS Mò Ó

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1229	59	Quảng Trị	Xã Tà Rụt	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS A Vao
1230	60	Quảng Trị	Xã Hiếu Giang	Trường Tiểu học và THCS Cam Tuyền
1231	61	Quảng Trị	Xã Triệu Bình	Trường Tiểu học và THCS Triệu Đại
1232	62	Quảng Trị	Xã Triệu Cơ	Trường Tiểu học và THCS Triệu Trung
1233	63	Quảng Trị	Xã Ái Tử	Trường Tiểu học và THCS Triệu Giang
1234	64	Quảng Trị	Xã Diên Sanh	Trường Tiểu học và THCS Hải Thọ
1235	65	Quảng Trị	Xã Vĩnh Định	Trường Tiểu học và THCS Hải Quế

20. TP. Huế (65 trường)

1236	1	TP. Huế	xã Hưng Lộc	Trường Tiểu học An Nông 1
1237	2	TP. Huế	Chân Mây- Lăng Cô	Trường Tiểu học Bình An
1238	3	TP. Huế	Phường Thanh Thủy	Trường Tiểu học Dạ Lê
1239	4	TP. Huế	phường Phong Thái	Trường Tiểu học Điền An
1240	5	TP. Huế	Xã Phú Vang	Trường Tiểu học Hà Trung
1241	6	TP. Huế	Xã A Lưới 1	Trường Tiểu học Hồng Kim
1242	7	TP. Huế	xã A Lưới 3	Trường Tiểu học Hồng Thượng
1243	8	TP. Huế	Phường Hương An	Trường Tiểu học Hương An
1244	9	TP. Huế	Xã Long Quảng	Trường Tiểu học Hương Hữu
1245	10	TP. Huế	xã Khe Tre	Trường Tiểu học Hương Phú
1246	11	TP. Huế	Phường Kim Long	Trường Tiểu học Hương Thọ
1247	12	TP. Huế	Xã A Lưới 2	Trường tiểu học Kim Đồng
1248	13	TP. Huế	Xã Hưng Lộc	Trường Tiểu học Lộc Sơn
1249	14	TP. Huế	Xã Chân Mây	Trường Tiểu học Nước Ngọt 2
1250	15	TP. Huế	An Cựu	Trường tiểu học Ngự Bình
1251	16	TP. Huế	phường Phong Quảng	Trường Tiểu học Phong Hải
1252	17	TP. Huế	Phường Mỹ Thượng	Trường Tiểu học Phú An 1
1253	18	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường Tiểu học Phú Cát
1254	19	TP. Huế	Phường Dương Nỗ	Trường Tiểu học Phú Dương
1255	20	TP. Huế	Xã Phú Vang	Trường Tiểu học Phú Đa 3
1256	21	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường Tiểu học Phú Hòa
1257	22	TP. Huế	Xã Phú Hồ	Trường Tiểu học Phú Lương 2
1258	23	TP. Huế	Phường Mỹ Thượng	Trường Tiểu học Phú Mỹ 2
1259	24	TP. Huế	Phường Dương Nỗ	Trường Tiểu học Phú Thanh
1260	25	TP. Huế	A Lưới 3	Trường tiểu học Phú Vinh
1261	26	TP. Huế	Phường Thuận Hóa	Trường tiểu học Phước Vĩnh
1262	27	TP. Huế	Phường Phong Quảng	Trường Tiểu học Quảng Ngạn
1263	28	TP. Huế	Phường Thuận Hóa	Trường Tiểu học Quang Trung
1264	29	TP. Huế	phường Kim Trà	Trường Tiểu học Số 1 Hương Chừ
1265	30	TP. Huế	Phường Hương Trà	Trường Tiểu học Số 1 Hương Văn
1266	31	TP. Huế	Phường Phú Bài	Trường Tiểu học Số 1 Phú Bài
1267	32	TP. Huế	Xã Đan Điền	Trường Tiểu học số 1 Quảng Lợi
1268	33	TP. Huế	Phường Hoá Châu	Trường tiểu học số 1 Quảng Thành
1269	34	TP. Huế	phường Thuận An	Trường Tiểu học số 1 Thuận An
1270	35	TP. Huế	Phường Kim Long	Trường Tiểu học số 2 Hương Hồ
1271	36	TP. Huế	Phường Hoá Châu	Trường Tiểu học Số 2 Hương Vinh
1272	37	TP. Huế	Xã Phú Lộc	Trường Tiểu học Số 2 Lộc Trì
1273	38	TP. Huế	Xã Đan Điền	Trường Tiểu học Số 2 Quảng Phú
1274	39	TP. Huế	Xã Đan Điền	Trường Tiểu học Số 2 Quảng Vinh
1275	40	TP. Huế	Phường Thuận An	Trường Tiểu học Số 2 Thuận An
1276	41	TP. Huế	Phường Kim Trà	Trường tiểu học số 3 Hương Toàn
1277	42	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường Tiểu học Tây Lộc
1278	43	TP. Huế	Phường Thanh Thủy	Trường Tiểu học Thanh Tân
1279	44	TP. Huế	xã Khe Tre	Trường tiểu học thị trấn Khe Tre
1280	45	TP. Huế	phường Hóa Châu	Trường Tiểu học Thuận Hòa 1
1281	46	TP. Huế	Thủy Xuân	Trường Tiểu học Thủy Bằng
1282	47	TP. Huế	Phường Hương Thủy	Trường Tiểu học Thủy Lương

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1283	48	TP. Huế	Long Quảng	Trường Tiểu học Thượng Long
1284	49	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn
1285	50	TP. Huế	Xã Lộc An	Trường Tiểu học và trung học cơ sở Lộc Hòa
1286	51	TP. Huế	Phường Thanh Thủy	Trường Tiểu học Vân Thê
1287	52	TP. Huế	Xã Phú Vang	Trường Tiểu học Vinh Hà
1288	53	TP. Huế	Phường Thuận Hóa	Trường Tiểu học Vĩnh Ninh
1289	54	TP. Huế	Xã Phú Vinh	Trường Tiểu học Vinh Xuân
1290	55	TP. Huế	Phong Quảng	Trường Tiểu học Điền Hải
1291	56	TP. Huế	Phường Mỹ Thượng	Trường Tiểu học, THCS&THPT Song ngữ Quốc tế Học viện Anh Quốc - Huế
1292	57	TP. Huế	Phong Phú	Trường Tiểu học Điền Hương
1293	58	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi
1294	59	TP. Huế	Phường Mỹ Thượng	Trường Tiểu học Phú Mỹ 1
1295	60	TP. Huế	Phường Hương Thủy	Trường Tiểu học Số 1 Thủy Châu
1296	61	TP. Huế	Phường Phong Thái	Trường Tiểu học Tây Bắc Sơn
1297	62	TP. Huế	Phường Phú Bài	Trường TH&THCS Dương Hòa
1298	63	TP. Huế	A Lưới 5	Trường TH&THCS Hồng Hạ
1299	64	TP. Huế	Xã Vinh Lộc	Trường TH&THCS Lâm Mộng Quang
1300	65	TP. Huế	xã Phú Lộc	Trường TH&THCS Lộc Bình

IV. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

21. TP. Đà Nẵng (65 trường)

1301	1	TP. Đà Nẵng	Phường An Khê	Trường Tiểu học Tôn Đức Thắng
1302	2	TP. Đà Nẵng	Phường Bàn Thạch	Trường Tiểu học Phan Thanh
1303	3	TP. Đà Nẵng	Phường Cẩm Lệ	Trường Tiểu học Diên Hồng
1304	4	TP. Đà Nẵng	Phường Điện Bàn	Trường Tiểu học Phạm Phú Thứ
1305	5	TP. Đà Nẵng	Phường Điện Bàn Đông	Trường Tiểu học Hồ Xuân Hương
1306	6	TP. Đà Nẵng	Phường Hải Châu	Trường Tiểu học Bạch Đằng
1307	7	TP. Đà Nẵng	Phường Hải Châu	Trường Tiểu học Lê Lai
1308	8	TP. Đà Nẵng	Phường Hải Vân	Trường Tiểu học Triệu Thị Trinh
1309	9	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh
1310	10	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi
1311	11	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh	Trường Tiểu học số 1 Hòa Sơn
1312	12	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Xuân	Trường Tiểu học số 2 Hòa Phước
1313	13	TP. Đà Nẵng	Phường Hội An	Trường Tiểu Học Phù Đổng
1314	14	TP. Đà Nẵng	Phường Hội An Đông	Trường Tiểu Học Lý Tự Trọng
1315	15	TP. Đà Nẵng	Phường Hương Trà	Trường Tiểu Học Lê Thị Hồng Gấm
1316	16	TP. Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường Tiểu học Lê Lai
1317	17	TP. Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành
1318	18	TP. Đà Nẵng	Phường Sơn Trà	Trường Tiểu học Hai Bà Trưng
1319	19	TP. Đà Nẵng	Phường Tam Kỳ	Trường Tiểu Học Trần Quốc Toàn
1320	20	TP. Đà Nẵng	Phường Thanh Khê	Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ
1321	21	TP. Đà Nẵng	Phường Thanh Khê	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc
1322	22	TP. Đà Nẵng	Xã Avuong	Trường PTDTBT Tiểu học xã Avuong
1323	23	TP. Đà Nẵng	Xã Bến Giằng	Trường Tiểu học Bến Giằng
1324	24	TP. Đà Nẵng	Xã Chiên Đàn	Trường Tiểu học Nguyễn Duy Hiệu
1325	25	TP. Đà Nẵng	Xã Đại Lộc	Trường Tiểu học Hứa Tạo
1326	26	TP. Đà Nẵng	Xã Điện Bàn Tây	Trường Tiểu học Ngô Quyền
1327	27	TP. Đà Nẵng	Xã Đồng Dương	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng
1328	28	TP. Đà Nẵng	Xã Đức Phú	Trường Tiểu Học Hoàng Văn Thụ
1329	29	TP. Đà Nẵng	Xã Duy Xuyên	Trường Tiểu Học Duy Trinh
1330	30	TP. Đà Nẵng	Xã Hà Nha	Trường Tiểu học Đại Đồng
1331	31	TP. Đà Nẵng	Xã Hòa Tiến	Trường Tiểu học Hòa Khương
1332	32	TP. Đà Nẵng	Xã Hòa Vang	Trường Tiểu học Lâm Quang Thụ
1333	33	TP. Đà Nẵng	Xã Khâm Đức	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu
1334	34	TP. Đà Nẵng	Xã Nam Giang	Trường PTDTBT Tiểu học Nam Giang 1

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1335	35	TP. Đà Nẵng	Xã Nam Phước	Trường Tiểu Học Số 2 Duy Phước
1336	36	TP. Đà Nẵng	Xã Nông Sơn	Trường Tiểu Học Hoàng Diệu
1337	37	TP. Đà Nẵng	Xã Núi Thành	Trường Tiểu Học Hùng Vương
1338	38	TP. Đà Nẵng	Xã Phú Thuận	Trường Tiểu học Đoàn Quý Phi
1339	39	TP. Đà Nẵng	Xã Phước Hiệp	Trường TH&THCS Phước Hòa
1340	40	TP. Đà Nẵng	Xã Phước Thành	Trường PTDTBT TH&THCS Phước Lộc
1341	41	TP. Đà Nẵng	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi
1342	42	TP. Đà Nẵng	Xã Quế Sơn	Trường Tiểu học Quế Long
1343	43	TP. Đà Nẵng	Xã Sơn Cẩm Hà	Trường Tiểu Học Nguyễn Có
1344	44	TP. Đà Nẵng	Xã Sông Vàng	Trường Tiểu Học Trần Quốc Toản
1345	45	TP. Đà Nẵng	Xã Tam Mỹ	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh
1346	46	TP. Đà Nẵng	Xã Tam Xuân	Trường Tiểu Học Lý Tự Trọng
1347	47	TP. Đà Nẵng	Xã Tây Giang	Trường PTDTBT TH&THCS Dang
1348	48	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng An	Trường Tiểu học Đoàn Bường
1349	49	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng Bình	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi
1350	50	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng Bình	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh
1351	51	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng Phú	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo
1352	52	TP. Đà Nẵng	Xã Thạnh Bình	Trường Tiểu Học Tiên An
1353	53	TP. Đà Nẵng	Xã Thu Bồn	Trường Tiểu học Duy Tân
1354	54	TP. Đà Nẵng	Xã Thượng Đức	Trường TH-THCS Đại Sơn
1355	55	TP. Đà Nẵng	Xã Trà Đốc	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Bui
1356	56	TP. Đà Nẵng	Xã Trà Liên	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn
1357	57	TP. Đà Nẵng	Xã Trà My	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản
1358	58	TP. Đà Nẵng	Xã Trà Tập	Trường PTDTBT Tiểu học Chu Văn An
1359	59	TP. Đà Nẵng	Xã Việt An	Trường TH&THCS Nguyễn Trãi
1360	60	TP. Đà Nẵng	Xã Xuân Phú	Trường Tiểu học Quế Xuân 2
1361	61	TP. Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường Liên cấp Quốc tế Singapore tại Đà Nẵng
1362	62	TP. Đà Nẵng	Phường Quảng Phú	Trường TH, THCS & THPT Song Ngữ Quốc Tế Quảng Nam Academy
1363	63	TP. Đà Nẵng	Phường An Khê	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn
1364	64	TP. Đà Nẵng	Phường Quảng Phú	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự
1365	65	TP. Đà Nẵng	Xã Nam Trà My	Trường Tiểu học Kim Đồng

22. Quảng Ngãi (65 trường)

1366	1	Quảng Ngãi	Xã An Phú	Trường Tiểu học Nghĩa Hà
1367	2	Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Trường Tiểu học Bình Long
1368	3	Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Trường Tiểu học Số 2 Bình Nguyên
1369	4	Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường	Trường Tiểu học Bình Thuận
1370	5	Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường	Trường Tiểu học & THCS xã Bình Hòa
1371	6	Quảng Ngãi	Xã Bình Chương	Trường Tiểu học xã Bình Mỹ
1372	7	Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn	Trường Tiểu học Số 1 Bình Châu
1373	8	Quảng Ngãi	Xã Trà Bồng	Trường Tiểu học Trà Sơn
1374	9	Quảng Ngãi		Trường Tiểu học Đông Trà Bồng
1375	10	Quảng Ngãi	Xã Tây Trà	Trường Tiểu học Trà Phong
1376	11	Quảng Ngãi	Xã Tây Trà Bồng	Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Hương Trà
1377	12	Quảng Ngãi	Phường Trương Quang Trọng	Trường Tiểu học Tịnh An
1378	13	Quảng Ngãi	Xã Trường Giang	Trường Tiểu Học Tịnh Giang
1379	14	Quảng Ngãi	Xã Ba Gia	Trường Tiểu học Tịnh Trà
1380	15	Quảng Ngãi	xã Tịnh Khê	Trường Tiểu học và THCS Trần Quý Hai
1381	16	Quảng Ngãi	Xã Tư Nghĩa	Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương
1382	17	Quảng Ngãi	Xã Vệ Giang	Trường Tiểu học Sông Vệ
1383	18	Quảng Ngãi	Xã Trà Giang	Trường Tiểu Học Nghĩa Lâm
1384	19	Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Giang	Trường Tiểu học Nghĩa Kỳ Bắc
1385	20	Quảng Ngãi	Xã Sơn Hà	Trường Tiểu học Sơn Thượng
1386	21	Quảng Ngãi	Xã Sơn Hạ	Trường Tiểu học và THCS Sơn Nham II
1387	22	Quảng Ngãi	Xã Sơn Thủy	Trường TH&THCS Sơn Thủy

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1388	23	Quảng Ngãi	Xã Sơn Tây Thượng	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sơn Bua
1389	24	Quảng Ngãi	Xã Sơn Tây	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Sơn Long
1390	25	Quảng Ngãi	Xã Sơn Mai	Trường Tiểu học Long Sơn
1391	26	Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Hành	Trường Tiểu học Hành Thuận
1392	27	Quảng Ngãi	Xã Đình Cường	Trường Tiểu học Hành Thịnh
1393	28	Quảng Ngãi	Xã Thiện Tín	Trường Tiểu học Hành Thiện
1394	29	Quảng Ngãi	Xã Long Phụng	Trường Tiểu học Bồ Đề
1395	30	Quảng Ngãi	Xã Mỏ Cày	Trường Tiểu học Đức Minh
1396	31	Quảng Ngãi	Xã Lân Phong	Trường Tiểu học Đức Phong
1397	32	Quảng Ngãi	Phường Đức Phổ	Trường Tiểu học Phổ Ninh
1398	33	Quảng Ngãi	Phường Trà Câu	Trường Tiểu học Phổ An
1399	34	Quảng Ngãi	Xã Khánh Cường	Trường Tiểu học Phổ Cường
1400	35	Quảng Ngãi	Xã Ba Tơ	Trường Tiểu học thị trấn Ba Tơ
1401	36	Quảng Ngãi	Xã Ba Vi	Trường TH&THCS Ba Ngạc
1402	37	Quảng Ngãi	Xã Ba Dinh	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang
1403	38	Quảng Ngãi	Xã Ba Tô	Trường Tiểu học và THCS Ba Nam
1404	39	Quảng Ngãi	Đặc khu Lý Sơn	Trường Tiểu học An Hải
1405	40	Quảng Ngãi	Phường Đăk Cẩm	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1406	41	Quảng Ngãi	Phường Kon Tum	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
1407	42	Quảng Ngãi	Phường Kon Tum	Trường Tiểu học và THCS Thăng Lợi
1408	43	Quảng Ngãi	Phường Đăk Bla	Trường Tiểu học và THCS Lê Lợi
1409	44	Quảng Ngãi	Xã Ngọc Bay	Trường Tiểu học và THCS Ngọc Bay
1410	45	Quảng Ngãi	Xã Ia Chim	Trường Tiểu học và THCS Đak Năng
1411	46	Quảng Ngãi	Xã Đăk Rơ Wa	Trường Tiểu học và THCS Hòa Bình
1412	47	Quảng Ngãi	Xã Đăk Pék	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng
1413	48	Quảng Ngãi	Xã Xốp	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Xốp
1414	49	Quảng Ngãi	Xã Đăk Môn	Trường TH&THCS Nguyễn Du
1415	50	Quảng Ngãi	Xã Bờ Y	Trường Tiểu học Bé Văn Đàn
1416	51	Quảng Ngãi	Xã Dục Nông	Trường TH-THCS Đăk Nông
1417	52	Quảng Ngãi	Xã Đăk Tô	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1418	53	Quảng Ngãi	Xã Đăk Sao	Trường PTDT Bán Trú TH-THCS Đăk Sao 2
1419	54	Quảng Ngãi	Xã Măng Ri	Trường PTDT bán trú TH-THCS xã Măng Ri
1420	55	Quảng Ngãi	Xã Kon Đào	Trường TH-THCS Lê Lợi
1421	56	Quảng Ngãi	Xã Măng Ri	Trường PTDT BT TH-THCS Ngọc Yêu
1422	57	Quảng Ngãi	Xã Măng Đen	Trường PTDTBT Tiểu học thị trấn Măng Đen
1423	58	Quảng Ngãi	Xã Kon Plông	Trường Tiểu học và THCS Kroong
1424	59	Quảng Ngãi	Xã Đăk Kôi	Trường Tiểu học Đăk Kôi
1425	60	Quảng Ngãi	Xã Đăk Hà	Trường Tiểu học Kim Đồng
1426	61	Quảng Ngãi	Xã Đăk Hà	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Đăk Hà
1427	62	Quảng Ngãi	Xã Đăk Ui	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Tất Thành
1428	63	Quảng Ngãi	Xã Ngọc Réo	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trãi
1429	64	Quảng Ngãi	Xã Sa Thầy	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Tự Trọng
1430	65	Quảng Ngãi	Xã Sa Bình	Trường Tiểu học Lê Văn Tám

23. Gia Lai (65 trường)

1431	1	Gia Lai	Phường Quy Nhơn	Trường Tiểu học Hoàng Quốc Việt
1432	2	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Đông	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Bình
1433	3	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Nam	Trường Tiểu học Ngô Mây
1434	4	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Bắc	Trường TH, THCS&THPT Ishool
1435	5	Gia Lai	Phường An Nhơn	Trường Tiểu học số 1 Đập Đá
1436	6	Gia Lai	Phường An Nhơn Nam	Trường Tiểu học Nhơn Thọ
1437	7	Gia Lai	Phường Bồng Sơn	Trường Tiểu học số 2 Hoài Đức
1438	8	Gia Lai	Phường Tam Quan	Trường Tiểu học số 2 Tam Quan
1439	9	Gia Lai	Phường Hoài Nhơn Tây	Trường Tiểu học Hoài Phú
1440	10	Gia Lai	Xã Phù Cát	Trường Tiểu học số 1 Ngô Mây

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1441	11	Gia Lai	Xã Xuân An	Trường Tiểu học Cát Nhơn
1442	12	Gia Lai	Xã Đê Gi	Trường Tiểu học số 1 Cát Minh
1443	13	Gia Lai	Xã Hội Sơn	Trường Tiểu học Cát Sơn
1444	14	Gia Lai	Xã An Lương	Trường Tiểu học số 2 Mỹ Chánh
1445	15	Gia Lai	Xã Phù Mỹ Đông	Trường Tiểu học số 1 Mỹ Thọ
1446	16	Gia Lai	Xã Phù Mỹ Bắc	Trường Tiểu học Mỹ Châu
1447	17	Gia Lai	Xã Tuy Phước	Trường Tiểu học số 2 Phước Lộc
1448	18	Gia Lai	Tuy Phước Đông	Trường Tiểu học số 1 Phước Hòa
1449	19	Gia Lai	Xã Tuy Phước Bắc	Trường Tiểu học số 1 Phước Hưng
1450	20	Gia Lai	Xã Tây Sơn	Trường Tiểu học số 1 Bình Nghi
1451	21	Gia Lai	Xã Bình Hiệp	Trường Tiểu học Bình Tân
1452	22	Gia Lai	Xã Hoài Ân	Trường Tiểu học Ân Đức
1453	23	Gia Lai	Xã Vạn Đức	Trường Tiểu học Tăng Doãn Văn
1454	24	Gia Lai	Xã Canh Vinh	Trường Tiểu học số 1 Canh Vinh
1455	25	Gia Lai	Xã Vĩnh Thịnh	Trường Tiểu học Vĩnh Thịnh
1456	26	Gia Lai	Xã An Hòa	Trường Tiểu học Số 2 An Hòa
1457	27	Gia Lai	Xã An Toàn	Trường Tiểu học An Toàn
1458	28	Gia Lai	Phường Pleiku	Trường TH, THCS&THPT Sao Việt
1459	29	Gia Lai	Phường Thống Nhất	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm
1460	30	Gia Lai	Phường Diên Hồng	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn
1461	31	Gia Lai	Xã Biển Hồ	Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu
1462	32	Gia Lai	Xã Gà	Trường TH&THCS Nguyễn Đình Chiểu
1463	33	Gia Lai	Phường An Bình	Trường TH&THCS Nguyễn Du
1464	34	Gia Lai	Phường Ayun Pa	Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo
1465	35	Gia Lai	Xã Chư Păh	Trường Tiểu học thị trấn Phú Hòa
1466	36	Gia Lai	Xã Chư Prông	Trường Tiểu học Hùng Vương
1467	37	Gia Lai	Xã Ia Bông	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm
1468	38	Gia Lai	Xã Ia Tôr	Trường TH&THCS Phan Bội Châu
1469	39	Gia Lai	Xã Chư Sê	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai
1470	40	Gia Lai	Xã Bờ Ngoong	Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám
1471	41	Gia Lai	Xã Chư Puh	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng
1472	42	Gia Lai	Xã Ia Hrú	Trường Tiểu học Anh Hùng Núp
1473	43	Gia Lai	Xã Đak Pơ	Trường TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi
1474	44	Gia Lai	Xã Kbang	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai
1475	45	Gia Lai	Xã Krong	Trường PTDTBT TH&THCS Krong
1476	46	Gia Lai	Xã Kông Chro	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai
1477	47	Gia Lai	Xã Sró	Trường PTDTBT TH&THCS Đăk Kơ Ning
1478	48	Gia Lai	Xã Phú Thiện	Trường Tiểu học Chu Văn An
1479	49	Gia Lai	Xã Chư A Thai	Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương
1480	50	Gia Lai	Xã Pờ Tó	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
1481	51	Gia Lai	Xã Ia Tul	Trường TH&THCS Phạm Hồng Thái
1482	52	Gia Lai	Xã Ia Dreh	Trường Tiểu học Kim Đồng
1483	53	Gia Lai	Xã Uar	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn
1484	54	Gia Lai	Xã Kon Gang	Trường Tiểu học Đak Krong
1485	55	Gia Lai	Xã Kdang	Trường Tiểu học số 2 Kdang
1486	56	Gia Lai	Xã Mang Yang	Trường TH&THCS Phạm Hồng Thái
1487	57	Gia Lai	Xã Hra	Trường Tiểu học H'ra số 1
1488	58	Gia Lai	Xã Ia Grai	Trường TH&THCS Nguyễn Chí Thanh
1489	59	Gia Lai	Xã Ia Hrug	Trường Tiểu học Ngô Mây
1490	60	Gia Lai	Xã Đức Cơ	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1491	61	Gia Lai	Xã Ia Krêl	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân
1492	62	Gia Lai	Phường Quy Nhơn	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
1493	63	Gia Lai	Xã Phù Mỹ Đông	Trường Tiểu học Mỹ An
1494	64	Gia Lai	Phường Hội Phú	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
1495	65	Gia Lai	Xã Chư Puh	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
24. Đắk Lắk (65 trường)				
1496	1	Đắk Lắk	Phường Buôn Hồ	Trường Tiểu học Trung Vương
1497	2	Đắk Lắk	Phường Buôn Ma Thuột	Trường TH, THCS và THPT Victory
1498	3	Đắk Lắk	Phường Buôn Ma Thuột	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
1499	4	Đắk Lắk	Phường Buôn Ma Thuột	Trường Tiểu học Quốc Tế
1500	5	Đắk Lắk	Phường Cư Bao	Trường Tiểu Học Nguyễn Viết Xuân
1501	6	Đắk Lắk	Phường Ea Kao	Trường Tiểu học La Văn Cầu
1502	7	Đắk Lắk	Phường Hòa Hiệp	Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Dực
1503	8	Đắk Lắk	Phường Sông Cầu	Trường Tiểu học Xuân Thịnh
1504	9	Đắk Lắk	Phường Tân An	Trường TH, THCS và THPT Hoàng Việt
1505	10	Đắk Lắk	Phường Tân An	Trường Tiểu học Ngô Mây
1506	11	Đắk Lắk	Phường Thành Nhất	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Khuyến
1507	12	Đắk Lắk	Phường Tuy Hòa	Trường Tiểu học Lạc Long Quân
1508	13	Đắk Lắk	Phường Tuy Hòa	Trường Tiểu học Hòa An 2
1509	14	Đắk Lắk	Xã Cư M'gar	Trường Tiểu học Y Jút
1510	15	Đắk Lắk	Xã Cư Prao	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
1511	16	Đắk Lắk	Xã Tân Tiến	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự
1512	17	Đắk Lắk	Xã Đắk Liêng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi
1513	18	Đắk Lắk	Xã Dang Kang	Trường Tiểu học Yang Kang I
1514	19	Đắk Lắk	Xã Dliê Ya	Trường Tiểu Học Nguyễn Viết Xuân
1515	20	Đắk Lắk	Xã Đồng Xuân	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Sơn Bắc
1516	21	Đắk Lắk	Xã Dray Bhang	Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái
1517	22	Đắk Lắk	Xã Ea Bá	Trường Tiểu học và THCS Ea Bar
1518	23	Đắk Lắk	Xã Ea Drăng	Trường Tiểu học và THCS Phan Bội Châu
1519	24	Đắk Lắk	Xã Ea Drông	Trường Tiểu Học Nơ Trang Long
1520	25	Đắk Lắk	Xã Ea Hiao	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến
1521	26	Đắk Lắk	Xã Ea Kar	Trường Tiểu học Ngô Quyền
1522	27	Đắk Lắk	Xã Ea Kar	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc
1523	28	Đắk Lắk	Xã Ea Khăl	Trường Tiểu học - THCS Đam San
1524	29	Đắk Lắk	Xã Ea Kly	Trường Tiểu học La Văn Cầu
1525	30	Đắk Lắk	Xã Ea Knốp	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Tự Trọng
1526	31	Đắk Lắk	Xã Ea Knuếc	Trường Tiểu học Cư Pul
1527	32	Đắk Lắk	Xã Ea Ktur	Trường Tiểu học Ea M'tá
1528	33	Đắk Lắk	Xã Ea Ktur	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh
1529	34	Đắk Lắk	Xã Ea M'Droh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hùng Vương
1530	35	Đắk Lắk	Xã Ea Ning	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh
1531	36	Đắk Lắk	Xã Ea Nuól	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi
1532	37	Đắk Lắk	Xã Ea Ô	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học
1533	38	Đắk Lắk	Xã Ea Phê	Trường Tiểu học Phước Thọ
1534	39	Đắk Lắk	Xã Ea Róck	Trường Tiểu học Ea Róck
1535	40	Đắk Lắk	Xã Ea Súp	Trường Tiểu học Cư M'lan
1536	41	Đắk Lắk	Xã Ea Tul	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh
1537	42	Đắk Lắk	Xã Ea Wer	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai
1538	43	Đắk Lắk	Xã Hòa Phú	Trường Tiểu Học Bùi Thị Xuân
1539	44	Đắk Lắk	Xã Hòa Sơn	Trường Tiểu học Sơn Đông
1540	45	Đắk Lắk	Xã Hòa Xuân	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Thánh Tôn
1541	46	Đắk Lắk	Xã Krông Ana	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi
1542	47	Đắk Lắk	Xã Krông Bông	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Khuê Ngọc Điền
1543	48	Đắk Lắk	Xã Krông Búk	Trường Tiểu học Y Ngông
1544	49	Đắk Lắk	Xã Krông Nô	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1545	50	Đắk Lắk	Xã Krông Pắc	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân
1546	51	Đắk Lắk	Xã M'Drăk	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi
1547	52	Đắk Lắk	Xã Ô Loan	Trường Tiểu học An Hòa số 1
1548	53	Đắk Lắk	Xã Phú Hòa 2	Trường Tiểu học Hòa Trị 1
1549	54	Đắk Lắk	Xã Phú Xuân	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1550	55	Đắk Lắk	Xã Pong Drang	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1551	56	Đắk Lắk	Xã Quảng Phú	Trường Tiểu học Trần Phú
1552	57	Đắk Lắk	Xã Sơn Hòa	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sơn Nguyên
1553	58	Đắk Lắk	Xã Sông Hinh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sông Hinh
1554	59	Đắk Lắk	Xã Tam Giang	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trãi
1555	60	Đắk Lắk	Xã Tây Hòa	Trường Tiểu học Hòa Bình 1
1556	61	Đắk Lắk	Xã Tuy An Đông	Trường Tiểu học An Ninh Đông 2
1557	62	Đắk Lắk	Xã Tuy An Tây	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Xuân
1558	63	Đắk Lắk	Xã Xuân Cảnh	Trường Tiểu học Xuân Bình
1559	64	Đắk Lắk	Xã Xuân Lộc	Trường Tiểu học Xuân Lộc 2
1560	65	Đắk Lắk	Xã Yang Mao	Trường Tiểu học Cư Drăm

25. Khánh Hòa (65 trường)

1561	1	Khánh Hòa	Xã Bắc Ái Tây	Trường PTDTBT Tiểu học Phước Bình B
1562	2	Khánh Hòa	Phường Cam Linh	Trường Tiểu học Cam Lợi
1563	3	Khánh Hòa	Phường Ba Ngòi	Trường Tiểu học Cam Phước Đông 1
1564	4	Khánh Hòa	Phường Bắc Cam Ranh	Trường Tiểu học Căn Cứ Cam Ranh
1565	5	Khánh Hòa	Xã Trung Khánh Vĩnh	Trường Tiểu học Khánh Hiệp
1566	6	Khánh Hòa	Xã Tây Khánh Vĩnh	Trường Tiểu học Khánh Thượng
1567	7	Khánh Hòa	Phường Nam Nha Trang	Trường Tiểu học Phước Đồng
1568	8	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường Tiểu học Phước Hòa 2
1569	9	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường Tiểu học Phước Tiến
1570	10	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường Tiểu học Tân Lập 1
1571	11	Khánh Hòa	Xã Thuận Nam	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Bình Khiêm
1572	12	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường Tiểu học Vạn Thạnh
1573	13	Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa 1
1574	14	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường Tiểu học Vĩnh Nguyên 2
1575	15	Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	Trường Tiểu học Vĩnh Phương 2
1576	16	Khánh Hòa	Phường Nam Nha Trang	Trường Tiểu học Vĩnh Trường
1577	17	Khánh Hòa	Xã Phước Hậu	Trường TH, THCS Phước Vinh
1578	18	Khánh Hòa	Xã Nam Cam Ranh	Trường TH-THCS Bình Ba
1579	19	Khánh Hòa	Phường Phan Rang	Trường Tiểu học Đài Sơn
1580	20	Khánh Hòa	Phường Bảo An	Trường Tiểu học Bảo An 2
1581	21	Khánh Hòa	Xã Công Hải	Trường Tiểu học Công Hải
1582	22	Khánh Hòa	Xã Diên Lạc	Trường Tiểu học Diên Hòa
1583	23	Khánh Hòa	Xã Diên Điền	Trường Tiểu học Diên Sơn
1584	24	Khánh Hòa	Phường Đô Vinh	Trường Tiểu học Đô Vinh 1
1585	25	Khánh Hòa	Xã Xuân Hải	Trường Tiểu học Gò Đền
1586	26	Khánh Hòa	Xã Xuân Hải	Trường Tiểu học Hộ Diêm
1587	27	Khánh Hòa	Xã Phước Hữu	Trường Tiểu học Hữu Đức
1588	28	Khánh Hòa	Xã Cà Ná	Trường Tiểu học Lạc Nghiệp
1589	29	Khánh Hòa	Xã Lâm Sơn	Trường Tiểu học Lâm Sơn B
1590	30	Khánh Hòa	Xã Xuân Hải	Trường Tiểu học Lương Cách
1591	31	Khánh Hòa	Phường Đông Hải	Trường Tiểu học Mỹ Đông
1592	32	Khánh Hòa	Xã Mỹ Sơn	Trường Tiểu học Mỹ Sơn A
1593	33	Khánh Hòa	Phường Đô Vinh	Trường Tiểu học Nha Hồ
1594	34	Khánh Hòa	Xã Phước Hữu	Trường Tiểu học Như Bình
1595	35	Khánh Hòa	Xã Ninh Phước	Trường Tiểu học Phú Quý 1
1596	36	Khánh Hòa	Xã Bắc Ái Tây	Trường Tiểu học Phước Bình C
1597	37	Khánh Hòa	Phường Bảo An	Trường Tiểu học Phước Mỹ 1
1598	38	Khánh Hòa	Xã Phước Hậu	Trường Tiểu học Phước Thiện
1599	39	Khánh Hòa	Xã Thuận Nam	Trường Tiểu học Quán Thẻ
1600	40	Khánh Hòa	Xã Công Hải	Trường Tiểu học Suối Giếng
1601	41	Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn	Trường Tiểu học Tân Sơn B
1602	42	Khánh Hòa	Phường Phan Rang	Trường Tiểu học Thanh Sơn
1603	43	Khánh Hòa	Xã Phước Hậu	Trường Tiểu học Thọ Sanh

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1604	44	Khánh Hòa	Xã Ninh Phước	Trường Tiểu học Từ Tâm
1605	45	Khánh Hòa	Xã Ninh Phước	Trường Tiểu học Vạn Phước
1606	46	Khánh Hòa	Trường trực thuộc sở	Trường PT Hermann Gmeiner Nha Trang
1607	47	Khánh Hòa	Xã Cam Lâm	Trường Tiểu học và THCS Lê Thánh Tôn
1608	48	Khánh Hòa	Xã Vạn Ninh	Trường Tiểu học Vạn Lương
1609	49	Khánh Hòa	Xã Trung Khánh Vĩnh	Trường TH&THCS Khánh Trung
1610	50	Khánh Hòa	Xã Suối Hiệp	Trường TH&THCS Suối Tiên
1611	51	Khánh Hòa	Trường trực thuộc sở	Trường TH, THCS và THPT iSchool Nha Trang
1612	52	Khánh Hòa	Trường trực thuộc sở	Trường THPT ISCHOOL Ninh Thuận
1613	53	Khánh Hòa	Xã Cam Lâm	Trường Tiểu học Cam Đức 1
1614	54	Khánh Hòa	Xã Cam Lâm	Trường Tiểu học Cam Hòa 1
1615	55	Khánh Hòa	Xã Suối Dầu	Trường Tiểu học Khánh Hòa - Jeju
1616	56	Khánh Hòa	Phường Đông Ninh Hòa	Trường tiểu học Ninh Diêm
1617	57	Khánh Hòa	Phường Ninh Hòa	Trường tiểu học Ninh Hiệp 3
1618	58	Khánh Hòa	Phường Ninh Hòa	Trường Tiểu học Ninh Phụng
1619	59	Khánh Hòa	Xã Bắc Ninh Hòa	Trường tiểu học Ninh Thọ
1620	60	Khánh Hòa	Phường Ninh Hòa	Trường tiểu học số 2 Ninh Hiệp
1621	61	Khánh Hòa	Xã Suối Dầu	Trường Tiểu học Suối Cát
1622	62	Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	Trường Tiểu học Vĩnh Lương 2
1623	63	Khánh Hòa	Phường Bắc Cam Ranh	Trường Tiểu học Cam Nghĩa 1
1624	64	Khánh Hòa	Phường Cam Ranh	Trường TH-THCS Cam Phúc Nam
1625	65	Khánh Hòa	Phường Phan Rang	Trường Tiểu học Phủ Hà 2

26. Lâm Đồng (65 trường)

1626	1	Lâm Đồng	Phường Hàm Thắng	Trường TH, THCS và THPT Lê Quý Đôn
1627	2	Lâm Đồng	Phường 1 Bảo Lộc	Trường Tiểu học Lộc Thanh 2
1628	3	Lâm Đồng	Phường 2 Bảo Lộc	Trường Tiểu học và THCS Lê Lợi
1629	4	Lâm Đồng	Phường Bắc Gia Nghĩa	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
1630	5	Lâm Đồng	Phường B'Lao	Trường Tiểu học Lam Sơn
1631	6	Lâm Đồng	Phường Đông Gia Nghĩa	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn
1632	7	Lâm Đồng	Phường Hàm Thắng	Trường Tiểu học Hàm Thắng 4
1633	8	Lâm Đồng	Phường La Gi	Trường Tiểu học Bình Tân 3
1634	9	Lâm Đồng	Phường Lang Biang	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn
1635	10	Lâm Đồng	Phường Nam Gia Nghĩa	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh
1636	11	Lâm Đồng	Phường Phan Thiết	Trường Tiểu học Hưng Long 2
1637	12	Lâm Đồng	Phường Phú Thủy	Trường Tiểu học Phú Thủy 2
1638	13	Lâm Đồng	Phường Phước Hội	Trường Tiểu học Phước Lộc 2
1639	14	Lâm Đồng	Phường Xuân Hương	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn
1640	15	Lâm Đồng	Xã Bắc Bình	Trường Tiểu học Phan Hòa 1
1641	16	Lâm Đồng	Xã Bắc Ruộng	Trường Tiểu học Đức Tân 2
1642	17	Lâm Đồng	Xã Bảo Lâm 1	Trường Tiểu Học Lê Quý Đôn
1643	18	Lâm Đồng	Xã Bảo Lâm 3	Trường Tiểu Học Nguyễn Khuyến
1644	19	Lâm Đồng	Xã Bảo Thuận	Trường Tiểu học Đình Lạc - Di Linh
1645	20	Lâm Đồng	Xã Cát Tiên 2	Trường tiểu học Phước Cát 2
1646	21	Lâm Đồng	Xã Cư Jút	Trường Tiểu học Y Jut
1647	22	Lâm Đồng	Xã Đạ Huoai 3	Trường Tiểu học Đạ P'loa
1648	23	Lâm Đồng	Xã Đạ Tẻh 2	Trường Tiểu học Triệu Hải
1649	24	Lâm Đồng	Xã Đắc Mĩl	Trường PTCS Nguyễn Khuyến
1650	25	Lâm Đồng	Xã Đắc Wil	Trường Tiểu học Lê Lợi
1651	26	Lâm Đồng	Xã Đam Rông 3	Trường Tiểu học Đạ M'Rông
1652	27	Lâm Đồng	Xã Di Linh	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi
1653	28	Lâm Đồng	Xã Đình Văn Lâm Hà	Trường Tiểu học Đình Văn 5
1654	29	Lâm Đồng	Xã Đơn Dương	Trường Tiểu học R'Lom
1655	30	Lâm Đồng	Xã Đồng Kho	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở La Ngâu
1656	31	Lâm Đồng	Xã Đức An	Trường Tiểu học Tô Hiệu
1657	32	Lâm Đồng	Xã Đức Linh	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1658	33	Lâm Đồng	Xã Đức Trọng	Trường Tiểu học Nghĩa Hiệp
1659	34	Lâm Đồng	Xã Hải Ninh	Trường Tiểu học Hải Ninh 1
1660	35	Lâm Đồng	Xã Hàm Liêm	Trường Tiểu học Hàm Chính 2
1661	36	Lâm Đồng	Xã Hàm Thạnh	Trường Tiểu học Hàm Thạnh 2
1662	37	Lâm Đồng	Xã Hàm Thuận Bắc	Trường Tiểu học Hàm Phú 1
1663	38	Lâm Đồng	Xã Hiệp Thạnh	Trường Tiểu học K' Long
1664	39	Lâm Đồng	Xã Hòa Ninh	Trường Tiểu học Hòa Trung - Di Linh
1665	40	Lâm Đồng	Xã Hoài Đức	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ
1666	41	Lâm Đồng	Xã Hồng Thái	Trường Tiểu học Hồng Thái 3
1667	42	Lâm Đồng	Xã Kiến Đức	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1668	43	Lâm Đồng	Xã La Dạ	Trường TH-THCS La Dạ
1669	44	Lâm Đồng	Xã Liên Hương	Trường Tiểu học Lạc Trị
1670	45	Lâm Đồng	Xã Nam Ban Lâm Hà	Trường TH-THCS Mê Linh
1671	46	Lâm Đồng	Xã Nam Dong	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
1672	47	Lâm Đồng	Xã Nâm Nung	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1673	48	Lâm Đồng	Xã Nghị Đức	Trường Tiểu học Nghị Đức 2
1674	49	Lâm Đồng	Xã Phan Rí Cửa	Trường Tiểu học Chí Công 2
1675	50	Lâm Đồng	Xã Phú Sơn Lâm Hà	Trường Tiểu học Đa Nung
1676	51	Lâm Đồng	Xã Quảng Khê	Trường Tiểu học Kim Đồng
1677	52	Lâm Đồng	Xã Quảng Sơn	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng
1678	53	Lâm Đồng	Xã Quảng Tân	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Gia Thiều
1679	54	Lâm Đồng	Xã Sơn Điền	Trường Tiểu học Sơn Điền - Di Linh
1680	55	Lâm Đồng	Xã Sông Lũy	Trường Tiểu học Bình Tân 2
1681	56	Lâm Đồng	Xã Tà Hine	Trường Tiểu học Đà Loan
1682	57	Lâm Đồng	Xã Tân Hà Lâm Hà	Trường Tiểu học Tân Hà I
1683	58	Lâm Đồng	Xã Tân Hội	Trường Tiểu học Tân Nghĩa
1684	59	Lâm Đồng	Xã Tân Minh	Trường Tiểu học và THCS Tân Minh
1685	60	Lâm Đồng	Xã Tánh Linh	Trường Tiểu học Lạc Tánh 1
1686	61	Lâm Đồng	Xã Thuận Hạnh	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân
1687	62	Lâm Đồng	Xã Trường Xuân	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
1688	63	Lâm Đồng	Xã Tuy Phong	Trường Tiểu học Phong Phú 2
1689	64	Lâm Đồng	Xã Hàm Thạnh	Trường Tiểu học Mỹ Thạnh
1690	65	Lâm Đồng	Xã Tân Hải	Trường Tiểu học Tân Hải 2

(Tổng số 715 trường của 11 tỉnh/thành phố khu vực miền Trung)

C. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Nam

V. Vùng Đông Nam Bộ

27. Đồng Nai (65 trường)

1691	1	Đồng Nai	Phường Phước Long	Trường Tiểu Học Phước Tín A
1692	2	Đồng Nai	Phường Bình Phước	Trường Tiểu học Tân Bình
1693	3	Đồng Nai	Phường Bình Phước	Trường Tiểu Học Tiến Hưng B
1694	4	Đồng Nai	Phường An Lộc	Trường Tiểu Học Thanh Phú A
1695	5	Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	Trường Tiểu Học Nguyễn Huệ
1696	6	Đồng Nai	Xã Đăk Ô	Trường Tiểu Học Đăk Ô
1697	7	Đồng Nai	Xã Lộc Ninh	Trường Tiểu học Thị Trấn Lộc Ninh A
1698	8	Đồng Nai	Xã Lộc Hưng	Trường Tiểu Học Lộc Điền A
1699	9	Đồng Nai	Xã Thiện Hưng	Trường Tiểu Học Thiện Hưng B
1700	10	Đồng Nai	Xã Tân Hưng	Trường Tiểu Học Tân Hưng B
1701	11	Đồng Nai	Xã Thuận Lợi	Trường Tiểu Học Thuận Phú
1702	12	Đồng Nai	Xã Thọ Sơn	Trường Tiểu học Thọ Sơn
1703	13	Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	Trường Tiểu Học Nghĩa Trung
1704	14	Đồng Nai	Xã Đak Nhau	Trường Tiểu Học Võ Thị Sáu
1705	15	Đồng Nai	Phường Minh Hưng	Trường Tiểu học Minh Hưng B
1706	16	Đồng Nai	Xã Long Hà	Trường Tiểu học Lê Hoàn
1707	17	Đồng Nai	Xã Long Hà	Trường Tiểu Học Long Tân
1708	18	Đồng Nai	Phường Trảng Dài	Trường Tiểu Học Trảng Dài

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1709	19	Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường Tiểu Học Thống Nhất
1710	20	Đồng Nai	Phường Long Bình	Trường Tiểu Học Phan Đình Phùng
1711	21	Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường Tiểu Học Hiệp Hòa
1712	22	Đồng Nai	Phường Long Bình	Trường Tiểu Học Nguyễn Tri Phương
1713	23	Đồng Nai	Phường Long Bình	Trường Tiểu học Phan Bội Châu
1714	24	Đồng Nai	Phường Tam Phước	Trường Tiểu học Tam Phước 1
1715	25	Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường Tiểu học Nguyễn An Ninh
1716	26	Đồng Nai	Phường Bình Lộc	Trường Tiểu học Lê Lợi
1717	27	Đồng Nai	Phường Long Khánh	Trường Tiểu Học Kim Đồng
1718	28	Đồng Nai	Phường Long Khánh	Trường Tiểu Học Xuân Trung
1719	29	Đồng Nai	Xã Phú Lâm	Trường Tiểu Học Đinh Tiên Hoàng
1720	30	Đồng Nai	Xã Tân Phú	Trường Tiểu Học Trần Quốc Toản
1721	31	Đồng Nai	Xã Tân Phú	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1722	32	Đồng Nai	Xã Tân An	Trường Tiểu học Tân An
1723	33	Đồng Nai	Xã Tân An	Trường Tiểu học Sông Mây
1724	34	Đồng Nai	Xã Định Quán	Trường Tiểu học Chu Văn An
1725	35	Đồng Nai	Xã Định Quán	Trường Tiểu Học Phú Ngọc B
1726	36	Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	Trường Tiểu Học Liên Sơn
1727	37	Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám
1728	38	Đồng Nai	Phường Hồ Nai	Trường Tiểu Học Lý Thường Kiệt
1729	39	Đồng Nai	Xã Trảng Bom	Trường Tiểu Học Trung Vương
1730	40	Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	Trường Tiểu Học Nguyễn Trãi
1731	41	Đồng Nai	Xã Trảng Bom	Trường Tiểu Học Cao Bá Quát
1732	42	Đồng Nai	Xã Dầu Giây	Trường Tiểu Học Nguyễn Viết Xuân
1733	43	Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	Trường Tiểu Học Quang Trung
1734	44	Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	Trường Tiểu Học Chu Văn An
1735	45	Đồng Nai	Xã Xuân Định	Trường Tiểu học Mỹ Hạnh
1736	46	Đồng Nai	Xã Xuân Đông	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc
1737	47	Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	Trường Tiểu học Nhân Nghĩa
1738	48	Đồng Nai	xã Long Thành	Trường Tiểu học Long Thành A
1739	49	Đồng Nai	Xã Long Phước	Trường Tiểu học Long Phước
1740	50	Đồng Nai	Xã Bình An	Trường Tiểu học Bình An
1741	51	Đồng Nai	Xã Xuân Lộc	Trường Tiểu Học Xuân Trường
1742	52	Đồng Nai	Xã Xuân Phú	Trường Tiểu Học Nguyễn Huệ
1743	53	Đồng Nai	Xã Xuân Bắc	Trường Tiểu Học 3 tháng 2
1744	54	Đồng Nai	Xã Xuân Thành	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến
1745	55	Đồng Nai	Xã Nhơn Trạch	Trường Tiểu học Phước Thiện 3
1746	56	Đồng Nai	Xã Đại Phước	Trường Tiểu Học Đại Phước
1747	57	Đồng Nai	Xã Nhơn Trạch	Trường Tiểu Học Phước Thiện 2
1748	58	Đồng Nai	Xã Lộc Ninh	Trường TH-THCS Lộc Thuận
1749	59	Đồng Nai	Xã Lộc Thành	Trường TH-THCS Lộc Thịnh
1750	60	Đồng Nai	Xã Tân Quan	Trường TH-THCS Tân Quan
1751	61	Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	Trường TH-THCS Đồng Tâm
1752	62	Đồng Nai	Xã Bom Bo	Trường TH-THCS Trần Văn Ôn
1753	63	Đồng Nai	Xã Phú Trung	Trường TH-THCS Phú Trung
1754	64	Đồng Nai	Xã Trị An	Trường TH- THCS Mã Đà
1755	65	Đồng Nai	Xã Dầu Giây	Trường TH-THCS Lương Thế Vinh

28. Tây Ninh (65 trường)

1756	1	Tây Ninh	phường Hoà Thành	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm
1757	2	Tây Ninh	phường Long An	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng
1758	3	Tây Ninh	Phường Long Hoa	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm
1759	4	Tây Ninh	Phường Long Hoa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi
1760	5	Tây Ninh	Phường Tân An	Trường Tiểu học An Vĩnh Ngãi
1761	6	Tây Ninh	phường Tân Ninh	Trường Tiểu học Trần Phú
1762	7	Tây Ninh	xã An Lục Long	Trường Tiểu học Long Trì

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1763	8	Tây Ninh	xã Bến Lức	Trường Tiểu học Tân Hòa
1764	9	Tây Ninh	xã Bến Lức	Trường Tiểu học, THCS và THPT iSchool Long An
1765	10	Tây Ninh	xã Bình Thành	Trường Tiểu học Tân Hiệp
1766	11	Tây Ninh	xã Càn Giuộc	Trường Tiểu học thị trấn Càn Giuộc
1767	12	Tây Ninh	xã Châu Thành	Trường Tiểu học Đỗ Tấn Nhiên
1768	13	Tây Ninh	xã Châu Thành	Trường Tiểu học Tua Hai
1769	14	Tây Ninh	Xã Đức Huệ	Trường TH&THCS Bình Thành
1770	15	Tây Ninh	Xã Hậu Thạnh	Trường Tiểu học Bắc Hòa
1771	16	Tây Ninh	Xã Khánh Hưng	Trường Tiểu học Khánh Hưng
1772	17	Tây Ninh	xã Lương Hòa	Trường TH&THCS Tân Bửu
1773	18	Tây Ninh	xã Mỹ Lệ	Trường Tiểu học Rạch Đào
1774	19	Tây Ninh	Xã Mỹ Thạnh	Trường Tiểu học Bình An
1775	20	Tây Ninh	xã Mỹ Yên	Trường Tiểu học Phước Lợi
1776	21	Tây Ninh	Xã Nhơn Ninh	Trường Tiểu học Nhơn Ninh B
1777	22	Tây Ninh	Xã Ninh Điền	Trường Tiểu học Dương Minh Châu
1778	23	Tây Ninh	xã Phước Lý	Trường Tiểu học Long Thượng
1779	24	Tây Ninh	Xã Rạch Kiến	Trường Tiểu học Long Trạch 1
1780	25	Tây Ninh	xã Tâm Vu	Trường Tiểu học Tâm Vu
1781	26	Tây Ninh	xã Tân Hòa	Trường tiểu học Suối Ngõ C
1782	27	Tây Ninh	xã Tân Lân	Trường Tiểu học Phước Đông
1783	28	Tây Ninh	xã Tân Thành	Trường Tiểu học Suối Dây A
1784	29	Tây Ninh	xã Thạnh Lợi	Trường TH&THCS Lê Văn Tường
1785	30	Tây Ninh	Xã Thạnh Hóa	Trường Tiểu học Thủy Tây
1786	31	Tây Ninh	Xã Tuyên Bình	Trường TH&THCS Tuyên Bình.
1787	32	Tây Ninh	xã Vĩnh Thạnh	Trường TH&THCS Vĩnh Châu B
1788	33	Tây Ninh	xã Phước Vinh	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt
1789	34	Tây Ninh	Phường Trảng Bàng	Trường Tiểu học Vàm Trảng
1790	35	Tây Ninh	xã Bình Hiệp	Trường Tiểu học và THCS Bình Hòa Tây
1791	36	Tây Ninh	Phường Bình Minh	Trường Tiểu học Trương Định
1792	37	Tây Ninh	Phường An Tịnh	Trường Tiểu học Lộc Hưng
1793	38	Tây Ninh	xã Truông Mít	Trường Tiểu học Bàu Đôn
1794	39	Tây Ninh	xã Mỹ Hạnh	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Hạnh
1795	40	Tây Ninh	xã Bến Cầu	Trường Tiểu học Tiên Thuận C
1796	41	Tây Ninh	xã Hào Đức	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc
1797	42	Tây Ninh	Phường Thanh Điền	Trường Tiểu học Triệu Thị Trinh
1798	43	Tây Ninh	xã Tân Thạnh	Trường Tiểu học Kiến Bình
1799	44	Tây Ninh	Phường Ninh Thạnh	Trường Tiểu học Chà Là
1800	45	Tây Ninh	xã Bình Đức	Trường Tiểu học Thạnh Đức
1801	46	Tây Ninh	xã Hưng Điền	Trường Tiểu học Hưng Hà
1802	47	Tây Ninh	Xã Phước Thạnh	Trường Tiểu học Phước Hòa
1803	48	Tây Ninh	xã Đức Lập	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Đẹp
1804	49	Tây Ninh	xã An Ninh	Trường Tiểu học An Ninh Tây
1805	50	Tây Ninh	Xã Thạnh Bình	Trường Tiểu học Tân Phong B
1806	51	Tây Ninh	xã Lộc Ninh	Trường Tiểu học Lộc Ninh
1807	52	Tây Ninh	xã Tân Phú	Trường Tiểu học Lương Định Của
1808	53	Tây Ninh	xã Long Hựu	Trường THCS Long Hựu Đông 1
1809	54	Tây Ninh	Xã Mỹ Quý	Trường Tiểu học Mỹ Quý Đông
1810	55	Tây Ninh	Xã Hậu Nghĩa	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm
1811	56	Tây Ninh	xã Tân Tây	Trường Tiểu học Tân Đông
1812	57	Tây Ninh	Xã Đức Hoà	Trường Tiểu học Bình Hữu
1813	58	Tây Ninh	xã Mỹ An	Trường Tiểu học Mỹ Phú
1814	59	Tây Ninh	xã Vĩnh Châu	Trường Tiểu học Vĩnh Đại
1815	60	Tây Ninh	xã Cầu Khởi	Trường Tiểu học Phước Ninh
1816	61	Tây Ninh	xã Tân Lập	Trường Tiểu học Thạnh Bắc B
1817	62	Tây Ninh	Xã Hưng Thuận	Trường Tiểu học Bời Lồi 2

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1818	63	Tây Ninh	Xã Thủ Thờ	Trường Tiểu học Nhà Dài
1819	64	Tây Ninh	xã Thạnh Đức	Trường Tiểu học Bến Đình
1820	65	Tây Ninh	Phường Gò Dầu	Trường Tiểu học Trần Quốc Đại
29. TP. Hồ Chí Minh (65 trường)				
1821	1	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Định	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng
1822	2	TP. Hồ Chí Minh	Phường Đông Hưng Thuận	Trường Tiểu học Nguyễn An Khương
1823	3	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Thới Hiệp	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ
1824	4	TP. Hồ Chí Minh	Phường Cát Lái	Trường Tiểu học E-School
1825	5	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hiệp Bình	Trường Tiểu học Bình Quới
1826	6	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phước Long	Trường Tiểu học Phước Bình
1827	7	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tăng Nhơn Phú	Trường Tiểu học Tân Phú
1828	8	TP. Hồ Chí Minh	Phường Gò Vấp	Trường Tiểu học Kim Đồng
1829	9	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Hội Đông	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ
1830	10	TP. Hồ Chí Minh	Phường Gia Định	Trường Tiểu học Hồng Hà
1831	11	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Sơn Hòa	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ
1832	12	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bảy Hiền	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi
1833	13	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tây Thạnh	Trường Tiểu học Lê Lai
1834	14	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Sơn Nhì	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh
1835	15	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Khánh	Trường Tiểu học An Khánh
1836	16	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bàn Cờ	Trường Tiểu học Lương Định Của
1837	17	TP. Hồ Chí Minh	Phường Xuân Hòa	Trường Tiểu học Quốc tế Fosco
1838	18	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hòa Hưng	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành
1839	19	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Thới	Trường Tiểu học Phùng Hưng
1840	20	TP. Hồ Chí Minh	Phường Vĩnh Hội	Trường Tiểu học Vĩnh Hội
1841	21	TP. Hồ Chí Minh	Phường Chợ Quán	Trường Tiểu học Trần Bình Trọng
1842	22	TP. Hồ Chí Minh	Phường Chợ Lớn	Trường Tiểu học Hùng Vương
1843	23	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Tây	Trường Tiểu học Võ Văn Tần
1844	24	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Đông	Trường Tiểu học Bùi Minh Trực
1845	25	TP. Hồ Chí Minh	Phường Chánh Hưng	Trường Tiểu học Đông Nam Á
1846	26	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Tân	Trường Tiểu học Tân Tạo
1847	27	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Tạo	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn
1848	28	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Thuận	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định
1849	29	TP. Hồ Chí Minh	Xã Tân An Hội	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch
1850	30	TP. Hồ Chí Minh	Xã An Nhơn Tây	Trường Tiểu học An Nhơn Tây
1851	31	TP. Hồ Chí Minh	Xã Phú Hòa Đông	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông
1852	32	TP. Hồ Chí Minh	Xã Hóc Môn	Trường Tiểu học Tân Hiệp
1853	33	TP. Hồ Chí Minh	Xã Bà Điểm	Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng
1854	34	TP. Hồ Chí Minh	Xã Hưng Long	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trân
1855	35	TP. Hồ Chí Minh	Xã Bình Lợi	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3
1856	36	TP. Hồ Chí Minh	Xã Vĩnh Lộc	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh
1857	37	TP. Hồ Chí Minh	Xã Nhà Bè	Trường Tiểu học Lê Quang Định
1858	38	TP. Hồ Chí Minh	Xã Cần Giuộc	Trường Tiểu học Hòa Hiệp
1859	39	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Khánh	Trường Tiểu học và THCS Tuệ Đức
1860	40	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Hưng Hòa	Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An
1861	41	TP. Hồ Chí Minh	Phường Thạnh Mỹ Tây	Trường TH, THCS và THPT Vinschool
1862	42	TP. Hồ Chí Minh	Xã Bình Hưng	Trường TH, THCS và THPT Albert Einstein
1863	43	TP. Hồ Chí Minh	Phường Thủ Dầu Một	Trường Tiểu học Nguyễn Du
1864	44	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú An	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền
1865	45	TP. Hồ Chí Minh	Xã Minh Thạnh	Trường Tiểu học Minh Hòa
1866	46	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bến Cát	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn
1867	47	TP. Hồ Chí Minh	Xã Trừ Văn Thố	Trường Tiểu học Trừ Văn Thố
1868	48	TP. Hồ Chí Minh	Xã Phú Giáo	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B
1869	49	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Đông Hiệp	Trường Tiểu học Thái Hòa A
1870	50	TP. Hồ Chí Minh	Phường Dĩ An	Trường Tiểu học An Bình
1871	51	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Đông Hiệp	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1872	52	TP. Hồ Chí Minh	Phường Lái Thiêu	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản
1873	53	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Phú	Trường Tiểu học Tuy An
1874	54	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Uyên	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Mỹ
1875	55	TP. Hồ Chí Minh	Xã Trừ Văn Thố	Trường TH-THCS-THPT Lương Thế Vinh
1876	56	TP. Hồ Chí Minh	Phường Rạch Dừa	Trường Tiểu học Thắng Nhất
1877	57	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tam Thắng	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân
1878	58	TP. Hồ Chí Minh	Phường Long Hương	Trường Tiểu học Phan Bội Châu
1879	59	TP. Hồ Chí Minh	Xã Xuân Sơn	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
1880	60	TP. Hồ Chí Minh	Xã Bình Châu	Trường Tiểu học Bình Châu
1881	61	TP. Hồ Chí Minh	Xã Bàu Lâm	Trường Tiểu học Ngô Quyền
1882	62	TP. Hồ Chí Minh	Xã Long Hải	Trường Tiểu học Lê Lợi
1883	63	TP. Hồ Chí Minh	Xã Phước Hải	Trường Tiểu học Lộc An
1884	64	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Mỹ	Trường Tiểu học Lê Lợi
1885	65	TP. Hồ Chí Minh	Xã Kim Long	Trường Tiểu học - THCS Phan Đình Phùng

VI. Vùng đồng bằng sông Cửu Long

30. Đồng Tháp (65 trường)

1886	1	Đồng Tháp	xã An Phước	Trường Tiểu học Tân Phước
1887	2	Đồng Tháp	xã Thường Phước	Trường Tiểu học Thường Phước 1B
1888	3	Đồng Tháp	xã Long Phú Thuận	Trường Tiểu học Long Thuận 1
1889	4	Đồng Tháp	xã Long Phú Thuận	Trường Tiểu học Phú Thuận B3
1890	5	Đồng Tháp	xã Tam Nông	Trường Tiểu học Phú Hiệp
1891	6	Đồng Tháp	xã Tràm Chim	Trường Tiểu học Tràm Chim 1
1892	7	Đồng Tháp	xã An Long	Trường Tiểu học An Long 2
1893	8	Đồng Tháp	xã Thanh Bình	Trường Tiểu học Tân Mỹ 2
1894	9	Đồng Tháp	xã Tân Thạnh	Trường Tiểu học Tân Thạnh 1
1895	10	Đồng Tháp	xã Bình Thành	Trường Tiểu học Bình Tấn 2
1896	11	Đồng Tháp	xã Tân Long	Trường Tiểu học Tân Huệ 2
1897	12	Đồng Tháp	xã Tháp Mười	Trường Tiểu học Dương Văn Hòa
1898	13	Đồng Tháp	xã Thanh Mỹ	Trường Tiểu học Thanh Mỹ
1899	14	Đồng Tháp	xã Mỹ Quý	Trường Tiểu học Mỹ Quý 1
1900	15	Đồng Tháp	xã Đốc Binh Kiều	Trường Tiểu học Đốc Binh Kiều 1
1901	16	Đồng Tháp	xã Phương Thịnh	Trường Tiểu học Hưng Thạnh 2
1902	17	Đồng Tháp	xã Ba Sao	Trường Tiểu học Ba Sao 2
1903	18	Đồng Tháp	xã Bình Hàng Trung	Trường Tiểu học Bình Hàng Trung
1904	19	Đồng Tháp	xã Mỹ Hiệp	Trường Tiểu học Mỹ Long
1905	20	Đồng Tháp	xã Mỹ An Hưng	Trường Tiểu học Tân Mỹ 1
1906	21	Đồng Tháp	xã Tân Khánh Trung	Trường Tiểu học Tân Khánh Trung 3
1907	22	Đồng Tháp	xã Lấp Vò	Trường Tiểu học Vĩnh Thạnh 1
1908	23	Đồng Tháp	xã Lai Vung	Trường Tiểu học Định Yên 2
1909	24	Đồng Tháp	xã Hòa Long	Trường Tiểu học Hòa Long 2
1910	25	Đồng Tháp	xã Phong Hòa	Trường Tiểu học Vĩnh Thới 1
1911	26	Đồng Tháp	xã Tân Dương	Trường Tiểu học Tân Phú Đông
1912	27	Đồng Tháp	xã Phú Hựu	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
1913	28	Đồng Tháp	xã Tân Nhuận Đông	Trường Tiểu học Hòa Tân 2
1914	29	Đồng Tháp	xã Tân Phú Trung	Trường Tiểu học Tân Phú Trung
1915	30	Đồng Tháp	xã Thanh Hưng	Trường Tiểu học Tân Thanh
1916	31	Đồng Tháp	xã Mỹ Lợi	Trường Tiểu học Mỹ Lợi A
1917	32	Đồng Tháp	xã Mỹ Thiện	Trường Tiểu học Ngô Văn Nhạc
1918	33	Đồng Tháp	xã Hậu Mỹ	Trường Tiểu học Hậu Mỹ Trinh
1919	34	Đồng Tháp	xã Cái Bè	Trường Tiểu học B Thị Trấn Cái Bè
1920	35	Đồng Tháp	xã Thạnh Phú	Trường Tiểu học Thạnh Lộc
1921	36	Đồng Tháp	xã Hiệp Đức	Trường Tiểu học Tân Phong
1922	37	Đồng Tháp	xã Ngũ Hiệp	Trường Tiểu học Tam Bình
1923	38	Đồng Tháp	xã Tân Phước 3	Trường Tiểu học Phước Lập
1924	39	Đồng Tháp	xã Tân Hương	Trường Tiểu học Tân Hương

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1925	40	Đồng Tháp	Xã Châu Thành	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Long An
1926	41	Đồng Tháp	xã Long Định	Trường Tiểu học Đông Hòa
1927	42	Đồng Tháp	xã Vĩnh Kim	Trường Tiểu học Vĩnh Kim
1928	43	Đồng Tháp	Xã Mỹ Tịnh An	Trường Tiểu học Tân Bình Thạnh
1929	44	Đồng Tháp	Xã Tân Thuận Bình	Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước
1930	45	Đồng Tháp	Xã An Thạnh Thủy	Trường Tiểu học Bình Phan
1931	46	Đồng Tháp	xã Vĩnh Bình	Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Trí
1932	47	Đồng Tháp	xã Đồng Sơn	Trường Tiểu học Lê Minh Hương
1933	48	Đồng Tháp	xã Long Bình	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nhiều
1934	49	Đồng Tháp	xã Tân Điền	Trường Tiểu học Tân Điền
1935	50	Đồng Tháp	xã Tân Đông	Trường Tiểu học Tân Tây
1936	51	Đồng Tháp	Xã Tân Thới	Trường Tiểu học Tân Phú
1937	52	Đồng Tháp	phường Mỹ Tho	Trường Tiểu học Hồ Văn Nhánh
1938	53	Đồng Tháp	phường Đạo Thạnh	Trường Tiểu học Đạo Thạnh
1939	54	Đồng Tháp	phường Thới Sơn	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ
1940	55	Đồng Tháp	phường Gò Công	Trường Tiểu học Nguyễn Trọng Hợp
1941	56	Đồng Tháp	phường Bình Xuân	Trường Tiểu học Bình Xuân 2
1942	57	Đồng Tháp	phường An Bình	Trường Tiểu học An Bình B
1943	58	Đồng Tháp	phường Hồng Ngự	Trường Tiểu học Bình Thạnh
1944	59	Đồng Tháp	phường Thường Lạc	Trường Tiểu học Thường Lạc 1
1945	60	Đồng Tháp	phường Cao Lãnh	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn
1946	61	Đồng Tháp	phường Cao Lãnh	Trường Tiểu học Ngô Thị Nhậm
1947	62	Đồng Tháp	phường Cao Lãnh	Trường Tiểu học Trần Phú
1948	63	Đồng Tháp	phường Mỹ Ngãi	Trường Tiểu học Mỹ Ngãi
1949	64	Đồng Tháp	phường Mỹ Trà	Trường Tiểu học Mỹ Trà
1950	65	Đồng Tháp	phường Sa Đéc	Trường Tiểu học Phú Mỹ

31. An Giang (65 trường)

1951	1	An Giang	Đặc khu Phú Quốc	Trường Tiểu học An Thới 1
1952	2	An Giang	Đặc khu Phú Quốc	Trường TH&THCS Gành Dầu
1953	3	An Giang	Phường Bình Đức	Trường Phổ thông iSchool Long Xuyên
1954	4	An Giang	Phường Châu Đốc	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng
1955	5	An Giang	Phường Chi Lăng	Trường Tiểu học B Chi Lăng
1956	6	An Giang	Phường Long Phú	Trường Tiểu học Long Châu
1957	7	An Giang	Phường Long Xuyên	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân
1958	8	An Giang	Phường Mỹ Thới	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu
1959	9	An Giang	Phường Rạch Giá	Trường Tiểu học Mekong Xanh
1960	10	An Giang	Phường Rạch Giá	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm
1961	11	An Giang	Phường Thới Sơn	Trường Tiểu học Bán trú A Nhà Bàng
1962	12	An Giang	Phường Tịnh Biên	Trường Tiểu học C Tịnh Biên
1963	13	An Giang	Phường Vĩnh Thông	Trường Tiểu học Tân Hưng
1964	14	An Giang	Xã An Biên	Trường Tiểu học Đông Yên 2
1965	15	An Giang	Xã An Châu	Trường Tiểu học A Hòa Bình Thạnh
1966	16	An Giang	Xã An Minh	Trường Tiểu học Đông Hưng B
1967	17	An Giang	Xã An Phú	Trường Tiểu học A Phú Hội
1968	18	An Giang	Xã Bình An	Trường Tiểu học Bình An 4
1969	19	An Giang	Xã Bình Hòa	Trường Tiểu học A An Hòa
1970	20	An Giang	Xã Bình Mỹ	Trường Tiểu học A Bình Thủy
1971	21	An Giang	Xã Càn Đăng	Trường Tiểu học Vĩnh Lợi
1972	22	An Giang	Xã Châu Phú	Trường Tiểu học A Bình Long
1973	23	An Giang	Xã Châu Thành	Trường Tiểu học Giục Tượng 1
1974	24	An Giang	Xã Chợ Mới	Trường Tiểu học B Kiến An
1975	25	An Giang	Xã Cô Tô	Trường Tiểu học A Tà Đảnh
1976	26	An Giang	Xã Định Hòa	Trường Tiểu học Thủy Liễu 1
1977	27	An Giang	Xã Định Mỹ	Trường Tiểu học B Định Thành
1978	28	An Giang	Xã Đông Hưng	Trường Tiểu học Văn Khánh Đông 2

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1979	29	An Giang	Xã Giang Thành	Trường Tiểu học Phú Mỹ
1980	30	An Giang	Xã Giồng Riềng	Trường TH&THCS Nguyễn Văn Rõ
1981	31	An Giang	Xã Hòa Điền	Trường Tiểu học Hòa Điền
1982	32	An Giang	Xã Hòa Thuận	Trường Tiểu học Hòa Thuận
1983	33	An Giang	Xã Hội An	Trường Tiểu học B Hòa Bình
1984	34	An Giang	Xã Khánh Bình	Trường Tiểu học A Long Bình
1985	35	An Giang	Xã Long Điền	Trường Tiểu học Phù Đồng
1986	36	An Giang	Xã Long Kiên	Trường Tiểu học A Long Kiên
1987	37	An Giang	Xã Mỹ Đức	Trường Tiểu học A Khánh Hòa
1988	38	An Giang	Xã Mỹ Thuận	Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn
1989	39	An Giang	Xã Ngọc Chúc	Trường TH&THCS Ngọc Thuận
1990	40	An Giang	Xã Nhơn Mỹ	Trường Tiểu học C Nhơn Mỹ
1991	41	An Giang	Xã Núi Cấm	Trường Tiểu học C An Hào
1992	42	An Giang	Xã Óc Eo	Trường Tiểu học Vọng Thê
1993	43	An Giang	Xã Phú Hòa	Trường Tiểu học A Phú Hòa
1994	44	An Giang	Xã Phú Tân	Trường Tiểu học A Tân Hòa
1995	45	An Giang	Xã Sơn Kiên	Trường TH&THCS Mỹ Thái
1996	46	An Giang	Xã Tân Hiệp	Trường Tiểu học Thạnh Đông 3
1997	47	An Giang	Xã Tân Hội	Trường TH&THCS Tân Hội
1998	48	An Giang	Xã Tây Phú	Trường Tiểu học An Bình
1999	49	An Giang	Xã Thạnh Đông	Trường TH&THCS Đông Thọ
2000	50	An Giang	Xã Thạnh Đông	Trường TH&THCS Thạnh Đông A2
2001	51	An Giang	Xã Thạnh Lộc	Trường Tiểu học Thạnh Lộc 1
2002	52	An Giang	Xã Thạnh Mỹ Tây	Trường Tiểu học A Ô Long Vĩ
2003	53	An Giang	Xã Thoại Sơn	Trường Tiểu học B Thoại Giang
2004	54	An Giang	Xã U Minh Thượng	Trường Tiểu học Minh Thuận 1
2005	55	An Giang	Xã Vĩnh An	Trường Tiểu học B Vĩnh An
2006	56	An Giang	Xã Vĩnh Bình	Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc
2007	57	An Giang	Xã Vĩnh Hạnh	Trường Tiểu học B Vĩnh Hạnh
2008	58	An Giang	Xã Vĩnh Hòa	Trường Tiểu học Hòa Chánh 2
2009	59	An Giang	Xã Vĩnh Hòa Hưng	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa Hưng Nam 1
2010	60	An Giang	Xã Vĩnh Thạnh Trung	Trường Tiểu học B Mỹ Phú
2011	61	An Giang	Xã Vĩnh Thuận	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận 1
2012	62	An Giang	Xã Vĩnh Xương	Trường Tiểu học A Vĩnh Xương
2013	63	An Giang	Đặc khu Phú Quốc	Trường TH&THCS Cửa Dương
2014	64	An Giang	Xã Bình Mỹ	Trường Tiểu học Bình Chánh
2015	65	An Giang	Xã Mỹ Thuận	Trường TH&THCS Kiên Hào

32. Vĩnh Long (65 trường)

2016	1	Vĩnh Long	Phường Thanh Đức	Trường Tiểu học Thiêng Đức
2017	2	Vĩnh Long	Phường Tân Ngãi	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong
2018	3	Vĩnh Long	Phú Quới	Trường Tiểu học Phú Quới C
2019	4	Vĩnh Long	xã An Bình	Trường Tiểu học Trương Văn Ba
2020	5	Vĩnh Long	Xã Bình Phước	Trường Tiểu học Hòa Tịnh B
2021	6	Vĩnh Long	xã Nhơn Phú	Trường Tiểu học Nhơn Phú A
2022	7	Vĩnh Long	Xã Trung Hiệp	Trường Tiểu học Tân An Luông
2023	8	Vĩnh Long	Xã Hiếu Thành	Trường Tiểu học Đỗ Quang Mười
2024	9	Vĩnh Long	Xã Quới An	Trường Tiểu học Tân Quới Trung A
2025	10	Vĩnh Long	Xã Hòa Hiệp	Trường Tiểu học Hòa Lộc
2026	11	Vĩnh Long	Xã Song Phú	Trường Tiểu học Long Phú
2027	12	Vĩnh Long	Xã Ngãi Tứ	Trường Tiểu học Thạch Thia
2028	13	Vĩnh Long	phường Đông Thành	Trường Tiểu học Phan Văn Năm
2029	14	Vĩnh Long	Xã Trà Ôn	Trường Tiểu học Thiện Mỹ A
2030	15	Vĩnh Long	Hòa Bình	Trường Tiểu học Thới Hòa A
2031	16	Vĩnh Long	Trà Côn	Trường Tiểu học Tân Mỹ A
2032	17	Vĩnh Long	Tân Lược	Trường Tiểu học Tân Lược

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
2033	18	Vĩnh Long	Mỹ Thuận	Trường Tiểu học Thành Trung
2034	19	Vĩnh Long	Xã Bình Phú	Trường Tiểu học Bình Phú A
2035	20	Vĩnh Long	Xã Tân An	Trường Tiểu học Huyền Hội A
2036	21	Vĩnh Long	xã Nhị Long	Trường Tiểu học Nhị Long
2037	22	Vĩnh Long	xã Cầu Kè	Trường Tiểu học Châu Điền A
2038	23	Vĩnh Long	xã Phong Thạnh	Trường Tiểu học Phong Phú B
2039	24	Vĩnh Long	xã Tam Ngãi	Trường Tiểu học Thạnh Phú
2040	25	Vĩnh Long	Xã Tân Hoà	Trường Tiểu học Tân Hòa B
2041	26	Vĩnh Long	Hùng Hoà	Trường Tiểu học Ngãi Hùng
2042	27	Vĩnh Long	Tập Sơn	Trường Tiểu học Tập Sơn
2043	28	Vĩnh Long	Xã Trà Cú	Trường Tiểu học Ngãi Xuyên B
2044	29	Vĩnh Long	Hàm Giang	Trường Tiểu học Hàm Tân
2045	30	Vĩnh Long	Xã Long Hiệp	Trường Tiểu học Long Hiệp A
2046	31	Vĩnh Long	Đôn Châu	Trường Tiểu học Đôn Châu A
2047	32	Vĩnh Long	Xã Long Vĩnh	Trường Tiểu học Long Vĩnh C
2048	33	Vĩnh Long	Cầu Ngang	Trường Tiểu học Mỹ Hoà B
2049	34	Vĩnh Long	Hiệp Mỹ	Trường Tiểu học Long Sơn A
2050	35	Vĩnh Long	Xã Mỹ Long	Trường Tiểu học Mỹ Long
2051	36	Vĩnh Long	Phường Long Đức	Trường Tiểu học Lê Anh Xuân
2052	37	Vĩnh Long	Phường Nguyệt Hóa	Trường Tiểu học Nguyệt Hóa A
2053	38	Vĩnh Long	Phường Trường Long Hòa	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
2054	39	Vĩnh Long	xã Hòa Minh	Trường Tiểu học Hòa Minh
2055	40	Vĩnh Long	Xã Châu Thành	Trường Tiểu học Thanh Mỹ B
2056	41	Vĩnh Long	Phường An Hội	Trường Tiểu học Phú Nhuận
2057	42	Vĩnh Long	Phường Bến Tre	Trường Tiểu học Thanh Tân
2058	43	Vĩnh Long	Phú Túc	Trường Tiểu học Phú Túc
2059	44	Vĩnh Long	Tiên Thủy	Trường Tiểu học Tiên Thủy A
2060	45	Vĩnh Long	Phú Phụng	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Thúc
2061	46	Vĩnh Long	Vĩnh Thành	Trường Tiểu học Vĩnh Thành A
2062	47	Vĩnh Long	Hung Khánh Trung	Trường Tiểu học Hung Khánh Trung C
2063	48	Vĩnh Long	Tân Thành Bình	Trường Tiểu học Tân Thành Bình 1
2064	49	Vĩnh Long	Nhuận Phú Tân	Trường Tiểu học Khánh Thạnh Tân 1
2065	50	Vĩnh Long	Mỏ Cày	Trường Tiểu học An Thạnh 1
2066	51	Vĩnh Long	Hương Mỹ	Trường Tiểu học Hương Mỹ 2
2067	52	Vĩnh Long	Quới Điền	Trường Tiểu học Mỹ Hưng
2068	53	Vĩnh Long	Xã An Qui	Trường Tiểu học An Nhơn
2069	54	Vĩnh Long	Tân Thủy	Trường Tiểu học Tân Thủy
2070	55	Vĩnh Long	Ba Tri	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa
2071	56	Vĩnh Long	Tân Xuân	Trường Tiểu học Phú Lễ
2072	57	Vĩnh Long	Xã An Hiệp	Trường Tiểu học An Ngãi Tây
2073	58	Vĩnh Long	Giồng Trôm	Trường Tiểu học Bình Thành 1
2074	59	Vĩnh Long	Phước Long	Trường Tiểu học Linh Phụng
2075	60	Vĩnh Long	Châu Hòa	Trường Tiểu học Châu Bình 1
2076	61	Vĩnh Long	Thạnh Phước	Trường Tiểu học Trà Thị Cụt
2077	62	Vĩnh Long	xã Thạnh Trị	Trường Tiểu học Cao Thành San
2078	63	Vĩnh Long	Xã Châu Hưng	Trường Tiểu học Long Hòa
2079	64	Vĩnh Long	Xã Thành Thới	Trường TH-THCS Lê Thị Biểu
2080	65	Vĩnh Long	xã Giao Long	Trường TH-THCS An Phước

33. TP. Cần Thơ (65 trường)

2081	1	TP. Cần Thơ	Xã Tân Phước Hưng	Trường Tiểu học Tân Phước Hưng
2082	2	TP. Cần Thơ	Xã Trung Hưng	Trường Tiểu học Trung Hưng 2
2083	3	TP. Cần Thơ	Xã Cù Lao Dung	Trường Tiểu học An Thạnh 2B
2084	4	TP. Cần Thơ	Xã Vĩnh Lợi	Trường Tiểu học Châu Hưng 1
2085	5	TP. Cần Thơ	Xã Tân Long	Trường Tiểu học Tân Long 1
2086	6	TP. Cần Thơ	Phường Mỹ Xuyên	Trường Tiểu học Đại Tâm 1

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
2087	7	TP. Cần Thơ	Phường Hưng Phú	Trường Tiểu học Phú Thứ 2
2088	8	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Năm	Trường TH&THCS Vĩnh Quới
2089	9	TP. Cần Thơ	Phường Ninh Kiều	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn
2090	10	TP. Cần Thơ	Phường Khánh Hoà	Trường Tiểu học Hoà Đông 1
2091	11	TP. Cần Thơ	Phường Cái Răng	Trường Tiểu học Trần Hoàng Na
2092	12	TP. Cần Thơ	Xã Vĩnh Thạnh	Trường Tiểu học Vĩnh Thạnh 2
2093	13	TP. Cần Thơ	Phường An Bình	Trường Tiểu học An Bình 1
2094	14	TP. Cần Thơ	Xã Long Hưng	Trường Tiểu học Long Hưng A
2095	15	TP. Cần Thơ	Xã Vị Thủy	Trường Tiểu học Võ Nguyên Giáp
2096	16	TP. Cần Thơ	Phường Long Xuyên	Trường Tiểu học Long Xuyên 1
2097	17	TP. Cần Thơ	Phường Phú Lợi	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt
2098	18	TP. Cần Thơ	Xã Lịch Hội Thượng	Trường Tiểu học thị trấn Lịch Hội Thượng B
2099	19	TP. Cần Thơ	Xã Phú Lộc	Trường Tiểu học Phú Lộc 1
2100	20	TP. Cần Thơ	Phường Phú Lợi	Trường Tiểu học Mạc Đĩnh Chi
2101	21	TP. Cần Thơ	xã Tân Hòa	Trường Tiểu học Nguyễn Du
2102	22	TP. Cần Thơ	Xã Trung Hưng	Trường Tiểu học Trung Thạnh 3
2103	23	TP. Cần Thơ	Xã Mỹ Tú	Trường Tiểu học Mỹ Thuận B
2104	24	TP. Cần Thơ	Phường Ninh Kiều	Trường Tiểu học Ngô Quyền
2105	25	TP. Cần Thơ	Phường Thới Long	Trường Tiểu học Long Hưng
2106	26	TP. Cần Thơ	Xã Trường Xuân	Trường Tiểu học Trường Xuân 2
2107	27	TP. Cần Thơ	Phường Thới An Đông	Trường Tiểu học Trà An
2108	28	TP. Cần Thơ	Xã Long Phú	Trường Tiểu học Long Phú A
2109	29	TP. Cần Thơ	Xã Đại Ngãi	Trường Tiểu học Long Đức C
2110	30	TP. Cần Thơ	Xã Vĩnh Viễn	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn 1
2111	31	TP. Cần Thơ	Xã An Ninh	Trường Tiểu học An Ninh A
2112	32	TP. Cần Thơ	Phường Ô Môn	Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh
2113	33	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Bảy	Trường Tiểu học Lái Hiếu
2114	34	TP. Cần Thơ	Xã An Lạc Thôn	Trường Tiểu học Xuân Hòa 2
2115	35	TP. Cần Thơ	Xã Lai Hòa	Trường Tiểu học Lai Hòa 4
2116	36	TP. Cần Thơ	Xã Long Hưng	Trường Tiểu học Hưng Phú B
2117	37	TP. Cần Thơ	Phường Vĩnh Châu	Trường Tiểu học 2 Phường 2
2118	38	TP. Cần Thơ	Xã Đông Thuận	Trường Tiểu học Đông Bình 1
2119	39	TP. Cần Thơ	Xã Hòa An	Trường Tiểu học Hòa An 1
2120	40	TP. Cần Thơ	Xã Phong Điền	Trường Tiểu học Lộ Vòng Cung
2121	41	TP. Cần Thơ	Xã Tân Thạnh	Trường Tiểu học Tân Hưng C
2122	42	TP. Cần Thơ	Xã Nhơn Mỹ	Trường Tiểu học Nhơn Mỹ 1
2123	43	TP. Cần Thơ	Phường Hưng Phú	Trường Tiểu học Phú Thứ 1
2124	44	TP. Cần Thơ	Phường Hưng Phú	Trường Tiểu học Phú Thứ 3
2125	45	TP. Cần Thơ	Xã Long Phú	Trường Tiểu học Long Phú B
2126	46	TP. Cần Thơ	Xã Kế Sách	Trường Trường Tiểu học Kế Thành 1
2127	47	TP. Cần Thơ	Xã Hóa Lữ	Trường Tiểu học Trương Định
2128	48	TP. Cần Thơ	Phường Ninh Kiều	Trường Tiểu học Xuân Khánh 2
2129	49	TP. Cần Thơ	Xã Cù Lao Dung	Trường Tiểu học An Thạnh 3B
2130	50	TP. Cần Thơ	Phường Ô Môn	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo
2131	51	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Bảy	Trường Tiểu học Hùng Vương
2132	52	TP. Cần Thơ	Xã Hồ Đắc Kịch	Trường Tiểu học Thiện Mỹ
2133	53	TP. Cần Thơ	Xã Phụng Hiệp.	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 3
2134	54	TP. Cần Thơ	Xã Vĩnh Trinh	Trường Tiểu học Vĩnh Trinh 1
2135	55	TP. Cần Thơ	Xã Lương Tâm	Trường Tiểu học Lương Tâm 1
2136	56	TP. Cần Thơ	Xã Phong Điền	Trường Tiểu học thị trấn Phong Điền 1
2137	57	TP. Cần Thơ	Xã Phú Hữu	Trường Tiểu học Phú Hữu 4
2138	58	TP. Cần Thơ	Xã Phong Điền	Trường Tiểu học Giai Xuân 2
2139	59	TP. Cần Thơ	Xã Vị Thanh 1	Trường Tiểu học Vị Thanh 2
2140	60	TP. Cần Thơ	Xã Châu Thành	Trường Trường Tiểu học Đông Phú 3
2141	61	TP. Cần Thơ	Xã Vĩnh Thạnh	Trường Tiểu học Vĩnh Thạnh 1

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
2142	62	TP. Cần Thơ	Xã Hòa An	Trường Tiểu học Kim Đồng
2143	63	TP. Cần Thơ	Xã Vĩnh Hải	Trường Tiểu học Dân lập Cảnh Thành
2144	64	TP. Cần Thơ	Xã Vĩnh Trinh	Trường Tiểu học Vĩnh Bình 1
2145	65	TP. Cần Thơ	Xã Thạnh Hòa	Trường Tiểu học Long Thạnh 1

34. Cà Mau (65 trường)

2146	1	Cà Mau	Láng Tròn	Trường Tiểu học Phong Thạnh Đông
2147	2	Cà Mau	Nguyễn Việt Khái	Trường Tiểu học Quảng Phú
2148	3	Cà Mau	Nguyễn Việt Khái	Trường Tiểu học Việt Thắng 1
2149	4	Cà Mau	Phường An Xuyên	Trường tiểu học Lê Quý Đôn
2150	5	Cà Mau	phường An Xuyên	Trường tiểu học Văn Lang
2151	6	Cà Mau	Phường An Xuyên	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng
2152	7	Cà Mau	phường An Xuyên	Trường Tiểu học Nguyễn Tạo
2153	8	Cà Mau	Phường Bạc Liêu	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
2154	9	Cà Mau	Phường Giá Rai	Trường Tiểu học Giá Rai A
2155	10	Cà Mau	Phường Hiệp Thành	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh
2156	11	Cà Mau	Phường Hòa Thành	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm
2157	12	Cà Mau	Phường Hòa Thành	Trường Tiểu học Lê Văn Tám
2158	13	Cà Mau	Phường Lý Văn Lâm	Trường Tiểu học Phường 8/1
2159	14	Cà Mau	Phường Tân Thành	Trường PT Hermann Gmeiner Cà Mau
2160	15	Cà Mau	Phường Tân Thành	Trường Tiểu học Quang Trung
2161	16	Cà Mau	Phường Tân Thành	Trường Tiểu học Tác Vân
2162	17	Cà Mau	Phường Vĩnh Trạch	Trường Tiểu học Nguyễn Du
2163	18	Cà Mau	Xã Cái Đồi Vàm	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu
2164	19	Cà Mau	Xã Biên Bạch	Trường Tiểu học Tân Bằng
2165	20	Cà Mau	Xã Cái Nước	Trường Tiểu học Tân Hưng Đông
2166	21	Cà Mau	Xã Châu Thới	Trường Tiểu học Châu Thới
2167	22	Cà Mau	xã Đá Bạc	Trường Tiểu học A Khánh Bình Tây
2168	23	Cà Mau	xã Đầm Dơi	Trường Tiểu học Tân Duyệt
2169	24	Cà Mau	xã Đất Mới	Trường Tiểu học Năm Căn
2170	25	Cà Mau	Xã Đất Mũi	Trường Tiểu học 2 Đất Mũi
2171	26	Cà Mau	Xã Đông Hải	Trường Tiểu học Kim Đồng
2172	27	Cà Mau	Xã Gành Hào	Trường Tiểu học Kim Sơn
2173	28	Cà Mau	Xã Hòa Bình	Trường Tiểu học Hòa Bình B
2174	29	Cà Mau	Xã Hồ Thị Kỷ	Trường Tiểu học Hồ Thị Kỷ A
2175	30	Cà Mau	Xã Hồng Dân	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước
2176	31	Cà Mau	Xã Hồng Dân	Trường Tiểu học Võ Trường Toản
2177	32	Cà Mau	Xã Hưng Hội	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản
2178	33	Cà Mau	Xã Hưng Mỹ	Trường TH&THCS Tân Hưng Đông
2179	34	Cà Mau	Xã Khánh An	Trường Tiểu học ĐặngThùy Trâm
2180	35	Cà Mau	Xã Khánh Hưng	Trường Tiểu học 3 Khánh Hưng
2181	36	Cà Mau	Xã Khánh Lâm	Trường Tiểu học Kim Đồng
2182	37	Cà Mau	Xã Khánh Lâm	Trường TH&THCS Nguyễn Bình Khiêm
2183	38	Cà Mau	Xã Long Điền	Trường Tiểu học Quang Trung
2184	39	Cà Mau	xã Năm Căn	Trường Tiểu học Hàm Rồng
2185	40	Cà Mau	Xã Ninh Thạnh Lợi	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Huyền
2186	41	Cà Mau	Xã Nguyễn Phích	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Huyền
2187	42	Cà Mau	Xã Nguyễn Phích	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố
2188	43	Cà Mau	Xã Phan Ngọc Hiến	Trường Tiểu học 3 xã Phan Ngọc Hiến
2189	44	Cà Mau	Xã Phong Thạnh	Trường Tiểu học Tân Thạnh A
2190	45	Cà Mau	xã Phú Mỹ	Trường Tiểu học Phú Thuận
2191	46	Cà Mau	Xã Phú Tân	Trường Tiểu học Tân Hải
2192	47	Cà Mau	Xã Quách Phẩm	Trường Tiểu học An Lập
2193	48	Cà Mau	Xã Sông Đốc	Trường Tiểu học 1 Phong Điền
2194	49	Cà Mau	Xã Sông Đốc	Trường Tiểu học 5 Sông Đốc
2195	50	Cà Mau	Xã Tạ An khương	Trường tiểu học Tân Thới

TT	TT trường /tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
2196	51	Cà Mau	xã Tam Giang	Trường Tiểu học Hiệp Tùng
2197	52	Cà Mau	xã Tân Ân	Trường Tiểu học 2 Tam Giang Tây
2198	53	Cà Mau	Xã Tân Hưng	Trường Tiểu học Tân Hưng 1
2199	54	Cà Mau	Xã Tân Hưng	Trường TH&THCS Thạnh Hưng
2200	55	Cà Mau	Xã Tân Lộc	Trường Tiểu học Tân Lộc
2201	56	Cà Mau	Xã Tân Thuận	Trường Tiểu học Thuận Hòa
2202	57	Cà Mau	Xã Thanh Tùng	Trường tiểu học Thanh Tùng
2203	58	Cà Mau	Xã Thới Bình	Trường Tiểu học Thới Bình B
2204	59	Cà Mau	Xã Trần Phán	Trường Tiểu học Tân Trung
2205	60	Cà Mau	Xã Trần Văn Thời	Trường Tiểu học 1 Trần Văn Thời
2206	61	Cà Mau	Xã Trần Văn Thời	Trường Tiểu học 1 Trần Hợi
2207	62	Cà Mau	Xã Trí Phải	Trường Tiểu học Trí Phải
2208	63	Cà Mau	xã U Minh	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn
2209	64	Cà Mau	Xã Vĩnh Hậu	Trường Tiểu học Vĩnh Hậu A
2210	65	Cà Mau	xã Vĩnh Lộc	Trường Tiểu học Nhụy Cầm

(Tổng số 520 trường của 08 tỉnh/thành phố khu vực miền Nam)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PHỤ LỤC 1B
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THAM GIA KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ DIỆN RỘNG QUỐC GIA KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH
LỚP 5, LỚP 9, LỚP 11

(Kèm theo Công văn số 297/QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
A. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Bắc				
I. Vùng trung du và miền núi phía Bắc				
1. Tuyên Quang (41 trường)				
1	1	Tuyên Quang	Kiên Đài	Trường PTDTBT THCS Kiên Đài
2	2	Tuyên Quang	Tân Mỹ	Trường THCS Tân Mỹ
3	3	Tuyên Quang	Yên Lập	Trường PTDTBT THCS Yên Lập
4	4	Tuyên Quang	Bình Xa	Trường PTDTBT TH&THCS Minh Tiến
5	5	Tuyên Quang	Thái Sơn	Trường THCS Thái Sơn
6	6	Tuyên Quang	Minh Quang	Trường PTDTBT THCS Phúc Sơn
7	7	Tuyên Quang	Lâm Bình	Trường PTDTBT TH&THCS Xuân Lập
8	8	Tuyên Quang	Nà Hang	Trường PT DTNT THCS&THPT Na Hang
9	9	Tuyên Quang	Đông Thọ	Trường THCS Đông Quý
10	10	Tuyên Quang	Minh Thanh	Trường THCS Lương Thiện
11	11	Tuyên Quang	Sơn Dương	Trường THCS Kỳ Lâm
12	12	Tuyên Quang	Sơn Dương	Trường TH&THCS Tú Thịnh
13	13	Tuyên Quang	An Tường	Trường THCS Lương Vượng
14	14	Tuyên Quang	Minh Xuân	Trường THCS Kim Phú
15	15	Tuyên Quang	Hùng Lợi	Trường PTDTBT THCS Hùng Lợi
16	16	Tuyên Quang	Xuân Vân	Trường THCS Phúc Ninh
17	17	Tuyên Quang	Yên Sơn	Trường PTDTNT THCS Yên Sơn
18	18	Tuyên Quang	Hà Giang 1	Trường THCS Lê Quý Đôn
19	19	Tuyên Quang	Bắc Quang	Trường THCS Việt Vinh
20	20	Tuyên Quang	Bạch Ngọc	Trường PTDTBT THCS Bạch Ngọc
21	21	Tuyên Quang	Bằng Lang	Trường THCS Yên Hà
22	22	Tuyên Quang	Đông Ván	Trường PTDTBT TH&THCS Tá Phìn
23	23	Tuyên Quang	Đường Hồng	Trường THCS Phú Nam
24	24	Tuyên Quang	Hoàng Su Phi	Trường PTDTBT TH&THCS Ngâm Đăng Vài
25	25	Tuyên Quang	Khâu Vai	Trường PTDTBT THCS Cán Chu Phìn
26	26	Tuyên Quang	Linh Hồ	Trường THCS Trung Thành
27	27	Tuyên Quang	Lùng Tám	Trường PTDTBT TH&THCS Thái An
28	28	Tuyên Quang	Mèo Vạc	Trường PTDTBT THCS Giàng Chu Phìn
29	29	Tuyên Quang	Nám Dán	Trường PTDTBT THCS Ché Là
30	30	Tuyên Quang	Pà Vây Sủ	Trường PTDTBT THCS Bán Ngò
31	31	Tuyên Quang	Phú Linh	Trường TH&THCS Kim Thạch
32	32	Tuyên Quang	Quản Bạ	Trường PTDTNT THCS&THPT Quản Bạ
33	33	Tuyên Quang	Sà Phìn	Trường PTDTBT THCS Sùng Là
34	34	Tuyên Quang	Tân Quang	Trường THCS Tân Quang
35	35	Tuyên Quang	Thắng Mổ	Trường PTDTBT THCS Sùng Cháng
36	36	Tuyên Quang	Thuận Hòa	Trường PTDTBT THCS Thuận Hoà
37	37	Tuyên Quang	Tùng Bá	Trường THCS&THPT Tùng Bá
38	38	Tuyên Quang	Việt Lâm	Trường PTDTBT TH&THCS Quảng Ngần
39	39	Tuyên Quang	Xín Mần	Trường PTDTNT THCS Xín Mần
40	40	Tuyên Quang	Yên Minh	Trường PTDTBT THCS Lao Và Chải
41	41	Tuyên Quang	Yên Thành	Trường PTDTBT THCS Yên Thành
2. Cao Bằng (41 trường)				

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
42	1	Cao Bằng	Xã Bế Văn Đàn	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn
43	2	Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	Trường THCS Phi Hải
44	3	Cao Bằng	Phường Tân Giang	Trường THCS Hòa chung
45	4	Cao Bằng	Xã Độc Lập	Trường TH&THCS Quảng Hưng
46	5	Cao Bằng	Xã Bảo Lạc	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Hồng Trị
47	6	Cao Bằng	Xã Yên Thổ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Thái
48	7	Cao Bằng	Xã Cản Yên	Trường TH&THCS Cản Yên
49	8	Cao Bằng	Xã Đông Khê	Trường THCS Đông Khê
50	9	Cao Bằng	Xã Quang Long	Trường TH&THCS Đức Quang
51	10	Cao Bằng	Xã Nam Tuấn	Trường THCS Nam Tuấn
52	11	Cao Bằng	Xã Hòa An	Trường THCS Nước Hai
53	12	Cao Bằng	Xã Hòa An	Trường TH&THCS Đại Tiên
54	13	Cao Bằng	Xã Nguyễn Huệ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Quang Trung
55	14	Cao Bằng	Xã Hạnh Phúc	Trường THCS Hạnh Phúc
56	15	Cao Bằng	Xã Thanh Long	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Ngọc Động
57	16	Cao Bằng	Xã Hạ Lang	Trường THCS Thái Đức
58	17	Cao Bằng	Xã Thông Nông	Trường PTDTNT THCS Thông Nông
59	18	Cao Bằng	Xã Đức Long	Trường TH&THCS Thụy Hùng
60	19	Cao Bằng	Xã Thành Công	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Thành Công
61	20	Cao Bằng	Xã Ca Thành	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH& THCS Yên
62	21	Cao Bằng	Xã Trường Hà	Trường PTDTNT THCS Trường Hà
63	22	Cao Bằng	Xã Đình Phong	Trường THCS Ngọc Khê
64	23	Cao Bằng	Xã Trà Lĩnh	Trường PTDTNT THCS Trà Lĩnh
65	24	Cao Bằng	Xã Phục Hoà	Trường PTDTNT THCS Phục Hoà
66	25	Cao Bằng	Phường Thục Phán	Trường THCS Đề Thám
67	26	Cao Bằng	Xã Hà Quảng	Trường THCS Hồng Sỹ
68	27	Cao Bằng	Xã Cô Ba	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Thượng Hà
69	28	Cao Bằng	Xã Nguyên Bình	Trường THCS Nguyên Bình
70	29	Cao Bằng	Xã Tổng Cột	Trường THCS Tổng Cột
71	30	Cao Bằng	Xã Quang Hán	Trường TH&THCS Quang Hán
72	31	Cao Bằng	Xã Khánh Xuân	Trường PTDTBT THCS Khánh Xuân
73	32	Cao Bằng	Xã Bảo Lâm	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và trung học cơ sở Vĩnh Phong
74	33	Cao Bằng	Xã Minh Tâm	Trung học phổ thông Nà Bao
75	34	Cao Bằng	Xã Nam Quang	Trường PTDTBT TH&THCS Nam Cao
76	35	Cao Bằng	Xã Hưng Đạo	Trường PTDTBT TH&THCS Hưng Thịnh
77	36	Cao Bằng	Xã Vinh Quý	Trường TH&THCS Kim Loan
78	37	Cao Bằng	Xã Xuân trường	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Xuân Trường
79	38	Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	Trường THCS Chí Thảo
80	39	Cao Bằng	Xã Quang Long	Trường TH&THCS Quang Long
81	40	Cao Bằng	Xã Thông Nông	Trường TH&THCS Lương Can
82	41	Cao Bằng	Xã Phục Hoà	Trường THCS Tà Lùng

3. Lai Châu (41 trường)

83	1	Lai Châu	Xã Mường Kim	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Tà Hừa
84	2	Lai Châu	Xã Khoen On	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Khoen On
85	3	Lai Châu	Xã Than Uyên	Trường THCS Mường Than
86	4	Lai Châu	Xã Mường Than	Trường THCS Phúc Than
87	5	Lai Châu	Xã Nậm Sỏ	Trường THCS Nậm Sỏ
88	6	Lai Châu	Xã Tân Uyên	Trường THCS Thân Thuộc
89	7	Lai Châu	Xã Tân Uyên	Trường THCS Hoàng Liên
90	8	Lai Châu	Xã Bản Bo	Trường THCS Bản Bo

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
91	9	Lai Châu	Xã Bình Lư	Trường THCS Bình Lư
92	10	Lai Châu	Xã Tả Lèng	Trường THCS Tả Lèng
93	11	Lai Châu	Xã Khun Há	Trường TH&THCS Bản Hòn
94	12	Lai Châu	Xã Sin Suối Hồ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Nậm Xe
95	13	Lai Châu	Xã Phong Thổ	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Ma Li Pho
96	14	Lai Châu	Xã Khổng Lào	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Hoàng Thèn
97	15	Lai Châu	Xã Sì Lờ Lầu	Trường TH&THCS Mồ Si San
98	16	Lai Châu	Xã Sì Lờ Lầu	Trường THCS Sì Lờ Lầu
99	17	Lai Châu	Xã Đào San	Trường PTDTBT TH&THCS Tung Qua Lìn
100	18	Lai Châu	Xã Tủa Sín Chải	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Tả Ngảo
101	19	Lai Châu	Xã Sin Hồ	Trường TH&THCS Sà Dề Phìn
102	20	Lai Châu	Xã Hồng Thu	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Hồng Thu
103	21	Lai Châu	Xã Nậm Tăm	Trường THCS Lùng Thàng
104	22	Lai Châu	Xã Pu Sam Cáp	Trường THCS Pa Khóa
105	23	Lai Châu	Xã Nậm Cuối	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Nậm Hăn
106	24	Lai Châu	Xã Pa Tần	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Pa Tần
107	25	Lai Châu	Xã Lê Lợi	Trường TH&THCS Pú Dao
108	26	Lai Châu	Xã Lê Lợi	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Nậm Pi
109	27	Lai Châu	Xã Nậm Hàng	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Nậm Hàng
110	28	Lai Châu	Xã Hua Bum	Trường PTDTBT TH &THCS Hua Bum
111	29	Lai Châu	Xã Bum Nưa	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Pa Vệ Sủ
112	30	Lai Châu	Xã Bum Tờ	Trường PTDTBT TH &THCS Bum Tờ
113	31	Lai Châu	Xã Thu Lùm	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Thu Lùm
114	32	Lai Châu	Xã Pa Ủ	Trường PTDTBT TH&THCS Tá Bạ
115	33	Lai Châu	Xã Tả Tổng	Trường PTDTBT TH &THCS Nậm Ngà
116	34	Lai Châu	Phường Tân Phong	Trường THCS Bản Giang
117	35	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường THCS Đoàn Kết
118	36	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Lán Nhì
119	37	Lai Châu	Xã Than Uyên	Trường THCS Than Uyên
120	38	Lai Châu	Xã Mường Khoa	Trường THCS Mường Khoa
121	39	Lai Châu	Xã Phong Thổ	Trường THCS Phong Thổ
122	40	Lai Châu	Xã Tủa Sín Chải	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Tủa Sín Chải
123	41	Lai Châu	Xã Pu Sam Cáp	Trường PTDTBT TH&THCS Pu Sam Cáp

4. Lào Cai (41 trường)

124	1	Lào Cai	Xã Lục Yên	Trường PTDTNT THCS Lục Yên
125	2	Lào Cai	Xã Lâm Thượng	Trường THCS Chu Văn An
126	3	Lào Cai	Xã Bảo Thắng	Trường PTDTNT THCS&THPT Bảo Thắng
127	4	Lào Cai	Xã Trấn Yên	Trường THCS Báo Đáp
128	5	Lào Cai	Xã Trấn Yên	Trường TH&THCS Minh Quán
129	6	Lào Cai	Xã Nghĩa Đô	Trường TH&THCS Vĩnh Yên
130	7	Lào Cai	Xã Bản Xèo	Trường PTDTBT THCS Pa Cheo
131	8	Lào Cai	Xã Mù Cang Chải	Trường PTDTBT TH&THCS Mồ Dề
132	9	Lào Cai	Xã Trạ Mấu	Trường PTDTBT TH&THCS Pá Lau
133	10	Lào Cai	Xã Bản Liên	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Liên
134	11	Lào Cai	xã Khánh Yên	Trường TH&THCS Khánh Yên
135	12	Lào Cai	Xã Mường Khương	Trường PTDTBT THCS Nậm Lư
136	13	Lào Cai	Phường Văn Phú	Trường TH&THCS Văn Phú
137	14	Lào Cai	Xã Bảo Hà	Trường THCS Bảo Hà
138	15	Lào Cai	Xã Tân Hợp	Trường TH&THCS Đại Sơn
139	16	Lào Cai	Xã Phúc Lợi	Trường THCS Phúc Lợi
140	17	Lào Cai	Xã Tân Lĩnh	Trường THCS Tân Lĩnh
141	18	Lào Cai	Xã Mậu A	Trường PTDTNT THCS Văn Yên
142	19	Lào Cai	Xã Lùng Phình	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Van Chư
143	20	Lào Cai	Xã Thượng Hà	Trường THCS Thượng Hà

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
144	21	Lào Cai	Xã Cao Sơn	Trường PTDTBT THCS Tả Thàng
145	22	Lào Cai	Xã Võ Lao	Trường THCS số 1 Võ Lao
146	23	Lào Cai	Xã Mường Lai	Trường TH&THCS Mường Lai
147	24	Lào Cai	Xã Mường Lai	Trường TH&THCS Minh Tiến số 1
148	25	Lào Cai	Xã Khánh Hòa	Trường THCS Động Quan
149	26	Lào Cai	Xã Bát Xát	Trường TH&THCS Bản Qua
150	27	Lào Cai	Xã Tăng Loỏng	Trường THCS số 1 Phú Nhuận
151	28	Lào Cai	Xã Tú Lệ	Trường THCS Tú Lệ
152	29	Lào Cai	Xã Bảo Nhai	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly số 2
153	30	Lào Cai	Phường Trung Tâm	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ
154	31	Lào Cai	Xã Chiềng Ken	Trường PTDT Bán Trú THCS Chiềng Ken
155	32	Lào Cai	Xã Yên Thành	Trường TH&THCS Mỹ Gia
156	33	Lào Cai	Xã Lâm Giang	Trường THCS Lâm Giang
157	34	Lào Cai	Xã Bản Hồ	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Phụng
158	35	Lào Cai	Xã Hưng Khánh	Trường THCS Hưng Khánh
159	36	Lào Cai	Xã Cốc Lầu	Trường PTDTBT THCS Cốc Lầu
160	37	Lào Cai	Xã Lương Thịnh	Trường TH&THCS số 1 Lương Thịnh
161	38	Lào Cai	Xã Xuân Ái	Trường TH&THCS Đại Phác
162	39	Lào Cai	Xã Mường Bo	Trường TH&THCS Nậm Cang
163	40	Lào Cai	Phường Âu Lâu	Trường TH&THCS Hợp Minh
164	41	Lào Cai	Phường Yên Bái	Trường THCS Quang Trung

5. Thái Nguyên (41 trường)

165	1	Thái Nguyên	Xã Bằng Thành	Trường Phổ Thông Dân Tộc Bán Trú Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Nhận Môn
166	2	Thái Nguyên	Xã Hiệp Lực	Trường Phổ Thông Dân Tộc Bán Trú Trung Học Cơ Sở Lãng Ngâm
167	3	Thái Nguyên	Xã Văn Lãng	Trường Phổ Thông Dân Tộc Bán Trú Trung Học Cơ Sở Văn Lãng
168	4	Thái Nguyên	Xã Ngân Sơn	Trường Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Ngân Sơn
169	5	Thái Nguyên	Xã Thượng Quan	Trường PTDT Bán Trú Trung Học Cơ Sở Thượng
170	6	Thái Nguyên	Xã Phú Lương	Trường PTDTNT THCS Phú Lương
171	7	Thái Nguyên	Xã Diềm Thụy	Trường THCS Hà Châu
172	8	Thái Nguyên	Xã Phú Lương	Trường THCS Yên Lạc
173	9	Thái Nguyên	Phường Gia Sàng	Trường THCS Đồng Liên
174	10	Thái Nguyên	Xã Côn Minh	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Côn Minh
175	11	Thái Nguyên	Xã Na Rì	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Kim Lư
176	12	Thái Nguyên	Xã Thanh Mai	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Mai Lạp
177	13	Thái Nguyên	Phường Quyết Thắng	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Phúc Hà
178	14	Thái Nguyên	Xã Thanh Mai	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Thanh Mai
179	15	Thái Nguyên	Phường Bá Xuyên	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Vinh Sơn
180	16	Thái Nguyên	Xã Dân Tiến	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Xuất Tác
181	17	Thái Nguyên	Xã Nam Cường	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Đồng Lạc
182	18	Thái Nguyên	Xã Dân Tiến	Trường Trung Học Cơ Sở Bình Long
183	19	Thái Nguyên	Phường Bắc Kạn	Trường Trung Học Cơ Sở Bắc Kạn
184	20	Thái Nguyên	Phường Linh Sơn	Trường Trung Học Cơ Sở Cao Ngạn
185	21	Thái Nguyên	Xã Vô Tranh	Trường Trung Học Cơ Sở Cổ Lũng
186	22	Thái Nguyên	Xã Chợ Đồn	Trường Trung Học Cơ Sở Hoàng Văn Thụ
187	23	Thái Nguyên	Phường Gia Sàng	Trường Trung Học Cơ Sở Hương Sơn
188	24	Thái Nguyên	Xã Vạn Phú	Trường Trung Học Cơ Sở Ký Phú
189	25	Thái Nguyên	Phường Quyết Thắng	Trường Trung Học Cơ Sở Lương Ngọc Quyến
190	26	Thái Nguyên	Xã Đại Từ	Trường Trung Học Cơ Sở Mỹ Yên
191	27	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	Trường Trung Học Cơ Sở Nha Trang
192	28	Thái Nguyên	Xã Trung Hội	Trường Trung Học Cơ Sở Phú Tiến
193	29	Thái Nguyên	Xã Đại Phúc	Trường Trung Học Cơ Sở Phúc Triu

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
194	30	Thái Nguyên	Xã Phú Lương	Trường Trung Học Cơ Sở Phan Mễ Li
195	31	Thái Nguyên	Phường Quan Triều	Trường Trung Học Cơ Sở Sơn Cẩm 1
196	32	Thái Nguyên	Phường Sông Công	Trường Trung Học Cơ Sở Thắng Lợi
197	33	Thái Nguyên	Xã Tràng Xá	Trường Trung Học Cơ Sở Tràng Xá
198	34	Thái Nguyên	Xã Tân Thành	Trường Trung Học Cơ Sở Tân Hòa
199	35	Thái Nguyên	Phường Tích Lương	Trường Trung Học Cơ Sở Tân Thành
200	36	Thái Nguyên	Xã Văn Hán	Trường Trung Học Cơ Sở Văn Hán
201	37	Thái Nguyên	Xã Na Rì	Trường Trung Học Cơ Sở Yên Lạc
202	38	Thái Nguyên	Xã Định Hóa	Trường Trung Học Cơ Sở Đồng Thịnh
203	39	Thái Nguyên	Xã Cao Minh	Trường PTDT Bán Trú Trung Học Cơ Sở Công Bằng
204	40	Thái Nguyên	Phường Linh Sơn	Trường THCS Hoàng Thượng
205	41	Thái Nguyên	Phường Gia Sàng	Trường Tiểu Học, Trung Học Cơ Sở Và Trung Học Phổ Thông Iris

6. Điện Biên (41 trường)

206	1	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường THCS Mường Thanh
207	2	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường TH-THCS Thanh Trường
208	3	Điện Biên	Phường Mường Thanh	Trường Tiểu học và THCS Thanh Xương
209	4	Điện Biên	Phường Mường Lay	Trường TH&THCS Sông Đà
210	5	Điện Biên	Mường Nhé	Trường PTDTBT - THCS Chung Chải
211	6	Điện Biên	Sín Thầu	Trường PTDTBT - TH&THCS Sen Thượng
212	7	Điện Biên	Mường Toong	Trường PTDTBT - THCS Huổi Lếch
213	8	Điện Biên	Nậm Kè	Trường PTDTBT - THCS Pá Mý
214	9	Điện Biên	Mường Phăng	Trường THCS Nà Nhạn
215	10	Điện Biên	Mường Ảng	Trường THCS Mường Ảng
216	11	Điện Biên	Búng Lao	Trường THCS Ảng Tở
217	12	Điện Biên	Mường Lạn	Trường THCS Xuân Lao
218	13	Điện Biên	Mường Chà	Trường THCS Chà Cang
219	14	Điện Biên	Mường Tùng	Trường PTDTBT - TH&THCS Mường Tùng
220	15	Điện Biên	Nậm Nèn	Trường PTDTBT - THCS Huổi Mí
221	16	Điện Biên	Na Sang	Trường PTDTBT - THCS Ma Thì Hồ
222	17	Điện Biên	Sáng Nhè	Trường THCS&THPT Quyết Tiến (cấp THCS)
223	18	Điện Biên	Sín Chải	Trường THCS&THPT Sín chải (cấp THCS)
224	19	Điện Biên	Sính Phình	Trường PTDTBT - THCS Sính Phình
225	20	Điện Biên	Tuần Giáo	Trường THCS Tuần Giáo
226	21	Điện Biên	Quài Tở	Trường THCS&THPT Quài Tở (cấp THCS)
227	22	Điện Biên	Chiềng Sinh	Trường THCS Khong Hìn
228	23	Điện Biên	Pú Nhung	Trường THCS Rạng Đông
229	24	Điện Biên	Mường Mùn	Trường PTDTBT - THCS Mường Mùn
230	25	Điện Biên	Nà Hỳ	Trường THCS Nà Khoa
231	26	Điện Biên	Nà Hỳ	Trường Tiểu học-THCS Nậm Nhừ
232	27	Điện Biên	Chà Tở	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn
233	28	Điện Biên	Thanh Nưa	Trường THCS xã Thanh Luông
234	29	Điện Biên	Thanh An	Trường TH&THCS xã Sam Mứn
235	30	Điện Biên	Thanh Yên	Trường TH&THCS xã Pa Thơm
236	31	Điện Biên	Núa Ngam	Trường THCS xã Núa Ngam
237	32	Điện Biên	Sam Mứn	Trường PTDTBT TH&THCS xã Na U
238	33	Điện Biên	Mường Pôn	Trường PTDTBT THCS Mường Mươn
239	34	Điện Biên	Na Sơn	Trường PTDTBT - THCS Keo Lôm
240	35	Điện Biên	Xa Dung	Trường PTDTBT - THCS Sa Dung
241	36	Điện Biên	Mường Luân	Trường PTDTBT - TH&THCS Mường Luân
242	37	Điện Biên	Tìa Đình	Trường PTDTBT - THCS Tìa Đình
243	38	Điện Biên	Phường Mường Thanh	Trường THCS Nam Thanh
244	39	Điện Biên	Mường Phăng	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
245	40	Điện Biên	Na Sang	Trường THCS số 1 Na Sang

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
246	41	Điện Biên	Chiềng Sinh	Trường THCS Chiềng Sinh
7. Lạng Sơn (41 trường)				
247	1	Lạng Sơn	xã Tân Tri	Trường PTDTBT TH&THCS Vạn Thủy
248	2	Lạng Sơn	xã Vũ Lễ	Trường THCS Vũ Lễ
249	3	Lạng Sơn	xã Bình Gia	Trường PTDTBT TH&THCS Mông Ân
250	4	Lạng Sơn	xã Quý Hòa	Trường PTDTBT TH&THCS Quý Hòa
251	5	Lạng Sơn	xã Thiện Hòa	Trường PTDTBT THCS Thiện Hòa
252	6	Lạng Sơn	xã Thiện Thuật	Trường PTDTBT THCS Quang Trung
253	7	Lạng Sơn	xã Ba Sơn	Trường PTDTBT TH&THCS Mẫu Sơn
254	8	Lạng Sơn	xã Công Sơn	Trường PTDTBT TH&THCS Công Sơn
255	9	Lạng Sơn	xã Đồng Đăng	Trường THCS Thụy Hùng
256	10	Lạng Sơn	xã Chi Lăng	Trường THCS Quang Lang
257	11	Lạng Sơn	xã Chiến Thắng	Trường THCS Chiến Thắng
258	12	Lạng Sơn	xã Nhân Lý	Trường TH&THCS Bắc Thủy
259	13	Lạng Sơn	xã Vạn Linh	Trường THCS Y Tịch
260	14	Lạng Sơn	xã Thái Bình	Trường PTDTBT THCS Thái Bình
261	15	Lạng Sơn	xã Kiên Mộc	Trường PTDTBT THCS Kiên Mộc
262	16	Lạng Sơn	xã Hữu Lũng	Trường THCS Sơn Hà
263	17	Lạng Sơn	xã Tân Thành	Trường THCS Tân Thành
264	18	Lạng Sơn	xã Vân Nham	Trường THCS Vân Nham
265	19	Lạng Sơn	xã Thiện Tân	Trường TH và THCS Thanh Sơn
266	20	Lạng Sơn	xã Hữu Liên	Trường TH và THCS Hữu Liên
267	21	Lạng Sơn	xã Lộc Bình	Trường Trung học cơ sở Đồng Bục
268	22	Lạng Sơn	xã Mẫu Sơn	Trường Trung học cơ sở Yên Khoái
269	23	Lạng Sơn	xã Na Dương	Trường TH&THCS Quan Bản
270	24	Lạng Sơn	xã Thống Nhất	Trường TH&THCS Thống Nhất
271	25	Lạng Sơn	xã Khuất Xá	Trường TH&THCS Tĩnh Bắc
272	26	Lạng Sơn	xã Thất Khê	Trường THCS Chi Lăng
273	27	Lạng Sơn	xã Đoàn Kết	Trường PTDTBT TH, THCS Cao Minh
274	28	Lạng Sơn	xã Tân Tiến	Trường PTDTBT TH, THCS Tân Yên
275	29	Lạng Sơn	xã Tràng Định	Trường Tiểu học, THCS Hùng Việt
276	30	Lạng Sơn	xã Kháng Chiến	Trường TH&THCS Kháng Chiến
277	31	Lạng Sơn	phường Lương Văn Tri	Trường TH&THCS Lê Quý Đôn
278	32	Lạng Sơn	phường Đông Kinh	Trường THCS Đông Kinh
279	33	Lạng Sơn	phường Kỳ Lừa	Trường THCS Gia Cát
280	34	Lạng Sơn	xã Na Sầm	Trường THCS Na Sầm
281	35	Lạng Sơn	xã Hoàng Văn Thụ	Trường PTDTBT TH&THCS Nhạc Kỳ
282	36	Lạng Sơn	xã Hội Hoan	Trường PTDTBT THCS Nam La
283	37	Lạng Sơn	xã Văn Quan	Trường THCS Văn Quan
284	38	Lạng Sơn	xã Điềm He	Trường TH&THCS Trấn Ninh
285	39	Lạng Sơn	Xã Khánh Khê	Trường PTDTBT TH&THCS Bình Trung
286	40	Lạng Sơn	xã Tri Lễ	Trường PTDTBT THCS Tri Lễ
287	41	Lạng Sơn	xã Yên Phúc	Trường TH&THCS 3 An Sơn
8. Sơn La (41 trường)				
288	1	Sơn La	Phường Chiềng Cơi	Trường THCS Hua La
289	2	Sơn La	Phường Mộc Châu	Trường TH&THCS Tây Tiến
290	3	Sơn La	Phường Tô Hiệu	Trường THCS Lê Quý Đôn
291	4	Sơn La	Phường Vân Sơn	Trường TH&THCS 15/10
292	5	Sơn La	Xã Bắc Yên	Trường THCS Song Pe
293	6	Sơn La	Xã Co Mạ	Trường PTDTBT THCS Co Mạ
294	7	Sơn La	Xã Chiềng Hặc	Trường THCS Tú Nang
295	8	Sơn La	Xã Chiềng Khương	Trường PTDTBT TH&THCS Chiềng Khương
296	9	Sơn La	Xã Chiềng Lao	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Giôn
297	10	Sơn La	Xã Chiềng Mai	Trường TH&THCS Chiềng Mai

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
298	11	Sơn La	Xã Chiềng Sại	Trường PTDTBT THCS xã Chiềng Sại
299	12	Sơn La	Xã Chiềng Sung	Trường TH&THCS Chiềng Chăn
300	13	Sơn La	Xã Gia Phù	Trường TH&THCS Sập Xa
301	14	Sơn La	Xã Kim Bon	Trường PTDTBT TH&THCS Kim Bon
302	15	Sơn La	Xã Lóng Sập	Trường PTDTBT TH&THCS Chiềng Khừa
303	16	Sơn La	Xã Mai Sơn	Trường TH&THCS Nà Sản
304	17	Sơn La	Xã Muối Nội	Trường TH&THCS Muối Nội
305	18	Sơn La	Xã Mường Bú	Trường TH&THCS Tạ Bú
306	19	Sơn La	Xã Mường Chanh	Trường TH&THCS Chiềng Chung
307	20	Sơn La	Xã Mường É	Trường THCS Phong Lập
308	21	Sơn La	Xã Mường Khiêng	Trường TH&THCS Bó Mười A
309	22	Sơn La	Xã Mường La	Trường TH&THCS Chiềng San
310	23	Sơn La	Xã Mường Lầm	Trường PTDTBT THCS Đưa Mòn
311	24	Sơn La	Xã Nậm Lầu	Trường THCS Chiềng Bôm
312	25	Sơn La	Xã Pắc Ngà	Trường THCS Pắc Ngà
313	26	Sơn La	Xã Phiêng Khoài	Trường TH&THCS Liên Chung
314	27	Sơn La	Xã Phù Yên	Trường TH&THCS Huy Bắc
315	28	Sơn La	Xã Phù Yên	Trường THCS thị Trấn, xã Phù Yên
316	29	Sơn La	Xã Quỳnh Nhai	Trường THCS Chiềng Bằng
317	30	Sơn La	Xã Song Khũa	Trường TH&THCS Song Khũa
318	31	Sơn La	Xã Sốp Cộp	Trường PTDTNT THCS&THPT Sốp Cộp
319	32	Sơn La	Xã Tạ Khoa	Trường PTDTBT THCS Hua Nhân xã Tạ Khoa
320	33	Sơn La	Xã Tân Phong	Trường TH&THCS Bắc Phong
321	34	Sơn La	Xã Tô Múa	Trường TH&THCS Chiềng Khoa
322	35	Sơn La	Xã Tường Hạ	Trường TH&THCS Tường Thượng 1
323	36	Sơn La	Xã Thuận Châu	Trường THCS Chiềng Ly
324	37	Sơn La	Xã Vân Hồ	Trường THCS Lóng Luông
325	38	Sơn La	Xã Yên Châu	Trường PTDTNT THCS&THPT Yên Châu
326	39	Sơn La	Xã Yên Châu	Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn
327	40	Sơn La	Phường Chiềng An	Trường THCS&THPT Nguyễn Du
328	41	Sơn La	Xã Muối Nội	Trường TH&THCS Ninh Thuận

9. Phú Thọ (41 trường)

329	1	Phú Thọ	An Bình	Trường TH&THCS Đông Môn
330	2	Phú Thọ	Cao Dương	Trường TH&THCS Long Sơn
331	3	Phú Thọ	Tân Sơn	Trường THCS Tân Phú
332	4	Phú Thọ	Hợp Kim	Trường TH&THCS Nam Thượng
333	5	Phú Thọ	Lạc Sơn	Trường TH&THCS Hương Nhượng
334	6	Phú Thọ	Liên Sơn	Trường TH&THCS Trung Sơn
335	7	Phú Thọ	Mai Châu	Trường TH&THCS Pù Bin
336	8	Phú Thọ	Mường Động	Trường TH&THCS Thượng Tiên
337	9	Phú Thọ	Nật Sơn	Trường TH&THCS Trung Bì
338	10	Phú Thọ	P. Hòa Bình	Trường THCS Lý Tự Trọng
339	11	Phú Thọ	P. Tân Hòa	Trường TH&THCS Hòa Bình
340	12	Phú Thọ	Quy Đức	Trường TH&THCS Trung Thành
341	13	Phú Thọ	Tân Mai	Trường PTDTBT TH&THCS Tân Dân
342	14	Phú Thọ	Thượng Cốc	Trường TH&THCS Văn Sơn
343	15	Phú Thọ	Yên Phú	Trường TH&THCS Bình Hẻm
344	16	Phú Thọ	Bằng Luân	Trường THCS Bằng Luân
345	17	Phú Thọ	Cẩm Khê	Trường THCS Sông Thao
346	18	Phú Thọ	Chí Tiên	Trường THCS Thanh Hà
347	19	Phú Thọ	Đoan Hùng	Trường THCS Sóc Đăng
348	20	Phú Thọ	Hiền Quan	Trường THCS Hiền Quan
349	21	Phú Thọ	Hy Cương	Trường THCS Thanh Đình
350	22	Phú Thọ	Long Cốc	Trường PTDTBT TH&THCS Vinh Tiên

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
351	23	Phú Thọ	P. Nông Trang	Trường THCS Minh Phương
352	24	Phú Thọ	P. Vân Phú	Trường THCS Phượng Lâu
353	25	Phú Thọ	Phú Mỹ	Trường THCS Liên Hoa
354	26	Phú Thọ	Sơn Lương	Trường THCS Lương Sơn
355	27	Phú Thọ	Thanh sơn	Trường THCS Giáp Lai
356	28	Phú Thọ	Thượng Long	Trường THCS Phúc Khánh
357	29	Phú Thọ	Tu Vũ	Trường THCS Trung Nghĩa
358	30	Phú Thọ	Vĩnh Chân	Trường THCS Lang Sơn
359	31	Phú Thọ	Yên Kỳ	Trường TH&THCS Phương Viên
360	32	Phú Thọ	Bình Tuyền	Trường TH&THCS Trung Mỹ
361	33	Phú Thọ	Hội Thịnh	Trường THCS Thanh Vân
362	34	Phú Thọ	Liên Châu	Trường TH&THCS Hồng Phương
363	35	Phú Thọ	P. Vĩnh Phúc	Trường THCS Định Trung
364	36	Phú Thọ	Sông Lô	Trường TH&THCS Tứ Yên
365	37	Phú Thọ	Tam Dương Bắc	Trường THCS Nguyễn Trãi
366	38	Phú Thọ	Thái Hòa	Trường THCS Thái Hòa
367	39	Phú Thọ	Vĩnh Hưng	Trường THCS Yên Lập
368	40	Phú Thọ	Vĩnh Tường	Trường THCS Vĩnh Tường
369	41	Phú Thọ	Đức Nhân	Trường PT DTNT THCS&THPT B Đà Bắc

II. Vùng đồng bằng sông Hồng

10. Bắc Ninh (41 trường)

370	1	Bắc Ninh	Đông Phú	Trường THCS Đông Hưng
371	2	Bắc Ninh	Hiệp Hòa	Trường THCS Danh Thắng
372	3	Bắc Ninh	Quang Trung	Trường THCS Lan Giới
373	4	Bắc Ninh	Nhã Nam	Trường THCS An Dương
374	5	Bắc Ninh	Bắc Giang	Trường THCS Trần Nguyên Hãn
375	6	Bắc Ninh	Kinh Bắc	Trường THCS Hòa Long
376	7	Bắc Ninh	Cầm Lý	Trường THCS Đan Hội
377	8	Bắc Ninh	Phù Khê	Trường THCS Châu Khê
378	9	Bắc Ninh	Nhân Thắng	Trường TH&THCS Bình Dương
379	10	Bắc Ninh	Hợp Thịnh	Trường THCS Hợp Thịnh
380	11	Bắc Ninh	Xã Đại Đồng	Trường THCS Đại Đồng
381	12	Bắc Ninh	Đồng Việt	Trường THCS Đồng Phúc
382	13	Bắc Ninh	Trí Quả	Trường THCS Trí Quả
383	14	Bắc Ninh	Tân An	Trường TH&THCS Tân An
384	15	Bắc Ninh	Ninh Xá	Trường THCS Nguyệt Đức
385	16	Bắc Ninh	Võ Cường	Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám
386	17	Bắc Ninh	Yên Thế	Trường THCS Hoàng Hoa Thám
387	18	Bắc Ninh	Ngọc Thiệp	Trường THCS Ngọc Châu
388	19	Bắc Ninh	Phúc Hòa	Trường THCS Phúc Hòa
389	20	Bắc Ninh	Lục Nam	Trường THCS Phương Sơn
390	21	Bắc Ninh	Võ Cường	Trường THCS Đại Phúc
391	22	Bắc Ninh	Thiêm Xuyên	Trường THCS Thụy Hoà
392	23	Bắc Ninh	Yên Dũng	Trường THCS Tân Liễu
393	24	Bắc Ninh	Lục Ngạn	Trường THCS Phì Điền
394	25	Bắc Ninh	Chũ	Trường THCS Trù Hựu
395	26	Bắc Ninh	Phường Việt Yên	Trường THCS Hồng Thái
396	27	Bắc Ninh	Yên Dũng	Trường THCS Yên Lư
397	28	Bắc Ninh	Mỹ Thái	Trường THCS Dương Đức
398	29	Bắc Ninh	Mỹ Thái	Trường THCS Xuân Hương
399	30	Bắc Ninh	Bắc Lũng	Trường THCS Yên Sơn
400	31	Bắc Ninh	Nénh	Trường THCS Tăng Tiến
401	32	Bắc Ninh	Yên Thế	Trường TH&THCS Tân Hiệp
402	33	Bắc Ninh	Lạng Giang	Trường THCS Tân Hưng

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
403	34	Bắc Ninh	Thuận Thành	Trường TH&THCS Song Hồ
404	35	Bắc Ninh	Thuận Thành	Trường THCS Nguyễn Thị Định
405	36	Bắc Ninh	Xã Đồng Kỳ	Trường THCS Đông Vương
406	37	Bắc Ninh	Đại Sơn	Trường TH và THCS Phúc Sơn II
407	38	Bắc Ninh	Yên Phong	Trường THCS Long Châu
408	39	Bắc Ninh	Đại Lai	Trường TH&THCS Đại Lai
409	40	Bắc Ninh	Tam Giang	Trường THCS Hòa Tiên
410	41	Bắc Ninh	Yên Thế	Trường THCS Tam Hiệp

11. Quảng Ninh (41 trường)

411	1	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Trường THCS và THPT Quan Lạn
412	2	Quảng Ninh	Phường Hồng Gai	Trường TH, THCS và THPT Văn Lang
413	3	Quảng Ninh	Phường Việt Hưng	Trường TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm
414	4	Quảng Ninh	Phường Vàng Danh	Trường TH, THCS và THPT Thực hành Sư phạm
415	5	Quảng Ninh	Đặc khu Cô Tô	Trường TH và THCS Thanh Lân
416	6	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Trường THCS Cái Rồng
417	7	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Trường TH và THCS Vạn Yên
418	8	Quảng Ninh	Phường An Sinh	Trường TH và THCS An Sinh
419	9	Quảng Ninh	Phường Bình Khê	Trường TH và THCS Bình Khê
420	10	Quảng Ninh	Phường Cẩm Phả	Trường THCS Chu Văn An
421	11	Quảng Ninh	Phường Cửa Ông	Trường THCS Lý Tự Trọng
422	12	Quảng Ninh	Phường Đông Triều	Trường THCS Nguyễn Huệ
423	13	Quảng Ninh	Phường Hà An	Trường THCS Hà An
424	14	Quảng Ninh	Phường Hạ Long	Trường THCS Lê Hồng Phong
425	15	Quảng Ninh	Phường Hiệp Hòa	Trường THCS Hiệp Hòa
426	16	Quảng Ninh	Phường Hoành Bồ	Trường THCS Trới
427	17	Quảng Ninh	Phường Liên Hòa	Trường TH và THCS Phong Hải
428	18	Quảng Ninh	Phường Mạo Khê	Trường THCS Mạo Khê
429	19	Quảng Ninh	Phường Móng Cái	Trường TH và THCS Hải Hòa
430	20	Quảng Ninh	Phường Móng Cái 2	Trường THCS Móng Cái 2
431	21	Quảng Ninh	Phường Mông Dương	Trường THCS Mông Dương
432	22	Quảng Ninh	Phường Quang Hanh	Trường TH và THCS Quang Hanh
433	23	Quảng Ninh	Phường Quảng	Trường TH và THCS Tiên An
434	24	Quảng Ninh	Phường Uông Bí	Trường THCS Nguyễn Trãi
435	25	Quảng Ninh	Phường Vàng	Trường TH và THCS Bắc Sơn
436	26	Quảng Ninh	Phường Vàng Danh	Trường TH và THCS Nguyễn Văn Cừ
437	27	Quảng Ninh	Phường Yên Tử	Trường TH và THCS Yên Tử
438	28	Quảng Ninh	Xã Ba Chẽ	Trường THCS Ba Chẽ
439	29	Quảng Ninh	Xã Bình Liêu	Trường TH và THCS Bình Liêu
440	30	Quảng Ninh	Xã Bình Liêu	Trường PT DTNT Bình Liêu
441	31	Quảng Ninh	Xã Đầm Hà	Trường THCS Đầm Hà
442	32	Quảng Ninh	Xã Đông Ngũ	Trường TH và THCS Đông Ngũ
443	33	Quảng Ninh	Xã Hải Hòa	Trường TH và THCS Hải Hòa
444	34	Quảng Ninh	Xã Hải Ninh	Trường TH và THCS Hải Tiên
445	35	Quảng Ninh	Xã Kỳ Thượng	Trường TH và THCS Đạp Thanh
446	36	Quảng Ninh	Xã Lục Hồn	Trường TH và THCS Lục Hồn
447	37	Quảng Ninh	Xã Lương Minh	Trường TH và THCS Đông Sơn
448	38	Quảng Ninh	Xã Quảng Hà	Trường THCS Quảng Hà
449	39	Quảng Ninh	Xã Quảng Hà	Trường TH và THCS Quảng Hà II
450	40	Quảng Ninh	Xã Quảng La	Trường TH và THCS Tân Dân
451	41	Quảng Ninh	Xã Quảng Tân	Trường TH và THCS Quảng An

12. TP. Hà Nội (41 trường)

452	1	TP. Hà Nội	Phường Giảng Võ	Trường Tiểu học, THCS và THPT Thực Nghiệm
453	2	TP. Hà Nội	Phường Vĩnh Tuy	Trường Tiểu học, THCS và THPT Vinschool
454	3	TP. Hà Nội	Phường Hoàn Kiếm	Trường THCS Thanh Quan

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
455	4	TP. Hà Nội	Phường Bồ Đề	Trường THCS Ngọc Lâm
456	5	TP. Hà Nội	Phường Phúc Lợi	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều
457	6	TP. Hà Nội	Phường Cầu Giấy	Trường THCS Trương Công Giai
458	7	TP. Hà Nội	Phường Láng	Trường THCS Láng Hạ
459	8	TP. Hà Nội	Phường Hai Bà Trưng	Trường THCS Tây Sơn
460	9	TP. Hà Nội	Phường Định Công	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngôi sao Hà Nội - Hoàng Mai
461	10	TP. Hà Nội	Phường Yên Sở	Trường THCS Chu Văn An
462	11	TP. Hà Nội	Xã Sóc Sơn	Trường THCS Tân Minh A
463	12	TP. Hà Nội	Xã Đa Phúc	Trường THCS Xuân Giang
464	13	TP. Hà Nội	Xã Đông Anh	Trường THCS Xuân Canh
465	14	TP. Hà Nội	Xã Thiên Lộc	Trường THCS Vọng La
466	15	TP. Hà Nội	Xã Thuận An	Trường THCS Phú Thị
467	16	TP. Hà Nội	Phường Từ Liêm	Trường THCS Đoàn Thị Điểm
468	17	TP. Hà Nội	Phường Phú Diễn	Trường THCS - THPT Newton
469	18	TP. Hà Nội	Phường Đại Mỗ	Trường THCS Nguyễn Du
470	19	TP. Hà Nội	Xã Nam Phú	Trường THCS Đông Mỹ
471	20	TP. Hà Nội	Xã Yên Lãng	Trường THCS Tiến Thịnh
472	21	TP. Hà Nội	Phường Hà Đông	Trường THCS Lê Lợi
473	22	TP. Hà Nội	Phường Sơn Tây	Trường THCS Phùng Hưng
474	23	TP. Hà Nội	Xã Quảng Oai	Trường THCS Cam Thượng
475	24	TP. Hà Nội	Xã Vật Lại	Trường THCS Phú Châu
476	25	TP. Hà Nội	Xã Phúc Thọ	Trường THCS Thọ Lộc
477	26	TP. Hà Nội	Xã Hát Môn	Trường THCS Tam Thuận
478	27	TP. Hà Nội	Xã Ô Diên	Trường THCS Liên Trung
479	28	TP. Hà Nội	Xã Sơn Đồng	Trường THCS Nguyễn Văn Huyền
480	29	TP. Hà Nội	Xã Quốc Oai	Trường THCS Thạch Thán
481	30	TP. Hà Nội	Xã Phú Cát	Trường THCS Phú Cát
482	31	TP. Hà Nội	Xã Tây Phương	Trường THCS Chàng Sơn
483	32	TP. Hà Nội	Xã Phú Nghĩa	Trường THCS Phú Nghĩa
484	33	TP. Hà Nội	Xã Trần Phú	Trường THCS Hoàng Văn Thụ
485	34	TP. Hà Nội	Xã Thanh Oai	Trường THCS Đỗ Động
486	35	TP. Hà Nội	Xã Dân Hòa	Trường THCS Tân Ước
487	36	TP. Hà Nội	Xã Hồng Vân	Trường THCS Liên Phương
488	37	TP. Hà Nội	Xã Phú Xuyên	Trường THCS Vạn Điểm
489	38	TP. Hà Nội	Xã Chuyên Mỹ	Trường THCS Vân Từ
490	39	TP. Hà Nội	Xã Vân Đình	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền
491	40	TP. Hà Nội	Xã Hòa Xá	Trường THCS Vạn Thái
492	41	TP. Hà Nội	Xã Phúc Sơn	Trường THCS xã Phúc Lâm

13. TP. Hải Phòng (41 trường)

493	1	TP. Hải Phòng	Phường An Phong	Trường THCS An Hòa
494	2	TP. Hải Phòng	Phường Phạm Sư Mạnh	Trường THCS An Sinh
495	3	TP. Hải Phòng	Phường Nam Đồ Sơn	Trường THCS Bàng La
496	4	TP. Hải Phòng	Xã Cẩm Giang	Trường THCS Cẩm Giang
497	5	TP. Hải Phòng	Xã Chấn Hưng	Trường THCS Chấn Hưng
498	6	TP. Hải Phòng	Xã Lai Khê	Trường THCS Cổ Dũng
499	7	TP. Hải Phòng	Xã Kiến Minh	Trường THCS Đại Đồng - Đông Phương
500	8	TP. Hải Phòng	Xã Cẩm Giang	Trường THCS Định Sơn
501	9	TP. Hải Phòng	Xã Vĩnh Hải	Trường THCS Đồng Minh
502	10	TP. Hải Phòng	Phường Nhị Chiểu	Trường THCS Duy Tân
503	11	TP. Hải Phòng	Xã Trần Phú	Trường THCS Hiệp Cát
504	12	TP. Hải Phòng	Phường Thiên Hương	Trường THCS Hoàng Động
505	13	TP. Hải Phòng	Xã Khúc Thừa Dụ	Trường THCS Hồng Phúc
506	14	TP. Hải Phòng	Xã Hồng Châu	Trường THCS Hưng Thái

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
507	15	TP. Hải Phòng	Xã An Thành	Trường THCS Kim Đính
508	16	TP. Hải Phòng	Xã Bắc Thanh Miện	Trường THCS Lam Sơn
509	17	TP. Hải Phòng	Phường Bắc An Phụ	Trường THCS Lê Ninh
510	18	TP. Hải Phòng	Xã Bình Giang	Trường THCS Long Xuyên
511	19	TP. Hải Phòng	Phường Bạch Đằng	Trường THCS Minh Tân
512	20	TP. Hải Phòng	Phường An Dương	Trường THCS Nam Sơn
513	21	TP. Hải Phòng	Phường Tân Hưng	Trường THCS Ngọc Sơn
514	22	TP. Hải Phòng	Phường Nguyễn Trãi	Trường THCS Nguyễn Trãi
515	23	TP. Hải Phòng	Xã Nguyễn Lương Bằng	Trường THCS Phạm Kha
516	24	TP. Hải Phòng	Phường Hồng An	Trường THCS Quán Toan
517	25	TP. Hải Phòng	Phường An Dương	Trường THCS Quốc Tuấn
518	26	TP. Hải Phòng	Xã Hà Tây	Trường THCS Tân An
519	27	TP. Hải Phòng	Xã Vĩnh Lại	Trường THCS Tân Hương
520	28	TP. Hải Phòng	Xã Bình Giang	Trường THCS Tân Việt
521	29	TP. Hải Phòng	Xã Hà Nam	Trường THCS Thanh An
522	30	TP. Hải Phòng	Xã Thanh Hà	Trường THCS Thanh Sơn
523	31	TP. Hải Phòng	Xã Yết Kiêu	Trường THCS Thống Nhất
524	32	TP. Hải Phòng	Xã Tiên Minh	Trường THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng
525	33	TP. Hải Phòng	Phường Thành Đông	Trường THCS Trần Phú
526	34	TP. Hải Phòng	Xã Kiến Hải	Trường THCS Tú Sơn
527	35	TP. Hải Phòng	Phường Việt Hòa	Trường THCS Việt Hòa
528	36	TP. Hải Phòng	Xã Vĩnh Bảo	Trường THCS Vinh Quang-Thanh Lương
529	37	TP. Hải Phòng	Đặc khu Cát Hải	Trường TH-THCS Hiền Hào
530	38	TP. Hải Phòng	Xã An Phú	Trường TH-THCS Phú Điền
531	39	TP. Hải Phòng	Xã An Trường	Trường TH-THCS Trường Thành
532	40	TP. Hải Phòng	Phường Lê Chân	Trường TH-THCS Hữu Nghị Quốc tế
533	41	TP. Hải Phòng	Phường Đồ Sơn	Trường THCS Ngọc Hải

14. Hưng Yên (41 trường)

534	1	Hưng Yên	Xã Tiên Hải	Trường THCS Bùi Viện
535	2	Hưng Yên	Xã Triệu Việt Vương	Trường THCS Tân Dân
536	3	Hưng Yên	Xã Ân Thi	Trường TH&THCS Quang Vinh
537	4	Hưng Yên	Phường Vũ Phúc	Trường THCS Vũ Phúc
538	5	Hưng Yên	Xã Hiệp Cường	Trường THCS Hiệp Cường 2
539	6	Hưng Yên	Xã Nguyễn Văn Linh	Trường THCS Liêu Xá
540	7	Hưng Yên	Xã Đông Tiền Hải	Trường TH&THCS Đông Trung
541	8	Hưng Yên	Phường Phố Hiến	Trường THCS Liên Phương
542	9	Hưng Yên	Xã A Sào	Trường TH&THCS An Thái
543	10	Hưng Yên	Xã Thần Khê	Trường THCS Bình Lãng
544	11	Hưng Yên	Xã Hưng Hà	Trường TH&THCS Minh Khai
545	12	Hưng Yên	Phường Thái Bình	Trường TH&THCS Tân Bình
546	13	Hưng Yên	Phường Mỹ Hào	Trường Tiểu học và THCS Bàn Yên Nhân
547	14	Hưng Yên	Xã Việt Yên	Trường TH&THCS Việt Cường
548	15	Hưng Yên	Xã Việt Tiến	Trường TH&THCS Đồng Tiến
549	16	Hưng Yên	Xã Hồng Quang	Trường TH&THCS Hồng Quang
550	17	Hưng Yên	Xã Nam Đông Hưng	Trường TH&THCS Đông Hoàng
551	18	Hưng Yên	Xã Thái Ninh	Trường TH&THCS Thái Thượng
552	19	Hưng Yên	xã Bắc Đông Quan	Trường TH&THCS Đông Vinh
553	20	Hưng Yên	Xã Bắc Thụy Anh	Trường TH&THCS Thụy Việt
554	21	Hưng Yên	Xã Như Quỳnh	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư
555	22	Hưng Yên	Xã Chí Minh	Trường TH&THCS Thành Công
556	23	Hưng Yên	xã Vũ Tiên	Trường TH&THCS Vũ Đoàn
557	24	Hưng Yên	Xã Nguyễn Trãi	Trường TH&THCS Văn Nhuệ
558	25	Hưng Yên	Xã Kiến Xương	Trường TH&THCS Quang Minh
559	26	Hưng Yên	Xã Nam Thụy Anh	Trường TH&THCS Thụy Thanh

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
560	27	Hung Yên	Xã Diên Hà	Trường THCS Duyên Hải
561	28	Hung Yên	Xã Thụ Vũ	Trường TH&THCS Vũ Vinh
562	29	Hung Yên	Xã Ngự Thiên	Trường TH&THCS Tân Hòa
563	30	Hung Yên	Xã Hoàng Hoa Thám	Trường THCS Tiên Lữ
564	31	Hung Yên	Xã Khoái Châu	Trường TH&THCS Bình Kiều
565	32	Hung Yên	Xã Tiên Hưng	Trường THCS Hoa Hồng Bạch
566	33	Hung Yên	Xã Văn Giang	Trường THCS Văn Giang
567	34	Hung Yên	xã Nghĩa Dân	Trường THCS Vĩnh Xá
568	35	Hung Yên	xã Vũ Quý	Trường TH và THCS Vũ An
569	36	Hung Yên	Xã Vũ Thư	Trường THCS Minh Quang
570	37	Hung Yên	Xã Hoàn Long	Trường TH&THCS Hoàn Long
571	38	Hung Yên	Xã Đông Thụy Anh	Trường TH&THCS Thụy Dũng
572	39	Hung Yên	Xã Nam Tiên Hưng	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hoa Lư
573	40	Hung Yên	Xã Thái Thụy	Trường TH&THCS Thụy Hà
574	41	Hung Yên	Phường Phố Hiến	Trường TH&THCS Hưng Yên

15. Ninh Bình (41 trường)

575	1	Ninh Bình	Nam Xang	Trường THCS Nguyên Lý
576	2	Ninh Bình	Hà Nam	Trường THCS Lam Hạ
577	3	Ninh Bình	Nghĩa Hưng	Trường THCS Nghĩa Thái
578	4	Ninh Bình	Khánh Hội	Trường THCS Khánh Mậu
579	5	Ninh Bình	Phủ Lý	Trường THCS Liêm Chung
580	6	Ninh Bình	Đồng Văn	Trường THCS Đồng Văn
581	7	Ninh Bình	Nho Quan	Trường TH&THCS Lạng Phong
582	8	Ninh Bình	Thanh Liêm	Trường THCS Thanh Nguyên
583	9	Ninh Bình	Phường Nguyễn Úy	Trường THCS Tân Sơn
584	10	Ninh Bình	Nam Minh	Trường THCS Nam Dương
585	11	Ninh Bình	Bình Giang	Trường THCS Vũ Bản
586	12	Ninh Bình	Xã Yên Khánh	Trường THCS Khánh Vân
587	13	Ninh Bình	Quỹ Nhất	Trường THCS Nghĩa Bình
588	14	Ninh Bình	Xã Hải Hưng	Trường THCS Hải Hưng
589	15	Ninh Bình	Xã Hải Hậu	Trường THCS Hải Phương
590	16	Ninh Bình	Yên Mạc	Trường THCS Yên Mỹ
591	17	Ninh Bình		Trường THCS Nhật Tựu
592	18	Ninh Bình	Xã Bình An	Trường THCS An Nội
593	19	Ninh Bình	Xã Phát Diệm	Trường THCS Kim Chính
594	20	Ninh Bình	Phường Kim Bảng	Trường THCS Ngọc Sơn
595	21	Ninh Bình	Xã Chất Bình	Trường TH&THCS Xuân Thiện
596	22	Ninh Bình	Xã Liêm Hà	Trường THCS Liêm Phong
597	23	Ninh Bình	Xã Cổ Lễ	Trường THCS Trục Tuấn
598	24	Ninh Bình	Xã Gia Lâm	Trường THCS Gia Sơn
599	25	Ninh Bình	Phường Tây Hoa Lư	Trường THCS Ninh Giang
600	26	Ninh Bình	Xuân Hưng	Trường THCS Xuân Phương
601	27	Ninh Bình	Xã Giao Thủy	Trường THCS Ngô Đồng
602	28	Ninh Bình	Phường Hoa Lư	Trường THCS Lý Tự Trọng
603	29	Ninh Bình	Nam Trục	Trường THCS Nam Cường
604	30	Ninh Bình	Lý Thường Kiệt	Trường THCS Liên Sơn
605	31	Ninh Bình	Xã Quang Hưng	Trường THCS Trục Khang
606	32	Ninh Bình	Xã Hải Tiến	Trường THCS Hải Chính
607	33	Ninh Bình	Gia Phong	Trường THCS Gia Lạc
608	34	Ninh Bình	Phường Nam Định	Trường THCS Trần Bích San
609	35	Ninh Bình	Nghĩa Hưng	Trường THCS Nghĩa Trung
610	36	Ninh Bình	Ý Yên	Trường THCS Lê Quý Đôn
611	37	Ninh Bình	Hải Anh	Trường THCS Hải Minh
612	38	Ninh Bình	Gia Tường	Trường THCS Gia Tường

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
613	39	Ninh Bình	Xã Nam Hồng	Trường THCS Nam Thắng
614	40	Ninh Bình	Xã Nhân Hà	Trường TH&THCS Nhân Mỹ
615	41	Ninh Bình	Xã Vũ Dương	Trường THCS Yên Ninh

(Tổng số 615 trường của 15 tỉnh/thành phố khu vực miền Bắc)

B. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Trung

III. Vùng Bắc Trung Bộ

16. Thanh Hóa (41 trường)

616	1	Thanh Hóa	Phường Đông Quang	Trường TH, THCS&THPT Nobel
617	2	Thanh Hóa	Phường Đông Tiến	Trường TH&THCS Đông Thanh
618	3	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường THCS Đông Hương
619	4	Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng	Trường THCS Đông Cương
620	5	Thanh Hóa	Phường Ngọc Sơn	Trường THCS Thanh Sơn
621	6	Thanh Hóa	Phường Quang Trung	Trường TH&THCS Quang Trung
622	7	Thanh Hóa	Phường Tĩnh Gia	Trường THCS Bình Minh
623	8	Thanh Hóa	Xã Ba Đình	Trường THCS Nga Thiện
624	9	Thanh Hóa	Xã Các Sơn	Trường THCS Các Sơn
625	10	Thanh Hóa	Xã Cẩm Thủy	Trường THCS Cẩm Ngọc
626	11	Thanh Hóa	Xã Điền Quang	Trường THCS Bùi Xuân Chúc
627	12	Thanh Hóa	Xã Đông Tiến	Trường THCS Đông Tiến
628	13	Thanh Hóa	Xã Hà Trung	Trường THCS Yên Sơn
629	14	Thanh Hóa	Xã Hoa Lộc	Trường THCS Xuân Lộc
630	15	Thanh Hóa	Xã Hoảng Giang	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi
631	16	Thanh Hóa	Xã Hoảng Phú	Trường TH&THCS Hoảng Phú
632	17	Thanh Hóa	Xã Hoảng Thanh	Trường THCS Hoảng Phú
633	18	Thanh Hóa	Xã Kiên Thọ	Trường THCS Kiên Thọ
634	19	Thanh Hóa	Xã Linh Sơn	Trường THCS Linh Sơn
635	20	Thanh Hóa	Xã Minh Sơn	Trường PTDTNT THCS Ngọc Lạc
636	21	Thanh Hóa	Xã Nông Công	Trường THCS Minh Nghĩa
637	22	Thanh Hóa	Xã Nga Sơn	Trường THCS Nga Yên
638	23	Thanh Hóa	Xã Ngọc Liên	Trường THCS Ngọc Trung
639	24	Thanh Hóa	Xã Như Xuân	Trường TH&THCS Tân Bình
640	25	Thanh Hóa	Xã Quảng Bình	Trường THCS Quảng Lộc
641	26	Thanh Hóa	Xã Quảng Yên	Trường THCS Quảng Hòa
642	27	Thanh Hóa	Xã Sơn Thủy	Trường PTDTBT THCS Sơn Thủy
643	28	Thanh Hóa	Xã Tây Đô	Trường THCS Vĩnh Quang
644	29	Thanh Hóa	Xã Thạch Bình	Trường THCS Thạch Đồng
645	30	Thanh Hóa	Xã Thanh Xuân	Trường THCS Thanh Xuân
646	31	Thanh Hóa	Xã Thiên Phú	Trường THCS Nam Động
647	32	Thanh Hóa	Xã Thiệu Tiến	Trường THCS Thiệu Ngọc
648	33	Thanh Hóa	Xã Thọ Bình	Trường THCS Thọ Bình
649	34	Thanh Hóa	Xã Thọ Phú	Trường TH&THCS Xuân Thịnh
650	35	Thanh Hóa	Xã Thường Xuân	Trường THCS Ngọc Phụng
651	36	Thanh Hóa	Xã Trung Cính	Trường THCS Tân Khang
652	37	Thanh Hóa	Xã Trường Văn	Trường THCS Trường Giang
653	38	Thanh Hóa	Xã Vân Du	Trường THCS Thành Tân
654	39	Thanh Hóa	Xã Xuân Du	Trường THCS Cán Khê
655	40	Thanh Hóa	Xã Yên Định	Trường THCS Định Liên
656	41	Thanh Hóa	Xã Yên Thắng	Trường THCS Yên Thắng

17. Nghệ An (41 trường)

657	1	Nghệ An	Yên Xuân	Trường THCS Long Sơn
658	2	Nghệ An	Đại Đồng	Trường THCS Thanh Ngọc
659	3	Nghệ An	Nghĩa Hành	Trường THCS Nghĩa Hành
660	4	Nghệ An	Diễn Châu	Trường THCS Cao Xuân Huy
661	5	Nghệ An	Minh Châu	Trường THCS Thái Nguyên

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
662	6	Nghệ An	Bạch Hà	Trường THCS Đại Sơn
663	7	Nghệ An	Vinh Hưng	Trường THCS Nghi Liên
664	8	Nghệ An	Trung Lộc	Trường THCS Nghi Quang
665	9	Nghệ An	Anh Sơn	Trường THCS Đức Sơn,
666	10	Nghệ An	Mường Chộng	Trường PTDTBT THCS Châu Lý
667	11	Nghệ An	Hạnh lâm	Trường THCS Hạnh Lâm
668	12	Nghệ An	Sơn Lâm	Trường THCS Kim Lâm
669	13	Nghệ An	Thành Vinh	Trường THCS Hưng Chính
670	14	Nghệ An	Thành Bình Thọ	Trường THCS Thành Thọ
671	15	Nghệ An	Xã Nghĩa Thọ	Trường THCS Phú Thọ
672	16	Nghệ An	xã Quỳnh Lưu	Trường THCS Quỳnh Hồng
673	17	Nghệ An	Tam Hợp	Trường THCS Yên Hợp
674	18	Nghệ An	Hợp Minh	Trường THCS Bảo Thành
675	19	Nghệ An	Đông Hiếu	Trường THCS Nghĩa Thuận
676	20	Nghệ An	Vân Du	Trường THCS Thịnh Thành
677	21	Nghệ An	Phường Thành Vinh	Trường THCS Lê Mao
678	22	Nghệ An	Xã Mường Quàng	Trường THCS Cẩm Muộn
679	23	Nghệ An	Yên Hòa	Trường PTDTBT THCS Yên Thắng
680	24	Nghệ An	Tân Phú	Trường THCS Nghĩa Thái
681	25	Nghệ An	Xã Quỳnh Lưu	Trường THCS Quỳnh Giang
682	26	Nghệ An	Phường Cửa Lò	Trường THCS Lê Thị Bạch Cát
683	27	Nghệ An	Kim Bảng	Trường THCS Thanh Hà
684	28	Nghệ An	Mường Quàng	Trường THCS Quang Phong
685	29	Nghệ An	Mường Ham	Trường THCS Châu Cường
686	30	Nghệ An	Xã Vạn An	Trường THCS Thượng Tân Lộc 1
687	31	Nghệ An	xã Sơn Lâm	Trường THCS Hương Tiến
688	32	Nghệ An	Giai Lạc	Trường THCS Nguyễn Hữu Đạo
689	33	Nghệ An	Nghĩa Đàn	Trường THCS thị trấn Nghĩa Đàn
690	34	Nghệ An	Vinh Hưng	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ
691	35	Nghệ An	Giai Xuân	Trường THCS Giai Xuân
692	36	Nghệ An	Thiên Nhân	Trường THCS Nam Kim
693	37	Nghệ An	Keng Đu	Trường PTDTBT THCS Keng Đu
694	38	Nghệ An	xã Tân Kỳ	Trường THCS Nguyễn Trãi
695	39	Nghệ An	Quỳnh Thắng	Trường THCS Quỳnh Thắng
696	40	Nghệ An	Hoa Quân	Trường THCS Thanh Khê
697	41	Nghệ An	Phường Vinh Lộc	Trường TH&THCS THSP Nghệ An

18. Hà Tĩnh (41 trường)

698	1	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Văn	Trường TH&THCS Kỳ Trung
699	2	Hà Tĩnh	Xã Sơn Tiên	Trường TH&THCS Sơn Lễ
700	3	Hà Tĩnh	Phường Nam Hồng Lĩnh	Trường TH&THCS Thuận Lộc
701	4	Hà Tĩnh	Xã Tùng Lộc	Trường THCS Đặng Dung
702	5	Hà Tĩnh	Xã Mai Hoa	Trường THCS Bồng Lĩnh
703	6	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Hưng	Trường THCS Cẩm Thịnh
704	7	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường THCS Đại Nài
705	8	Hà Tĩnh	Xã Hà Linh	Trường THCS Điền Mỹ
706	9	Hà Tĩnh	Xã Đồng Tiến	Trường THCS Đồng Tiến
707	10	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Hưng	Trường THCS Hà Huy Tập
708	11	Hà Tĩnh	Xã Cổ Đạm	Trường THCS Hoa Liên
709	12	Hà Tĩnh	Xã Hương Phố	Trường THCS Hương Giang
710	13	Hà Tĩnh	Xã Gia Hạnh	Trường THCS Khánh Vĩnh
711	14	Hà Tĩnh	Phường Hải Ninh	Trường THCS Kỳ Ninh
712	15	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Hoa	Trường THCS Kỳ Tân
713	16	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Anh	Trường THCS Kỳ Tiến
714	17	Hà Tĩnh	Xã Trường Lưu	Trường THCS Lam Kiều

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
715	18	Hà Tĩnh	Xã Đức Minh	Trường THCS Lê Hồng Phong
716	19	Hà Tĩnh	Xã Đức Thượng	Trường THCS Liên Hương
717	20	Hà Tĩnh	Xã Việt Xuyên	Trường THCS Minh Tiên
718	21	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường THCS Nam Hà
719	22	Hà Tĩnh	Xã Đức Quang	Trường THCS Nguyễn Biểu
720	23	Hà Tĩnh	Xã Sơn Tiên	Trường THCS Nguyễn Khắc Viện
721	24	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Anh	Trường THCS Nguyễn Trọng Bình
722	25	Hà Tĩnh	Xã Thạch Hà	Trường THCS Phan Huy Chú
723	26	Hà Tĩnh	Xã Hương Bình	Trường THCS Phúc Đồng
724	27	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Hưng	Trường THCS Sơn Hà
725	28	Hà Tĩnh	Xã Sơn Tiên	Trường THCS Sơn Tiên
726	29	Hà Tĩnh	Xã Lộc Hà	Trường THCS Thạch Kim
727	30	Hà Tĩnh	Xã Đức Thịnh	Trường THCS Thanh Dũng
728	31	Hà Tĩnh	Xã Thiên Cầm	Trường THCS Thị trấn Thiên Cầm
729	32	Hà Tĩnh	Xã Toàn Lưu	Trường THCS Tô Hiến Thành
730	33	Hà Tĩnh	Xã Hương Sơn	Trường THCS Trung Phú
731	34	Hà Tĩnh	Xã Xuân Lộc	Trường THCS Xuân Lộc
732	35	Hà Tĩnh	Xã Đức Thọ	Trường THCS Yên Trấn
733	36	Hà Tĩnh	Xã Thạch Xuân	Trường THCS Thạch Xuân
734	37	Hà Tĩnh	Xã Thiên Cầm	Trường THCS Cẩm Nhượng
735	38	Hà Tĩnh	Xã Hồng Lộc	Trường THCS Hồng Tân
736	39	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường THCS Lê Bình
737	40	Hà Tĩnh	Xã Can Lộc	Trường THCS Nguyễn Tất Thành
738	41	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường THCS Thạch Linh

19. Quảng Trị (41 trường)

739	1	Quảng Trị	Xã Tân Thành	Trường TH và THCS Hoá Phúc
740	2	Quảng Trị	Xã Tuyên Hóa	Trường TH và THCS Văn Hoá
741	3	Quảng Trị	Xã Đông Trạch	Trường TH và THCS Sơn Lộc
742	4	Quảng Trị	Xã Trường Ninh	Trường TH và THCS Long Đại
743	5	Quảng Trị	Xã Kim Ngân	Trường PT DTBT TH và THCS Lâm Thủy
744	6	Quảng Trị	Phường Quảng Trị	Trường TH và THCS Nguyễn Tất Thành
745	7	Quảng Trị	Xã Vĩnh Thủy	Trường TH và THCS Vĩnh Sơn
746	8	Quảng Trị	Xã A Dơi	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Tầng
747	9	Quảng Trị	Xã Bến Hải	Trường TH và THCS Trung Hải
748	10	Quảng Trị	Xã Tà Rụt	Trường PTDTBT TH và THCS A Vao
749	11	Quảng Trị	Xã Hiếu Giang	Trường TH và THCS Cam Thủy
750	12	Quảng Trị	Xã Triệu Cơ	Trường TH và THCS Triệu Trung
751	13	Quảng Trị	Xã Diên Sanh	Trường TH và THCS Thiện Thành
752	14	Quảng Trị	Xã Vĩnh Định	Trường TH và THCS Hải Quế
753	15	Quảng Trị	Xã Mỹ Thủy	Trường TH và THCS Hải An
754	16	Quảng Trị	Phường Đồng Sơn	Trường THCS Bắc Nghĩa
755	17	Quảng Trị	Phường Đồng Hới	Trường THCS Đồng Hải
756	18	Quảng Trị	Xã Minh Hóa	Trường THCS Yên Hoá
757	19	Quảng Trị	Xã Kim Phú	Trường THCS Thượng Hoá
758	20	Quảng Trị	Xã Tuyên Lâm	Trường THCS Thanh Hoá
759	21	Quảng Trị	Xã Phú Trạch	Trường THCS Quảng Hợp
760	22	Quảng Trị	Xã Hòa Trạch	Trường THCS Cảnh Dương
761	23	Quảng Trị	Xã Quảng Trạch	Trường THCS Quảng Hưng
762	24	Quảng Trị	Xã Nam Gianh	Trường THCS Quảng Hoà
763	25	Quảng Trị	Xã Hoàn Lão	Trường THCS Đại Trạch
764	26	Quảng Trị	Xã Bắc Trạch	Trường THCS Thanh Trạch
765	27	Quảng Trị	Xã Bồ Trạch	Trường THCS Cự Năm
766	28	Quảng Trị	Xã Nam Trạch	Trường THCS Lý Trạch
767	29	Quảng Trị	Xã Ninh Châu	Trường THCS Hải Ninh

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
768	30	Quảng Trị	Xã Trường Ninh	Trường THCS Vạn Ninh
769	31	Quảng Trị	Xã Lệ Thủy	Trường THCS Kiến Giang
770	32	Quảng Trị	Xã Cam Hồng	Trường THCS Ngư Thủy Bắc
771	33	Quảng Trị	Xã Tân Mỹ	Trường THCS Tân Thủy
772	34	Quảng Trị	Phường Đông Hà	Trường THCS Hiếu Giang
773	35	Quảng Trị	Xã Vĩnh Linh	Trường THCS Nguyễn Trãi
774	36	Quảng Trị	Xã Khe Sanh	Trường THCS Khe Sanh
775	37	Quảng Trị	Xã Lia	Trường THCS Thuận
776	38	Quảng Trị	Xã Hướng Hiệp	Trường THCS Hướng Hiệp
777	39	Quảng Trị	Xã Triệu Phong	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm
778	40	Quảng Trị	Xã Tuyên Lâm	Trường THCS và THPT Bắc Sơn
779	41	Quảng Trị	Phường Đông Hà	Trường PT liên cấp Cao đẳng sư phạm Quảng Trị

20. TP. Huế (41 trường)

780	1	TP. Huế	Thuận An	Trường TH&THCS Hoàng Kim Hoán
781	2	TP. Huế	Chân Mây-Lăng Cô	Trường THCS Lăng Cô
782	3	TP. Huế	Chân Mây - Lăng Cô	Trường THCS Lộc Tiên
783	4	TP. Huế	Chân Mây-Lăng Cô	Trường THCS Lộc Vĩnh
784	5	TP. Huế	Xã Phú Hồ	Trường THCS Phú Lương
785	6	TP. Huế	Xã Phú Hồ	Trường THCS Phú Xuân
786	7	TP. Huế	Xã Quảng Điền	Trường THCS Trần Thúc Nhẫn
787	8	TP. Huế	Lộc An	Trường TH &THCS Lộc Hòa
788	9	TP. Huế	Phong Phú	Trường TH&THCS Điền Hoà
789	10	TP. Huế	Xã A Lưới 5	Trường TH&THCS Hương Nguyên
790	11	TP. Huế	Xã Bình Điền	Trường TH&THCS Lê Quang Bính
791	12	TP. Huế	Xã Khe Tre	Trường TH&THCS Nam Phú
792	13	TP. Huế	Phường Hương Thủy	Trường TH&THCS Thủy Tân
793	14	TP. Huế	Xã Long Quảng	Trường THCS Bán trú Long Quảng
794	15	TP. Huế	Đan Điền	Trường THCS Đặng Hữu Phổ
795	16	TP. Huế	Phường An Cựu	Trường THCS Đặng Văn Ngữ
796	17	TP. Huế	Phường Phong Phú	Trường THCS Điền Lộc
797	18	TP. Huế	Phường Hương Trà	Trường THCS Hồ Văn Tứ
798	19	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
799	20	TP. Huế	Xã A Lưới 2	Trường THCS Lê Lợi
800	21	TP. Huế	Lộc An	Trường THCS Lộc An
801	22	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường THCS Lý Tự Trọng
802	23	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường THCS Nguyễn Du
803	24	TP. Huế	Đan Điền	Trường THCS Nguyễn Đình Anh
804	25	TP. Huế	xã Đan Điền	Trường THCS Nguyễn Hữu Đà
805	26	TP. Huế	Phường Hóa Châu	Trường THCS Nguyễn Khoa Thuyên
806	27	TP. Huế	Phường Vỹ Dạ	Trường THCS Nguyễn Tri Phương Huế
807	28	TP. Huế	Phường Kim Trà	Trường THCS Nguyễn Xuân Thường
808	29	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường THCS Phan Sào Nam
809	30	TP. Huế	Phường Phong Dinh	Trường THCS Phong Bình
810	31	TP. Huế	Phường Phong Dinh	Trường THCS Phong Hoà
811	32	TP. Huế	Mỹ Thượng	Trường THCS Phú An
812	33	TP. Huế	Phường Dương Nỗ	Trường THCS Phú Dương
813	34	TP. Huế	phường Mỹ Thượng	Trường THCS Phú Mỹ
814	35	TP. Huế	Phường Mỹ Thượng	Trường THCS Phú Thượng
815	36	TP. Huế	Phường Kim Long	Trường THCS Tôn Thất Bách
816	37	TP. Huế	xã Phú Lộc	Trường THCS Thị trấn Phú Lộc
817	38	TP. Huế	Phường Thủy Xuân	Trường THCS Thủy Bằng
818	39	TP. Huế	Phường Phú Bài	Trường THCS Thủy Phù
819	40	TP. Huế	Phường Vỹ Dạ	Trường THCS Thủy Vân
820	41	TP. Huế	Phường Thuận Hóa	Trường THCS Trần Phú

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
IV. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên				
21. TP. Đà Nẵng (41 trường)				
821	1	TP. Đà Nẵng	Phường An Hải	Trường THCS Cao Thắng
822	2	TP. Đà Nẵng	Phường An Thắng	Trường THCS Thu Bồn
823	3	TP. Đà Nẵng	Phường Điện Bàn	Trường THCS Lý Tự Trọng
824	4	TP. Đà Nẵng	Phường Điện Bàn Đông	Trường THCS Lê Ngọc Giá
825	5	TP. Đà Nẵng	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong
826	6	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn
827	7	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh	Trường THCS Trần Quang Khải
828	8	TP. Đà Nẵng	Phường Hội An	Trường THCS Kim Đồng
829	9	TP. Đà Nẵng	Phường Hương Trà	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An - Tam Kỳ
830	10	TP. Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH và THCS Quốc tế Việt Nam Singapore
831	11	TP. Đà Nẵng	Phường Sơn Trà	Trường THCS Hoàng Sa
832	12	TP. Đà Nẵng	Phường Thanh Khê	Trường THCS Đỗ Đăng Tuyển
833	13	TP. Đà Nẵng	Xã Avuong	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Bá Ngọc
834	14	TP. Đà Nẵng	Xã Chiên Đàn	Trường THCS Phan Tây Hồ
835	15	TP. Đà Nẵng	Xã Đại Lộc	Trường THCS Mỹ Hòa
836	16	TP. Đà Nẵng	Xã Đông Giang	Trường THCS Mẹ Thứ
837	17	TP. Đà Nẵng	Xã Duy Nghĩa	Trường THCS Ngô Quyền
838	18	TP. Đà Nẵng	Xã Hà Nha	Trường THCS Phù Đổng
839	19	TP. Đà Nẵng	Xã Hòa Tiến	Trường THCS Đỗ Thúc Tịnh
840	20	TP. Đà Nẵng	Xã La Dêê	Trường PTDTBT THCS La Dêê
841	21	TP. Đà Nẵng	Xã Nam Phước	Trường THCS Chu Văn An
842	22	TP. Đà Nẵng	Xã Núi Thành	Trường THCS Kim Đồng
843	23	TP. Đà Nẵng	Xã Phú Thuận	Trường TH&THCS Đại Tân
844	24	TP. Đà Nẵng	Xã Phước Năng	Trường TH&THCS Phước Năng
845	25	TP. Đà Nẵng	Xã Quế Phước	Trường TH&THCS Trần Quý Cáp
846	26	TP. Đà Nẵng	Xã Quế Sơn	Trường THCS Quế Phong
847	27	TP. Đà Nẵng	Xã Sơn Cẩm Hà	Trường THCS Lê Cơ
848	28	TP. Đà Nẵng	Xã Sông Vàng	Trường TH&THCS Lê Lợi
849	29	TP. Đà Nẵng	Xã Tam Mỹ	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu
850	30	TP. Đà Nẵng	Xã Tây Giang	Trường PTDTNT THCS Tây Giang
851	31	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng An	Trường THCS Quang Trung
852	32	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng Điện	Trường THCS Phan Bội Châu
853	33	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng Trường	Trường THCS Chu Văn An
854	34	TP. Đà Nẵng	Xã Thạnh Mỹ	Trường PTDTNT THCS Nam Giang
855	35	TP. Đà Nẵng	Xã Thượng Đức	Trường THCS Quang Trung
856	36	TP. Đà Nẵng	Xã Trà Giáp	Trường PTDTBT TH &THCS Võ Thị Sáu
857	37	TP. Đà Nẵng	Xã Trà Linh	Trường PTDTBT THCS Trà Linh
858	38	TP. Đà Nẵng	Xã Trà Tân	Trường THCS 19.8
859	39	TP. Đà Nẵng	Xã Việt An	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi
860	40	TP. Đà Nẵng	Xã Xuân Phú	Trường THCS Quế Phú
861	41	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật
22. Quảng Ngãi (41 trường)				
862	1	Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ	Trường THCS Lê Hồng Phong
863	2	Quảng Ngãi	Xã An Phú	Trường TH&THCS Nghĩa Phú
864	3	Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Trường THCS Bình Chánh
865	4	Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường	Trường TH & THCS xã Bình Hòa
866	5	Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn	Trường THCS Bình Hiệp
867	6	Quảng Ngãi	Xã Trà Bồng	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Thủy
868	7	Quảng Ngãi	Xã Tây Trà	Trường PTDTNT THCS Tây Trà
869	8	Quảng Ngãi	Xã Tây Trà Bồng	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Tây
870	9	Quảng Ngãi	xã Thọ Phong	Trường Trung Học Cơ Sở Tịnh Phong
871	10	Quảng Ngãi	Xã Tịnh Khê	Trường THCS Võ Bẩm

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
872	11	Quảng Ngãi	Xã Sơn Tịnh	Trường THCS Nguyễn Chánh
873	12	Quảng Ngãi	Xã Vệ Giang	Trường THCS Nghĩa Phương
874	13	Quảng Ngãi	Xã Sơn Hà	Trường Phổ thông DTNT THCS huyện Sơn Hà
875	14	Quảng Ngãi	Xã Sơn Hạ	Trường Tiểu học và THCS Sơn Nham
876	15	Quảng Ngãi	Xã Sơn Kỳ	Trường THCS Sơn Ba
877	16	Quảng Ngãi	Xã Sơn Tây Hạ	Trường PTDTBT TH &THCS Sơn Lập
878	17	Quảng Ngãi	Xã Minh Long	Trường THCS Thanh An
879	18	Quảng Ngãi	Xã Phước Giang	Trường THCS Hành Dũng
880	19	Quảng Ngãi	Xã Mộ Đức	Trường THCS Đức Hoà
881	20	Quảng Ngãi	Xã Mộ Cày	Trường THCS Minh Thạnh
882	21	Quảng Ngãi	Phường Đức Phổ	Trường Trung học cơ sở Phổ Vinh
883	22	Quảng Ngãi	Phường Trà Câu	Trường THCS Phổ Quang
884	23	Quảng Ngãi	Xã Ba Tơ	Trường PTDTNT THCS Ba Tơ
885	24	Quảng Ngãi	Xã Ba Động	Trường TH&THCS Ba Liên
886	25	Quảng Ngãi	Xã Ba Tô	Trường TH và THCS Ba Nam
887	26	Quảng Ngãi	Phường Đăk Cẩm	Trường THCS Nguyễn Huệ
888	27	Quảng Ngãi	Phường Đăk Bla	Trường TH và THCS Trần Hưng Đạo
889	28	Quảng Ngãi	Xã Ia Chim	Trường TH và THCS Đăk Năng
890	29	Quảng Ngãi	Xã Đăk Pék	Trường TH-THCS Lý Tự Trọng
891	30	Quảng Ngãi	Xã Ngọc Linh	Trường PTDTBT TH và THCS Ngọc Linh
892	31	Quảng Ngãi	Xã Dục Nông	Trường TH-THCS Đăk Dục
893	32	Quảng Ngãi	Xã Đăk Tô	Trường THCS 24 Tháng 4
894	33	Quảng Ngãi	Xã Tu Mơ Rông	Trường PTDT bán trú TH-THCS xã Tu Mơ Rông
895	34	Quảng Ngãi	Xã Măng Ri	Trường PTDT bán trú TH - THCS Tê Xăng
896	35	Quảng Ngãi	Xã Măng Bút	Trường PTDTBT cấp 1, 2 Măng Bút 2
897	36	Quảng Ngãi	Xã Đăk Rve	Trường THCS Đăk Rve
898	37	Quảng Ngãi	Xã Đăk Hà	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Đăk Hà
899	38	Quảng Ngãi	Xã Đăk Mar	Trường THCS Hùng Vương
900	39	Quảng Ngãi	Xã Sa Thầy	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Tự Trọng
901	40	Quảng Ngãi	Xã Mộ Rai	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Huệ
902	41	Quảng Ngãi	Xã Ya Ly	Trường TH-THCS Xã Ya Ly

23. Gia Lai (41 trường)

903	1	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Đông	Trường THCS Nhơn Bình
904	2	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Bắc	Trường THCS Nhơn Phú
905	3	Gia Lai	Phường An Nhơn	Trường THCS Nhơn Mỹ
906	4	Gia Lai	Phường An Nhơn Bắc	Trường THCS Nhơn Thành
907	5	Gia Lai	Phường Hoài Nhơn Đông	Trường THCS Hoài Hương
908	6	Gia Lai	Xã Phù Cát	Trường THCS Cát Tân
909	7	Gia Lai	Xã Cát Tiến	Trường THCS Cát Thành
910	8	Gia Lai	Xã Phù Mỹ	Trường THCS Mỹ Quang
911	9	Gia Lai	Xã Phù Mỹ Đông	Trường THCS Mỹ Thắng
912	10	Gia Lai	Xã Tuy Phước	Trường THCS Phước Lộc
913	11	Gia Lai	Xã Tuy Phước Tây	Trường THCS Phước Thành
914	12	Gia Lai	Xã Bình Phú	Trường PTDT bán trú Tây Sơn
915	13	Gia Lai	Xã Bình An	Trường THCS Tây Vinh
916	14	Gia Lai	Xã Vạn Đức	Trường THCS Ân Thạnh
917	15	Gia Lai	Xã Canh Liên	Trường PTDT Bán trú Canh Liên
918	16	Gia Lai	Xã Vĩnh Sơn	Trường PTDT Bán Trú Tiểu học và THCS Vĩnh Kim
919	17	Gia Lai	Phường Pleiku	Trường TH-THCS Lê Văn Tám
920	18	Gia Lai	Phường Diên Hồng	Trường THCS Trung Vương
921	19	Gia Lai	Xã Biên Hồ	Trường THCS Nghĩa Hưng
922	20	Gia Lai	Phường An Bình	Trường THCS Chu Văn An
923	21	Gia Lai	Xã Ia Rbol	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
924	22	Gia Lai	Xã Chư Păh	Trường THCS Hòa Phú

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
925	23	Gia Lai	Xã Chư Prông	Trường TH&THCS Nguyễn Khuyến
926	24	Gia Lai	Xã Ia Boông	Trường THCS Quang Trung
927	25	Gia Lai	Xã Ia Púch	Trường TH&THCS Phù Đổng
928	26	Gia Lai	Xã Chư Sê	Trường THCS Nguyễn Khuyến
929	27	Gia Lai	Xã Chư Puh	Trường TH&THCS Kpă KLong
930	28	Gia Lai	Xã Ia Hnú	Trường THCS Phan Bội Châu
931	29	Gia Lai	Xã Kbang	Trường PTDTBT TH&THCS Đak Smar
932	30	Gia Lai	Xã Tơ Tung	Trường THCS Kông Long Khong
933	31	Gia Lai	Xã Kông Chro	Trường THCS - DTNT Huyện Kông Chro
934	32	Gia Lai	Xã Đăk Song	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân
935	33	Gia Lai	Xã Phú Thiện	Trường THCS Trung Vương
936	34	Gia Lai	Xã Pờ Tó	Trường THCS Phan Đình Phùng
937	35	Gia Lai	Xã Phú Túc	Trường TH&THCS Lê Lợi
938	36	Gia Lai	Xã Ia Rсай	Trường PTDTBT THCS Ia Rсай
939	37	Gia Lai	Xã Đak Đoa	Trường THCS Võ Thị Sáu
940	38	Gia Lai	Xã Kdang	Trường THCS Trần Phú
941	39	Gia Lai	Lơ Pang	Trường PTDTBT THCS số 1 Lơ Pang
942	40	Gia Lai	Xã Ia Grai	Trường THCS DTNT huyện Ia Grai
943	41	Gia Lai	Xã Ia Hrungh	Trường THCS Trần Phú
24. Đắk Lắk (41 trường)				
944	1	Đắk Lắk	Phường Buôn Ma Thuật	Trường THCS Lạc Long Quân
945	2	Đắk Lắk	Phường Cư Bao	Trường THCS Hùng Vương
946	3	Đắk Lắk	Phường Hòa Hiệp	Trường THCS Trường Chinh
947	4	Đắk Lắk	Phường Tân An	Trường TH, THCS và THPT Phú Xuân
948	5	Đắk Lắk	Phường Tân Lập	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ
949	6	Đắk Lắk	Phường Tuy Hòa	Trường TH và THCS Nguyễn Du
950	7	Đắk Lắk	Phường Xuân Đài	Trường THCS Nguyễn Hồng Sơn
951	8	Đắk Lắk	Xã Cư Pong	Trường THCS Ngô Gia Tự
952	9	Đắk Lắk	Xã Cuôr Đăng	Trường THCS Đoàn Thị Điểm
953	10	Đắk Lắk	Xã Dang Kang	Trường THCS Dang Kang
954	11	Đắk Lắk	Xã Đông Xuân	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Xuân Long
955	12	Đắk Lắk	Xã Đức Bình	Trường THCS và THPT Võ Văn Kiệt
956	13	Đắk Lắk	Xã Ea Drăng	Trường TH và THCS Phan Bội Châu
957	14	Đắk Lắk	Xã Ea H'Leo	Trường TH và THCS Nguyễn Bá Ngọc
958	15	Đắk Lắk	Xã Ea Kar	Trường THCS Lương Thế Vinh
959	16	Đắk Lắk	Xã Ea Khăl	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đam San
960	17	Đắk Lắk	Xã Ea Knốp	Trường trung học cơ sở Cao Bá Quát
961	18	Đắk Lắk	Xã Ea Ktur	Trường THCS 19/8
962	19	Đắk Lắk	Xã Ea M'Droh	Trường THCS Phan Đình Phùng
963	20	Đắk Lắk	Xã Ea Nuól	Trường TH và THCS Ama Trang Long
964	21	Đắk Lắk	Xã Ea Phê	Trường THCS Ea Phê
965	22	Đắk Lắk	Xã Ea Súp	Trường PT DTNT THCS Ea Súp
966	23	Đắk Lắk	Xã Ea Wer	Trường PTDTNT Trung học cơ sở Buôn Đôn
967	24	Đắk Lắk	Xã Hòa Mỹ	Trường THCS Tây Sơn
968	25	Đắk Lắk	Xã Hòa Thịnh	Trường THCS Đồng Khởi
969	26	Đắk Lắk	Xã Krông Ana	Trường PTDTNT THCS Krông Ana
970	27	Đắk Lắk	Xã Krông Bông	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân
971	28	Đắk Lắk	Xã Krông Năng	Trường Trung học cơ sở Y Jút
972	29	Đắk Lắk	Xã Liên Sơn Lăk	Trường PT DTNT THCS Lăk
973	30	Đắk Lắk	Xã Ô Loan	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
974	31	Đắk Lắk	Xã Phú Hòa 2	Trường THCS Lương Văn Chánh
975	32	Đắk Lắk	Xã Pong Drang	Trường THCS Lý Tự Trọng
976	33	Đắk Lắk	Xã Sơn Hòa	Trường THCS và THPT Nguyễn Trung Trực
977	34	Đắk Lắk	Xã Sông Hinh	Trường THCS Trần Phú

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
978	35	Đắk Lắk	Xã Tam Giang	Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ
979	36	Đắk Lắk	Xã Tây Sơn	Trường TH và THCS Cà Lúi
980	37	Đắk Lắk	Xã Tuy An Nam	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
981	38	Đắk Lắk	Xã Xuân Cảnh	Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp
982	39	Đắk Lắk	Xã Xuân Thọ	Trường TH và THCS Xuân Lâm
983	40	Đắk Lắk	Phường Buôn Hồ	Trường THCS Nguyễn Du
984	41	Đắk Lắk	Xã Ea Ktur	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm

25. Khánh Hòa (41 trường)

985	1	Khánh Hòa	Xã Phước Hà	Trường PTDTBT THCS Phước Hà
986	2	Khánh Hòa	Xã Phước Hà	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám
987	3	Khánh Hòa	Xã Phước Hậu	Trường TH, THCS Phước Vinh
988	4	Khánh Hòa	Xã Xuân Hải	Trường THCS An Dương Vương
989	5	Khánh Hòa	Phường Ninh Chữ	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh
990	6	Khánh Hòa	Xã Phước Hữu	Trường THCS Huỳnh Phước
991	7	Khánh Hòa	Xã Phước Hậu	Trường THCS Lê Quý Đôn
992	8	Khánh Hòa	Phường Ba Ngòi	Trường THCS Nguyễn Du
993	9	Khánh Hòa	Xã Phước Dinh	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai
994	10	Khánh Hòa	Phường Đô Vinh	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi
995	11	Khánh Hòa	Xã Mỹ Sơn	Trường THCS Trần Hưng Đạo - NS
996	12	Khánh Hòa	Xã Cà Ná	Trường THCS Trương Văn Ly
997	13	Khánh Hòa	Xã Nam Cam Ranh	Trường TH-THCS Cam Lập
998	14	Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	Trường PT Hermann Gmeiner Nha Trang
999	15	Khánh Hòa	Xã Bắc Ái Tây	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Văn Linh
1000	16	Khánh Hòa	Xã Cam Lâm	Trường TH và THCS Lê Thánh Tôn
1001	17	Khánh Hòa	Xã Vạn Thắng	Trường TH&THCS Nguyễn Bình Khiêm
1002	18	Khánh Hòa	Xã Đại Lãnh	Trường TH&THCS Vạn Thạnh
1003	19	Khánh Hòa	Trường trực thuộc sở	Trường TH, THCS, THPT Quốc tế Việt Nam
1004	20	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường THCS Âu Cơ - Nha Trang
1005	21	Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang	Trường THCS Cao Thắng
1006	22	Khánh Hòa	Xã Diên Lâm	Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh
1007	23	Khánh Hòa	Phường Ninh Hòa	Trường THCS Hùng Vương
1008	24	Khánh Hòa	Xã Nam Ninh Hòa	Trường THCS Lê Thánh Tông
1009	25	Khánh Hòa	Xã Đại Lãnh	Trường THCS Lương Thế Vinh
1010	26	Khánh Hòa	Xã Vạn Hưng	Trường THCS Lý Thường Kiệt
1011	27	Khánh Hòa	Xã Suối Hiệp	Trường THCS Ngô Quyền
1012	28	Khánh Hòa	Xã Diên Lạc	Trường THCS Nguyễn Du
1013	29	Khánh Hòa	Xã Tu Bông	Trường THCS Nguyễn Huệ
1014	30	Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ
1015	31	Khánh Hòa	Xã Diên Khánh	Trường THCS Phan Chu Trinh
1016	32	Khánh Hòa	Xã Khánh Sơn	Trường THCS Sơn Bình
1017	33	Khánh Hòa	Xã Cam Lâm	Trường THCS Trần Đại Nghĩa
1018	34	Khánh Hòa	Phường Hòa Thắng	Trường THCS Trần Phú
1019	35	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường THCS Trần Quốc Toản
1020	36	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường THCS Trưng Vương
1021	37	Khánh Hòa	Trường trực thuộc sở	Trường THCS và THPT Nguyễn Thái Bình
1022	38	Khánh Hòa	Xã Nam Ninh Hòa	Trường THCS Võ Thị Sáu
1023	39	Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn	Trường PTDTNT THCS Ninh Sơn
1024	40	Khánh Hòa	Xã Khánh Vĩnh	Trường PT DTNT THCS Huyện Khánh Vĩnh
1025	41	Khánh Hòa	Xã Diên Điền	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi

26. Lâm Đồng (41 trường)

1026	1	Lâm Đồng	Phường 2 Bảo Lộc	Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Toản
1027	2	Lâm Đồng	Phường B'Lao	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi
1028	3	Lâm Đồng	Xã D'Rand	Trường Trung học cơ sở Lạc Nghiệp
1029	4	Lâm Đồng	Xã Đức Trọng	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1030	5	Lâm Đồng	Xã Ninh Gia	Trường Trung học cơ sở Ninh Gia
1031	6	Lâm Đồng	Xã Đình Văn Lâm Hà	Trường Trung học cơ sở Bình Thạnh
1032	7	Lâm Đồng	Xã Nam Hà Lâm Hà	Trường Trung học cơ sở Nam Hà
1033	8	Lâm Đồng	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	Trường Trung học cơ sở Tân Thanh
1034	9	Lâm Đồng	Xã Đam Rông 3	Trường Trung học cơ sở Đạ M'Rông
1035	10	Lâm Đồng	Xã Di Linh	Trường Phổ thông DTNT Trung học cơ sở huyện Di
1036	11	Lâm Đồng	Xã Gia Hiệp	Trường Trung học cơ sở Tam Bô
1037	12	Lâm Đồng	Xã Bảo Lâm 1	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Bảo Lâm
1038	13	Lâm Đồng	Xã Bảo Lâm 2	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Bình
1039	14	Lâm Đồng	Xã Đạ Huoai	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đạ Tồn
1040	15	Lâm Đồng	Xã Đạ Tẻh	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An
1041	16	Lâm Đồng	Xã Cát Tiên	Trường Trung học cơ sở Quảng Ngãi
1042	17	Lâm Đồng	Phường Mũi Né	Trường THCS Hồ Quang Cảnh
1043	18	Lâm Đồng	Phường Tiến Thành	Trường THCS Tiến Thành
1044	19	Lâm Đồng	Phường La Gi	Trường THCS Tân Bình
1045	20	Lâm Đồng	Xã Liên Hương	Trường THCS Lê Văn Tám
1046	21	Lâm Đồng	Xã Hòa Thắng	Trường TH&THCS Hồng Phong
1047	22	Lâm Đồng	Xã Bắc Bình	Trường THCS Chợ Lầu
1048	23	Lâm Đồng	Xã Bắc Bình	Trường PTDT Nội trú Bắc Bình
1049	24	Lâm Đồng	Xã Hàm Thuận Bắc	Trường THCS Hàm Phú
1050	25	Lâm Đồng	Xã Hàm Thuận	Trường PTDT Nội Trú Hàm Thuận
1051	26	Lâm Đồng	Xã Hàm Thuận Nam	Trường THCS Hàm Minh
1052	27	Lâm Đồng	Xã Đồng Kho	Trường THCS Đức Bình
1053	28	Lâm Đồng	Xã Đồng Kho	Trường THCS Huy Khiêm
1054	29	Lâm Đồng	Xã Hoài Đức	Trường THCS Lương Thế Vinh
1055	30	Lâm Đồng	Xã Tân Minh	Trường TH&THCS Tân Minh
1056	31	Lâm Đồng	Xã Hàm Tân	Trường THCS Tân Xuân
1057	32	Lâm Đồng	Phường Đông Gia Nghĩa	Trường THCS Phan Bội Châu
1058	33	Lâm Đồng	Xã Quảng Khê	Trường TH-THCS Đăk Plao
1059	34	Lâm Đồng	Xã Đăk Wil	Trường Trương THCS Cao Bá Quát
1060	35	Lâm Đồng	Xã Thuận An	Trường THCS Nguyễn Huệ
1061	36	Lâm Đồng	Xã Krông Nô	Trường THCS Đăk Mâm
1062	37	Lâm Đồng	Xã Trường Xuân	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi
1063	38	Lâm Đồng	Xã Kiến Đức	Trường THCS Trần Quang Khải
1064	39	Lâm Đồng	Xã Quảng Tín	Trường THCS Lương Thế Vinh
1065	40	Lâm Đồng	Đam Rông 2	Trường THCS&THPT Võ Nguyên Giáp
1066	41	Lâm Đồng	Xã Đình Trang Thượng	Trường THCS Tân Lâm

(Tổng số 451 trường của 11 tỉnh/thành phố khu vực miền Trung)

C. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Nam

V. Vùng Đông Nam Bộ

27. Đồng Nai (41 trường)

1067	1	Đồng Nai	Xã Hưng Phước	Trường TH-THCS Phước Thiện
1068	2	Đồng Nai	Xã Minh Đức	Trường TH-THCS Minh Tâm
1069	3	Đồng Nai	Xã Tân Lợi	Trường TH-THCS Tân Lợi
1070	4	Đồng Nai	Phường Chơn Thành	Trường TH-THCS Lê Văn Tám
1071	5	Đồng Nai	Xã Trị An	Trường TH-THCS Trị An
1072	6	Đồng Nai	Xã Dầu Giây	Trường TH-THCS Lương Thế Vinh
1073	7	Đồng Nai	Phường Hồ Nai	Trường TH-THCS-THPT Trần Đại Nghĩa
1074	8	Đồng Nai	Phường Trăn Biên	Trường TH-THCS-THPT Song ngữ Á Châu
1075	9	Đồng Nai	Xã Lộc Ninh	Trường PTDTNT THCS Lộc Ninh
1076	10	Đồng Nai	Phường Bình Phước	Trường THCS Tân Bình
1077	11	Đồng Nai	Phường Bình Long	Trường THCS Phan Bội Châu
1078	12	Đồng Nai	Xã Lộc Tấn	Trường THCS Lộc Tấn

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1079	13	Đồng Nai	Xã Thiện Hưng	Trường THCS Bù Đốp
1080	14	Đồng Nai	Xã Đồng Phú	Trường THCS Tân Tiến
1081	15	Đồng Nai	Xã Phước Sơn	Trường THCS Thống Nhất
1082	16	Đồng Nai	Xã Nha Bích	Trường THCS Minh Thắng
1083	17	Đồng Nai	Xã Tân Phú	Trường PTDTNT THCS Liên huyện Tân Phú-Định
1084	18	Đồng Nai	Phường Long Hưng	Trường THCS Long Bình Tân
1085	19	Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường THCS Thống Nhất
1086	20	Đồng Nai	Phường Trần Biên	Trường THCS Hiệp Hòa
1087	21	Đồng Nai	Phường Tam Phước	Trường THCS Tam Phước
1088	22	Đồng Nai	Phường Hàng Gòn	Trường THCS Xuân Tân
1089	23	Đồng Nai	Xã Phú Lâm	Trường THCS Trường Sơn
1090	24	Đồng Nai	Xã Tà Lài	Trường THCS Núi Tượng
1091	25	Đồng Nai	Phường Tân Triều	Trường THCS Thạnh Phú
1092	26	Đồng Nai	Xã Phú Vinh	Trường THCS Lý Thường Kiệt
1093	27	Đồng Nai	Xã Phú Hòa	Trường THCS Phú Hòa
1094	28	Đồng Nai	Xã Trảng Bom	Trường THCS Hùng Vương
1095	29	Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	Trường THCS Quang Vinh
1096	30	Đồng Nai	Xã Gia Kiệm	Trường THCS Quang Trung
1097	31	Đồng Nai	Xã Xuân Đông	Trường THCS Trần Phú
1098	32	Đồng Nai	Xã Xuân Quế	Trường THCS Sông Nhạn
1099	33	Đồng Nai	Xã Xuân Đường	Trường THCS Cẩm Đường
1100	34	Đồng Nai	Xã Phước Thái	Trường THCS Phước Bình
1101	35	Đồng Nai	Xã Xuân Hòa	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
1102	36	Đồng Nai	Xã Xuân Thành	Trường THCS Ngô Sĩ Liên
1103	37	Đồng Nai	Xã Nhơn Trạch	Trường THCS Phước Thiện
1104	38	Đồng Nai	Xã Bom Bo	Trường THCS-THPT Lương Thế Vinh
1105	39	Đồng Nai	Xã Bù Gia Mập	Trường THCS-THPT Đăk Mai
1106	40	Đồng Nai	Phường Long Khánh	Trường THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh
1107	41	Đồng Nai	Xã Long Thành	Trường THCS-THPT Tri Thức

28. Tây Ninh (41 trường)

1108	1	Tây Ninh	phường Gò Dầu	Trường THCS Gia Bình
1109	2	Tây Ninh	Phường Khánh Hậu	Trường THCS Lợi Bình Nhơn
1110	3	Tây Ninh	phường Long An	Trường THCS Cẩn Đốt
1111	4	Tây Ninh	Phường Long Hoa	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi
1112	5	Tây Ninh	phường Ninh Thạnh	Trường THCS Bàu Năng
1113	6	Tây Ninh	Phường Tân Ninh	Trường THCS Trần Hưng Đạo
1114	7	Tây Ninh	Phường Trảng Bàng	Trường THCS Trảng Bàng
1115	8	Tây Ninh	xã Bến Cầu	Trường Trung học cơ sở Khuu Văn Chông
1116	9	Tây Ninh	Xã Bến Lức	Trường THCS Bến Lức
1117	10	Tây Ninh	xã Bình Hiệp	Trường TH và THCS Bình Hòa Tây
1118	11	Tây Ninh	xã Bình Hòa	Trường TH&THCS Bình Thạnh
1119	12	Tây Ninh	xã Cản Giuộc	Trường THCS Long Hậu
1120	13	Tây Ninh	xã Châu Thành	Trường THCS Ngô Quyền
1121	14	Tây Ninh	Xã Đông Thành	Trường THCS thị trấn Đông Thành
1122	15	Tây Ninh	xã Đức Huệ	Trường TH&THCS Bình Thành
1123	16	Tây Ninh	xã Dương Minh Châu	Trường THCS Suối Đá
1124	17	Tây Ninh	xã Hậu Thạnh	Trường THCS Huỳnh Việt Thanh
1125	18	Tây Ninh	Xã Hòa Khánh	Trường THCS THI VĂN TÂM
1126	19	Tây Ninh	Xã Khánh Hưng	Trường TH&THCS Thái Trị
1127	20	Tây Ninh	Xã Long Chử	Trường THCS Lê Lợi
1128	21	Tây Ninh	xã Long Thuận	Trường THCS Long Khánh
1129	22	Tây Ninh	xã Mỹ Hạnh	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Hạnh Nam
1130	23	Tây Ninh	Xã Mỹ Quý	Trường THCS Mỹ Quý Đông
1131	24	Tây Ninh	xã Mỹ Yên	Trường TH&THCS Võ Công Tôn

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1132	25	Tây Ninh	xã Nhơn Ninh	Trường THCS Tân Thành
1133	26	Tây Ninh	Xã Phước Chi	Trường THCS Phước Bình B
1134	27	Tây Ninh	Xã Phước Thạnh	Trường THCS Phước Thạnh
1135	28	Tây Ninh	Xã Rạch Kiến	Trường THCS Long Trạch
1136	29	Tây Ninh	xã Tân Châu	Trường THCS Tân Châu
1137	30	Tây Ninh	Xã Tân Hội	Trường THCS Tân Hiệp
1138	31	Tây Ninh	xã Tân Lập	Trường THCS Tân Lập
1139	32	Tây Ninh	xã Tân Phú	Trường THCS Tân Phú
1140	33	Tây Ninh	xã Tân Tây	Trường THCS Thủy Đông
1141	34	Tây Ninh	xã Tân Thạnh	Trường Tiểu học và THCS Tân Bình
1142	35	Tây Ninh	xã Thạnh Đức	Trường THCS Thạnh Đức
1143	36	Tây Ninh	xã Thạnh Lợi	Trường THCS Thạnh Hòa
1144	37	Tây Ninh	xã Thủ Thừa	Trường THCS Nhị Thành
1145	38	Tây Ninh	Xã Trà Vong	Trường THCS Tây Sơn
1146	39	Tây Ninh	Xã Tuyên Bình	Trường Trung học cơ sở Thái Bình Trung
1147	40	Tây Ninh	xã Vĩnh Công	Trường THCS Nguyễn Văn Thắng
1148	41	Tây Ninh	xã Vĩnh Thạnh	Trường TH&THCS Vĩnh Châu B

29. TP. Hồ Chí Minh (41 trường)

1149	1	TP. Hồ Chí Minh	Xã Nhà Bè	Trường TH, THCS và THPT Khải Hoàn - Nam Sài Gòn
1150	2	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Nhơn	Trường TH, THCS và THPT Nam Mỹ
1151	3	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Thuận	Trường TH, THCS và THPT Emasi Nam Long
1152	4	TP. Hồ Chí Minh	Phường Cầu Ông Lãnh	Trường THCS Chu Văn An
1153	5	TP. Hồ Chí Minh	Phường Đông Hưng Thuận	Trường THCS Nguyễn Ảnh Thủ
1154	6	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hiệp Bình	Trường THCS Hiệp Bình
1155	7	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tăng Nhơn Phú	Trường THCS Hoa Lư
1156	8	TP. Hồ Chí Minh	Phường Gò Vấp	Trường THCS Quang Trung
1157	9	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Lợi Trung	Trường THCS Nguyễn Văn Bé
1158	10	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Hòa	Trường THCS Trần Văn Đăng
1159	11	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Thọ Hòa	Trường THCS Võ Thành Trang
1160	12	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Nhuận	Trường THCS Ngô Tất Tố
1161	13	TP. Hồ Chí Minh	Phường Xuân Hòa	Trường THCS Colette
1162	14	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hòa Hưng	Trường THCS Lạc Hồng
1163	15	TP. Hồ Chí Minh	Phường Vĩnh Hội	Trường THCS Quang Trung
1164	16	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Tây	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh
1165	17	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Đông	Trường THCS Sương Nguyệt Anh
1166	18	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Lạc	Trường THCS Lê Tấn Bê
1167	19	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Hưng	Trường THCS Nguyễn Thị Thập
1168	20	TP. Hồ Chí Minh	Xã An Nhơn Tây	Trường THCS An Phú
1169	21	TP. Hồ Chí Minh	Xã Đông Thạnh	Trường THCS Phan Đăng Lưu
1170	22	TP. Hồ Chí Minh	Xã Tân Nhựt	Trường THCS Nguyễn Hữu Trí
1171	23	TP. Hồ Chí Minh	Xã Vĩnh Lộc	Trường THCS Đồng Đen
1172	24	TP. Hồ Chí Minh	Xã An Thới Đông	Trường THCS An Thới Đông
1173	25	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Lạc	Trường THCS và THPT Ngôi Sao
1174	26	TP. Hồ Chí Minh	Phường Trung Mỹ Tây	Trường THCS và THPT Lạc Hồng
1175	27	TP. Hồ Chí Minh	Xã Dâu Tiếng	Trường Tiểu học - THCS Định An
1176	28	TP. Hồ Chí Minh	Phường Dĩ An	Trường Tiểu học THCS và THPT Việt Anh 2
1177	29	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Lợi	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân
1178	30	TP. Hồ Chí Minh	Phường Chánh Phú Hòa	Trường THCS Chánh Phú Hòa
1179	31	TP. Hồ Chí Minh	Xã Phú Giáo	Trường THCS Trần Hưng Đạo
1180	32	TP. Hồ Chí Minh	Phường Đông Hòa	Trường THCS Bình An
1181	33	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Hòa	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
1182	34	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tam Thẳng	Trường TH-THCS-THPT Khai Nguyên
1183	35	TP. Hồ Chí Minh	Phường Vung Tàu	Trường THCS Huỳnh Khương Ninh

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1184	36	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bà Rịa	Trường THCS Nguyễn Du
1185	37	TP. Hồ Chí Minh	Xã Châu Đức	Trường THCS Nguyễn Huệ
1186	38	TP. Hồ Chí Minh	Xã Hồ Tràm	Trường THCS Phước Thuận
1187	39	TP. Hồ Chí Minh	Xã Long Hải	Trường THCS Nguyễn Thị Định
1188	40	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Mỹ	Trường Trung học cơ sở Phú Mỹ
1189	41	TP. Hồ Chí Minh	Xã Kim Long	Trường phổ thông dân tộc nội trú Bà Rịa - Vũng Tàu

VI. Vùng đồng bằng sông Cửu Long

30. Đồng Tháp (41 trường)

1190	1	Đồng Tháp	Xã Tân Thành	Trường THCS Thông Bình
1191	2	Đồng Tháp	Xã Thường Phước	Trường THCS Thường Thới Tiền
1192	3	Đồng Tháp	Xã Long Phú Thuận	Trường THCS Phú Thuận B
1193	4	Đồng Tháp	Xã Phú Thọ	Trường THCS và THPT Phú Thành A
1194	5	Đồng Tháp	Xã Thanh Bình	Trường THCS Thanh Bình
1195	6	Đồng Tháp	Xã Tân Long	Trường THCS Tân Bình
1196	7	Đồng Tháp	Xã Tháp Mười	Trường THCS Tháp Mười
1197	8	Đồng Tháp	Xã Mỹ Quý	Trường TH và THCS Láng Biển
1198	9	Đồng Tháp	Xã Phong Mỹ	Trường THCS Nguyễn Văn Đùng
1199	10	Đồng Tháp	Xã Bình Hàng Trung	Trường THCS Bình Hàng Tây
1200	11	Đồng Tháp	Xã Mỹ An Hưng	Trường THCS Mỹ An Hưng A
1201	12	Đồng Tháp	Xã Lập Vò	Trường THCS Vĩnh Thạnh
1202	13	Đồng Tháp	Xã Hòa Long	Trường THCS Long Hậu
1203	14	Đồng Tháp	Xã Phong Hòa	Trường THCS Phong Hòa
1204	15	Đồng Tháp	Xã Phú Hữu	Trường TH và THCS Võ Văn Kiệt
1205	16	Đồng Tháp	Xã Tân Phú Trung	Trường THCS và THPT Tân Phú Trung
1206	17	Đồng Tháp	Xã An Hữu	Trường THCS Hòa Hưng
1207	18	Đồng Tháp	Xã Mỹ Đức Tây	Trường THCS Mỹ Đức Đông
1208	19	Đồng Tháp	Xã Hậu Mỹ	Trường THCS Hậu Mỹ Bắc A
1209	20	Đồng Tháp	Xã Mỹ Thành	Trường THCS Mỹ Thành Bắc
1210	21	Đồng Tháp	Xã Bình Phú	Trường THCS Đoàn Thị Nghiệp
1211	22	Đồng Tháp	Xã Ngũ Hiệp	Trường THCS Ngũ Hiệp
1212	23	Đồng Tháp	Xã Hưng Thạnh	Trường THCS Tân Hòa Thành
1213	24	Đồng Tháp	Xã Long Hưng	Trường THCS Tam Hiệp
1214	25	Đồng Tháp	Xã Vĩnh Kim	Trường THCS Phú Phong
1215	26	Đồng Tháp	Xã Tân Thuận Bình	Trường THCS Đăng Hưng Phước
1216	27	Đồng Tháp	Xã Bình Ninh	Trường THCS Xuân Đông
1217	28	Đồng Tháp	Xã Long Bình	Trường THCS và THPT Long Bình
1218	29	Đồng Tháp	Xã Tân Đông	Trường THCS Phùng Thanh Vân
1219	30	Đồng Tháp	Xã Tân Thới	Trường THCS và THPT Tân Thới
1220	31	Đồng Tháp	Phường Mỹ Phong	Trường THCS Tân Mỹ Chánh
1221	32	Đồng Tháp	Phường Trung An	Trường THCS Bình Đức
1222	33	Đồng Tháp	Phường Sơn Qui	Trường THCS Tân Trung
1223	34	Đồng Tháp	Phường Thường Lạc	Trường THCS Thường Thới Hậu A
1224	35	Đồng Tháp	Phường Cao Lãnh	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh
1225	36	Đồng Tháp	Phường Mỹ Ngãi	Trường THCS Trần Đại Nghĩa
1226	37	Đồng Tháp	Phường Sa Đéc	Trường THCS Trần Thị Nhượng
1227	38	Đồng Tháp	Phường Cai Lậy	Trường THCS Võ Việt Tân
1228	39	Đồng Tháp	Xã An Phước	Trường THCS và THPT Giồng Thệ Đam
1229	40	Đồng Tháp	Xã Lai Vung	Trường THCS Tân Thành
1230	41	Đồng Tháp	Xã Châu Thành	Trường TH và THCS Long An

31. An Giang (41 trường)

1231	1	An Giang	Đặc Khu Kiên Hải	Trường THCS&THPT Kiên Hải
1232	2	An Giang	Đặc khu Phú Quốc	Trường TH&THCS Cửa Dương
1233	3	An Giang	Phường Bình Đức	Trường THCS Bình Khánh
1234	4	An Giang	Phường Chi Lăng	Trường THCS Cao Bá Quát

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1235	5	An Giang	Phường Hà Tiên	Trường Phổ thông DTNT THCS Hà Tiên
1236	6	An Giang	Phường Long Xuyên	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi
1237	7	An Giang	Phường Rạch Giá	TrườngTHCS Võ Trường Toản
1238	8	An Giang	Phường Tân Châu	Trường THCS Long Thạnh
1239	9	An Giang	Phường Tô Châu	Trường THCS Dương Hoà
1240	10	An Giang	Xã An Biên	Trường THCS Thứ Ba 1
1241	11	An Giang	Xã An Cư	Trường THCS Võ Trường Toản
1242	12	An Giang	Xã Ba Chúc	Trường THCS Lạc Quới
1243	13	An Giang	Xã Bình Hòa	Trường THCS Bình Thạnh
1244	14	An Giang	Xã Bình Thạnh Đông	Trường THCS Phú Bình
1245	15	An Giang	Xã Châu Phú	Trường THCS Bình Long
1246	16	An Giang	Xã Chợ Vàm	Trường THCS Chợ Vàm
1247	17	An Giang	Xã Định Hòa	Trường THCS&THPT Thới Quán
1248	18	An Giang	Xã Đông Hưng	Trường THCS Đông Hưng A
1249	19	An Giang	Xã Giồng Riềng	Trường PT DTNT THCS Giồng Riềng
1250	20	An Giang	Xã Hòa Điền	Trường THCS Hòa Điền
1251	21	An Giang	Xã Hòa Thuận	Trường TH&THCS Hòa Thuận
1252	22	An Giang	Xã Hòn Đất	Trường THCS&THPT Nam Thái Sơn
1253	23	An Giang	Xã Kiên Lương	Trường THCS&THPT Ba Hòn
1254	24	An Giang	Xã Long Thạnh	Trường TH&THCS Danh Thới
1255	25	An Giang	Xã Mỹ Thuận	Trường THCS Mỹ Thuận
1256	26	An Giang	Xã Nhon Mỹ	Trường THCS Nguyễn Kim Nha
1257	27	An Giang	Xã Óc Eo	Trường THCS Vọng Đông
1258	28	An Giang	Xã Phú Hữu	Trường THCS và THPT Vĩnh Lộc
1259	29	An Giang	Xã Phú Tân	Trường THCS Tân Trung
1260	30	An Giang	Xã Tân Hiệp	Trường THCS Tân Hiệp B2
1261	31	An Giang	Xã Tân Hội	Trường THCS Tân Hòa
1262	32	An Giang	Xã Tây Yên	Trường THCS Tây Yên A
1263	33	An Giang	Xã Thạnh Hưng	Trường THCS Thạnh Hưng
1264	34	An Giang	Xã Thạnh Mỹ Tây	Trường THCS Đào Hữu Cảnh
1265	35	An Giang	Xã Tri Tôn	Trường THCS Châu Lăng
1266	36	An Giang	Xã Vân Khánh	Trường TH&THCS Vân Khánh Tây
1267	37	An Giang	Xã Vĩnh Bình	Trường TH&THCS An Minh Bắc 3
1268	38	An Giang	Xã Vĩnh Hậu	Trường THCS Vĩnh Hậu
1269	39	An Giang	Xã Vĩnh Hòa	Trường THCS Hòa Chánh
1270	40	An Giang	Xã Vĩnh Thạnh Trung	Trường THCS Vĩnh Thạnh Trung 2
1271	41	An Giang	Xã Vĩnh Xương	Trường THCS Phú Lộc
32. Vĩnh Long (41 trường)				
1272	1	Vĩnh Long	Phường Tân Hạnh	Trường THCS Tân Hạnh
1273	2	Vĩnh Long	Xã Phú Quới	Trường THCS Thạnh Quới
1274	3	Vĩnh Long	xã Cái Nhum	Trường THCS Cái Nhum
1275	4	Vĩnh Long	Trung Thành	Trường THCS Trung Hiếu
1276	5	Vĩnh Long	Hiếu Phụng	Trường THCS Trung An
1277	6	Vĩnh Long	Ngãi Tứ	Trường THCS Ngãi Tứ
1278	7	Vĩnh Long	Lục sĩ Thành	Trường THCS Phú Thành
1279	8	Vĩnh Long	Hòa Bình	Trường THCS Thới Hòa
1280	9	Vĩnh Long	Phường Đông Thành	Trường THCS Đông Thạnh
1281	10	Vĩnh Long	Phường Long Đức	Trường THCS Trần Phú
1282	11	Vĩnh Long	Xã An Trường	Trường THCS An Trường A
1283	12	Vĩnh Long	Xã Nhị Long	Trường THCS Đức Mỹ
1284	13	Vĩnh Long	Xã Cầu Kè	Trường PT DTNT THCS Cầu Kè
1285	14	Vĩnh Long	Tam Ngãi	Trường THCS Thông Hòa
1286	15	Vĩnh Long	Tập Ngãi	Trường THCS Hiếu Từ
1287	16	Vĩnh Long	xã Cầu Ngang	Trường THCS Mỹ Hòa

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1288	17	Vĩnh Long	Xã Lưu Nghiệp Anh	Trường THCS Lưu Nghiệp Anh
1289	18	Vĩnh Long	Long Hiệp	Trường THCS Tân Hiệp
1290	19	Vĩnh Long	xã Long Hữu	Trường THCS Hiệp Thạnh
1291	20	Vĩnh Long	xã Ngũ Lạc	Trường THCS Thạnh Hòa Sơn
1292	21	Vĩnh Long	xã Châu Thành	Trường PT DTNT THCS Châu Thành
1293	22	Vĩnh Long	Phường Phú Khương	Trường TH-THCS Nhơn Thạnh
1294	23	Vĩnh Long	xã Phú Túc	Trường THCS Phú Túc
1295	24	Vĩnh Long	Xã Tân Phú	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Khá
1296	25	Vĩnh Long	Xã Vĩnh Thành	Trường THCS Lê Hồng
1297	26	Vĩnh Long	Xã Phước Mỹ Trung	Trường THCS Nguyễn Thị Nhân
1298	27	Vĩnh Long	Đồng Khởi	Trường THCS Bình Khánh
1299	28	Vĩnh Long	Thành Thới	Trường THCS Thành Thới A
1300	29	Vĩnh Long	Đại Điền	Trường THCS Thới Thạnh
1301	30	Vĩnh Long	xã An Qui	Trường THCS An Thuận
1302	31	Vĩnh Long	Xã Tân Thủy	Trường THCS Trần Hữu Nghiệp
1303	32	Vĩnh Long	Ba Tri	Trường THCS Vĩnh An
1304	33	Vĩnh Long	An Ngãi Trung	Trường THCS Võ Văn Mẫn
1305	34	Vĩnh Long	Xa Giồng Trôm	Trường THCS Bình Thành
1306	35	Vĩnh Long	Lương Phú	Trường THCS Thuận Điền
1307	36	Vĩnh Long	Thạnh Phước	Trường THCS Đỗ Hữu Phương
1308	37	Vĩnh Long	Xã Lộc Thuận	Trường THCS Vang Quới
1309	38	Vĩnh Long	phường Duyên Hải	Trường THCS và THPT Dân Thành
1310	39	Vĩnh Long	phường Phước Hậu	Trường THCS Trần Phú
1311	40	Vĩnh Long	Xã Càng Long	Trường THCS Nhị Long Phú
1312	41	Vĩnh Long	xã Phú Túc	Trường TH-THCS Phan Triêm

33. TP. Cần Thơ (41 trường)

1313	1	TP. Cần Thơ	Phường Ninh Kiều	Trường THCS Trần Hưng Đạo
1314	2	TP. Cần Thơ	Xã Đông Hiệp	Trường THCS Đông Hiệp
1315	3	TP. Cần Thơ	xã Đại Hải	Trường THCS Ba Trinh
1316	4	TP. Cần Thơ	Phường Thốt Nốt	Trường THCS Thới Thuận
1317	5	TP. Cần Thơ	Xã Đông Thuận	Trường THCS Đông Bình
1318	6	TP. Cần Thơ	Phường Bình Thủy	Trường THCS An Thới
1319	7	TP. Cần Thơ	Xã Thạnh Hòa	Trường THCS Long Thạnh
1320	8	TP. Cần Thơ	Xã Tân Thạnh	Trường THCS Tân Thạnh
1321	9	TP. Cần Thơ	Phường Mỹ Xuyên	Trường Phổ thông DTNT THCS Mỹ Xuyên
1322	10	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Năm	Trường THCS Phường Ngã Năm
1323	11	TP. Cần Thơ	Phường Long Bình	Trường THCS Trịnh Văn Thi
1324	12	TP. Cần Thơ	Xã Long Phú	Trường THCS Long Phú
1325	13	TP. Cần Thơ	Xã Tân Long	Trường THCS Thạnh Tân
1326	14	TP. Cần Thơ	Xã Tân Bình	Trường THCS Bình Thành
1327	15	TP. Cần Thơ	xã Hồ Đắc Kịch	Trường TH&THCS Hồ Đắc Kịch
1328	16	TP. Cần Thơ	Xã Thuận Hòa	Trường THCS Thuận Hòa
1329	17	TP. Cần Thơ	Phường Bình Thủy	Trường THCS Bình Thủy
1330	18	TP. Cần Thơ	Xã Tân Hòa	Trường THCS Nhơn Nghĩa A
1331	19	TP. Cần Thơ	Phường Tân Lộc	Trường Tiểu học & THCS Tân Lộc
1332	20	TP. Cần Thơ	Xã Đông Thuận	Trường THCS Đông Thuận
1333	21	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Bảy	Trường THCS Nguyễn Trãi
1334	22	TP. Cần Thơ	xã Đại Ngãi	Trường THCS Long Đức
1335	23	TP. Cần Thơ	Phường Mỹ Xuyên	Trường THCS Mỹ Xuyên
1336	24	TP. Cần Thơ	phường Phú Lợi	Trường Tiểu học và THCS Dục Anh
1337	25	TP. Cần Thơ	Xã Phú Tâm	Trường THCS Vũng Thơm
1338	26	TP. Cần Thơ	Phường Đại Thành	Trường THCS Hiệp Lợi
1339	27	TP. Cần Thơ	Xã Vĩnh Thạnh	Trường THCS Vĩnh Thạnh 2
1340	28	TP. Cần Thơ	Phường Hưng Phú	Trường THCS Hưng Phú

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1341	29	TP. Cần Thơ	Xã Tân Thạnh	Trường THCS Tân Hưng
1342	30	TP. Cần Thơ	Xã An Lạc Thôn	Trường THCS Trinh Phú
1343	31	TP. Cần Thơ	xã Hòa Tú	Trường THCS Hòa Tú 1
1344	32	TP. Cần Thơ	Phường Long Mỹ	Trường THCS Thuận An
1345	33	TP. Cần Thơ	xã Trường Thành	Trường TH và THCS Viện Lúa
1346	34	TP. Cần Thơ	Vĩnh Viễn	Trường THCS Chiêm Thành Tấn
1347	35	TP. Cần Thơ	xã Long Phú	Trường THCS thị trấn Long Phú
1348	36	TP. Cần Thơ	Phường Long Xuyên	Trường THCS Long Hòa
1349	37	TP. Cần Thơ	Phường Vị Tân	Trường THCS Châu Văn Liêm
1350	38	TP. Cần Thơ	Phường Thuận Hưng	Trường THCS Thuận Hưng
1351	39	TP. Cần Thơ	Phường Ô Môn	Trường THCS Nguyễn Trãi
1352	40	TP. Cần Thơ	Phường Hưng Phú	Trường THCS Phú Thứ
1353	41	TP. Cần Thơ	Xã Nhơn Ái	Trường THCS Nhơn Nghĩa
34. Cà Mau (41 trường)				
1354	1	Cà Mau	Phường An Xuyên	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai
1355	2	Cà Mau	Phường Lý Văn Lâm	Trường THCS Lương Thế Vinh
1356	3	Cà Mau	xã Cái Nước	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu
1357	4	Cà Mau	Xã Phong Thạnh	Trường THCS Thạnh Bình
1358	5	Cà Mau	Xã Trần Văn Thời	Trường THCS Trần Văn Thời
1359	6	Cà Mau	Xã Cái Nước	Trường TH&THCS Trần Thới
1360	7	Cà Mau	Phường Bạc Liêu	Trường THCS Trần Văn Ôn
1361	8	Cà Mau	Xã Vĩnh Mỹ	Trường THCS Minh Diệu
1362	9	Cà Mau	Xã Khánh An	Trường THCS Huỳnh Phan Hộ
1363	10	Cà Mau	Xã Vĩnh Hậu	Trường THCS Vĩnh Hậu
1364	11	Cà Mau	Xã Trí Phải	Trường THCS Nguyễn Thiện Thành
1365	12	Cà Mau	xã Khánh Lâm	Trường THCS Lý Tự Trọng
1366	13	Cà Mau	Xã Tạ An Khương	Trường THCS Thới Phong
1367	14	Cà Mau	Vĩnh Mỹ	Trường THCS và THPT Trần Văn Lắm
1368	15	Cà Mau	Phường An Xuyên	Trường THCS An Xuyên 1
1369	16	Cà Mau	Xã Sông Đốc	Trường THCS 2 Sông Đốc
1370	17	Cà Mau	Phú Tân	Trường THCS Phú Tân
1371	18	Cà Mau	Phường Lý Văn Lâm	Trường THCS và THPT Lý Văn Lâm
1372	19	Cà Mau	Phường Tân Thành	Trường THCS Tân Thành
1373	20	Cà Mau	Tân Thành	Trường THCS Võ Thị Sáu
1374	21	Cà Mau	Xã Tân Hưng	Trường TH&THCS Đông Hưng
1375	22	Cà Mau	Xã Hồ Thị Kỳ	Trường THCS Tân Lợi
1376	23	Cà Mau	xã Đầm Dơi	Trường THCS Tân Dân
1377	24	Cà Mau	Phường Bạc Liêu	Trường THCS Võ Thị Sáu
1378	25	Cà Mau	Xã Vĩnh Phước	Trường THCS Phước Long
1379	26	Cà Mau	Xã Phong Hiệp	Trường THCS Phong Thạnh Tây A
1380	27	Cà Mau	xã Nguyễn Phích	Trường THCS Hoàng Xuân Nhị
1381	28	Cà Mau	Xã Đá Bạc	Trường THCS Vô Dơi
1382	29	Cà Mau	Xã Hồng Dân	Trường THCS Nguyễn Du
1383	30	Cà Mau	Xã Tân Thuận	Trường THCS Tân Thuận
1384	31	Cà Mau	Xã Thới Bình	Trường THCS Nguyễn Trung
1385	32	Cà Mau	Xã Vĩnh Lợi	Trường THCS Nguyễn Minh Nhựt
1386	33	Cà Mau	Hòa Bình	Trường PT Dân tộc nội trú Bạc Liêu
1387	34	Cà Mau	Xã U Minh	Trường THCS Nguyễn Trung Trực
1388	35	Cà Mau	Xã Tân Thuận	Trường THCS và THPT Tân Đức
1389	36	Cà Mau	Xã Nguyễn Việt Khái	Trường THCS Rạch Chèo
1390	37	Cà Mau	Xã Tân Lộc	Trường THCS và THPT Tân Lộc
1391	38	Cà Mau	xã Tân Tiến	Trường THCS và THPT Nguyễn Huân
1392	39	Cà Mau	Năm Căn	Trường THCS Hàng Vịnh
1393	40	Cà Mau	Xã Trí Phải	Trường THCS Tân Phú

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PHỤ LỤC 1C

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THAM GIA KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ DIỆN RỘNG QUỐC GIA KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH
LỚP 5, LỚP 9, LỚP 11

(Kèm theo Công văn số 297/QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
A. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Bắc				
I. Vùng trung du và miền núi phía Bắc				
1. Tuyên Quang (41 trường)				
1	1	Tuyên Quang	Kim Bình	Trường THPT Kim Bình
2	2	Tuyên Quang	Chiêm Hóa	Trường THPT Đàm Hồng
3	3	Tuyên Quang	Chiêm Hóa	Trường THPT Chiêm Hóa
4	4	Tuyên Quang	Hàm Yên	Trường PTDTNT THCS&THPT Hàm Yên
5	5	Tuyên Quang	Thái Hòa	Trường THPT Thái Hoà
6	6	Tuyên Quang	Lâm Bình	Trường PTDTNT THCS&THPT Lâm Bình
7	7	Tuyên Quang	Thượng Lâm	Trường THCS&THPT Thượng Lâm
8	8	Tuyên Quang	Nà Hang	Trường PTDTNT THCS&THPT Na Hang
9	9	Tuyên Quang	Đông Thọ	Trường THPT Đông Thọ
10	10	Tuyên Quang	Tân Thành	Trường THCS&THPT Kháng Nhật
11	11	Tuyên Quang	Minh Thanh	Trường THPT ATK Tân Trào
12	12	Tuyên Quang	Sơn Thủy	Trường THPT Sơn Nam
13	13	Tuyên Quang	Bình Thuận	Trường THPT Sông Lô
14	14	Tuyên Quang	Nông Tiến	Trường PTDTNT THPT tỉnh
15	15	Tuyên Quang	Minh Xuân	Trường THPT Ý La
16	16	Tuyên Quang	Minh Xuân	Trường THPT Xuân Huy
17	17	Tuyên Quang	Xuân Vân	Trường THPT Xuân Vân
18	18	Tuyên Quang	Hà Giang 2	Trường PTDTNT THPT Hà Giang
19	19	Tuyên Quang	Bắc Mê	Trường THPT Bắc Mê
20	20	Tuyên Quang	Bắc Quang	Trường THPT Việt Vinh
21	21	Tuyên Quang	Bằng Hành	Trường THPT Kim Ngọc
22	22	Tuyên Quang	Đồng Văn	Trường PTDTNT THCS&THPT Đồng Văn
23	23	Tuyên Quang	Hoàng Su Phì	Trường THPT Hoàng Su Phì
24	24	Tuyên Quang	Hùng An	Trường THPT Hùng An
25	25	Tuyên Quang	Liên Hiệp	Trường THCS&THPT Liên Hiệp
26	26	Tuyên Quang	Mậu Duệ	Trường THPT Mậu Duệ
27	27	Tuyên Quang	Mèo Vạc	Trường PTDTNT THCS&THPT Mèo Vạc
28	28	Tuyên Quang	Ngọc Đường	Trường THPT Ngọc Hà
29	29	Tuyên Quang	Pà Vây Sủ	Trường PTDTNT THCS&THPT Xín Mần
30	30	Tuyên Quang	Quản Bạ	Trường THPT Quyết Tiến
31	31	Tuyên Quang	Quang Bình	Trường THPT Quang Bình
32	32	Tuyên Quang	Tân Quang	Trường THPT Tân Quang
33	33	Tuyên Quang	Thông Nguyên	Trường THCS&THPT Thông Nguyên
34	34	Tuyên Quang	Vị Xuyên	Trường THPT Vị Xuyên
35	35	Tuyên Quang	Vị Xuyên	Trường PTDTNT THCS&THPT Vị Xuyên
36	36	Tuyên Quang	Xuân Giang	Trường THPT Xuân Giang
37	37	Tuyên Quang	Yên Minh	Trường PTDTNT THCS&THPT Yên Minh
38	38	Tuyên Quang	Chiêm Hóa	Trường PTDTNT THCS&THPT Chiêm Hóa
39	39	Tuyên Quang	Nà Hang	Trường THPT Na Hang
40	40	Tuyên Quang	An Tường	Trường THPT Nguyễn Văn Huyền
41	41	Tuyên Quang	Phường Hà Giang 1	Trường THPT Chuyên Hà Giang

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
2. Cao Bằng (30 trường)				
42	1	Cao Bằng	Phường Thục Phán	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng
43	2	Cao Bằng	Xã Huy Giáp	Trường Trung học phổ thông Bản Ngà
44	3	Cao Bằng	Xã Lý Quốc	Trường Trung học phổ thông Bằng Ca
45	4	Cao Bằng	Xã Bảo Lạc	Trường Trung học phổ thông Bảo Lạc
46	5	Cao Bằng	Xã Bảo Lâm	Trường Trung học phổ thông Bảo Lâm
47	6	Cao Bằng	phường Thục Phán	Trường Trung học phổ thông Bé Văn Đàn
48	7	Cao Bằng	Xã Bé Văn Đàn	Trường Trung học phổ thông Cách Linh
49	8	Cao Bằng	Xã Canh Tân	Trường Trung học phổ thông Canh Tân
50	9	Cao Bằng	Phường Thục Phán	Trường Trung học phổ thông Cao Bình
51	10	Cao Bằng	Phường Tân Giang	Trường Trung học phổ thông Chuyên Cao Bằng
52	11	Cao Bằng	Xã Trường Hà	Trường Trung học phổ thông Đàm Quang Trung
53	12	Cao Bằng	Xã Hạnh phúc	Trường Trung học phổ thông Đống Đa
54	13	Cao Bằng	Xã Hạ Lang	Trường Trung học phổ thông Hạ Lang
55	14	Cao Bằng	Xã Hòa An	Trường Trung học phổ thông Hòa An
56	15	Cao Bằng	Xã Lũng Nặm	Trường Trung học phổ thông Lục Khu
57	16	Cao Bằng	Xã Lý Bôn	Trường Trung học phổ thông Lý Bôn
58	17	Cao Bằng	Xã Minh Tâm	Trường Trung học phổ thông Nà Bao
59	18	Cao Bằng	Xã Hà Quảng	Trường Trung học phổ thông Nà Giàng
60	19	Cao Bằng	Xã Nguyên Bình	Trường Trung học phổ thông Nguyên Bình
61	20	Cao Bằng	Xã Phục Hòa	Trường Trung học phổ thông Phục Hòa
62	21	Cao Bằng	Xã Đàm Thủy	Trường Trung học phổ thông Pò Tầu
63	22	Cao Bằng	Xã Quang Trung	Trường Trung học phổ thông Quang Trung
64	23	Cao Bằng	Xã Quảng Uyên	Trường Trung học phổ thông Quảng Uyên
65	24	Cao Bằng	Xã Đông Khê	Trường Trung học phổ thông Thạch An
66	25	Cao Bằng	Phường Nùng Trí Cao	Trường Trung học phổ thông thành phố Cao Bằng
67	26	Cao Bằng	Xã Đoài Dương	Trường Trung học phổ thông Thông Huệ
68	27	Cao Bằng	Xã Thông Nông	Trường Trung học phổ thông Thông Nông
69	28	Cao Bằng	Xã Tĩnh Túc	Trường Trung học phổ thông Tĩnh Túc
70	29	Cao Bằng	Xã Trà Lĩnh	Trường Trung học phổ thông Trà Lĩnh
71	30	Cao Bằng	Xã Trùng Khánh	Trường Trung học phổ thông Trùng Khánh
3. Lai Châu (23 trường)				
72	1	Lai Châu	Phường Tân Phong	Trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Quý Đôn
73	2	Lai Châu	Phường Tân Phong	Trường Trung học phổ thông Chu Văn An
74	3	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường Trung học phổ thông Quyết Thắng
75	4	Lai Châu	Xã Bình Lư	Trường Trung học phổ thông Bình Lư
76	5	Lai Châu	Xã Tân Uyên	Trường Trung học phổ thông Tân Uyên
77	6	Lai Châu	Xã Than Uyên	Trường Trung học phổ thông Than Uyên
78	7	Lai Châu	Xã Mường Than	Trường Trung học phổ thông Mường Than
79	8	Lai Châu	Xã Mường Kim	Trường Trung học phổ thông Mường Kim
80	9	Lai Châu	Xã Phong Thổ	Trường Trung học phổ thông Phong Thổ
81	10	Lai Châu	Xã Dào San	Trường Trung học phổ thông Dào San
82	11	Lai Châu	Xã Sin Hồ	Trường Trung học phổ thông Sin Hồ
83	12	Lai Châu	Xã Nậm Tăm	Trường Trung học phổ thông Nậm Tăm
84	13	Lai Châu	Xã Nậm Hàng	Trường Trung học phổ thông Nậm Nhùn
85	14	Lai Châu	Xã Bum Tở	Trường Trung học phổ thông Mường Tè
86	15	Lai Châu	Xã Thu Lũm	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Ka Lăng
87	16	Lai Châu	Phường Đoàn Kết	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông tỉnh Lai Châu
88	17	Lai Châu	Xã Bình Lư	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Tam Đường
89	18	Lai Châu	Xã Tân Uyên	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Tân Uyên

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
90	19	Lai Châu	Xã Than Uyên	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Than Uyên
91	20	Lai Châu	Xã Sìn Hồ	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Sìn Hồ
92	21	Lai Châu	Xã Phong Thổ	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Phong Thổ
93	22	Lai Châu	Xã Nậm Hàng	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Nậm Nhùn
94	23	Lai Châu	Xã Bum Tờ	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Mường Tè
4. Lào Cai (41 trường)				
95	1	Lào Cai	Xã Gia Phú	Trường THPT số 2 Bảo Thắng
96	2	Lào Cai	Phường Văn Phú	Trường Trung học phổ thông Chuyên Nguyễn Tất Thành
97	3	Lào Cai	Xã Bảo Hà	Trường THPT số 2 Bảo Yên
98	4	Lào Cai	Xã Hạnh Phúc	Trường THPT Trạm Tấu
99	5	Lào Cai	Xã Văn Chấn	Trường THPT Sơn Thịnh
100	6	Lào Cai	Phường Lào Cai	Trường THPT Lào Cai
101	7	Lào Cai	Phường Cam Đường	Trường THPT Chuyên Lào Cai
102	8	Lào Cai	Phường Lào Cai	Trường THPT Lê Hồng Phong
103	9	Lào Cai	Xã Si Ma Cai	Trường THPT số 1 Si ma Cai
104	10	Lào Cai	Xã Bảo Nhai	Trường THPT số 2 Bắc Hà
105	11	Lào Cai	Xã Lục Yên	Trung tâm GDNN-GDTX Lục Yên
106	12	Lào Cai	Xã Si Ma Cai	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Si Ma Cai
107	13	Lào Cai	Phường Sa Pa	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Sa Pa
108	14	Lào Cai	Xã Bảo Thắng	Trường THPT số 1 Bảo Thắng
109	15	Lào Cai	Xã Mường Khương	Trường THPT số 1 Mường Khương
110	16	Lào Cai	Xã Trấn Yên	Trung tâm GDNN-GDTX Trấn Yên
111	17	Lào Cai	Xã Bát Xát	Trường THPT số 2 Bát Xát
112	18	Lào Cai	Phường Sa Pa	Trường THPT Hoàng Liên
113	19	Lào Cai	Xã Bảo Yên	Trung tâm GDNN-GDTX Bảo Yên
114	20	Lào Cai	Phường Âu Lâu	Trường THPT Hoàng Quốc Việt
115	21	Lào Cai	Xã Mậu A	Trường THPT Chu Văn An
116	22	Lào Cai	Xã Đông Cuông	Trường THPT Trần Phú
117	23	Lào Cai	Xã Khánh Hòa	Trường THPT Hồng Quang
118	24	Lào Cai	Xã Si Ma Cai	Trung tâm GDNN-GDTX Si Ma Cai
119	25	Lào Cai	Phường Sa Pa	Trường THPT số 1 Sa Pa
120	26	Lào Cai	Xã Bắc Hà	Trung tâm GDNN-GDTX Bắc Hà
121	27	Lào Cai	Xã Cao Sơn	Trường THPT số 3 Mường Khương
122	28	Lào Cai	Xã Yên Bình	Trung tâm GDNN - GDTX Yên Bình
123	29	Lào Cai	Xã Bát Xát	Trung tâm GDNN - GDTX Bát Xát
124	30	Lào Cai	Xã Sín Sếng	Trường THPT Số 2 Si Ma Cai
125	31	Lào Cai	Xã Bắc Hà	Trường PTDTNT THCS và THPT Bắc Hà
126	32	Lào Cai	Xã Lâm Thượng	Trường THPT Mai Sơn
127	33	Lào Cai	Xã Bắc Hà	Trường THPT số 1 Bắc Hà
128	34	Lào Cai	Phường Cam Đường	Trung tâm GDNN-GDTX Lào Cai - Cam Đường
129	35	Lào Cai	Xã Bảo Yên	Trường THPT số 1 Bảo Yên
130	36	Lào Cai	Xã Văn Bàn	Trường THPT số 1 Văn Bàn
131	37	Lào Cai	Xã Văn Chấn	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Chấn
132	38	Lào Cai	Xã Nghĩa Tâm	Trường THCS&THPT Nghĩa Tâm
133	39	Lào Cai	Xã Văn Phú	Trường PT Dân tộc nội trú THPT Yên Bái
134	40	Lào Cai	Phường Nghĩa Lộ	Trường THPT Nghĩa Lộ
135	41	Lào Cai	Phường Yên Bái	Trung tâm GDTX tỉnh

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
5. Thái Nguyên (41 trường)				
136	1	Thái Nguyên	Yên Trạch	Trường THPT Yên Ninh
137	2	Thái Nguyên	Xã Vạn Phú	Trường THPT Lưu Nhân Chú
138	3	Thái Nguyên	Phường Phổ Yên	Trường THPT Lê Hồng Phong
139	4	Thái Nguyên	Xã Quang Sơn	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
140	5	Thái Nguyên	Võ Nhai	Trường THPT Võ Nhai
141	6	Thái Nguyên	Xã La Hiên	Trường THPT Trần Phú
142	7	Thái Nguyên	phường Sông Công	Trường THPT Sông Công
143	8	Thái Nguyên	An Khánh	Trường THPT Đội Cấn
144	9	Thái Nguyên	Phường Bắc Kạn	Trường THPT Chuyên Bắc Kạn
145	10	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên
146	11	Thái Nguyên	phường Sông Công	Trường THPT Lương Thế Vinh
147	12	Thái Nguyên	Xã Vô Tranh	Trường THPT Túc Tranh
148	13	Thái Nguyên	Xã Chợ Rã	Trường THPT Ba Bể
149	14	Thái Nguyên	Phường Gia Sang	Trường THPT Chu Văn An
150	15	Thái Nguyên	Xã Chợ Mới	Trường THPT Chợ Mới
151	16	Thái Nguyên	Phan Đình Phùng	Trường THPT Thái Nguyên
152	17	Thái Nguyên	Vạn Xuân	Trường THPT Phổ Yên
153	18	Thái Nguyên	Tràng Xá	Trường THPT Hoàng Quốc Việt
154	19	Thái Nguyên	Kha Sơn	Trường THPT Lương Phú
155	20	Thái Nguyên	Phường Tích Lương	Trường THPT Gang Thép
156	21	Thái Nguyên	Phường Tích Lương	Trường PTDTNT THPT Số 1 Thái Nguyên
157	22	Thái Nguyên	Xã Diêm Thụy	Trường THPT Diêm Thụy
158	23	Thái Nguyên	Phú Thịnh	Trường THPT Nguyễn Huệ
159	24	Thái Nguyên	Phú Lương	Trường THPT Phú Lương
160	25	Thái Nguyên	Bắc Kạn	Trường THPT Bắc Kạn
161	26	Thái Nguyên	Phúc Thuận	Trường THPT Bắc Sơn
162	27	Thái Nguyên	Na Rì	Trường THPT Na Rì
163	28	Thái Nguyên	Xã Phú Bình	Trường THPT Phú Bình
164	29	Thái Nguyên	Xã Nà Phặc	Trường THCS và THPT Nà Phặc
165	30	Thái Nguyên	Xã Yên Bình	Trường THCS&THPT Yên Hân
166	31	Thái Nguyên	Xã Đại Phúc	Trường THPT Đại Từ
167	32	Thái Nguyên	Phường Vạn Xuân	Trường THPT Lý Nam Đế
168	33	Thái Nguyên	Phường Phổ Yên	Trường THPT Võ Nguyên Giáp
169	34	Thái Nguyên	Phường Bắc Kạn	Trường PTDTNT THPT Số 2 Thái Nguyên
170	35	Thái Nguyên	Quan Triều	Trường THPT Khánh Hòa
171	36	Thái Nguyên	Phường Linh Sơn	Trường THPT Đồng Hỷ
172	37	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	Trường THPT Đào Duy Từ
173	38	Thái Nguyên	Xã Đồng Phúc	Trường THCS&THPT Quảng Khê
174	39	Thái Nguyên	Xã Trại Cau	Trường THPT Trại Cau
175	40	Thái Nguyên	Phường Quang Vinh	Trường THPT Dương Tự Minh
176	41	Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	Trường THPT Lương Ngọc Quyến
6. Điện Biên (33 trường)				
177	1	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường trung học phổ thông Điện Biên Phủ
178	2	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường trung học phổ thông Phan Đình Giót
179	3	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường trung học phổ thông Chuyên Lê Quý Đôn
180	4	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường THCS và THPT Lương Thế Vinh
181	5	Điện Biên	Nà Tấu	Trường trung học phổ thông Nà Tấu
182	6	Điện Biên	Thanh An	Trường trung học phổ thông Hoàng Công Chất
183	7	Điện Biên	Thanh Nưa	Trường trung học phổ thông Thanh Nưa
184	8	Điện Biên	Thanh Nưa	Trường trung học phổ thông Thanh Chấn
185	9	Điện Biên	Mường Nhà	Trường trung học phổ thông Mường Nhà
186	10	Điện Biên	Na Sơn	Trường trung học phổ thông Trần Can
187	11	Điện Biên	Mường Luân	Trường trung học phổ thông Mường Luân

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
188	12	Điện Biên	Phường Mường Lay	Trường trung học phổ thông Mường Lay
189	13	Điện Biên	Xã Na Sang	Trường THPT Na Sang
190	14	Điện Biên	Mường Nhé	Trường trung học phổ thông Mường Nhé
191	15	Điện Biên	Mường Chà	Trường trung học phổ thông Mường Chà
192	16	Điện Biên	Nà Hỳ	Trường trung học phổ thông Nà Hỳ
193	17	Điện Biên	Mường Ảng	Trường trung học phổ thông Mường Ảng
194	18	Điện Biên	Búng Lao	Trường trung học phổ thông Búng Lao
195	19	Điện Biên	Tuần Giáo	Trường trung học phổ thông Tuần Giáo
196	20	Điện Biên	Mường Mùn	Trường trung học phổ thông Mường Mùn
197	21	Điện Biên	Quài Tở	Trường THCS và THPT Quài Tở
198	22	Điện Biên	Tủa Chùa	Trường trung học phổ thông Tủa Chùa
199	23	Điện Biên	Sín Chải	Trường THCS và THPT Sín Chải
200	24	Điện Biên	Sáng Nhè	Trường THCS và THPT Quyết Tiến
201	25	Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông tỉnh Điện Biên
202	26	Điện Biên	Phường Mường Thanh	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Mường Thanh
203	27	Điện Biên	xã Na Son	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Na Son
204	28	Điện Biên	xã Na Sang	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Na Sang
205	29	Điện Biên	Mường Nhé	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Mường Nhé
206	30	Điện Biên	Tuần Giáo	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Tuần Giáo
207	31	Điện Biên	Tủa Chùa	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Tủa Chùa
208	32	Điện Biên	Mường Ảng	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Mường Ảng
209	33	Điện Biên	Nà Hỳ	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Nà Hỳ
7. Lạng Sơn (37 trường)				
210	1	Lạng Sơn		Trường PT DTNT THCS&THPT Lộc Bình
211	2	Lạng Sơn	xã Bắc Sơn	Trường PT DTNT THCS&THPT Bắc Sơn
212	3	Lạng Sơn	xã Bình Gia	Trường PT DTNT THCS&THPT Bình Gia
213	4	Lạng Sơn	Phường Kỳ Lừa	Trường PT DTNT THCS&THPT Cao Lộc
214	5	Lạng Sơn	Xã Chi Lăng	Trường PT DTNT THCS&THPT Chi Lăng
215	6	Lạng Sơn	xã Đình Lập	Trường PT DTNT THCS&THPT Đình Lập
216	7	Lạng Sơn	xã Hữu Lũng	Trường PT DTNT THCS&THPT Hữu Lũng
217	8	Lạng Sơn	Xã Thất Khê	Trường PT DTNT THCS&THPT Tràng Định
218	9	Lạng Sơn	Xã Na Sầm	Trường PT DTNT THCS&THPT Văn Lãng
219	10	Lạng Sơn	Xã Văn Quan	Trường PT DTNT THCS&THPT Văn Quan
220	11	Lạng Sơn	Xã Quốc Việt	Trường THCS&THPT Bình Độ
221	12	Lạng Sơn	xã Bình Gia	Trường THPT Bình Gia
222	13	Lạng Sơn	Xã Ba Sơn	Trường THPT Ba Sơn
223	14	Lạng Sơn	Xã Bắc Sơn	Trường THPT Bắc Sơn
224	15	Lạng Sơn	Phường Kỳ Lừa	Trường THPT Cao Lộc
225	16	Lạng Sơn	Chi Lăng	Trường THPT Chi Lăng
226	17	Lạng Sơn	Phường Đông Kinh	Trường THPT chuyên Chu Văn An
227	18	Lạng Sơn	xã Đình Lập	Trường THPT Đình Lập
228	19	Lạng Sơn	Xã Chi lăng	Trường THPT Đồng Bành
229	20	Lạng Sơn	Xã Đồng Đăng	Trường THPT Đồng Đăng
230	21	Lạng Sơn	Phường Đông Kinh	Trường THPT DTNT tỉnh
231	22	Lạng Sơn	Xã Vạn Linh	Trường THPT Hòa Bình

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
232	23	Lạng Sơn	Phường Lương Văn Tri	Trường THPT Hoàng Văn Thụ
233	24	Lạng Sơn	Hội Hoan	Trường THPT Hội Hoan
234	25	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Trường THPT Hữu Lũng
235	26	Lạng Sơn	Xã Lộc Bình	Trường THPT Lộc Bình
236	27	Lạng Sơn	Xã Văn Quan	Trường THPT Lương Văn Tri
237	28	Lạng Sơn	Xã Na Dương	Trường THPT Na Dương
238	29	Lạng Sơn	Thiện Thuật	Trường THPT Pác Khuông
239	30	Lạng Sơn	Tân Thành	Trường THPT Tân Thành
240	31	Lạng Sơn	Xã Thất Khê	Trường THPT Tràng Định
241	32	Lạng Sơn	Na Dương	Trường THPT Tú Đoạn
242	33	Lạng Sơn	Na Sầm	Trường THPT Văn Lãng
243	34	Lạng Sơn	Vân Nham	Trường THPT Vân Nham
244	35	Lạng Sơn	Điểm He	Trường THPT Văn Quan
245	36	Lạng Sơn	Đông Kinh	Trường THPT Việt Bắc
246	37	Lạng Sơn	xã Vũ Lễ	Trường THPT Vũ Lễ

8. Sơn La (41 trường)

247	1	Sơn La	Phường Chiềng Sinh	Trường THPT Chiềng Sinh
248	2	Sơn La	Phường Chiềng Sinh	Trường THPT Chuyên Sơn La
249	3	Sơn La	Phường Mộc Sơn	Trường PTDTNT THCS&THPT Mộc Châu
250	4	Sơn La	Phường Mộc Sơn	Trường THPT Mộc Ly
251	5	Sơn La	Phường Mộc Sơn	Trung tâm GDTX Mộc Châu
252	6	Sơn La	Phường Tô Hiệu	Trường TH, THCS&THPT Chu Văn An
253	7	Sơn La	Phường Tô Hiệu	Trường THPT Tô Hiệu
254	8	Sơn La	Phường Tô Hiệu	Trung tâm GDTX Tỉnh Sơn La
255	9	Sơn La	Phường Vân Sơn	Trường THPT Thảo Nguyên
256	10	Sơn La	Xã Bắc Yên	Trường PTDTNT THCS&THPT Bắc Yên
257	11	Sơn La	Xã Bắc Yên	Trường THPT Bắc Yên
258	12	Sơn La	Xã Bắc Yên	Trường Trung tâm GDTX Bắc Yên
259	13	Sơn La	Xã Bình Thuận	Trường THPT Bình Thuận
260	14	Sơn La	Xã Co Mạ	Trường THPT Co Mạ
261	15	Sơn La	Xã Chiềng Khương	Trường THPT Chiềng Khương
262	16	Sơn La	Xã Chiềng Mai	Trường THPT Chu Văn Thỉnh
263	17	Sơn La	Xã Chiềng Sơn	Trường THCS&THPT Chiềng Sơn
264	18	Sơn La	Xã Gia Phù	Trường THPT Gia Phù
265	19	Sơn La	Xã Mai Sơn	Trường PTDTNT THCS&THPT Mai Sơn
266	20	Sơn La	Xã Mai Sơn	Trường THPT Cò Nòi
267	21	Sơn La	Xã Mai Sơn	Trường THPT Mai Sơn
268	22	Sơn La	Xã Mai Sơn	Trường Trung tâm GDTX Mai Sơn
269	23	Sơn La	Xã Mường Bú	Trường THPT Mường Bú
270	24	Sơn La	Xã Mường Cơi	Trường THPT Tân Lang
271	25	Sơn La	Xã Mường Giôn	Trường THPT Mường Giôn
272	26	Sơn La	Xã Mường La	Trường PTDTNT THCS&THPT Mường La
273	27	Sơn La	Xã Mường La	Trường THPT Mường La
274	28	Sơn La	Xã Mường La	Trung tâm GDTX Mường La
275	29	Sơn La	Xã Mường Lầm	Trường THPT Mường Lầm
276	30	Sơn La	Xã Phiêng Khoài	Trường THPT Phiêng Khoài
277	31	Sơn La	Xã Phù Yên	Trường PTDTNT THCS&THPT Phù Yên
278	32	Sơn La	Xã Phù Yên	Trường THPT Phù Yên
279	33	Sơn La	Xã Phù Yên	Trung tâm GDTX Phù Yên
280	34	Sơn La	Xã Quỳnh Nhai	Trường PTDTNT THCS&THPT Quỳnh Nhai
281	35	Sơn La	Xã Quỳnh Nhai	Trường THPT Quỳnh Nhai
282	36	Sơn La	Xã Quỳnh Nhai	Trung tâm GDTX Quỳnh Nhai
283	37	Sơn La	Xã Sông Mã	Trường PTDTNT THCS&THPT Sông Mã
284	38	Sơn La	Xã Sông Mã	Trường THPT Sông Mã

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
285	39	Son La	Xã Sông Mã	Trung tâm GDTX Sông Mã
286	40	Son La	Xã Sốp Cộp	Trường PTDTNT THCS&THPT Sốp Cộp
287	41	Son La	Xã Sốp Cộp	Trường THPT Sốp Cộp
9. Phú Thọ (41 trường)				
288	1	Phú Thọ	An nghĩa	Trường THPT Lạc Thủy B
289	2	Phú Thọ	Nật Sơn	Trường THPT Bắc Sơn
290	3	Phú Thọ	Hợp Kim	Trường THPT Sào Báy
291	4	Phú Thọ	Ngọc Sơn	Trường PT DTNT THCS&THPT Ngọc Sơn
292	5	Phú Thọ	Lạc Sơn	Trường PT DTNT THCS&THPT Lạc Sơn
293	6	Phú Thọ	Lạc Thủy	Trường THPT Lạc Thủy
294	7	Phú Thọ	Pà Cò	Trường PT DTNT THCS&THPT B Mai Châu
295	8	Phú Thọ	Đà Bắc	Trường THPT Đà Bắc
296	9	Phú Thọ	Kim Bôi	Trường THPT Kim Bôi
297	10	Phú Thọ	An Bình	Trường THPT Lạc Thủy C
298	11	Phú Thọ	Bao La	Trường THPT Mai Châu B
299	12	Phú Thọ	Phường Thống Nhất	Trường THPT Ngô Quyền
300	13	Phú Thọ	Mường Thàng	Trường THPT Thạch Yên
301	14	Phú Thọ	Lạc Lương	Trường THPT Yên Thủy B
302	15	Phú Thọ	Mình Đài	Trường THPT Minh Đài
303	16	Phú Thọ	Thanh Thủy	Trường THPT Thanh Thủy
304	17	Phú Thọ	P. Vân Phú	Trường THPT Kỹ Thuật Việt Trì
305	18	Phú Thọ	Tân Sơn	Trường THPT Tân Sơn
306	19	Phú Thọ	P. Thanh Miếu	Trường THPT CN VIỆT TRÌ
307	20	Phú Thọ	Minh Hòa	Trường THPT Minh Hòa
308	21	Phú Thọ	Hoàng Cương	Trường THPT Thanh Ba
309	22	Phú Thọ	Cẩm Khê	Trường THPT Cẩm Khê
310	23	Phú Thọ	Tây Cốc	Trường THPT Quế Lâm
311	24	Phú Thọ	Tu Vũ	Trường THPT Trung Nghĩa
312	25	Phú Thọ	P. Việt Trì	Trường Phổ thông HERMANN
313	26	Phú Thọ	P. Thanh Miếu	Trường THPT Trần Phú - Việt Trì
314	27	Phú Thọ	Chân Mộng	Trường THPT Chân Mộng
315	28	Phú Thọ	Trạm Thán	Trường THPT Trung Giáp
316	29	Phú Thọ	Cẩm Khê	Trường THPT Sông Thao
317	30	Phú Thọ	Việt Trì	Trường THPT Nguyễn Tất Thành
318	31	Phú Thọ	P. Việt Trì	Trường THPT Vũ Thê Lang
319	32	Phú Thọ	Vĩnh Hưng	Trường THPT Nguyễn Viết Xuân
320	33	Phú Thọ	Lập Thạch	Trường THPT Ngô Gia Tự
321	34	Phú Thọ	Sơn Đông	Trường THPT Trần Nguyên Hãn
322	35	Phú Thọ	Vĩnh Tường	Trường THPT Lê Xoay
323	36	Phú Thọ	Tam Dương Bắc	Trường THPT Tam Đảo
324	37	Phú Thọ	Tam Dương	Trường THPT Trần Hưng Đạo
325	38	Phú Thọ	P. Vĩnh Yên	Trường THPT Vĩnh Yên
326	39	Phú Thọ	Nguyệt Đức	Trường THPT Phạm Công Bình
327	40	Phú Thọ	P. Phúc Yên	Trường THPT Bến Tre
328	41	Phú Thọ	Sông Lô	Trường THPT Sông Lô
II. Vùng đồng bằng sông Hồng				
10. Bắc Ninh (41 trường)				
329	1	Bắc Ninh	Nhân Thắng	Trường THPT Gia Bình số 1
330	2	Bắc Ninh	Trung Kênh	Trường THPT Lương Tài số 2
331	3	Bắc Ninh	Yên Thế	Trường THPT Yên Thế
332	4	Bắc Ninh	Đa Mai	Trường THPT Giáp Hải
333	5	Bắc Ninh	Bắc Giang	Trường THPT Ngô Sĩ Liên
334	6	Bắc Ninh	Trí Quả	Trường THPT Thuận Thành số 2
335	7	Bắc Ninh	Kiên Lao	Trường DTNT THCS và THPT Nguyễn Tất Thành

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
336	8	Bắc Ninh	Lạng Giang	Trung tâm GDNN-GDTX Lạng Giang
337	9	Bắc Ninh	Đào Viên	Trường THPT Trần Hưng Đạo
338	10	Bắc Ninh	Cảnh Thụy	Trường THPT Quang Trung
339	11	Bắc Ninh	Tiên Du	Trường THPT Nguyễn Đăng Đạo
340	12	Bắc Ninh	Tiên Du	Trung tâm GDNN-GDTX Tiên Du
341	13	Bắc Ninh	Phường Kinh Bắc	Trường PTLC Lương thế Vinh
342	14	Bắc Ninh	Bồ Hạ	Trường THPT Bồ Hạ
343	15	Bắc Ninh	Vũ Ninh	Trường THPT Hoàng Quốc Việt
344	16	Bắc Ninh	Việt Yên	Trung tâm GDNN-GDTX Việt Yên
345	17	Bắc Ninh	Bắc Giang	Trường PTDTNT tỉnh Bắc Ninh
346	18	Bắc Ninh	Nénh	Trường TH, THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm
347	19	Bắc Ninh	Sơn Động	Trường PTDTNT Sơn Động
348	20	Bắc Ninh	Kinh Bắc	Trường PTLC Đào Duy Từ
349	21	Bắc Ninh	Sơn Động	Trường THPT Sơn Động số 1
350	22	Bắc Ninh	Tam Sơn	Trường THPT Ngô Gia Tự
351	23	Bắc Ninh	Yên Phong	Trường THPT Nguyễn Trãi
352	24	Bắc Ninh	Phượng Sơn	Trường THPT Phượng Sơn
353	25	Bắc Ninh	Xuân Cầm	Trường THPT Hiệp Hoà số 6
354	26	Bắc Ninh	Yên Trung	Trường THPT Yên Phong số 2
355	27	Bắc Ninh	Hoàng Vân	Trường THPT Hiệp Hoà số 4
356	28	Bắc Ninh	Thuận Thành	Trường THPT Thuận Thành số 1
357	29	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Trường THPT Thân Nhân Trung
358	30	Bắc Ninh	Võ Cường	Trường Phổ thông có nhiều cấp học tư thục Quốc tế Kinh Bắc
359	31	Bắc Ninh	Từ Sơn	Trường PTLC Lý Công Uẩn
360	32	Bắc Ninh	Trường Sơn	Trường THPT Từ Sơn
361	33	Bắc Ninh	xã Yên Phong	Trường THPT Yên Phong số 1
362	34	Bắc Ninh	xã Yên Phong	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Phong
363	35	Bắc Ninh	P. Đa Mai	Trường TH, THCS & THPT ICOSCHOOL
364	36	Bắc Ninh	P. Bồng Lai	Trường THPT Quế Võ số 3
365	37	Bắc Ninh	Võ Cường	Trường THPT Nguyễn Du
366	38	Bắc Ninh	Yên Định	Trường THPT Sơn Động số 2
367	39	Bắc Ninh	P. Việt Yên	Trường THPT Việt Yên số 1
368	40	Bắc Ninh	Nam Sơn	Trường PTLC Chu Văn An
369	41	Bắc Ninh	Bảo Đài	Trường THPT Thanh Lâm
11. Quảng Ninh (41 trường)				
370	1	Quảng Ninh	Xã Quảng Hà	Trường THPT Quảng Hà
371	2	Quảng Ninh	Phường Móng Cái	Trường THCS và THPT Chu Văn An
372	3	Quảng Ninh	Xã Tiên Yên	Trường THCS và THPT Tiên Yên
373	4	Quảng Ninh	Phường Uông Bí	Trường THPT Uông Bí
374	5	Quảng Ninh	Phường Uông Bí	Trường THPT Hồng Đức
375	6	Quảng Ninh	Phường Đông Mai	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
376	7	Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy	Trường THPT Bãi Cháy
377	8	Quảng Ninh	Phường Hà Tu	Trường THPT Vũ Văn Hiếu
378	9	Quảng Ninh	Phường Cao Xanh	Trường THPT Ngô Quyền
379	10	Quảng Ninh	Phường Cao Xanh	Trường THPT Hạ Long
380	11	Quảng Ninh	Phường Hạ Long	Trường TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông
381	12	Quảng Ninh	Phường Đông	Trường THPT Đông Triều
382	13	Quảng Ninh	Phường Đông Triều	Trường THPT Lê Chân
383	14	Quảng Ninh	Phường Mạo Khê	Trường THPT Hoàng Quốc Việt
384	15	Quảng Ninh	Phường Hoàng	Trường THPT Hoàng Hoa Thám
385	16	Quảng Ninh	Phường Mạo Khê	Trường THPT Trần Nhân Tông
386	17	Quảng Ninh	Xã Tiên Yên	Trường THPT Nguyễn Trãi
387	18	Quảng Ninh	Phường Mông Dương	Trường THPT Mông Dương

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
388	19	Quảng Ninh	Phường Cửa Ông	Trường THPT Cửa Ông
389	20	Quảng Ninh	Phường Cẩm Phả	Trường THPT Cẩm Phả
390	21	Quảng Ninh	Phường Quang Hanh	Trường THPT Lê Quý Đôn
391	22	Quảng Ninh	Phường Cẩm Phả	Trường THPT Lương Thế Vinh
392	23	Quảng Ninh	Phường Phong Cốc	Trường THPT Minh Hà
393	24	Quảng Ninh	Phường Quảng	Trường THPT Bạch Đằng
394	25	Quảng Ninh	Phường Đông Mai	Trường THPT Đông Thành
395	26	Quảng Ninh	Phường Quảng Yên	Trường TH, THCS và THPT Yên Hưng
396	27	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Trường THPT Hải Đảo
397	28	Quảng Ninh	Phường Vàng Danh	Trường THPT Hoàng Văn Thụ
398	29	Quảng Ninh	Xã Ba Chẽ	Trường THPT Ba Chẽ
399	30	Quảng Ninh	Đặc khu Cô Tô	Trường THPT Cô Tô
400	31	Quảng Ninh	Xã Hải Ninh	Trường THPT Lý Thường Kiệt
401	32	Quảng Ninh	Phường Liên Hòa	Trường THPT Ngô Gia Tự
402	33	Quảng Ninh	Xã Thống Nhất	Trường THPT Thống Nhất
403	34	Quảng Ninh	Phường Cửa Ông	Trường THPT Hùng Vương
404	35	Quảng Ninh	Xã Quảng Hà	Trường THPT Nguyễn Du
405	36	Quảng Ninh	Phường Yên Tử	Trường THPT Nguyễn Tất Thành
406	37	Quảng Ninh	Phường Hạ Long	Trường THPT Hòn Gai
407	38	Quảng Ninh	Phường Đông Triều	Trường THPT Nguyễn Bình
408	39	Quảng Ninh	Xã Đông Ngũ	Trường THCS và THPT Hải Đông
409	40	Quảng Ninh	Xã Quảng La	Trường THCS và THPT Quảng La
410	41	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Trường THCS và THPT Quan Lạn
12. TP. Hà Nội (41 trường)				
411	1	TP. Hà Nội	Xã Trần Phú	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi
412	2	TP. Hà Nội	Phường Khương Đình	Trường THPT Khương Đình
413	3	TP. Hà Nội	Phường Ngọc Hà	Trường THPT Hoàng Long
414	4	TP. Hà Nội	Phường Phú Thượng	Trường THPT Hà Nội Academy
415	5	TP. Hà Nội	Phường Bồ Đề	Trường THPT Tây Sơn
416	6	TP. Hà Nội	Phường Nghĩa Đô	Trường THPT Cầu Giấy
417	7	TP. Hà Nội	Phường Phú Diễn	Trường PTDL Hermann Gmeiner
418	8	TP. Hà Nội	Phường Đồng Đa	Trường THPT Lê Quý Đôn - Đồng Đa
419	9	TP. Hà Nội	Phường Bạch Mai	Trường THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng
420	10	TP. Hà Nội	Phường Hồng Hà	Trường THPT Hồng Hà
421	11	TP. Hà Nội	Phường Hoàng Mai	Trường THPT Trần Quang Khải
422	12	TP. Hà Nội	Phường Láng	Trường THCS&THPT Alfred Nobel
423	13	TP. Hà Nội	Xã Đa Phúc	Trường THPT Xuân Giang
424	14	TP. Hà Nội	Xã Thiên Lộc	Trường THPT Bắc Thăng Long
425	15	TP. Hà Nội	Xã Phúc Thịnh	Trường THPT Phạm Ngũ Lão
426	16	TP. Hà Nội	Xã Gia Lâm	Trường THPT Lý Thánh Tông
427	17	TP. Hà Nội	Phường Tây Mỗ	Trường THPT Phạm Văn Đồng
428	18	TP. Hà Nội	Phường Xuân Phương	Trường THPT Xuân Phương
429	19	TP. Hà Nội	Phường Đại Mỗ	Trường THPT Olympia
430	20	TP. Hà Nội	Xã Nam Phú	Trường THPT Đông Mỹ
431	21	TP. Hà Nội	Xã Tiến Thắng	Trường THPT Tự Lập
432	22	TP. Hà Nội	Phường Hà Đông	Trường THPT Lê Lợi
433	23	TP. Hà Nội	Xã Suối Hai	Trường THPT Ba Vì
434	24	TP. Hà Nội	Xã Phúc Lộc	Trường THPT Phúc Thọ
435	25	TP. Hà Nội	Xã Dương Hòa	Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức
436	26	TP. Hà Nội	Xã Quốc Oai	Trường THPT Phan Huy Chú Quốc Oai
437	27	TP. Hà Nội	Xã Quảng Bị	Trường THPT Chúc Động
438	28	TP. Hà Nội	Phường Dương Nội	Trường THPT Lômônôxốp Tây Hà Nội
439	29	TP. Hà Nội	Xã Tam Hưng	Trường THPT Thanh Xuân
440	30	TP. Hà Nội	Xã Đại Xuyên	Trường THPT Phú Xuyên B

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
441	31	TP. Hà Nội	Xã Mỹ Đức	Trường THPT Hợp Thanh
442	32	TP. Hà Nội	Xã Ngọc Hồi	Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh
443	33	TP. Hà Nội	Phường Yên Hòa	Trường THCS và THPT Lương Thế Vinh
444	34	TP. Hà Nội	Xã Đông Anh	Trường THPT Cổ Loa
445	35	TP. Hà Nội	Phường Từ Liêm	Trường THCS & THPT M.V. Lô-mô-nô-xốp
446	36	TP. Hà Nội	Phường Hà Đông	Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông
447	37	TP. Hà Nội	Xã Ô Diên	Trường THPT Hồng Thái
448	38	TP. Hà Nội	Xã Chương Dương	Trường THPT Tô Hiệu - Thường Tín
449	39	TP. Hà Nội	Phường Trương Mai	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
450	40	TP. Hà Nội	Phường Từ Liêm	Trường THCS&THPT Marie Curie
451	41	TP. Hà Nội	Xã Trung Giã	Trường THCS&THPT Marie Curie
13. TP. Hải Phòng (41 trường)				
452	1	TP. Hải Phòng	Phường Hải Dương	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ
453	2	TP. Hải Phòng	Phường Chu Văn An	Trường THPT Trần Phú
454	3	TP. Hải Phòng	Xã Nam Sách	Trường THPT Nam Sách II
455	4	TP. Hải Phòng	Xã Thanh Hà	Trường THPT Thanh Hà
456	5	TP. Hải Phòng	Phường Kinh Môn	Trường THPT Kinh Môn
457	6	TP. Hải Phòng	Xã Kim Thành	Trường THPT Kim Thành
458	7	TP. Hải Phòng	Xã Gia Phúc	Trường THPT Đoàn Thượng
459	8	TP. Hải Phòng	Xã Cầu Xe	Trường THPT Cầu Xe
460	9	TP. Hải Phòng	Xã Tuệ Tĩnh	Trường THPT Tuệ Tĩnh
461	10	TP. Hải Phòng	Xã Kê Sặt	Trường THPT Kê Sặt
462	11	TP. Hải Phòng	xã Bắc Thanh Miện	Trường THPT Thanh Miện II
463	12	TP. Hải Phòng	Xã Hồng Châu	Trường THPT Quang Trung - Ninh Giang
464	13	TP. Hải Phòng	Phường Nguyễn Trãi	Trường THPT Bến Tắm
465	14	TP. Hải Phòng	Phường An Dương	Trường THPT An Dương
466	15	TP. Hải Phòng	Đặc khu Cát Hải	Trường THPT Cát Bà
467	16	TP. Hải Phòng	Phường Đồ Sơn	Trường THPT Đồ Sơn
468	17	TP. Hải Phòng	Kiến Thụy	Trường THPT Kiến Thụy
469	18	TP. Hải Phòng	Xã Việt Khê	Trường THPT Lê Ích Mộc
470	19	TP. Hải Phòng	Hung Đạo	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi
471	20	TP. Hải Phòng	Xã Kiến Hải	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh
472	21	TP. Hải Phòng	Phường Kiến An	Trường THPT Đồng Hoà
473	22	TP. Hải Phòng	Xã Tiên Lãng	Trường THPT Tiên Lãng
474	23	TP. Hải Phòng	Xã An Hưng	Trường THPT Trần Hưng Đạo
475	24	TP. Hải Phòng	Xã An Quang	Trường THPT Quốc Tuấn
476	25	TP. Hải Phòng	Đồ Sơn	Trường THCS-THPT Lý Thánh Tông
477	26	TP. Hải Phòng	Phường Thủy Nguyên	Trường THPT Thủy Sơn
478	27	TP. Hải Phòng	Xã Trần Phú	Trường THPT chuyên Trần Phú
479	28	TP. Hải Phòng	Phường Nhị Chiểu	Trường THPT Trần Quang Khải
480	29	TP. Hải Phòng	Xã Kỳ II	Trường THPT Tứ Kỳ II
481	30	TP. Hải Phòng	xã Nam Sách	Trường THPT Phan Bội Châu
482	31	TP. Hải Phòng	Phường Thạch Khôi	Trường TH-THCS-THPT Hưng Phát
483	32	TP. Hải Phòng	Phường Hải Dương	Trường THCS-THPT Marie Curie
484	33	TP. Hải Phòng	Phường Tứ Minh	Trường THPT Sao Đỏ
485	34	TP. Hải Phòng	Phường An Biên	Trường TH-THCS-THPT Lý Thái Tổ
486	35	TP. Hải Phòng	Phường An Dương	Trường THPT Tân An
487	36	TP. Hải Phòng	Xã Hàng Hải	Trường THPT Hàng Hải
488	37	TP. Hải Phòng	phường Ngô Quyền	Trường PT Anhtan
489	38	TP. Hải Phòng	Xã Chu Trinh	Trường THPT Phan Chu Trinh
490	39	TP. Hải Phòng	Phường Hồng Bàng	Trường THPT Lương Khánh Thiện
491	40	TP. Hải Phòng	Phường Lê Ích Mộc	Trường THPT Quảng Thanh
492	41	TP. Hải Phòng	Phường Lê Chân	Trường THPT Hữu nghị Quốc tế
14. Hưng Yên (41 trường)				

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
493	1	Hung Yên	Xã Phụ Dực	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
494	2	Hung Yên	Xã Tiên Hải	Trường THPT Hoàng Văn Thái
495	3	Hung Yên	Xã Khoái Châu	Trường THPT Nguyễn Siêu
496	4	Hung Yên	Phường Trần Lâm	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh
497	5	Hung Yên	Xã Việt Yên	Trường THPT Triệu Quang Phục
498	6	Hung Yên	Xã Hưng Hà	Trường THPT Bắc Duyên Hà
499	7	Hung Yên	Phường Phố Hiến	Trường THPT Tô Hiệu
500	8	Hung Yên	Xã Ân Thi	Trường THPT Phạm Ngũ Lão
501	9	Hung Yên	Xã Mỹ Sở	Trường THPT Nguyễn Công Hoan
502	10	Hung Yên	Xã Thái Thụy	Trường THPT Diêm Điền
503	11	Hung Yên	xã Tiên Lữ	Trường THCS và THPT Hoàng Hoa Thám
504	12	Hung Yên	Xã Thái Ninh	Trường THPT Thái Ninh
505	13	Hung Yên	Xã Đông Tiên Hải	Trường THPT Đông Tiên Hải
506	14	Hung Yên	Phường Phố Hiến	Trường THPT Chuyên Hưng Yên
507	15	Hung Yên	Xã Nghĩa Trụ	Trường Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vinschool Ocean Park 2
508	16	Hung Yên	Xã Hoàng Hoa Thám	Trường THPT Tiên Lữ
509	17	Hung Yên	Xã Quỳnh Phụ	Trường THPT Nguyễn Huệ
510	18	Hung Yên	Xã Thụy Anh	Trường THPT Tây Thụy Anh
511	19	Hung Yên	Xã Hồ Tùng Mậu	Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn
512	20	Hung Yên	Xã Long Hưng	Trường THPT Hưng Nhân
513	21	Hung Yên	Xã Khoái Châu	Trường THPT Khoái Châu
514	22	Hung Yên	Xã Việt Yên	Trường THPT Minh Châu
515	23	Hung Yên	Xã Thư Trì	Trường THPT Lý Bôn
516	24	Hung Yên	xã Thái Thụy	Trường THPT Đông Thụy Anh
517	25	Hung Yên	Phường Mỹ Hào	Trường Tiểu học, THCS và THPT Hồng Đức
518	26	Hung Yên	Xã Lương Bằng	Trường THPT Kim Động
519	27	Hung Yên	Xã Phụng Công	Trường THPT Văn Giang
520	28	Hung Yên	Xã Phụ Dực	Trường THPT Phụ Dực
521	29	Hung Yên	Xã Hồng Minh	Trường THPT Nam Duyên Hà
522	30	Hung Yên	Xã Long Hưng	Trường THPT Trần Thị Dung
523	31	Hung Yên	Xã Minh Thọ	Trường THPT Quỳnh Thọ
524	32	Hung Yên	Xã Đông Quan	Trường THPT Nam Đông Quan
525	33	Hung Yên	Xã Hoàng Hoa Thám	Trường THPT Ngô Quyền
526	34	Hung Yên	Xã Thư Vũ	Trường THPT Vũ Tiên
527	35	Hung Yên	Xã Bình Thanh	Trường THPT Bình Thanh
528	36	Hung Yên	Xã Ân Thi	Trường THPT Ân Thi
529	37	Hung Yên	Xã Đại Đồng	Trường THPT Nguyễn Tất Thành
530	38	Hung Yên	Xã Yên Mỹ	Trường THPT Hồng Bằng
531	39	Hung Yên	Xã Lạc Đạo	Trường THPT Hùng Vương
532	40	Hung Yên	Xã Lạc Đạo	Trường THPT Văn Lâm
533	41	Hung Yên	Xã Quỳnh Phụ	Trường THPT Quỳnh Côi
15. Ninh Bình (41 trường)				
534	1	Ninh Bình	Nam Lý	Trường THPT Nam Lý
535	2	Ninh Bình	Nguyễn Úy	Trường THPT B Kim Bảng
536	3	Ninh Bình	Thiên Trường	Trường THPT Trần Văn Lan
537	4	Ninh Bình	Giao Hòa	Trường THPT Giao Thủy C
538	5	Ninh Bình	Hoa Lư	Trường THPT Ninh Bình - Bạc Liêu
539	6	Ninh Bình	Gia Vân	Trường THPT Gia Viễn B
540	7	Ninh Bình	Trường Thi	Trường THPT Ngô Quyền
541	8	Ninh Bình	Phủ Lý	Trường THPT chuyên Biên Hòa
542	9	Ninh Bình	Nam Định	Trường THPT Trần Nhật Duật
543	10	Ninh Bình	Đông Văn	Trường THPT B Duy Tiên
544	11	Ninh Bình	Yên Đổng	Trường THPT Đại An

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
545	12	Ninh Bình	Bình Lục	Trường THPT C Bình Lục
546	13	Ninh Bình	Phủ Lý	Trường THPT B Phủ Lý
547	14	Ninh Bình	Phủ Vân	Trường THPT A Phủ Lý
548	15	Ninh Bình	Nam Định	Trường THPT B Nguyễn Huệ
549	16	Ninh Bình	Yên Thắng	Trường THPT Yên Mô A
550	17	Ninh Bình	Nam Định	Trường THPT B Nguyễn Khuyến
551	18	Ninh Bình	Lý Thường Kiệt	Trường THPT Lý Thường Kiệt
552	19	Ninh Bình	Bình Minh	Trường THPT Bình Minh
553	20	Ninh Bình	Kim Sơn	Trường THPT Kim Sơn B
554	21	Ninh Bình	Tam Điệp	Trường THPT A Nguyễn Huệ
555	22	Ninh Bình	Trường Thi	Trường THPT Nguyễn Đức Thuận
556	23	Ninh Bình	Hải Tiến	Trường THPT C Hải Hậu
557	24	Ninh Bình	Tây Hoa Lu	Trường THPT Gia Viễn C
558	25	Ninh Bình	Xã Nho Quan	Trường THPT Nho Quan B
559	26	Ninh Bình	Xã Yên Mô	Trường THPT Tạ Uyên
560	27	Ninh Bình	Xã Nghĩa Hưng	Trường THPT A Nghĩa Hưng
561	28	Ninh Bình	xã Yên Cường	Trường THPT Phạm Văn Nghị
562	29	Ninh Bình	Phường Nam Định	Trường THPT A Trần Hưng Đạo
563	30	Ninh Bình	Hải An	Trường THPT An Phúc
564	31	Ninh Bình	Phường Hoa Lu	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy
565	32	Ninh Bình	Hải Anh	Trường THPT Vũ Văn Hiếu
566	33	Ninh Bình	Tân Thanh	Trường THPT C Thanh Liêm
567	34	Ninh Bình	Nhân Hà	Trường THPT Nam Cao
568	35	Ninh Bình	Vĩnh Trụ	Trường THPT Lý Nhân
569	36	Ninh Bình	Phường Lê Hồ	Trường THPT C Kim Bảng
570	37	Ninh Bình	Phường Phủ Lý	Trường THCS&THPT Mensa
571	38	Ninh Bình	Xã Lai Thành	Trường THPT Kim Sơn C
572	39	Ninh Bình	CỔ LỄ	Trường THPT Lê Quý Đôn
573	40	Ninh Bình	Bình Giang	Trường THPT B Bình Lục
574	41	Ninh Bình	Nam Hoa Lu	Trường THPT B Trần Hưng Đạo

(Tổng số 574 trường của 15 tỉnh/thành phố khu vực miền Bắc)

B. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Trung

III. Vùng Bắc Trung Bộ

16. Thanh Hóa (41 trường)

575	1	Thanh Hóa	Phường Bim Sơn	Trường THPT Bim Sơn
576	2	Thanh Hóa	Phường Đông Quang	Trường THPT Đông Sơn 2
577	3	Thanh Hóa	Phường Đông Sơn	Trường THPT Đông Sơn 1
578	4	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường TH, THCS&THPT Hồng Đức
579	5	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường THPT Dân Tộc Nội Trú Thanh Hóa
580	6	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường THPT Hàm Rồng
581	7	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường THPT Tô Hiến Thành
582	8	Thanh Hóa	Phường Nam Sầm Sơn	Trường THPT Chu Văn An
583	9	Thanh Hóa	Phường Quảng Phú	Trường TH, THCS&THPT FPT
584	10	Thanh Hóa	Phường Sầm Sơn	Trường THPT Nguyễn Thị Lợi
585	11	Thanh Hóa	Phường Tĩnh Gia	Trường THPT Tĩnh Gia 1
586	12	Thanh Hóa	Xã Cẩm Tân	Trường THPT Cẩm Thủy 2
587	13	Thanh Hóa	Xã Công Chính	Trường THPT Nông Công 3
588	14	Thanh Hóa	Xã Hà Trung	Trường THPT Hoàng Lê Kha
589	15	Thanh Hóa	Xã Hoạt Giang	Trường THPT Hà Trung
590	16	Thanh Hóa	Xã Hoàng Phú	Trường THPT Hoàng Hóa 2
591	17	Thanh Hóa	Xã Hồ Vương	Trường THPT Mai Anh Tuấn
592	18	Thanh Hóa	Xã Kiên Thọ	Trường THPT Lê Lai
593	19	Thanh Hóa	Xã Lam Sơn	Trường THPT Thọ Xuân 5
594	20	Thanh Hóa	Xã Lưu Vệ	Trường TH, THCS&THPT Nobel School III

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
595	21	Thanh Hóa	Xã Mường Mìn	Trường THCS&THPT Quan Sơn
596	22	Thanh Hóa	Xã Nga Sơn	Trường THPT Nga Sơn
597	23	Thanh Hóa	Xã Ngọc Liên	Trường THPT Bắc Sơn
598	24	Thanh Hóa	Xã Pù Luông	Trường THCS&THPT Bá Thước
599	25	Thanh Hóa	Xã Quảng Ngọc	Trường THPT Quảng Xương 2
600	26	Thanh Hóa	Xã Thạch Bình	Trường THPT Thạch Thành 2
601	27	Thanh Hóa	Xã Thanh Quân	Trường THCS&THPT Như Xuân
602	28	Thanh Hóa	Xã Thiệu Hóa	Trường THPT Thiệu Hóa
603	29	Thanh Hóa	Xã Thọ Lập	Trường THPT Thọ Xuân 4
604	30	Thanh Hóa	Xã Thường Xuân	Trường THPT Cẩm Bá Thước
605	31	Thanh Hóa	Xã Triệu Sơn	Trường THPT Triệu Sơn 1
606	32	Thanh Hóa	Xã Vạn Lộc	Trường THPT Hậu Lộc 4
607	33	Thanh Hóa	Xã Vĩnh Lộc	Trường THPT Vĩnh Lộc
608	34	Thanh Hóa	Xã Xuân Lập	Trường THPT Lê Hoàn
609	35	Thanh Hóa	Xã Yên Phú	Trường THPT Yên Định 3
610	36	Thanh Hóa	Phường Đông Sơn	Trường Phổ thông Nguyễn Mộng Tuân
611	37	Thanh Hóa	Phường Hạc Thành	Trường THPT Lý Thường Kiệt
612	38	Thanh Hóa	Phường Sầm Sơn	Trường THPT Sầm Sơn
613	39	Thanh Hóa	Xã Hậu Lộc	Trường THPT Hậu Lộc 2
614	40	Thanh Hóa	Xã Kim Tân	Trường THPT Thạch Thành 1
615	41	Thanh Hóa	Xã Ngọc Lạc	Trường THPT DTNT Ngọc Lạc
17. Nghệ An (41 trường)				
616	1	Nghệ An	Xã Cát Ngạn	Trường THPT Thanh Chương 3
617	2	Nghệ An	Đức Châu	Trường THPT Nguyễn Văn Tố
618	3	Nghệ An	Hoàng Mai	Trường THPT Hoàng Mai
619	4	Nghệ An	Quang Đông	Trường THPT Yên Thành 3
620	5	Nghệ An	Xã Vạn An	Trường THPT Nam Đàn 1
621	6	Nghệ An	Xã Quỳnh Châu	Trường THPT Quỳnh Châu
622	7	Nghệ An	Cửa Lò	Trường THPT Cửa Lò 2
623	8	Nghệ An	Hợp Minh	Trường THPT Nam Yên Thành
624	9	Nghệ An	Tam Đồng	Trường THPT Cát Ngạn
625	10	Nghệ An	Xã Quỳnh Hợp	Trường THPT Quỳnh Hợp 3
626	11	Nghệ An	Xã Quỳnh Phú	Trường THPT Nguyễn Đức Mậu
627	12	Nghệ An	Quỳnh Lưu	Trường THPT Lý Tự Trọng
628	13	Nghệ An	Yên Xuân	Trường THPT Anh Sơn 2
629	14	Nghệ An	Xã Tương Dương	Trường THPT Tương Dương 1
630	15	Nghệ An	xã Vân Tụ	Trường THPT Phan Thúc Trực
631	16	Nghệ An	Xã Đô Lương	Trường THPT Đô Lương 1
632	17	Nghệ An	Xã Đại Đồng	Trường THPT Nguyễn Cảnh Chân
633	18	Nghệ An	Xã Quế Phong	Trường THPT Quế Phong
634	19	Nghệ An	Xã Nghi Lộc	Trường THPT Nguyễn Duy Trinh
635	20	Nghệ An	Xã Minh Châu	Trường THPT Diễn Châu 3
636	21	Nghệ An	Xã Kim Liên	Trường THPT Kim Liên
637	22	Nghệ An	xã Tân Kỳ	Trường THPT Tân Kỳ
638	23	Nghệ An	Xã Bích Hào	Trường THPT Đặng Thai Mai
639	24	Nghệ An	Phường Vinh Phú	Trường PTTH Dân tộc nội trú Nghệ An
640	25	Nghệ An	Xã Con Cuông	Trường THPT Con Cuông
641	26	Nghệ An	Vinh Phú	Trường PTDTNT THPT số 2
642	27	Nghệ An	Anh Sơn	Trường THPT Anh Sơn 1
643	28	Nghệ An	Yên Thành	Trường THPT Phan Đăng Lưu
644	29	Nghệ An	Vinh Hưng	Trường THPT Nguyễn Trãi
645	30	Nghệ An	Thành Vinh	Trường THPT Hà Huy Tập
646	31	Nghệ An	Nghĩa Đàn	Trường THPT 1-5
647	32	Nghệ An	Đông Thành	Trường THPT Trần Đình Phong

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
648	33	Nghệ An	Nhân Hòa	Trường THPT Anh Sơn 3
649	34	Nghệ An	Xã Hưng Nguyên Nam	Trường THPT Lê Hồng Phong
650	35	Nghệ An	Trường Vinh	Trường PT Hermann Gmeiner Vinh
651	36	Nghệ An	Lam Thành	Trường THPT Phạm Hồng Thái
652	37	Nghệ An	Xuân Lâm	Trường THPT Nguyễn Sỹ Sách
653	38	Nghệ An	Tân Phú	Trường THPT Lê Lợi
654	39	Nghệ An	Kim Liên	Trường THPT Mai Hắc Đế
655	40	Nghệ An	Phường Trường Vinh	Trường THPT Chuyên Đại học Vinh
656	41	Nghệ An	Đông Hiếu	Trường THPT Đông Hiếu

18. Hà Tĩnh (41 trường)

657	1	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường Tiểu học, THCS & Trường THPT iSchool Hà Tĩnh
658	2	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Bình	Trường THPT Cẩm Bình
659	3	Hà Tĩnh	Xã Thiên Cẩm	Trường THPT Cẩm Xuyên
660	4	Hà Tĩnh	Xã Trường Lưu	Trường THPT Can Lộc
661	5	Hà Tĩnh	Xã Mai Hoa	Trường THPT Cù Huy Cận
662	6	Hà Tĩnh	Xã Đồng Lộc	Trường THPT Đồng Lộc
663	7	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Lạc	Trường THPT Hà Huy Tập
664	8	Hà Tĩnh	Xã Hương Bình	Trường THPT Hàm Nghi
665	9	Hà Tĩnh	Phường Sông Trí	Trường THPT Kỳ Anh
666	10	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Lạc	Trường THPT Kỳ Lâm
667	11	Hà Tĩnh	Xã Tứ Mỹ	Trường THPT Lê Hữu Trác
668	12	Hà Tĩnh	Phường Vũng Áng	Trường THPT Lê Quảng Chí
669	13	Hà Tĩnh	Xã Đức Quang	Trường THPT Lê Hồng Phong
670	14	Hà Tĩnh	Xã Sơn Tiến	Trường THPT Lý Chính Thắng
671	15	Hà Tĩnh	Xã Thạch Hà	Trường THPT Lý Tự Trọng
672	16	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Xuân	Trường THPT Nguyễn Huệ
673	17	Hà Tĩnh	Xã Kỳ Khang	Trường THPT Nguyễn Thị Bích Châu
674	18	Hà Tĩnh	Xã Thạch Khê	Trường THPT Nguyễn Trung Thiên
675	19	Hà Tĩnh	Xã Phúc Trạch	Trường THPT Phúc Trạch
676	20	Hà Tĩnh	Xã Vũ Quang	Trường THPT Vũ Quang
677	21	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường Tiểu học, THCS & THPT Albert Einstien
678	22	Hà Tĩnh	Xã Can Lộc	Trường THPT Nghèn
679	23	Hà Tĩnh	Xã Sơn Tây	Trường THPT Cao Thắng
680	24	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường TH, THCS, THPT - Đại học Hà Tĩnh
681	25	Hà Tĩnh	Xã Đức Đồng	Trường THPT Đức Thọ
682	26	Hà Tĩnh	Tiên Điền	Trường THPT Nguyễn Du
683	27	Hà Tĩnh	Phường Bắc Hồng Lĩnh	Trường THPT Hồng Lĩnh
684	28	Hà Tĩnh	Xã Cổ Đạm	Trường THPT Nghi Xuân
685	29	Hà Tĩnh	Phường Trần Phú	Trường THPT Thành Sen
686	30	Hà Tĩnh	Xã Đông Kinh	Trường THPT Nguyễn Đồng Chi
687	31	Hà Tĩnh	Xã Hương Sơn	Trường THPT Hương Sơn
688	32	Hà Tĩnh	Xã Yên Hòa	Trường THPT Nguyễn Đình Liễn
689	33	Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	Trường THPT Phan Đình Phùng
690	34	Hà Tĩnh	Xã Đức Thịnh	Trường THPT Trần Phú
691	35	Hà Tĩnh	Xã Mai Phụ	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi
692	36	Hà Tĩnh	Phường Trần Phú	Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh
693	37	Hà Tĩnh	Xã Hương Khê	Trường THPT Khương Khê
694	38	Hà Tĩnh	Xã Hương Khê	Trường THCS&THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh
695	39	Hà Tĩnh	Xã Cẩm Xuyên	Trường THPT Phan Đình Giót
696	40	Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	Trường THPT Lê Quý Đôn
697	41	Hà Tĩnh	Xã Đức Thọ	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai

19. Quảng Trị (41 trường)

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
698	1	Quảng Trị	Phường Đồng Sơn	Trường THPT Đồng Hới
699	2	Quảng Trị	Xã Hoàn Lão	Trường THPT Lê Quý Đôn
700	3	Quảng Trị	Phường Ba Đồn	Trường THPT Lương Thế Vinh
701	4	Quảng Trị	Xã Phú Trạch	Trường THPT Quang Trung
702	5	Quảng Trị	Xã Quảng Ninh	Trường THPT Ninh Châu
703	6	Quảng Trị	Xã Lệ Ninh	Trường THPT Hoàng Hoa Thám
704	7	Quảng Trị	Xã Đông Lê	Trường THPT Tuyên Hóa
705	8	Quảng Trị	Xã Minh Hóa	Trường THPT Minh Hóa
706	9	Quảng Trị	Xã Tuyên Bình	Trường THPT Phan Bội Châu
707	10	Quảng Trị	Xã Quảng Trạch	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm
708	11	Quảng Trị	Xã Hoàn Lão	Trường THPT Ngô Quyền
709	12	Quảng Trị	Xã Trường Ninh	Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh
710	13	Quảng Trị	Phường Đồng Hới	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
711	14	Quảng Trị	Phường Nam Đông Hà	Trường THPT số 1 Lê Lợi
712	15	Quảng Trị	Phường Quảng Trị	Trường THPT Nguyễn Huệ
713	16	Quảng Trị	Xã Cửa Tùng	Trường THPT Cửa Tùng
714	17	Quảng Trị	Xã Cam Lộ	Trường THPT Cam Lộ
715	18	Quảng Trị	Xã Hướng Hiệp	Trường THPT Đakrông
716	19	Quảng Trị	Xã Lao Bảo	Trường THPT Lao Bảo
717	20	Quảng Trị	Xã Triệu Phong	Trường THPT Chu Văn An
718	21	Quảng Trị	Xã Nam Hải Lăng	Trường THPT Bùi Dục Tài
719	22	Quảng Trị	Xã Triệu Cơ	Trường THPT Vĩnh Định
720	23	Quảng Trị	Xã Hướng Phùng	Trường THPT Hướng Phùng
721	24	Quảng Trị	Xã Hiếu Giang	Trường THPT Chế Lan Viên
722	25	Quảng Trị	Phường Nam Đông Hà	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn
723	26	Quảng Trị	Phường Nam Đông Hà	Trường TH, THCS&THPT Trung Vương
724	27	Quảng Trị	Xã Tuyên Lâm	Trường THCS và THPT Bắc Sơn
725	28	Quảng Trị	Xã Cam Hồng	Trường THCS và THPT Dương Văn An
726	29	Quảng Trị	Xã Cồn Tiên	Trường THCS và THPT Cồn Tiên
727	30	Quảng Trị	Xã Tà Rụt	Trường THCS và THPT Đakrông
728	31	Quảng Trị	Phường Đồng Hới	Trường THPT Phan Đình Phùng
729	32	Quảng Trị	Xã Bồ Trạch	Trường THPT Hùng Vương
730	33	Quảng Trị	Xã Nam Trạch	Trường THCS và THPT Việt Trung
731	34	Quảng Trị	Xã Vĩnh Thủy	Trường THCS và THPT Bến Hải
732	35	Quảng Trị	Xã Cửa Việt	Trường THCS và THPT Cửa Việt
733	36	Quảng Trị	Xã Bến Quan	Trường THCS và THPT Bến Quan
734	37	Quảng Trị	Xã Vĩnh Định	Trường THPT Trần Thị Tâm
735	38	Quảng Trị	Xã Nam Gianh	Trường THPT Lê Hồng Phong
736	39	Quảng Trị	Xã Trường Ninh	Trường THPT Quảng Ninh
737	40	Quảng Trị	Xã Sen Ngự	Trường THPT Trần Hưng Đạo
738	41	Quảng Trị	Xã Tuyên Hóa	Trường THPT Lê Trực
20. TP. Huế (39 trường)				
739	1	TP. Huế	Phường Phong Dinh	Trường THPT Trần Văn Kỳ
740	2	TP. Huế	Phường Thuận Hóa	Trường Phổ thông DTNT thành phố Huế
741	3	TP. Huế	Phường Mỹ Thượng	Trường Tiểu học, THCS&THPT Song ngữ Quốc tế Học viện Anh Quốc - Huế
742	4	TP. Huế	xã A Lưới 1	Trường THCS&THPT Hồng Vân
743	5	TP. Huế	xã A Lưới 4	Trường THCS&THPT Trường Sơn
744	6	TP. Huế	A Lưới 2	Trường THPT A Lưới
745	7	TP. Huế	Xã Lộc An	Trường THPT An Lương Đông
746	8	TP. Huế	Xã Bình Điền	Trường THPT Bình Điền
747	9	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường THPT Bùi Thị Xuân
748	10	TP. Huế	Phường Thuận Hóa	Trường THPT Cao Thắng
749	11	TP. Huế	Phường An Cựu	Trường THPT Chi Lăng

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
750	12	TP. Huế	Phường Thuận Hoá	Trường THPT chuyên Khoa học Huế
751	13	TP. Huế	Phường Thuận Hoá	Trường THPT Chuyên Quốc Học - Huế
752	14	TP. Huế	Phường Kim Trà	Trường THPT Đặng Huy Trứ
753	15	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường THPT Đặng Trần Côn
754	16	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường THPT Gia Hội
755	17	TP. Huế	Xã Phú Vang	Trường THPT Hà Trung
756	18	TP. Huế	Phường Thuận Hoá	Trường THPT Hai Bà Trưng
757	19	TP. Huế	Xã Quảng Điền	Trường THPT Hóa Châu
758	20	TP. Huế	Phường Thanh Thủy	Trường THPT Hương Thủy
759	21	TP. Huế	phường Hương Trà	Trường THPT Hương Trà
760	22	TP. Huế	Phường Hoá Châu	Trường THPT Hương Vinh
761	23	TP. Huế	Xã Khe Tre	Trường THPT Nam Đông
762	24	TP. Huế	Xã Quảng Điền	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh
763	25	TP. Huế	Phong Thái	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
764	26	TP. Huế	Phường Phú Xuân	Trường THPT Nguyễn Huệ
765	27	TP. Huế	Xã Phú Vang	Trường THPT Nguyễn Sinh Cung
766	28	TP. Huế	phường phú hội	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ
767	29	TP. Huế	Phường Dương Nỗ	Trường THPT Phan Đăng Lưu
768	30	TP. Huế	Phường Phong Điền	Trường THPT Phong Điền
769	31	TP. Huế	Phường Hương Thủy	Trường THPT Phú Bài
770	32	TP. Huế	Xã Phú Lộc	Trường THPT Phú Lộc
771	33	TP. Huế	Phường Phong Quảng	Trường THPT Tam Giang
772	34	TP. Huế	Phường Phong Quảng	Trường THPT Tố Hữu
773	35	TP. Huế	Phường Thuận An	Trường THPT Thuận An
774	36	TP. Huế	Phường Thuận Hóa	Trường THPT Thuận Hóa
775	37	TP. Huế	xã Chân Mây-Lăng Cô	Trường THPT Thừa Lưu
776	38	TP. Huế	Xã Vinh Lộc	Trường THPT Vinh Lộc
777	39	TP. Huế	Xã Phú Vinh	Trường THPT Vinh Xuân

IV. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

21. TP. Đà Nẵng (41 trường)

778	1	TP. Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường THPT Ngũ Hành Sơn
779	2	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	Trường THPT Nguyễn Hiền
780	3	TP. Đà Nẵng	Phường Thanh Khê	Trường THPT Quang Trung
781	4	TP. Đà Nẵng	Phường An Hải	Trường THPT Tôn Thất Tùng
782	5	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh	Trường THPT Phạm Phú Thứ
783	6	TP. Đà Nẵng	Phường An Hải	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
784	7	TP. Đà Nẵng	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS và THPT Hiền Nhân
785	8	TP. Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường THPT Võ Chí Công
786	9	TP. Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường Phổ thông Hermann Gmeiner
787	10	TP. Đà Nẵng	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH, THCS và THPT Quốc tế Hoa Kỳ APU - Đà Nẵng
788	11	TP. Đà Nẵng	Phường Hòa Cường	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật
789	12	TP. Đà Nẵng	Phường Thanh Khê	Trường TH, THCS và THPT Anh Quốc
790	13	TP. Đà Nẵng	Phường Hải Châu	Trường TH, THCS và THPT Olympia
791	14	TP. Đà Nẵng	Xã Chiên Đàn	Trường THPT Võ Nguyên Giáp
792	15	TP. Đà Nẵng	Phường Hương Trà	Trường THPT Phan Bội Châu
793	16	TP. Đà Nẵng	Phường Tam Kỳ	Trường THPT Lê Quý Đôn
794	17	TP. Đà Nẵng	Phường Tam Kỳ	Trường THPT Trần Cao Vân
795	18	TP. Đà Nẵng	Phường An Thắng	Trường TH, THCS và THPT Quảng Đông
796	19	TP. Đà Nẵng	Phường Hội An Tây	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An
797	20	TP. Đà Nẵng	Phường Hội An Đông	Trường THPT Trần Hưng Đạo
798	21	TP. Đà Nẵng	Xã Tây Giang	Trường THPT Tây Giang
799	22	TP. Đà Nẵng	Xã Sông Vàng	Trường THPT Âu Cơ
800	23	TP. Đà Nẵng	Xã Đại Lộc	Trường THPT Lương Thúc Kỳ

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
801	24	TP. Đà Nẵng	Xã Đại Lộc	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ
802	25	TP. Đà Nẵng	Xã Điện Bàn Tây	Trường THPT Hoàng Diệu
803	26	TP. Đà Nẵng	Phường Điện Bàn	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu
804	27	TP. Đà Nẵng	Xã Duy Xuyên	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên
805	28	TP. Đà Nẵng	Xã Nam Phước	Trường THPT Sào Nam
806	29	TP. Đà Nẵng	Xã Quế Sơn Trung	Trường THPT Trần Đại Nghĩa
807	30	TP. Đà Nẵng	Xã Quế Sơn	Trường THPT Quế Sơn
808	31	TP. Đà Nẵng	Xã La Dêê	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi
809	32	TP. Đà Nẵng	Xã Khâm Đức	Trường PTDTNT THCS&THPT Phước Sơn
810	33	TP. Đà Nẵng	Xã Việt An	Trường THPT Trần Phú - Việt An
811	34	TP. Đà Nẵng	Xã Đồng Dương	Trường THPT Lý Tự Trọng
812	35	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng Bình	Trường THPT Tiểu La
813	36	TP. Đà Nẵng	Xã Tiên Phước	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng
814	37	TP. Đà Nẵng	Xã Trà My	Trường PTDTNT THCS và THPT Nước Oa
815	38	TP. Đà Nẵng	Xã Nam Trà My	Trường THPT Nam Trà My
816	39	TP. Đà Nẵng	Xã Núi Thành	Trường THPT Nguyễn Huệ
817	40	TP. Đà Nẵng	Xã Núi Thành	Trường THPT Núi Thành
818	41	TP. Đà Nẵng	Xã Tây Hồ	Trường THPT Trần Văn Dư
22. Quảng Ngãi (41 trường)				
819	1	Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Trường THPT Bình Sơn
820	2	Quảng Ngãi	Phường Trương Quang Trọng	Trường THPT Võ Nguyên Giáp
821	3	Quảng Ngãi	Xã Tịnh Khê	Trường THPT Sơn Mỹ
822	4	Quảng Ngãi	Xã Tư Nghĩa	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa
823	5	Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Hành	Trường THPT Số
824	6	Quảng Ngãi	Xã Long Phụng	Trường THPT Số 2 Mộ Đức
825	7	Quảng Ngãi	Phường Đức Phổ	Trường THPT Số 1 Đức Phổ
826	8	Quảng Ngãi	Khánh Cường	Trường THPT số 2 Đức Phổ
827	9	Quảng Ngãi	Xã Sơn Mai	Trường THPT Minh Long
828	10	Quảng Ngãi	Xã Tư Nghĩa	Trường THPT Thu Xà
829	11	Quảng Ngãi	Xã Sơn Hạ	Trường THPT Quang Trung
830	12	Quảng Ngãi	Xã Ba Vì	Trường THPT Phạm Kiệt
831	13	Quảng Ngãi	Xã Tư Nghĩa	Trường THPT Chu Văn An
832	14	Quảng Ngãi	Xã Mộ Cày	Trường THPT Nguyễn Công Trứ
833	15	Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Trường THPT Lê Quý Đôn
834	16	Quảng Ngãi	Xã Tây Trà	Trường THPT Tây Trà
835	17	Quảng Ngãi	Xã Sơn Kỳ	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt
836	18	Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ	Trường PTDTNT THPT tỉnh Quảng Ngãi
837	19	Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ	Trường THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ
838	20	Quảng Ngãi	Phường Kon Tum	Trường THPT Kon Tum
839	21	Quảng Ngãi	Xã Đăk Tô	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ
840	22	Quảng Ngãi	Bờ Y	Trường THPT Nguyễn Trãi
841	23	Quảng Ngãi	Xã Sa Thầy	Trường THPT Nguyễn Huệ
842	24	Quảng Ngãi	Xã Đăk Pék	Trường THPT Trần Phú
843	25	Quảng Ngãi	Xã Ia Chim	Trường THPT Phan Bội Châu
844	26	Quảng Ngãi	Xã Dục Nông	Trường THPT Phan Chu Trinh
845	27	Quảng Ngãi	Phường Kon Tum	Trường PTDTNT THPT Kon Tum
846	28	Quảng Ngãi	Xã Đăk Tô	Trường PTDTNT THPT Đăk Tô
847	29	Quảng Ngãi	Xã Đăk Rve	Trường PTDTNT THCS và THPT Đăk Rve
848	30	Quảng Ngãi	Măng Đen	Trường PTDTNT THPT Măng Đen
849	31	Quảng Ngãi	Phường Kon Tum	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
850	32	Quảng Ngãi	Nghĩa Hành	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành
851	33	Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Trường THPT Trần Kỳ Phong
852	34	Quảng Ngãi	Xã Ba Gia	Trường THPT Ba Gia

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
853	35	Quảng Ngãi	Phường Cẩm Thành	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
854	36	Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Giang	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa
855	37	Quảng Ngãi	Xã Mộ Đức	Trường THPT Phạm Văn Đồng
856	38	Quảng Ngãi	Xã Lân Phong	Trường THPT Trần Quang Diệu
857	39	Quảng Ngãi	Xã Sơn Tây	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng
858	40	Quảng Ngãi	Xã Trà Bồng	Trường THPT Trà Bồng
859	41	Quảng Ngãi	Xã Sơn Hà	Trường THPT Sơn Hà

23. Gia Lai (41 trường)

860	1	Gia Lai	Phường Quy Nhơn	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn
861	2	Gia Lai	Phường Quy Nhơn	Trường THPT số 1 Trần Cao Vân
862	3	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Nam	Trường PTDNTN THPT số 1 tỉnh Gia Lai
863	4	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Bắc	Trường THPT Bùi Thị Xuân
864	5	Gia Lai	Phường Bình Định	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
865	6	Gia Lai	Phường An Nhơn Nam	Trường THPT Số 3 An Nhơn
866	7	Gia Lai	Phường Bồng Sơn	Trường THPT Tăng Bạt Hổ
867	8	Gia Lai	Phường Tam Quan	Trường THPT Tam Quan
868	9	Gia Lai	Xã Phù Cát	Trường THPT số 1 Phù Cát
869	10	Gia Lai	Xã Cát Tiên	Trường THPT Ngô Lê Tân
870	11	Gia Lai	Xã Hòa Hội	Trường THPT Nguyễn Hồng Đạo
871	12	Gia Lai	Xã An Lương	Trường THPT An Lương
872	13	Gia Lai	Xã Phù Mỹ Đông	Trường THPT Mỹ Thọ
873	14	Gia Lai	Tuy Phước Đông	Trường THPT số 3 Tuy Phước
874	15	Gia Lai	Xã Tây Sơn	Trường THPT số 1 Quang Trung
875	16	Gia Lai	Xã Bình An	Trường THPT Tây Sơn
876	17	Gia Lai	Xã Ân Tường	Trường THPT Trần Quang Diệu
877	18	Gia Lai	Xã Canh Vinh	Trường THPT Vân Canh
878	19	Gia Lai	Xã An Hòa	Trường THPT An Lão
879	20	Gia Lai	Phường Pleiku	Trường THPT Pleiku
880	21	Gia Lai	Phường Hội Phú	Trường THPT Chi Lăng
881	22	Gia Lai	Phường Thống Nhất	Trường THPT Hoàng Hoa Thám
882	23	Gia Lai	Phường Diên Hồng	Trường THPT Quốc tế Châu Á TBD Gia Lai
883	24	Gia Lai	Phường An Khê	Trường THPT Nguyễn Khuyến
884	25	Gia Lai	Phường Ayun Pa	Trường THPT Lê Thánh Tông
885	26	Gia Lai	Xã Chư Păh	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi
886	27	Gia Lai	Xã Bàu Cạn	Trường THPT Trần Phú
887	28	Gia Lai	Xã Chư Sê	Trường THPT Trường Chinh
888	29	Gia Lai	Xã Chư Puh	Trường THPT số 2 Nguyễn Thái Học
889	30	Gia Lai	Xã Kbang	Trường THPT Lương Thế Vinh
890	31	Gia Lai	Xã Kông Chro	Trường THPT Hà Huy Tập
891	32	Gia Lai	Xã Ia Pa	Trường THPT Nguyễn Tất Thành
892	33	Gia Lai	Xã Ia Dreh	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng
893	34	Gia Lai	Xã Ia Băng	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
894	35	Gia Lai	Xã Ia Grai	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng
895	36	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Đông	Trường THPT FPT
896	37	Gia Lai	Phường Quy Nhơn Bắc	Trường THPT Hùng Vương
897	38	Gia Lai	Phường Bình Định	Trường THPT số 1 An Nhơn
898	39	Gia Lai	Phường An Nhơn	Trường THPT số 1 Nguyễn Trường Tộ
899	40	Gia Lai	Phường Bồng Sơn	Trường THPT Chuyên Chu Văn An
900	41	Gia Lai	Phường Tam Quan	Trường THPT Nguyễn Trần

24. Đắk Lắk (41 trường)

901	1	Đắk Lắk	Phường Buôn Ma Thuột	Trường TH, THCS và THPT Victory
902	2	Đắk Lắk	Phường Đông Hòa	Trường THPT Nguyễn Công Trứ
903	3	Đắk Lắk	Phường Hòa Hiệp	Trường THPT Nguyễn Văn Linh
904	4	Đắk Lắk	Phường Phú Yên	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
905	5	Đắk Lắk	Phường Tân An	Trường THPT chuyên Nguyễn Du
906	6	Đắk Lắk	Phường Tân An	Trường TH, THCS và THPT Phú Xuân
907	7	Đắk Lắk	Phường Tân An	Trường TH, THCS và THPT Hoàng Việt
908	8	Đắk Lắk	Phường Thành Nhất	Trường THPT Lê Duẩn
909	9	Đắk Lắk	Phường Thành Nhất	Trường PTDTNT THPT N' Trang Long
910	10	Đắk Lắk	Phường Tuy Hòa	Trường THPT Nguyễn Trãi
911	11	Đắk Lắk	Phường Tuy Hòa	Trường PTDTNT THPT Phú Yên
912	12	Đắk Lắk	Phường Xuân Đài	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến
913	13	Đắk Lắk	Xã Cuôr Đăng	Trường THPT số 1 Nguyễn Trãi
914	14	Đắk Lắk	Xã Đồng Xuân	Trường THPT Lê Lợi
915	15	Đắk Lắk	Xã Đức Bình	Trường THCS và THPT Võ Văn Kiệt
916	16	Đắk Lắk	Xã Ea Drăng	Trường THPT số 1 Phan Chu Trinh
917	17	Đắk Lắk	Xã Ea Drông	Trường PTDTNT THPT Đam San
918	18	Đắk Lắk	Xã Ea Kar	Trường THPT Trần Nhân Tông
919	19	Đắk Lắk	Xã Ea Khăl	Trường THPT Võ Văn Kiệt
920	20	Đắk Lắk	Xã Ea Knốp	Trường THPT Trần Quốc Toản
921	21	Đắk Lắk	Xã Ea Ktur	Trường THPT Việt Đức
922	22	Đắk Lắk	Xã Ea Na	Trường THPT số 1 Phạm Văn Đồng
923	23	Đắk Lắk	Xã Ea Ô	Trường THPT Võ Nguyên Giáp
924	24	Đắk Lắk	Xã Ea Riêng	Trường THPT số 1 Nguyễn Trường Tộ
925	25	Đắk Lắk	Xã Ea Súp	Trường THPT Ea Súp
926	26	Đắk Lắk	Xã Hòa Mỹ	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
927	27	Đắk Lắk	Xã Krông Ana	Trường THPT Krông Ana
928	28	Đắk Lắk	Xã Krông Bông	Trường THPT Krông Bông
929	29	Đắk Lắk	Xã Krông Năng	Trường THPT Số 1 Phan Bội Châu
930	30	Đắk Lắk	Xã Krông Pắc	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm
931	31	Đắk Lắk	Xã Liên Sơn Lắc	Trường Trung Học Phổ Thông Lắc
932	32	Đắk Lắk	Xã Phú Hòa 1	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
933	33	Đắk Lắk	Xã Phú Hòa 2	Trường THPT Trần Suyên
934	34	Đắk Lắk	Xã Pong Drang	Trường THPT Phan Đăng Lưu
935	35	Đắk Lắk	Xã Quảng Phú	Trường THPT Lê Hữu Trác
936	36	Đắk Lắk	Xã Sơn Thành	Trường THPT Phạm Văn Đồng
937	37	Đắk Lắk	Xã Tam Giang	Trường THPT Số 1 Tôn Đức Thắng
938	38	Đắk Lắk	Xã Tây Hòa	Trường THPT Lê Hồng Phong
939	39	Đắk Lắk	Xã Tuy An Bắc	Trường THPT Trần Phú
940	40	Đắk Lắk	Xã Tuy An Nam	Trường THPT Lê Thành Phương
941	41	Đắk Lắk	Xã Vân Hòa	Trường THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc
25. Khánh Hòa (41 trường)				
942	1	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường TH, THCS và THPT iSchool Nha Trang
943	2	Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang	Trường TH, THCS, THPT Quốc tế Việt Nam Singapore
944	3	Khánh Hòa	Xã Bắc Ái	Trường THCS và THPT Bắc Ái
945	4	Khánh Hòa	Xã Cà Ná	Trường THCS và THPT Đặng Chí Thanh
946	5	Khánh Hòa	Xã Bắc Khánh Vĩnh	Trường THCS và THPT Nguyễn Thái Bình
947	6	Khánh Hòa	Xã Thuận Nam	Trường THCS và THPT Nguyễn Văn Linh
948	7	Khánh Hòa	Phường Đông Hải	Trường THCS và THPT Trần Hưng Đạo
949	8	Khánh Hòa	Xã Ninh Phước	Trường THPT An Phước
950	9	Khánh Hòa	Phường Bảo An	Trường THPT Chu Văn An
951	10	Khánh Hòa	Phường Đông Hải	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - Đông Hải
952	11	Khánh Hòa	Phường Nam Nha Trang	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn - Nam Nha Trang
953	12	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường THPT DL Lê Thánh Tôn
954	13	Khánh Hòa	Xã Suối Dầu	Trường THPT Đoàn Thị Điểm
955	14	Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang	Trường THPT Hà Huy Tập
956	15	Khánh Hòa	Xã Diên Khánh	Trường THPT Hoàng Hoa Thám
957	16	Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
958	17	Khánh Hòa	Xã Vạn Ninh	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng
959	18	Khánh Hòa	Phường Phan Rang	Trường THPT ISCHOOL Ninh Thuận
960	19	Khánh Hòa	Xã Khánh Sơn	Trường THPT Khánh Sơn
961	20	Khánh Hòa	Xã Khánh Vĩnh	Trường THPT Lạc Long Quân
962	21	Khánh Hòa	Xã Anh Dũng	Trường THPT Lê Duẩn
963	22	Khánh Hòa	Xã Vạn Hưng	Trường THPT Lê Hồng Phong
964	23	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường THPT Lý Tự Trọng
965	24	Khánh Hòa	Phường Ninh Chữ	Trường THPT Ninh Hải
966	25	Khánh Hòa	Phường Bắc Cam Ranh	Trường THPT Ngô Gia Tự
967	26	Khánh Hòa	Phường Ninh Hòa	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh
968	27	Khánh Hòa	Xã Bắc Ninh Hòa	Trường THPT Nguyễn Du - Bắc Ninh Hòa
969	28	Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn	Trường THPT Nguyễn Du - Ninh Sơn
970	29	Khánh Hòa	Xã Cam Lâm	Trường THPT Nguyễn Huệ - Cam Lâm
971	30	Khánh Hòa	Xã Ninh Phước	Trường THPT Nguyễn Huệ - Ninh Phước
972	31	Khánh Hòa	Xã Diên Thọ	Trường THPT Nguyễn Thái Học
973	32	Khánh Hòa	Xã Vạn Thắng	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
974	33	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật
975	34	Khánh Hòa	Phường Ninh Hòa	Trường THPT Nguyễn Trãi - Ninh Hòa
976	35	Khánh Hòa	Phường Phan Rang	Trường THPT Nguyễn Trãi - Phan Rang
977	36	Khánh Hòa	Phường Nha Trang	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi
978	37	Khánh Hòa	Phường Nam Nha Trang	Trường THPT Phạm Văn Đồng - Nha Trang
979	38	Khánh Hòa	Xã Phước Hậu	Trường THPT Phạm Văn Đồng - Phước Hậu
980	39	Khánh Hòa	Phường Cam Ranh	Trường THPT Phan Bội Châu - Cam Ranh
981	40	Khánh Hòa	Xã Thuận Bắc	Trường THPT Phan Bội Châu - Thuận Bắc
982	41	Khánh Hòa	Xã Vĩnh Hải	Trường THPT Phan Chu Trinh

26. Lâm Đồng (41 trường)

983	1	Lâm Đồng	Xã Di Linh	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Di Linh
984	2	Lâm Đồng	Xã Đạ Tẻh	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đạ Tẻh
985	3	Lâm Đồng	Xã Lạc Dương	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đạ Sar
986	4	Lâm Đồng	Phường Cam Ly - Đà Lạt	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tà
987	5	Lâm Đồng	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Xuân Trường
988	6	Lâm Đồng	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	Trường Trung học phổ thông Bùi Thị Xuân - Đà Lạt
989	7	Lâm Đồng	Phường 1 Bảo Lộc	Trường Trung học phổ thông Chuyên Bảo Lộc
990	8	Lâm Đồng	Xã Đạ Tẻh	Trường Trung học phổ thông Đạ Tẻh
991	9	Lâm Đồng	Xã Di Linh	Trường Trung học phổ thông Di Linh
992	10	Lâm Đồng	Xã Cát Tiên 3	Trường Trung học phổ thông Gia Viễn
993	11	Lâm Đồng	Xã Tân Hà Lâm Hà	Trường Trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng - Lâm Hà
994	12	Lâm Đồng	Xã Hòa Ninh	Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong
995	13	Lâm Đồng	Phường 3 - Bảo Lộc	Trường Trung học phổ thông Lê Thị Pha
996	14	Lâm Đồng	Phường 1 - Bảo Lộc	Trường Trung học phổ thông Lộc Thanh
997	15	Lâm Đồng	Xã Tà Hine	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm - Tà Hine
998	16	Lâm Đồng	Xã Đinh Trang Thượng	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ - Đinh Trang Thượng
999	17	Lâm Đồng	Xã Gia Hiệp	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Việt Xuân
1000	18	Lâm Đồng	Xã Quảng Lập	Trường Trung học phổ thông Pró
1001	19	Lâm Đồng	Xã Nam Ban Lâm Hà	Trường Trung học phổ thông Thăng Long
1002	20	Lâm Đồng	Phường Phú Thủy	Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Hưng Đạo
1003	21	Lâm Đồng	Phường Phan Thiết	Trường Trung học phổ thông Phan Thiết

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1004	22	Lâm Đồng	Phường La Gi	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ - La Gi
1005	23	Lâm Đồng	Xã Phan Rí Cửa	Trường Trung học phổ thông Hòa Đa
1006	24	Lâm Đồng	Xã Hàm Thuận	Trường Trung học phổ thông Hàm Thuận Bắc
1007	25	Lâm Đồng	Xã Hàm Thuận Nam	Trường Trung học phổ thông Hàm Thuận Nam
1008	26	Lâm Đồng	Xã Bắc Ruộng	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Trỗi
1009	27	Lâm Đồng	Xã Nam Thành	Trường Trung học phổ thông Quang Trung - Nam
1010	28	Lâm Đồng	Xã Sơn Mỹ	Trường Trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng - Sơn Mỹ
1011	29	Lâm Đồng	Xã Bắc Bình	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Bắc Bình
1012	30	Lâm Đồng	Xã Cư Jút	Trường THPT Phan Chu Trinh-Cư Jút
1013	31	Lâm Đồng	Xã Đức Lập	Trường THPT Trần Hưng Đạo
1014	32	Lâm Đồng	Xã Kiến Đức	Trường THPT Phạm Văn Đồng
1015	33	Lâm Đồng	Xã Nam Dong	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm-Nam Dong
1016	34	Lâm Đồng	Xã Đăk Mil	Trường THPT Quang Trung-Đăk Mil
1017	35	Lâm Đồng	Phường Nam Gia Nghĩa	Trường THPT Gia Nghĩa
1018	36	Lâm Đồng	Xã Đăk Săk	Trường THPT Nguyễn Du-Đăk Săk
1019	37	Lâm Đồng	Phường Nam Gia Nghĩa	Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
1020	38	Lâm Đồng	Xã Cư Jút	Trường PTDTNT THCS và THPT Cư Jút
1021	39	Lâm Đồng	Xã Kiến Đức	Trường PT DTNT THCS và THPT Đăk R'Lấp
1022	40	Lâm Đồng	Phường Đông Gia Nghĩa	Trung tâm GDTX-Ngoại ngữ, Tin học tỉnh
1023	41	Lâm Đồng	Xã Thuận An	Trung tâm GDNN - GDTX Đăk Mil

(Tổng số 449 trường của 11 tỉnh/thành phố khu vực miền Trung)

C. Các trường tham gia khảo sát chính thức các tỉnh khu vực miền Nam

V. Vùng Đông Nam Bộ

27. Đồng Nai (41 trường)

1024	1	Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường TH-THCS-THPT Bùi Thị Xuân
1025	2	Đồng Nai	Xã Trảng Bom	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
1026	3	Đồng Nai	Phường Hồ Nai	Trường TH-THCS-THPT Tân Hòa
1027	4	Đồng Nai	Phường Trấn Biên	Trường TH-THCS-THPT Song ngữ Lạc Hồng
1028	5	Đồng Nai	Phường Trấn Biên	Trường TH-THCS-THPT Song ngữ Á Châu
1029	6	Đồng Nai	Xã Bình An	Trường TH-THCS-THPT Greenfield
1030	7	Đồng Nai	Xã Đồng Tâm	Trường THCS-THPT Đồng Tiến
1031	8	Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	Trường THCS-THPT Võ Thị Sáu
1032	9	Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Trường PTDTNT THCS-THPT Điều Ong
1033	10	Đồng Nai	Xã Tân Phú	Trường THCS-THPT Ngọc Lâm
1034	11	Đồng Nai	Xã Bàu Hàm	Trường THCS-THPT Bàu Hàm
1035	12	Đồng Nai	Xã Thanh Sơn	Trường THCS-THPT Tây Sơn
1036	13	Đồng Nai	Xã Long Thành	Trường THCS-THPT Tri Thức
1037	14	Đồng Nai	Phường Phước Long	Trường THPT TX Phước Long
1038	15	Đồng Nai	Phường Bình Long	Trường THPT Bình Long
1039	16	Đồng Nai	Xã Bù Đăng	Trường THPT Bù Đăng
1040	17	Đồng Nai	Xã Nghĩa Trung	Trường THPT Lê Quý Đôn
1041	18	Đồng Nai	Xã Phú Riềng	Trường THPT Nguyễn Khuyến A
1042	19	Đồng Nai	Xã Đồng Phú	Trường THPT Đồng Phú
1043	20	Đồng Nai	Xã Lộc Quang	Trường THPT Lộc Hiệp
1044	21	Đồng Nai	Phường Bình Phước	Trường PTDTNT THPT Bình Phước
1045	22	Đồng Nai	Xã Trảng Bom	Trường THPT Lâm Nghiệp Đồng Nai
1046	23	Đồng Nai	Xã La Ngà	Trường THPT Điều Cái
1047	24	Đồng Nai	Xã Thống Nhất	Trường THPT Kiệt Tân
1048	25	Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường THPT Lê Quý Đôn
1049	26	Đồng Nai	Phường Trấn Biên	Trường THPT Nguyễn Khuyến
1050	27	Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường THPT Tam Hiệp
1051	28	Đồng Nai	Phường Tân Triều	Trường THPT Vĩnh Cửu

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1052	29	Đồng Nai	Xã Định Quán	Trường THPT Định Quán
1053	30	Đồng Nai	Phường Trảng Biên	Trường THPT Nam Hà
1054	31	Đồng Nai	Xã Trị An	Trường THPT Trị An
1055	32	Đồng Nai	Xã Định Quán	Trường THPT Tân Phú
1056	33	Đồng Nai	Xã Hưng Thịnh	Trường Tiểu học, THCS và THPT Trần Quốc Tuấn
1057	34	Đồng Nai	Xã Cẩm Mỹ	Trường THPT Cẩm Mỹ
1058	35	Đồng Nai	Xã Định Quán	Trường THPT Phú Ngọc
1059	36	Đồng Nai	Xã Xuân Đông	Trường THPT Võ Trường Toản
1060	37	Đồng Nai	Phường Long Khánh	Trường THPT Hoàng Diệu
1061	38	Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường THPT Chuyên Lương Thế Vinh
1062	39	Đồng Nai	Xã Trị An	Trường THCS Và THPT Hùng Vương
1063	40	Đồng Nai	Phường Long Khánh	Trường TH-THCS-THPT Trương Vĩnh Ký
1064	41	Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	Trường TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng
28. Tây Ninh (41 trường)				
1065	1	Tây Ninh	Phường Bình Minh	Trường PT dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh
1066	2	Tây Ninh	Phường Gò Dầu	Trường THPT Quang Trung
1067	3	Tây Ninh	Phường Hòa Thành	Trường THPT Nguyễn Trung Trực
1068	4	Tây Ninh	Phường Kiến Tường	Trường THPT Thiên Hộ Dương
1069	5	Tây Ninh	Phường Long An	Trường THPT chuyên Trần Văn Giàu
1070	6	Tây Ninh	phường Long An	Trường THPT Lê Quý Đôn
1071	7	Tây Ninh	phường Long Hoa	Trường THPT Lý Thường Kiệt
1072	8	Tây Ninh	phường Tân An	Trường THCS&THPT Nguyễn Văn Rành
1073	9	Tây Ninh	phường Tân Ninh	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha
1074	10	Tây Ninh	Phường Tân Ninh	Trường THPT Tây Ninh
1075	11	Tây Ninh	Phường Tân Ninh	Trường TH-THCS-THPT IGC Tây Ninh
1076	12	Tây Ninh	Phường Tân Ninh	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 1
1077	13	Tây Ninh	phường Trảng Bàng	Trường THPT Trảng Bàng
1078	14	Tây Ninh	xã Bến Cầu	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực 6
1079	15	Tây Ninh	xã Bến Lức	Trường TH, THCS và THPT EMASI Plus - Waterpoint Campus
1080	16	Tây Ninh	xã Bến Lức	Trường THPT Nguyễn Trung Trực - Bến Lức
1081	17	Tây Ninh	xã Càn Đức	Trường THPT Càn Đức
1082	18	Tây Ninh	xã Càn Giuộc	Trường THCS&THPT Nguyễn Thị Một
1083	19	Tây Ninh	Xã Châu Thành	Trường THPT Hoàng Văn Thụ
1084	20	Tây Ninh	xã Đông Thành	Trường THPT Đức Huệ
1085	21	Tây Ninh	Xã Dương Minh Châu	Trường THPT Dương Minh Châu
1086	22	Tây Ninh	Xã Hậu Nghĩa	Trường THPT Hậu Nghĩa
1087	23	Tây Ninh	xã Hoà Hội	Trường THPT Lê Hồng Phong
1088	24	Tây Ninh	Xã Khánh Hưng	Trường THCS&THPT Khánh Hưng
1089	25	Tây Ninh	xã Long Hựu	Trường THPT Long Hựu Đông
1090	26	Tây Ninh	xã Lương Hòa	Trường THCS&THPT Lương Hòa
1091	27	Tây Ninh	xã Mỹ Hạnh	Trường THPT Võ Văn Tần
1092	28	Tây Ninh	xã Mỹ Quý	Trường THCS&THPT Mỹ Quý
1093	29	Tây Ninh	Xã Mỹ Yên	Trường THPT Gò Đen
1094	30	Tây Ninh	xã Phước Chỉ	Trường THPT Bình Thạnh
1095	31	Tây Ninh	Xã Tầm Vu	Trường THPT Nguyễn Thông
1096	32	Tây Ninh	Xã Tân Châu	Trường THPT Tân Châu
1097	33	Tây Ninh	xã Tân Đông	Trường THPT Tân Đông
1098	34	Tây Ninh	xã Tân Phú	Trường THPT Tân Hưng
1099	35	Tây Ninh	xã Tân Thạnh	Trường THPT Tân Thạnh
1100	36	Tây Ninh	Xã Thạnh đức	Trường THPT Ngô Gia Tự
1101	37	Tây Ninh	Xã Thủ Thừa	Trường TH, THCS & THPT Bồ Đề Phương Duy
1102	38	Tây Ninh	xã Thuận Mỹ	Trường THPT Phan Văn Đạt
1103	39	Tây Ninh	xã Truông Mít	Trường THPT Nguyễn Thái Bình

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1104	40	Tây Ninh	Xã Vĩnh Hưng	Trường THPT Vĩnh Hưng
1105	41	Tây Ninh	Phường Gia Lộc	Trung tâm GDTX Á Châu
29. TP. Hồ Chí Minh (41 trường)				
1106	1	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hạnh Thông	Trường TH, THCS và THPT Sài Gòn Gia Định
1107	2	TP. Hồ Chí Minh	Phường Đông Hưng Thuận	Trường TH, THCS và THPT Tuệ Đức
1108	3	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bảy Hiền	Trường TH, THCS và THPT Việt Mỹ
1109	4	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Hội Tây	Trường PTDL Hermann Gmeiner
1110	5	TP. Hồ Chí Minh	Phường Thạnh Mỹ Tây	Trường TH, THCS và THPT Anh Quốc
1111	6	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Mỹ	Trường Quốc Tế Hàn Quốc tại TP.HCM
1112	7	TP. Hồ Chí Minh	Phường Sài Gòn	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa
1113	8	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Đông	Trường THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm
1114	9	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Bình	Trường THCS và THPT Việt Thanh
1115	10	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Thuận	Trường THCS và THPT Đức Trí
1116	11	TP. Hồ Chí Minh	Phường Đông Hưng Thuận	Trường THCS và THPT Ngọc Viễn Đông
1117	12	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tăng Nhơn Phú	Trường THCS và THPT Hoa Sen
1118	13	TP. Hồ Chí Minh	Phường Sài Gòn	Trường THPT Trung Vương
1119	14	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Phú	Trường THPT Bình Phú
1120	15	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hòa Hưng	Trường THPT Nguyễn Du
1121	16	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hạnh Thông	Trường THPT Gò Vấp
1122	17	TP. Hồ Chí Minh	Phường Thủ Đức	Trường THPT Thủ Đức
1123	18	TP. Hồ Chí Minh	Xã Thái Mỹ	Trường THPT Trung Lập
1124	19	TP. Hồ Chí Minh	Phường Vườn Lài	Trường THPT Nguyễn An Ninh
1125	20	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phước Long	Trường THPT Phước Long
1126	21	TP. Hồ Chí Minh	Phường Long Trường	Trường THPT Long Trường
1127	22	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hòa Bình	Trường THPT Trần Quang Khải
1128	23	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Thới	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
1129	24	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Trị Đông	Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh
1130	25	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bình Thới	Trường THPT Việt Mỹ Anh
1131	26	TP. Hồ Chí Minh	Phường Linh Xuân	Trường THPT Đào Sơn Tây
1132	27	TP. Hồ Chí Minh	Phường Linh Xuân	Trường THPT Linh Trung
1133	28	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Phú Đông	Trường THPT Thạnh Lộc
1134	29	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Sơn Nhì	Trường THPT Thành Nhân
1135	30	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Lợi	Trường Trung - Tiểu học Pétrus Ký
1136	31	TP. Hồ Chí Minh	Xã Minh Thạnh	Trường THCS-THPT Minh Hòa
1137	32	TP. Hồ Chí Minh	Xã Bắc Tân Uyên	Trường THPT Lê Lợi
1138	33	TP. Hồ Chí Minh	Phường Thuận An	Trường THPT Trịnh Hoài Đức
1139	34	TP. Hồ Chí Minh	Phường Chánh Hiệp	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương
1140	35	TP. Hồ Chí Minh	Xã Bàu Bàng	Trường THPT Bàu Bàng
1141	36	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tam Thẳng	Trường Tiểu học, THCS và THPT Einstein Vũng Tàu
1142	37	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Mỹ	Trường THPT Phú Mỹ
1143	38	TP. Hồ Chí Minh	Xã Ngãi Giao	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bà Rịa - Vũng Tàu
1144	39	TP. Hồ Chí Minh	Phường Vũng Tàu	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng
1145	40	TP. Hồ Chí Minh	Phường Bà Rịa	Trường THPT Bà Rịa
1146	41	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phước Thẳng	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn
VI. Vùng đồng bằng sông Cửu Long				
30. Đồng Tháp (41 trường)				
1147	1	Đồng Tháp	Xã Phú Cường	Trường THCS và THPT Hòa Bình
1148	2	Đồng Tháp	Xã Thanh Bình	Trường THPT Thanh Bình 1
1149	3	Đồng Tháp	Xã Tân Long	Trường THPT Thanh Bình 2
1150	4	Đồng Tháp	Xã Thanh Mỹ	Trường THPT Phú Điền
1151	5	Đồng Tháp	Xã Đốc Bình Kiều	Trường THPT Đốc Bình Kiều
1152	6	Đồng Tháp	Xã Ba Sao	Trường THPT Thống Linh
1153	7	Đồng Tháp	Xã Bình Hàng Trung	Trường THPT Kiến Văn
1154	8	Đồng Tháp	Xã Mỹ An Hưng	Trường THPT Lấp Vò 2

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1155	9	Đồng Tháp	Xã Lấp Vò	Trường THPT Lấp Vò 1
1156	10	Đồng Tháp	Xã Lai Vung	Trường THPT Lai Vung 3
1157	11	Đồng Tháp	Xã Phong Hòa	Trường THPT Lai Vung 2
1158	12	Đồng Tháp	Xã Phú Hựu	Trường THPT Châu Thành 2
1159	13	Đồng Tháp	Xã Tân Phú Trung	Trường THCS và THPT Tân Phú Trung
1160	14	Đồng Tháp	Xã An Hữu	Trường THPT Lê Thanh Hiền
1161	15	Đồng Tháp	Xã Hậu Mỹ	Trường THPT Thiên Hộ Dương
1162	16	Đồng Tháp	Xã Cái Bè	Trường THPT Cái Bè
1163	17	Đồng Tháp	Xã Ngũ Hiệp	Trường THPT Lưu Tấn Phát
1164	18	Đồng Tháp	Xã Hưng Thạnh	Trường THPT Nguyễn Văn Tiếp
1165	19	Đồng Tháp	Xã Châu Thành	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa
1166	20	Đồng Tháp	Xã Long Định	Trường THCS và THPT Giồng Dứa
1167	21	Đồng Tháp	Xã Mỹ Tịnh An	Trường THPT Thủ Khoa Huân
1168	22	Đồng Tháp	Xã Chợ Gạo	Trường THPT Chợ Gạo
1169	23	Đồng Tháp	Xã Đồng Sơn	Trường THPT Vĩnh Bình
1170	24	Đồng Tháp	Xã Phú Thành	Trường THCS và THPT Đoàn Trần Nghiệp
1171	25	Đồng Tháp	Xã Tân Hòa	Trường THPT Nguyễn Văn Côn
1172	26	Đồng Tháp	Xã Tân Thới	Trường THCS và THPT Tân Thới
1173	27	Đồng Tháp	Phường Mỹ Tho	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
1174	28	Đồng Tháp	Phường Đạo Thạnh	Trường THPT Trần Hưng Đạo
1175	29	Đồng Tháp	Phường Trung An	Trường THPT Phước Thạnh
1176	30	Đồng Tháp	Phường Long Thuận	Trường THPT Trương Định
1177	31	Đồng Tháp	Phường An Bình	Trường THPT Hồng Ngự 1
1178	32	Đồng Tháp	Phường Cao Lãnh	Trường THPT Cao Lãnh
1179	33	Đồng Tháp	Phường Cao Lãnh	Trường THPT Thiên Hộ Dương - Cao Lãnh
1180	34	Đồng Tháp	Phường Mỹ Ngãi	Trường THPT Trần Quốc Toản
1181	35	Đồng Tháp	Phường Sa Đéc	Trường THPT Nguyễn Du
1182	36	Đồng Tháp	Phường Mỹ Phước Tây	Trường THPT Lê Văn Phẩm
1183	37	Đồng Tháp	Phường Cai Lậy	Trường THPT Tứ Kiệt
1184	38	Đồng Tháp	Xã Thường Phước	Trường THPT Hồng Ngự 3
1185	39	Đồng Tháp	Xã Long Phú Thuận	Trường THPT Hồng Ngự 2
1186	40	Đồng Tháp	Xã Tràm Chim	Trường THPT Tràm Chim
1187	41	Đồng Tháp	Xã An Long	Trường THPT Tam Nông
31. An Giang (41 trường)				
1188	1	An Giang	Đặc khu Phú Quốc	Trường THPT Dương Đông
1189	2	An Giang	Phường Bình Đức	Trường THPT Nguyễn Hiền
1190	3	An Giang	Phường Châu Đốc	Trường THPT Võ Thị Sáu
1191	4	An Giang	Phường Hà Tiên	Trường THPT Nguyễn Thần Hiến
1192	5	An Giang	Phường Long Xuyên	Trường THPT Chương Bỉnh Lễ
1193	6	An Giang	Phường Rạch Giá	Trường THPT Phó Cơ Điều
1194	7	An Giang	Phường Rạch Giá	Trường THPT Chuyên Huỳnh Mãn Đạt
1195	8	An Giang	Phường Rạch Giá	Trường Phổ thông Nhiều cấp iSchool Rạch Giá
1196	9	An Giang	Phường Thới Sơn	Trường THPT Tịnh Biên
1197	10	An Giang	Phường Vĩnh Thông	Trường THPT Ngô Sĩ Liên
1198	11	An Giang	Xã An Minh	Trường THPT An Minh
1199	12	An Giang	Xã Bình Mỹ	Trường THCS&THPT Bình Chánh
1200	13	An Giang	Xã Bình Thạnh Đông	Trường THPT Bình Thạnh Đông
1201	14	An Giang	Xã Châu Phú	Trường THPT Trần Văn Thành
1202	15	An Giang	Xã Chợ Mới	Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh
1203	16	An Giang	Xã Cù Lao Giêng	Trường THPT Nguyễn Văn Hưởng
1204	17	An Giang	Xã Giang Thành	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu
1205	18	An Giang	Xã Gò Quao	Trường THPT Gò Quao
1206	19	An Giang	Xã Hòa Lạc	Trường THPT Hòa Lạc
1207	20	An Giang	Xã Hội An	Trường THPT Võ Thành Trinh

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1208	21	An Giang	Xã Hòn Đất	Trường THPT Hòn Đất
1209	22	An Giang	Xã Kiên Lương	Trường THCS&THPT Ba Hòn
1210	23	An Giang	Xã Long Thạnh	Trường THCS&THPT Long Thạnh
1211	24	An Giang	Xã Mỹ Thới	Trường THPT Nguyễn Công Trứ
1212	25	An Giang	Xã Nhon Hội	Trường THPT Quốc Thái
1213	26	An Giang	Xã Phú Hòa	Trường THPT Nguyễn Khuyến
1214	27	An Giang	Xã Phú Tân	Trường THCS&THPT Phú Tân
1215	28	An Giang	Xã Tân Hiệp	Trường THPT Tân Hiệp
1216	29	An Giang	Xã Tây Yên	Trường THCS&THPT Nam Yên
1217	30	An Giang	Xã Thạnh Lộc	Trường THCS&THPT Mong Thọ
1218	31	An Giang	Xã Tri Tôn	Trường THPT Nguyễn Trung Trực 2
1219	32	An Giang	Xã Vĩnh An	Trường THPT Vĩnh Bình
1220	33	An Giang	Xã Vĩnh Hòa	Trường THCS&THPT U Minh Thượng
1221	34	An Giang	Xã Vĩnh Phong	Trường THCS&THPT Vĩnh Phong
1222	35	An Giang	Xã Vĩnh Tuy	Trường THCS&THPT Vĩnh Thắng
1223	36	An Giang	Đặc khu Phú Quốc	Trường THPT An Thới
1224	37	An Giang	Đặc khu Phú Quốc	Trường TH, THCS&THPT Vinschool
1225	38	An Giang	Phường Châu Đốc	Trường THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa
1226	39	An Giang	Phường Chi Lăng	Trường THPT Chi Lăng
1227	40	An Giang	Phường Long Xuyên	Trường THPT Long Xuyên
1228	41	An Giang	Phường Long Xuyên	Trường Phổ thông Quốc tế GIS
32. Vĩnh Long (41 trường)				
1229	1	Vĩnh Long	Phường Phước Hậu	Trường THPT Vĩnh Long
1230	2	Vĩnh Long	Xã Phú Quới	Trường THCS-THPT Phú Quới
1231	3	Vĩnh Long	Xã Cái Nhum	Trường THPT Nguyễn Văn Thiệt
1232	4	Vĩnh Long	xã Trung Thành	Trường THPT Nguyễn Hiếu Tự
1233	5	Vĩnh Long	Hiếu Thành	Trường THCS-THPT Hiếu Nhơn
1234	6	Vĩnh Long	Tam Bình	Trường THPT Tam Bình
1235	7	Vĩnh Long	Song Phú	Trường THPT Song Phú
1236	8	Vĩnh Long	Vĩnh Xuân	Trường THPT Hựu Thành
1237	9	Vĩnh Long	Trà Ôn	Trường THPT Lê Thanh Mừng
1238	10	Vĩnh Long	Đông Thành	Trường THCS-THPT Đông Thành
1239	11	Vĩnh Long	Tân Quới	Trường THPT Tân Quới
1240	12	Vĩnh Long	Phường Trà Vinh	Trường THPT Phạm Thái Bường
1241	13	Vĩnh Long	Càng Long	Trường THPT Nguyễn Đăng
1242	14	Vĩnh Long	Bình Phú	Trường THPT Nguyễn Văn Hai
1243	15	Vĩnh Long	Tam Ngãi	Trường THPT Tam Ngãi
1244	16	Vĩnh Long	Tiểu Cần	Trường PT DTNT THCS và THPT Tiểu Cần
1245	17	Vĩnh Long	Cầu Ngang	Trường THPT Dương Quang Đông
1246	18	Vĩnh Long	Đại An	Trường THPT Đại An
1247	19	Vĩnh Long	xã Trà Cú	Trường PT DTNT THCS-THPT Trà Cú
1248	20	Vĩnh Long	Duyên Hải	Trường THCS-THPT Dân Thành
1249	21	Vĩnh Long	xã Long Thành	Trường THPT Long Khánh
1250	22	Vĩnh Long	Xã Song Lộc	Trường THCS-THPT Lương Hòa A
1251	23	Vĩnh Long	Hòa Minh	Trường THCS-THPT Hòa Minh
1252	24	Vĩnh Long	Phường Phú Tân	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
1253	25	Vĩnh Long	Xã Giao Long	Trường THPT Trần Văn Ôn
1254	26	Vĩnh Long	Xã Chợ Lách	Trường THPT Trần Văn Kiệt
1255	27	Vĩnh Long	xã Tân Thành Bình	Trường THPT Lê Anh Xuân
1256	28	Vĩnh Long	xã Mỏ Cày	Trường THPT Chê Ghê-va-ra
1257	29	Vĩnh Long	Xã An Định	Trường THPT An Thới
1258	30	Vĩnh Long	xã Thạnh Phú	Trường THPT Lê Hoài Đôn
1259	31	Vĩnh Long	Xã Tân Thủy	Trường THPT Phan Liêm
1260	32	Vĩnh Long	Xã An Ngãi Trung	Trường THPT Tấn Kế

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1261	33	Vĩnh Long	Tân Hào	Trường THPT Nguyễn Trãi
1262	34	Vĩnh Long	xã Thạnh Phước	Trường THPT Thạnh Phước
1263	35	Vĩnh Long	Phường Tân Hạnh	Trường THPT Nguyễn Thông
1264	36	Vĩnh Long	Xã An Bình	Trường THPT Hoà Ninh
1265	37	Vĩnh Long	Xã Nhơn Phú	Trường THCS-THPT Mỹ Phước
1266	38	Vĩnh Long	xã Trung Hiệp	Trường THCS-THPT Phan Văn Đáng
1267	39	Vĩnh Long	Quới Thiện	Trường THCS-THPT Thanh Bình
1268	40	Vĩnh Long	Tam Bình	Trường PT Dân tộc Nội trú Vĩnh Long
1269	41	Vĩnh Long	Cái Ngang	Trường THPT Phan Văn Hòa
33. TP. Cần Thơ (41 trường)				
1270	1	TP. Cần Thơ	Xã Châu Thành	Trường THPT Ngã Sáu
1271	2	TP. Cần Thơ	Xã Vị Thủy	Trường THPT Vị Thủy
1272	3	TP. Cần Thơ	Phường Phú Lợi	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương
1273	4	TP. Cần Thơ	Phường An Bình	Trường THPT Nguyễn Việt Hồng
1274	5	TP. Cần Thơ	Xã Hòa An	Trường THPT Hòa An
1275	6	TP. Cần Thơ	Phường Mỹ Xuyên	Trường THPT Mỹ Xuyên
1276	7	TP. Cần Thơ	Xã An Thạnh	Trường THPT Đoàn Văn Tố
1277	8	TP. Cần Thơ	Xã Thạnh An	Trường THPT Thạnh An
1278	9	TP. Cần Thơ	Phường Tân Lộc	Trường THCS & THPT Tân Lộc
1279	10	TP. Cần Thơ	Phường Trung Nhứt	Trường THPT Trung An
1280	11	TP. Cần Thơ	Xã Mỹ Tú	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa
1281	12	TP. Cần Thơ	Xã Trường Long Tây	Trường THPT Trường Long Tây
1282	13	TP. Cần Thơ	Phường Bình Thủy	Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa
1283	14	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Năm	Trường THPT Ngã Năm
1284	15	TP. Cần Thơ	xã Vĩnh Viễn	Trường THPT Tây Đô
1285	16	TP. Cần Thơ	Xã Tân Hoà	Trường THPT Châu Thành A
1286	17	TP. Cần Thơ	Xã Hòa Tú	Trường THPT Hòa Tú
1287	18	TP. Cần Thơ	Xã Đại Hải	Trường THPT Phan Văn Hùng
1288	19	TP. Cần Thơ	Xã Tân Thạnh	Trường THCS và THPT Tân Thạnh
1289	20	TP. Cần Thơ	xã Phú Tâm	Trường THPT Thuận Hòa
1290	21	TP. Cần Thơ	Xã Nhu Gia	Trường THPT Văn Ngọc Chính
1291	22	TP. Cần Thơ	Phường Vĩnh Phước	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu
1292	23	TP. Cần Thơ	Phường Bình Thủy	Trường THPT Bình Thủy
1293	24	TP. Cần Thơ	Xã Lương Tâm	Trường THPT Lương Tâm
1294	25	TP. Cần Thơ	Phường Ô Môn	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú TP. Cần Thơ
1295	26	TP. Cần Thơ	Phường Sóc Trăng	Trường THPT thành phố Sóc Trăng
1296	27	TP. Cần Thơ	Xã Phú Tâm	Trường THPT Phú Tâm
1297	28	TP. Cần Thơ	Xã Phú Hữu	Trường THPT Phú Hữu
1298	29	TP. Cần Thơ	Xã Mỹ Hương	Trường THPT An Ninh
1299	30	TP. Cần Thơ	Phường Cái Răng	Trường TH, THCS và THPT Việt Hoa
1300	31	TP. Cần Thơ	Phường Thốt Nốt	Trường THPT Thốt Nốt
1301	32	TP. Cần Thơ	xã An Lạc Thôn	Trường THPT An Lạc Thôn
1302	33	TP. Cần Thơ	Xã Hòa An	Trường THPT Lương Thế Vinh
1303	34	TP. Cần Thơ	Xã Thạnh An	Trường THCS và THPT Thạnh Thắng
1304	35	TP. Cần Thơ	Xã Mỹ Hương	Trường THPT Mỹ Hương
1305	36	TP. Cần Thơ	Xã Mỹ Tú	Trường THCS và THPT Mỹ Thuận
1306	37	TP. Cần Thơ	Phường Vĩnh Châu	Trường THPT Nguyễn Khuyến
1307	38	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Bảy	Trường THPT Lê Quý Đôn
1308	39	TP. Cần Thơ	Xã Cù Lao Dung	Trường THPT An Thạnh 3
1309	40	TP. Cần Thơ	Xã Phong Điền	Trường THPT Giai Xuân
1310	41	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Năm	Trường THPT Mai Thanh Thế
34. Cà Mau (41 trường)				
1311	1	Cà Mau	Xã Hồng Dân	Trường THPT Ngan Dừa
1312	2	Cà Mau	Đầm Doi	Trường THPT Thái Thanh Hòa

TT	TT trường / tỉnh	Tỉnh	Xã/Phường	Tên trường
1313	3	Cà Mau	Đầm Dơi	Trường THPT Đầm Dơi
1314	4	Cà Mau	Xã Trí Phải	Trường THPT Nguyễn Văn Nguyễn
1315	5	Cà Mau	xã Phước Long	Trường THPT Võ Văn Kiệt
1316	6	Cà Mau	Vĩnh Mỹ	Trường THCS và THPT Trần Văn Lắm
1317	7	Cà Mau	Hoà Bình	Trường THPT Lê Thị Riêng
1318	8	Cà Mau	Phường An Xuyên	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
1319	9	Cà Mau	Xã Phong Thạnh	Trường THPT Tân Phong
1320	10	Cà Mau	Phường Giá Rai	Trường THPT Nguyễn Trung Trực
1321	11	Cà Mau	Châu Thới	Trường THPT Vĩnh Hưng
1322	12	Cà Mau	Phường Vĩnh Trạch	Trường THPT Lê Hồng Phong
1323	13	Cà Mau	Xã Khánh Lâm	Trường THPT Khánh Lâm
1324	14	Cà Mau	Xã Khánh Hưng	Trường THPT Khánh Hưng
1325	15	Cà Mau	Xã Vĩnh Lợi	Trường THPT Lê Văn Đẩu
1326	16	Cà Mau	Phường Lý Văn Lâm	Trường THCS và THPT Lý Văn Lâm
1327	17	Cà Mau	Xã Phú Tân	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
1328	18	Cà Mau	Xã Ninh Quới	Trường THPT Ninh Quới
1329	19	Cà Mau	Xã Trần Văn Thời	Trường THPT Huỳnh Phi Hùng
1330	20	Cà Mau	Phường Tân Thành	Trường Phổ thông Hermann Gmeiner Cà Mau
1331	21	Cà Mau	xã Cái Nước	Trường THPT Cái Nước
1332	22	Cà Mau	Phường Lý Văn Lâm	Trường THPT Nguyễn Việt Khái
1333	23	Cà Mau	Phường Bạc Liêu	Trường THPT Chuyên Bạc Liêu
1334	24	Cà Mau	Xã Lương Thế Trân	Trường THPT Phú Hưng
1335	25	Cà Mau	Phường An Xuyên	Trường THPT Cà Mau
1336	26	Cà Mau	Xã Trần Văn Thời	Trường THPT Trần Văn Thời
1337	27	Cà Mau	Hòa Bình	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Bạc Liêu
1338	28	Cà Mau	Xã Năm Căn	Trường THPT Phan Ngọc Hiển
1339	29	Cà Mau	xã Biền Bạch	Trường THCS và THPT Tân Bằng
1340	30	Cà Mau	Xã Sông Đốc	Trường THPT Sông Đốc
1341	31	Cà Mau	Xã Vĩnh Phước	Trường THPT Trần Văn Bảy
1342	32	Cà Mau	Phường Tân Thành	Trường THPT Tấn Vân
1343	33	Cà Mau	Phường Hiệp Thành	Trường THPT Hiệp Thành
1344	34	Cà Mau	Phường Bạc Liêu	Trường THPT Bạc Liêu
1345	35	Cà Mau	xã Long Điền	Trường THPT Điền Hải
1346	36	Cà Mau	Xã Tân Thuận	Trường THCS và THPT Tân Đức
1347	37	Cà Mau	Phường Giá Rai	Trường THPT Giá Rai
1348	38	Cà Mau	Phường An Xuyên	Trường THPT Hồ Thị Kỳ
1349	39	Cà Mau	Xã Nguyễn Phích	Trường THPT U minh
1350	40	Cà Mau	Xã Phan Ngọc Hiển	Trường THPT Ngọc Hiển
1351	41	Cà Mau	Xã Định Thành	Trường THPT Định Thành

(Tổng số 328 trường của 08 tỉnh/thành phố khu vực miền Nam)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PHỤ LỤC 2

BIỂU MẪU 1: THU THẬP DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 5

(Kèm theo Công văn số 297/QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

Tỉnh/TP (theo địa chỉ mới):

Xã/Phường (theo địa chỉ mới):

Tên trường:

Địa chỉ trường:

Họ và tên Hiệu trưởng:

SĐT của Hiệu trưởng:

Họ và tên người lập DS:

SĐT người lập DS:

HƯỚNG DẪN: Hãy liệt kê TẤT CẢ học sinh trong trường Ông/Bà đang học lớp 5

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính (Nữ = 1, Nam = 2)	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Nhu cầu GD đặc biệt (SEN*)	Học lực
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
...							

Lưu ý:

1. Biểu mẫu hoàn thiện trên file excel, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 12pt.

2. Tên file lưu: Tên tỉnh/TP_Tên trường_DS HS Lop 9

3. Thống nhất nội dung thông tin một số cột như sau:

Cột (4): Học sinh giới tính là Nữ ghi mã 1, là Nam ghi mã 2.

Cột (6): Lớp của học sinh theo thứ tự của từng lớp cho đến hết (VD: Trường Tiểu học X có 02 lớp 5: 5A và 5B; Cách ghi như sau: liệt kê từ 1 đến hết học sinh của lớp 5A, tiếp đến là từ 1 đến hết học sinh lớp 5B).

Đối với trường liên cấp, trường rơi vào mẫu khảo sát của cấp học nào thì chỉ liệt kê danh sách học sinh ở cấp học đó (VD: Trường TH-THCS-THPT X được chọn tham gia khảo sát cấp Tiểu học, trường chỉ liệt kê danh sách học sinh lớp 5)

Cột (7): Điền mã hóa tương ứng với học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt (SEN):

Mã 1- Khuyết tật về chức năng: Học sinh có khuyết tật vận động từ trung bình đến nặng.

Mã 2- Khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc: Theo ý kiến của các chuyên gia, học sinh bị khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc

Mã 3- Hạn chế về trải nghiệm ngôn ngữ: Học sinh không phải là một người bản sinh nói Tiếng Việt và không thành thạo Tiếng Việt.

Mã 4- Hạn chế về tài liệu bằng ngôn ngữ giảng dạy: Không có sẵn tài liệu Tiếng Việt khi học sinh học.

Ví dụ:

- Học sinh **khuyết tật chức năng** là những học sinh có tật như khiếm thị, khuyết tật về vận động, ... được mã hóa là "1" trong cột (7).

- **Khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc** đã được chuyên gia, bác sĩ đánh giá là nhận thức chậm, được mã hóa là "2" trong cột (7).

- Học sinh là người dân tộc nên tiếng Việt không phải là ngôn ngữ bản sinh và gặp khó khăn khi nói tiếng Việt, cần nhiều sự giúp đỡ khi thực hiện các kỳ thi học sinh này được coi là **hạn chế về trải nghiệm ngôn ngữ** và được mã hóa là "3" trong cột (7).

- Những học sinh không có nhu cầu đặc biệt thì để trống cột (7).

PHỤ LỤC 2

BIỂU MẪU 2: THU THẬP DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9

(Kèm theo Công văn số 297/QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

Tỉnh/TP (theo địa chỉ mới):

Xã/Phường (theo địa chỉ mới):

Tên trường:

Địa chỉ trường:

Họ và tên Hiệu trưởng:

SĐT của Hiệu trưởng:

Họ và tên người lập DS:

SĐT người lập DS:

HƯỚNG DẪN: Hãy liệt kê **TẤT CẢ** học sinh trong trường Ông/Bà đang học lớp 9

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính (Nữ = 1, Nam = 2)	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Nhu cầu GD đặc biệt (SEN*)	Học lực
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
...							

Lưu ý:

1. Biểu mẫu hoàn thiện trên file excel, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 12pt.

2. Tên file lưu: Tên tỉnh/TP_Tên trường_DS HS Lop 9

3. Thống nhất nội dung thông tin một số cột như sau:

Cột (4): Học sinh giới tính là Nữ ghi mã 1, là Nam ghi mã 2.

Cột (6): Lớp của học sinh theo thứ tự của từng lớp cho đến hết (VD: Trường THCS X có 02 lớp 9: 9A và 9B; Cách ghi như sau: liệt kê từ 1 đến hết học sinh của lớp 9A, tiếp đến là từ 1 đến hết học sinh lớp 9B).

Đối với trường liên cấp, trường rơi vào mẫu khảo sát của cấp học nào thì chỉ liệt kê danh sách học sinh ở cấp học đó (VD: Trường TH-THCS-THPT X được chọn tham gia khảo sát cấp THCS, trường chỉ liệt kê danh sách học sinh lớp 9)

Cột (7): Điền mã hóa tương ứng với học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt (SEN):

Mã 1- Khuyết tật về chức năng: Học sinh có khuyết tật vận động từ trung bình đến nặng.

Mã 2- Khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc: Theo ý kiến của các chuyên gia, học sinh bị khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc

Mã 3- Hạn chế về trải nghiệm ngôn ngữ: Học sinh không phải là một người bản sinh nói Tiếng Việt và không thành thạo Tiếng Việt.

Mã 4- Hạn chế về tài liệu bằng ngôn ngữ giảng dạy: Không có sẵn tài liệu Tiếng Việt khi học sinh học.

Ví dụ:

- Học sinh **khuyết tật chức năng** là những học sinh có tật như khiếm thị, khuyết tật về vận động, ... được mã hóa là "1" trong cột (7).

- **Khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc** đã được chuyên gia, bác sĩ đánh giá là nhận thức chậm, được mã hóa là "2" trong cột (7).

- Học sinh là người dân tộc nên tiếng Việt không phải là ngôn ngữ bản sinh và gặp khó khăn khi nói tiếng Việt, cần nhiều sự giúp đỡ khi thực hiện các kỳ thi thì học sinh này được coi là **hạn chế về trải nghiệm ngôn ngữ** và được mã hóa là "3" trong cột (7).

- Những học sinh không có nhu cầu đặc biệt thì để trống cột (7).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PHỤ LỤC 2

BIỂU MẪU 3: THU THẬP DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11

(Kèm theo Công văn số 297 /QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

Tỉnh/TP (theo địa chỉ mới):

Xã/Phường (theo địa chỉ mới):

Tên trường:

Địa chỉ trường:

Họ và tên Hiệu trưởng:

SĐT của Hiệu trưởng:

Họ và tên người lập DS:

SĐT người lập DS:

HƯỚNG DẪN: Hãy liệt kê TẤT CẢ học sinh trong trường Ông/Bà đang học lớp 11

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính (Nữ = 1, Nam = 2)	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Nhu cầu GD đặc biệt (SEN*)	Học lực
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
...							

Lưu ý:

1. Biểu mẫu hoàn thiện trên file excel, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 12pt.

2. Tên file lưu: Tên tỉnh/TP_Tên trường_DS HS Lop 11

3. Thống nhất nội dung thông tin một số cột như sau:

Cột (4): Học sinh giới tính là Nữ ghi mã 1, là Nam ghi mã 2.

Cột (6): Lớp của học sinh theo thứ tự của từng lớp cho đến hết (VD: Trường THPT X có 02 lớp 11: 11A và 11B; Cách ghi như sau: liệt kê từ 1 đến hết học sinh của lớp 11A, tiếp đến là từ 1 đến hết học sinh lớp 11B).

Đối với trường liên cấp, trường rơi vào mẫu khảo sát của cấp học nào thì chỉ liệt kê danh sách học sinh ở cấp học đó (VD: Trường TH-THCS-THPT X được chọn tham gia khảo sát cấp THPT, trường chỉ liệt kê danh sách học sinh lớp 11)

Cột (7): Điền mã hóa tương ứng với học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt (SEN):

Mã 1- Khuyết tật về chức năng: Học sinh có khuyết tật vận động từ trung bình đến nặng.

Mã 2- Khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc: Theo ý kiến của các chuyên gia, học sinh bị khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc

Mã 3- Hạn chế về trải nghiệm ngôn ngữ: Học sinh không phải là một người bản sinh nói Tiếng Việt và không thành thạo Tiếng Việt.

Mã 4- Hạn chế về tài liệu bằng ngôn ngữ giảng dạy: Không có sẵn tài liệu Tiếng Việt khi học sinh học.

Ví dụ:

- Học sinh **khuyết tật chức năng** là những học sinh có tật như khiếm thị, khuyết tật về vận động, ... được mã hóa là "1" trong cột (7).

- **Khuyết tật về nhận thức, hành vi hoặc cảm xúc** đã được chuyên gia, bác sĩ đánh giá là nhận thức chậm, được mã hóa là "2" trong cột (7).

- Học sinh là người dân tộc nên tiếng Việt không phải là ngôn ngữ bản sinh và gặp khó khăn khi nói tiếng Việt, cần nhiều sự giúp đỡ khi thực hiện các kỳ thi thì học sinh này được coi là **hạn chế về trải nghiệm ngôn ngữ** và được mã hóa là "3" trong cột (7).

- Những học sinh không có nhu cầu đặc biệt thì để trống cột (7).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PHỤ LỤC 3

BIỂU MẪU 1: THU THẬP DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY LỚP 5
(Kèm theo Công văn số 297/QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

Tỉnh/TP:

Huyện/Quận:

Tên trường:

Họ và tên Hiệu trưởng:

Họ và tên người lập DS:

Xã/Phường:

Địa chỉ trường:

SĐT của Hiệu trưởng:

SĐT người lập DS:

HƯỚNG DẪN: Liệt kê TẤT CẢ giáo viên trong trường Ông/Bà đang dạy môn Toán, Tiếng Việt.

TT	Họ và tên	Giới tính (Nữ=1; Nam=2)	Năm sinh	Môn dạy	Dạy lớp	GVCN lớp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
...							

Lưu ý:

1. Thông tin được điền với font chữ Time New Roman, cỡ chữ 12, trên Microsoft Excel;

2. Tên file lưu: Tên tỉnh/TP_Tên trường_DSGV Lop 5

3. Thống nhất nội dung thông tin một số cột như sau:

- Cột 2: Thống kê họ và tên lần lượt toàn bộ các giáo viên dạy môn Toán, Tiếng Việt. Đối với trường liên cấp, trường được chọn khảo sát của cấp học nào thì chỉ liệt kê danh sách giáo viên ở cấp học đó.
- Cột 3: Giáo viên giới tính là Nữ ghi mã 1, là Nam ghi mã 2;
- Cột 5: Ghi rõ môn dạy chính của giáo viên (Ví dụ: Toán, Tiếng Việt);
- Cột 6: Liệt kê tất cả các lớp 5 mà giáo viên tham gia giảng dạy năm học 2025-2026 (VD: Lớp 5A, 5B, 5C);
- Cột 7: Ghi rõ chủ nhiệm lớp nào nếu là giáo viên chủ nhiệm.
- Cột 8: Ghi chú nếu có trường hợp đặc biệt (Ví dụ: GV đang nghỉ thai sản, sắp nghỉ chế độ, ...).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PHỤ LỤC 3

BIỂU MẪU 2: THU THẬP DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY LỚP 9
(Kèm theo Công văn số 297 /QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

Tỉnh/TP:

Huyện/Quận:

Tên trường:

Họ và tên Hiệu trưởng:

Họ và tên người lập DS:

Xã/Phường:

Địa chỉ trường:

SĐT của Hiệu trưởng:

SĐT người lập DS:

HƯỚNG DẪN: Liệt kê TẤT CẢ giáo viên trong trường Ông/Bà đang dạy môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

TT	Họ và tên	Giới tính (Nữ=1; Nam=2)	Năm sinh	Môn dạy	Dạy lớp	GVCN lớp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
...							

Lưu ý:

1. Thông tin được điền với font chữ Time New Roman, cỡ chữ 12, trên Microsoft Excel;

2. Tên file lưu: Tên tỉnh/TP_Tên trường_DSGV Lop 9

3. Thống nhất nội dung thông tin một số cột như sau:

- Cột 2: Thống kê họ và tên lần lượt toàn bộ các giáo viên dạy môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Đối với trường liên cấp, trường được chọn khảo sát của cấp học nào thì chỉ liệt kê danh sách giáo viên ở cấp học đó.
- Cột 3: Giáo viên giới tính là Nữ ghi mã 1, là Nam ghi mã 2;
- Cột 5: Ghi rõ môn dạy chính của giáo viên;
- Cột 6: Liệt kê tất cả các lớp 9 mà giáo viên tham gia giảng dạy năm học 2025-2026 (VD: Lớp 9A, 9B, 9C);
- Cột 7: Ghi rõ chủ nhiệm lớp nào nếu là giáo viên chủ nhiệm.
- Cột 8: Ghi chú nếu có trường hợp đặc biệt (Ví dụ: GV đang nghỉ thai sản, sắp nghỉ chế độ, ...).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

PHỤ LỤC 3

BIỂU MẪU 3: THU THẬP DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY LỚP 11
(Kèm theo Công văn số 297/QLCL-KTĐGQG ngày 27 tháng 02 năm 2026)

Tỉnh/TP:

Huyện/Quận:

Tên trường:

Họ và tên Hiệu trưởng:

Họ và tên người lập DS:

Xã/Phường:

Địa chỉ trường:

SĐT của Hiệu trưởng:

SĐT người lập DS:

HƯỚNG DẪN: Liệt kê TẤT CẢ giáo viên trong trường Ông/Bà đang dạy môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

TT	Họ và tên	Giới tính (Nữ=1; Nam=2)	Năm sinh	Môn dạy	Dạy lớp	GVCN lớp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
...							

Lưu ý:

1. Thông tin được điền với font chữ Time New Roman, cỡ chữ 12, trên Microsoft Excel;

2. Tên file lưu: Tên tỉnh/TP_Tên trường_DSGV Lop 11

3. Thống nhất nội dung thông tin một số cột như sau:

- Cột 2: Thống kê họ và tên lần lượt toàn bộ các giáo viên dạy môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Đối với trường liên cấp, trường được chọn khảo sát của cấp học nào thì chỉ liệt kê danh sách giáo viên ở cấp học đó.
- Cột 3: Giáo viên giới tính là Nữ ghi mã 1, là Nam ghi mã 2;
- Cột 5: Ghi rõ môn dạy chính của giáo viên;
- Cột 6: Liệt kê tất cả các lớp 11 mà giáo viên tham gia giảng dạy năm học 2025-2026 (VD: Lớp 11A, 11B, 11C);
- Cột 7: Ghi rõ chủ nhiệm lớp nào nếu là giáo viên chủ nhiệm.
- Cột 8: Ghi chú nếu có trường hợp đặc biệt (Ví dụ: GV đang nghỉ thai sản, sắp nghỉ chế độ, ...).